

**THỂ VÍA**  
**VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG KHÁC CỦA CÕI TRUNG GIỚI**  
**THE ASTRAL BODY**  
**AND OTHER ASTRAL PHENOMENA**

**Tác giả: Arthur E. Powell**

Nhà xuất bản Thông thiên học, Luân đôn, Anh;  
Wheaton, III, USA;  
Adyar, Chennai, Ấn độ  
Xuất bản năm 1927, in lại năm 1954 và 1965

**KÍNH DÂNG**

Tác phẩm này xin được kính dâng với lòng biết ơn và đánh giá cao dành cho tất cả những người nào mà công trình lao động vất vả cũng như việc khảo cứu đã cung cấp tài liệu để biên soạn nên quyển sách này.

*“Biết được Con người tức là biết được Thượng Đế.  
Biết được Thượng Đế cũng biết được Con người.  
Nghiên cứu vũ trụ là để học tiếp về cả Thượng Đế lẫn Con người;  
Bởi vì vũ trụ là biểu hiện của Tư tưởng Thượng Đế,  
Và vũ trụ được phản chiếu nơi con người.  
Tri thức thật là cần thiết nếu muốn cho Tự Ngã được tự do và biết mình là  
Tự Ngã”.*

*Annie Besant*

**MỤC LỤC**

Dẫn nhập

Chương I - Mô tả chung

II - Thành phần và Cấu trúc

III - Màu sắc

IV - Chức năng

V - Các luân xa

VI - Kundalini

VII - Các Hình Tư Tưởng

VIII – Sinh hoạt trên cõi trần

IX - Sinh hoạt trong lúc ngủ

X - Các giấc mơ

XI - Sự liên tục Tâm thức

XII - Sự Chết và Tinh linh ngũ hành Dục vọng

- XIII - Sinh hoạt sau khi chết: Các nguyên lý
- XIV - Sinh hoạt sau khi chết: Các chi tiết đặc thù
- XV - Sinh hoạt sau khi chết: Các trường hợp đặc biệt
- XVI - Cõi Trung giới
- XVII - Các Hiện tượng linh tinh trên cõi Trung giới
- XVIII - Chiều đo thứ tư
- XIX – Các thực thể trên cõi Trung giới: Nhân loại
- XX - Các thực thể trên cõi Trung giới: Phi nhân loại
- XXI - Các thực thể trên cõi Trung giới: Nhân tạo
- XXII – Thần linh học
- XXIII – Sự chết của thể Vía
- XXIV – Tái sinh
- XXV – Việc làm chủ được xúc động
- XXVI – Phát triển những Quyền năng của thể Vía
- XXVII – Thần nhân trong không gian và thời gian
- XXVIII – Các vị phò trợ vô hình
- XXIX – Giai đoạn làm đệ tử
- XXX – Kết luận

## **LỜI NÓI ĐẦU CỦA NHÀ XUẤT BẢN**

Khi biên soạn những tác phẩm trong loạt sách này, tác giả có mục đích muốn tiết kiệm cho người học nhiều thời gian và công sức bằng cách cung ứng một sự tổng hợp cô đọng kho tài liệu đáng kể về những đề tài riêng biệt trong mỗi quyển, hầu hết do bà Annie Besant và ông C. W. Leadbeater sáng tác. Danh sách đính kèm cho thấy có nhiều sách mà ông rút ra từ đó. Trong chừng mực có thể được thì phương pháp chọn dùng là giải thích khía cạnh hình tướng trước, nhiên hậu mới tới khía cạnh sự sống: miêu tả cơ chế nơi ngoại giới của hiện tượng rồi mới đến những hoạt động của tâm thức vốn được biểu hiện thông qua cơ chế ấy. Người ta không thử chứng tỏ hoặc thậm chí biện minh cho bất cứ phát biểu nào. Những phần tham chiếu bên lề cung cấp cho ta cơ hội tham chiếu tới tận nguồn thông tin.

Người ta không sử dụng các tác phẩm của bà H. P. Blavatsky bởi vì tác giả bảo rằng việc cần phải nghiên cứu bộ *Giáo Lý Bí Truyền* và những tác phẩm khác ắt là một nhiệm vụ quá to lớn cho nên ông không thể đảm đương được. Ông nói thêm: “Chúng ta chịu ơn H. P. Blavatsky nhiều hơn mức có thể biểu thị được qua việc trích dẫn công trình đồ sộ của bà. Nếu trước hết bà không chỉ đường thì các nhà khảo cứu sau này ắt chẳng bao giờ tìm ra được dấu vết.

## **DẪN NHẬP**

Mục đích của quyển sách này là trình bày cho học viên Thông Thiên Học một sự tổng hợp cô đọng về thông tin hiện nay đang có sẵn đối với Thể Vía của con người cùng với việc miêu tả và giải thích cõi trung giới và việc các hiện tượng của nó. Như vậy quyển này dĩ nhiên là phần nối tiếp cho quyển Thể Phách và những Hiện tượng liên quan tới nó được xuất bản năm 1925.

Cũng giống như trong trường hợp quyển Thê Phách, soạn giả đã củng cố thông tin thu lượm được từ một số lớn sách vở mà danh sách được trình bày qua việc sắp xếp tài liệu bao trùm một địa hạt rộng lớn và cực kỳ phức tạp, việc trình bày ấy mang tính hệ thống trong phạm vi thẩm quyền của soạn giả. Soạn giả hi vọng rằng nhờ có phương tiện này, các học viên hiện nay và trong tương lai về đề tài này sẽ tiết kiệm được nhiều công sức và công trình nghiên cứu vì chẳng những có thể tìm được thông tin cần thiết trình bày trong một phạm vi tương đối nhỏ hẹp, mà còn tham chiếu được tới tận nguồn thông tin gốc nhờ vào phần tham chiếu bên lề nếu người học muốn như vậy.

Để cho tác phẩm này có thể làm tròn được mục đích của mình qua việc duy trì một khuôn khổ hợp lý thì kế hoạch chung sau đây đã trình bày các nguyên tắc làm nền tảng cho các hiện tượng thuộc cõi trung giới và bỏ qua những ví dụ hoặc những điều tiêu biểu đặc thù. Những người thuyết trình và những người khác muốn có được những điều minh họa chuyên biệt về các nguyên tắc được phát biểu, ắt tìm thấy những điều tham chiếu bên lề thật hữu dụng vì là manh mối để chỉ tới những chỗ mà họ có thể tìm ra được các ví dụ mình muốn tìm.

Lại nữa, xét vì đề tài có thể rất phức tạp và chia nhiều nhánh nhóc cho nên phương pháp chọn dùng là giải thích khía cạnh *hình tướng* trước, nhiên hậu mới tới khía cạnh *sự sống* nghĩa là miêu tả trước hết cơ chế ngoại giới của hiện tượng rồi mới tới các hoạt động của tâm thức vốn được biểu diễn thông qua cơ chế ấy. Học viên cẩn thận khi nhớ kỹ điều này (trang XIV) ắt sẽ nhận thấy nhiều đoạn văn thoát nhìn có vẻ như được lập lại, trong đó cũng một hiện tượng được miêu tả trước hết theo quan điểm của hình tướng vật chất bên ngoài rồi sau này lại được miêu tả theo quan điểm tinh thần hoặc tâm thức.

Soạn giả hi vọng rằng tiếp theo sau quyển này sẽ là những quyển tương tự bàn về thể Hạ trí và thể Thượng trí của con người; như vậy là hoàn tất được việc củng cố mọi thông tin sẵn có cho đến nay liên quan tới cấu tạo của con người lên mãi tới cõi Thượng trí tức cõi Nguyên nhân.

Ngày nay có rất nhiều thông tin về những đề tài này cùng với những đề tài tương tự nhưng phần lớn lại rải rác trong nhiều quyển sách. Vì vậy để cho toàn thể thông tin được sẵn có đối với người học mà thời giờ để nghiên cứu cực lực cũng hạn hẹp, các tác phẩm như quyển sách này có dụng ý muốn phục vụ thì theo ý kiến của người viết là hết sức cần thiết. Muốn nghiên cứu đúng đắn về loài người thì phải nghiên cứu con người: “Đề tài này rộng lớn, làm hao tâm tổn sức và quan trọng đến nỗi mọi điều có thể làm được đều giúp ích cho tất cả những ai khao khát biết như thế dễ dàng truy cập toàn bộ thông tin đã được tích lũy cho đến nay.

Arthur E. Powell

## CHƯƠNG I MÔ TẢ CHUNG

Trước khi tiến hành nghiên cứu chi tiết về thể vía và những hiện tượng liên quan tới nó, ta nên trình bày cho học viên biết một bảng phác họa ngắn gọn về địa hạt mà nó dự tính bao quát ngõ hầu cung cấp trong một phối cảnh thích hợp một tổng quan về toàn bộ đề tài này cùng với mức độ lệ thuộc tương đối của nhiều bộ phận của nó.

Nói ngắn gọn thì thể vía của con người là một hiện thể mà thần nhãn nhìn thấy không giống như thể xác; được bao quanh bằng một hào quang có những màu sắc chớp lóe cấu tạo bằng vật chất thuộc loại tinh vi hơn vật chất cõi trần, dùng để biểu hiện các xúc cảm, đam mê, ham muốn và xúc động; nó còn đóng vai trò cầu nối hoặc phương tiện trung gian để truyền thông giữa óc phàm và hạ trí; hạ trí hoạt động trong một thể còn cao hơn nữa, tức thể Hạ trí.

Trong khi mọi người đều sở hữu và sử dụng một thể vía thì tương đối có ít người ý thức được sự tồn tại của nó hoặc có thể kiểm soát và hoạt động bên trong nó với trọn vẹn ý thức. Trong trường hợp đa số mọi người, nó hầu như chẳng khác gì hơn một khối vật chất trung giới sơ khai mà sự vận động và hoạt động của nó ít chịu sự kiểm soát của Chơn non, tức Chơn ngã. Tuy nhiên, đối với những người khác thì thể vía là một hiện thể đã phát triển đầy đủ và được tổ chức rất ráo, có sinh hoạt của riêng mình và cung cấp cho chủ nhân ông nhiều quyền năng hữu dụng.

Trong khi thể xác đang ngủ thì một người chậm phát triển sinh hoạt một cách lơ mơ và mơ mộng trong thể vía tương đối còn sơ cấp và đến lúc thức tỉnh trở lại trong thể xác thì chẳng nhớ được bao nhiêu hoặc chẳng nhớ gì hết về sinh hoạt trong lúc ngủ.

Tuy nhiên, trong trường hợp người đã phát triển thì trong khi thể xác đang lơ mơ ngủ, sinh hoạt của y trong thể vía lại chủ động, thú vị và hữu dụng; trong một số điều kiện nhất định thì ký ức về sinh hoạt ấy có thể đưa xuống tận óc phàm. Sinh hoạt của một người như thể không còn là một loạt những ban ngày tỉnh táo rồi ban đêm quên lãng mà thay vào đó trở thành một sinh hoạt liên tục với ý thức không bị gián đoạn, luân phiên giữa cõi trần và cõi trung giới.

Một trong những điều đầu tiên mà người ta học biết được khi ở trong thể vía là vận du trong thể vía: thể vía có thể di chuyển rất nhanh tới những khoảng cách rất xa so với xác phàm đang nằm ngủ. Hiểu biết được hiện tượng này sẽ soi sáng rất nhiều cho một số lớn cái gọi là hiện tượng “huyền bí”, chẳng hạn như nhiều loại “hiện hình” hoặc biết được những nơi chốn mà mình chưa bao giờ đến thăm bằng xác phàm v.v...

Thể vía *hoàn toàn* là hiện thể của xúc cảm và xúc động; hiểu biết được cấu tạo và phương thức vận hành của nó ắt có giá trị đáng kể giúp ta hiểu được nhiều khía cạnh của tâm lý con người cả về mặt cá thể lẫn tập thể. Cũng như cung cấp được lời giải thích đơn giản về cơ chế của nhiều hiện tượng được tiết lộ qua môn phân tâm học hiện đại.

Việc hiểu biết rõ ràng được cấu trúc và bản chất của thể vía, các khả năng và hạn chế của nó là điều cốt yếu để hiểu được sinh hoạt mà con người phải trải qua sau khi xác phàm đã chết. Nhiều loại “thiên đường”, “địa ngục” và kiếp sống trong cõi luyện ngục vốn là tín điều của vô số tín đồ trong tôn giáo, mọi thứ ấy đều tự nhiên là trở nên đúng mức và có thể hiểu được ngay khi ta thấu hiểu được bản chất của thể vía và cõi trung giới. Nghiên cứu thể vía cũng giúp ta hiểu được nhiều hiện tượng lạ trong phòng lên đồng và một vài phương pháp thông linh phi vật lý dùng để chữa bệnh. Những người nào quan tâm tới cái gọi là chiêm đo thứ tư ắt cũng tìm thấy một sự xác nhận về nhiều thuyết vốn đã được đào luyện ta

bằng hình học và toán học để nghiên cứu các hiện tượng thuộc cõi trung giới theo lời mô tả của những người đã quan sát được chúng.

Như vậy, việc nghiên cứu thể vía của con người sẽ đưa ta đi thật xa và mở rộng đáng kể nhân sinh quan vốn chỉ dựa vào cõi trần và các giác quan của thể xác cho dù thật vô giá, song tuyệt nhiên không biểu diễn được giới hạn của điều mà các hiện thể của con người có thể dạy cho y biết được về những thế giới mà y sinh hoạt trong đó. Việc khơi hoạt các năng khiếu của thể vía ắt tiết lộ một thế giới mới lồng bên trong một thế giới cũ và khi con người có thể thuyết giải đúng đắn được ý nghĩa của nó thì y sẽ thu được một quan niệm mở rộng hơn về kiếp sống của chính mình, cũng như toàn thể thiên nhiên sẽ tiết lộ cho y những năng lực hầu như vô hạn vẫn còn tiềm tàng nơi con người. Từ đó trở đi chẳng sớm thì muộn, tất yếu sẽ có một sức thôi thúc và sau này là một quyết tâm không nao núng nhằm làm chủ được các thế giới ấy để cho bản thân vượt lên trên khỏi số phận trần tục của mình trở thành một người cộng tác thông minh với điều đã được gọi rất hay là Ý chí Tới cao trong Cơ tiên hóa.

Bây giờ, ta sẽ tiến hành nghiên cứu chi tiết thể vía và nhiều hiện tượng thuộc cõi trung giới.

## **CHƯƠNG II THÀNH PHẦN VÀ CẤU TRÚC**

Vật chất trung giới tồn tại theo bảy cấp hoặc bảy mức tinh vi, tương ứng với bảy cấp vật chất trên cõi trần tức là chất đặc, chất lỏng, chất hơi, dĩ thái, siêu dĩ thái, dưới nguyên tử và nguyên tử. Tuy nhiên, cho đến nay người ta chưa chế ra các tên gọi riêng cho các trạng thái ấy thuộc cõi trung giới; người ta thường mô tả chúng hoặc là theo số thứ tự của cấp hoặc cảnh: cấp tinh vi nhất Số 1, cấp thô trực nhất Số 7, hoặc là theo cấp tương ứng trên cõi trần. Điều này nghĩa là ta nói tới vật chất trung giới thể đặc ngụ ý là biến thể thấp nhất hoặc thứ 7; vật chất trung giới dĩ thái nghĩa là cấp thứ tư từ cấp tinh vi nhất v.v...

Vật chất trung giới vi tinh vi hơn nhiều so với vật chất cõi trần cho nên lồng vào nó. Vì vậy, mọi nguyên tử của cõi trần đều trôi nổi trong một bể vật chất trung giới, bể này vây xung quanh nó và lấp đầy mọi kẽ hở trong vật chất của cõi trần. Dĩ nhiên, ta thừa biết rằng ngay cả trong chất cứng rắn nhất cũng không có hai nguyên tử nào tiếp xúc với nhau, khoảng trống giữa hai nguyên tử kề cận thật ra vô cùng lớn hơn bản thân các nguyên tử. Từ lâu rồi, vật lý học chính thống đã nêu định đề có tồn tại một chất dĩ thái (ether) lồng vào mọi chất mà ta đã biết kể cả chất đặc thô nhất lẫn chất hơi thuộc khí hiếm nhất; và cũng giống như chất dĩ thái này di chuyển hoàn toàn tự do giữa các hạt thô trực nhất, cũng vậy đến lượt vật chất trung giới lại lồng vào và di chuyển hoàn toàn tự do giữa các hạt của chất dĩ thái. Như vậy, một sinh linh trong cõi trung giới có thể chiếm cùng một không gian với một sinh vật trên cõi trần; thế nhưng, mỗi sinh thể này đều hoàn toàn không có ý thức gì về nhau và thứ này tuyệt nhiên không cản trở được sự di chuyển tự do của thứ kia. Học viên cần phải hoàn toàn làm quen với quan niệm căn bản này vì nếu không lĩnh hội rõ ràng được nó thì y không thể hiểu được phần lớn các hiện tượng trên cõi trung giới.

Nguyên tắc lồng vào nhau giải thích rõ rệt được là các cõi khác nhau trong thiên nhiên không tách rời nhau trong không gian mà tồn tại ngay xung quanh ta, ở đây và ngay bây giờ, sao cho muốn nhận thức và khảo cứu được chúng thì ta không cần di chuyển trong không



gian mà chỉ cần khai mở bên trong bản thể ta những giác quan giúp ta có thể nhận thức được chúng.

Như vậy, cõi trung giới là một tình huống trong thiên nhiên hơn là một nơi chốn. Ta phải lưu ý rằng ta không thể trực tiếp phân giải nguyên tử cõi trần ra thành nguyên tử cõi trung giới nếu ta dùng một nỗ lực ý chí để đẩy lùi cái thần lực vốn xoay tròn cuốn lốc (xấp xỉ) 14 ngàn triệu “bọt hỗn nguyên khí” thành ra một cực vi tử hồng trần; nếu thần lực ấy bị đẩy lùi vượt qua ngưỡng của cõi trung giới thì cực vi tử hồng trần biến mất và phóng thích ra các “bọt hỗn nguyên khí”. Lúc bấy giờ, cũng thần lực ấy hoạt động ở một mức cao hơn không biểu hiện qua một nguyên tử cõi trung giới mà biểu hiện qua một nhóm gồm 49 nguyên tử cõi trung giới.

Cũng mối quan hệ như thế được biểu diễn qua con số 49 ắt tồn tại giữa các nguyên tử của bất kỳ hai cõi khác nhau nào gần kề nhau trong thiên nhiên: như vậy, một nguyên tử cõi trung giới bao gồm  $49^5$  tức là 282 triệu 475 ngàn 249 “bọt hỗn nguyên khí”, một nguyên tử cõi trí tuệ bao gồm  $49^4$  “bọt hỗn nguyên khí” v.v...

Ta có lý do để tin rằng electron là nguyên tử cõi trung giới. Các nhà vật lý nêu rõ rằng một nguyên tử hóa học của Hydro có lẽ chứa đựng từ 700 tới 1.000 electron. Việc khảo cứu huyền bí học khẳng định rằng một nguyên tử hóa học hydro bao gồm 882 nguyên tử cõi trung giới. Đây có thể là một sự trùng hợp ngẫu nhiên nhưng có lẽ dường như không phải vậy.

Ta nên lưu ý rằng có hai loại cực vi tử hồng trần: loại dương và loại âm; trong loại dương, thần lực tuôn đổ từ cõi trung giới xuống đi ngang qua cực vi tử hồng trần rồi xạ ra cõi hồng trần; trong loại âm, thần lực từ cõi hồng trần nhập vào cực vi tử hồng trần rồi xạ ra cõi trung giới, vậy là ta thấy nó biến mất ra khỏi cõi hồng trần.

Vật chất trung giới tương ứng một cách chính xác kỳ lạ với vật chất cõi trần mà nó lồng vào, mỗi biến thể của vật chất cõi trần đều thu hút vật chất trung giới có tỉ trọng tương ứng. Như vậy, vật chất thể đặc của cõi trần lồng vào cái mà ta gọi vật chất thể đặc cõi trung giới; vật chất thể lỏng cõi trần lồng vào vật chất thể lỏng cõi trung giới nghĩa là vật chất của cảnh thứ sáu; tương tự như vậy đối với vật chất thể hơi và bốn cấp vật chất dĩ thái mỗi cấp đều lồng vào cấp tương ứng của vật chất trung giới.

Chính vì thế xác cần chứa đựng trong thành phần cấu tạo của mình vật chất cõi trần ở đủ mọi tình huống (thể đặc, thể lỏng, thể hơi và dĩ thái) cho nên thể vía cũng rất cần chứa đựng các hạt thuộc đủ cả bảy cảnh trung giới, mặc dù cố nhiên là tỉ lệ có thể biến thiên rất nhiều trong những trường hợp khác nhau.

Vì thể vía của con người được cấu tạo bằng vật chất của đủ cả bảy cấp cho nên y có thể trải nghiệm được đủ mọi biến thể của ham muốn tới mức trọn vẹn nhất, từ mức cao nhất cho tới mức thấp nhất.

Chính cái loại đáp ứng đặc thù của vật chất trung giới khiến cho vật chất trung giới mới được dùng làm lớp vỏ để cho Chơn ngã có thể trải nghiệm được *cảm giác*.

Ngoài vật chất thông thường của cõi trung giới ra, thành phần cấu tạo trong thể vía của con người phần lớn còn có cái mà ta gọi là Giới Tinh hoa Ngũ hành thứ Ba hoặc đơn giản là Tinh hoa Ngũ hành của cõi trung giới; nó tạo thành cái gọi là “Tinh hoa Ngũ hành Dục vọng” mà ta sẽ bàn chi tiết hơn ở những chương sau này.

Tinh hoa Ngũ hành cõi trung giới bao gồm vật chất thuộc sáu cảnh thấp của cõi trung giới được làm linh hoạt bởi Luồng lưu xuất thứ Nhì xạ ra từ Ngôi Hai trong Tam vị Nhất thể. Vật chất trung giới thuộc cảnh cao nhất, tức cảnh nguyên tử khi được làm linh hoạt giống như vậy được gọi là Tinh hoa Chơn thần.

Nơi một người chưa phát triển thì thể vía là một khối chất cồi trung giới lơ mờ có tổ chức lỏng lẻo và đường nét mơ hồ, chủ yếu là các chất liệu thuộc các cấp thấp; đó là một khối thô trực có màu sắc sẫm và trọng trực – thường thường có mật độ nhiều đến mức đường nét của xác phàm hầu như hoàn toàn lọt vào trong đó – và như vậy thích ứng với việc đáp ứng những kích thích liên quan đến các đam mê và sự khao khát của mình. Xét về kích thước thì nó mở rộng theo mọi hướng vào khoảng mười hoặc mười hai phân Anh vượt quá xác phàm.

Nơi một người trí thức có trình độ đạo đức thông thường, thể vía lớn hơn rất nhiều, trải rộng khoảng 18 phân Anh vượt ra khỏi mỗi bên của cơ thể; vật liệu của nó thăng bằng hơn và có tính cách tinh vi hơn, sự hiện diện của các loại hiếm có mang lại một phẩm chất sáng sủa nào đó cho toàn thể đường nét của nó thật là rõ ràng và xác định.

Trong trường hợp một người phát triển về mặt tâm linh thì thể vía vẫn còn có kích thước lớn hơn và bao gồm các hạt tinh vi hơn thuộc mỗi cấp cồi trung giới, cấp cao hơn chủ yếu chiếm ưu thế.

Có biết bao nhiêu điều được nói ra liên quan tới màu sắc của các thể vía đến nỗi đề tài này xin được dành cho một chương riêng biệt. Tuy nhiên, ở đây ta có thể nêu rõ rằng trong những loại chưa phát triển thì màu sắc thật là thô trực và đục ngầu, dần dần trở nên càng ngày càng sáng khi con người phát triển được về mặt xúc động, tâm trí và tâm linh. Chính tên “tinh tú” (thể vía, cồi trung giới) được kế thừa từ các nhà luyện kim đan thời trung cổ, có nghĩa là “giống như sao” vì được dự trù để ám chỉ dáng vẻ sáng ngời của vật chất cồi trung giới.

Như ta đã nói, thể vía của một con người chẳng những thấm nhuần thể xác mà còn vượt ra xung quanh nó theo mọi hướng giống như một đám mây.

Cái bộ phận của thể vía vốn vượt ra ngoài giới hạn của xác phàm thường được gọi là “hào quang” thể vía.

Những xúc cảm mãnh liệt ngụ ý là một hào quang lớn. Ở đây, ta có thể nêu rõ rằng kích thước gia tăng của hào quang là điều kiện tiên quyết để được Điểm đạo và ta có thể thấy rõ các “Đức tính” cần thiết trong hào quang. Hào quang tự nhiên là gia tăng theo mỗi cuộc Điểm đạo. Nghe nói hào quang của Đức Phật có bán kính là ba dặm.

Vật chất của xác phàm có một ái lực rất mạnh đối với vật chất của thể vía, suy ra rằng cho đến nay đại đa số (vào khoảng 99%) các hạt cồi trung giới được nén ép vào bên trong chu vi thể xác, chỉ có một phần trăm còn lại là lấp kín phần chưa đầy chỗ của hình quả trứng để tạo thành hào quang thể vía.

Như vậy, bộ phận trung tâm của thể vía chiếm hình dạng chính xác giống như thể xác, và thật vậy nó rất rắn chắc và xác định, hoàn toàn phân biệt được rõ ràng với hào quang xung quanh. Nó thường được gọi là *đối thể* trung giới của xác phàm. Tuy nhiên, sự tương ứng chính xác của thể vía với thể xác chỉ là vấn đề hình dáng bên ngoài chứ tuyệt nhiên không bao hàm sự giống nhau về chức năng nơi đủ thứ cơ quan mà ta sẽ thấy rõ rệt hơn ở chương bàn về các Luân xa.

Chẳng những thể xác của con người mà mọi thứ thuộc về cồi hồng trần đều có cấp độ vật chất trung giới tương ứng thường xuyên liên kết với nó, không tách rời khỏi nó nếu không vận dụng thần lực huyền bí rất đáng kể, và ngay cả chỉ lúc bấy giờ thì nó cũng bị giữ cho tách rời khỏi xác phàm chừng nào mà lực tác dụng vẫn còn dứt khoát đi theo mục tiêu ấy. Nói cách khác, mọi vật trên cồi trần đều có một đối thể trên cồi trung giới. Nhưng vì các hạt thuộc cồi trung giới thường xuyên chuyển động không có một sự liên kết thường trụ nào

giữa bất kỳ hạt nào trên cõi trần với cái số lượng vật chất cõi trung giới mà vào bất cứ lúc nào ngẫu nhiên đóng vai trò đối thể của hạt trên cõi trần.

Thông thường thì bộ phận trên cõi trung giới của một vật hơi lòi ra ngoài bộ phận thuộc cõi trần của nó sao cho ta thấy kim loại, đá v.v... đều được bao quanh bởi một hào quang cõi trung giới.

Nếu một bộ phận nào đó thuộc xác phàm của con người bị lấy đi, chẳng hạn bằng cách cắt cụt thì sự cố kết của vật chất cõi trung giới linh động mạnh hơn sức hút của nó hướng về bộ phận rời của xác phàm. Do đó, đối thể trong thể vía của tứ chi sẽ không bị mang đi theo phần chi thể đã bị cắt rời. Bởi vì, vật chất cõi trung giới đã có thói quen duy trì hình dáng đặc thù ấy cho nên nó sẽ tiếp tục giữ lại hình dáng nguyên thủy, nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ bị triệt thoái vào bên trong các giới hạn của hình dáng bị cưa cụt. Cũng hiện tượng ấy xảy ra trong trường hợp một cái cây đã bị cắt cụt.

Tuy nhiên, trong trường hợp một vật vô tri vô giác chẳng hạn như một cái ghế hoặc một cái chậu thì không có cùng một loại sự sống cá thể nào duy trì được sự cố kết. Vì vậy, khi vật trên cõi trần bị vỡ thì đối thể trên cõi trung giới cũng bị chia lìa.

Ngoài bảy cấp vật chất được sắp xếp theo mức độ tinh vi thì còn có một sự phân loại hoàn toàn riêng biệt về vật chất cõi trung giới tùy theo *loại hình* của nó. Trong kho tài liệu Thông Thiên Học, mức độ tinh vi thường được gọi là chia ra theo *chiều ngang*, và còn loại hình gọi là chia ra theo *chiều thẳng đứng*. Các loại hình bao gồm bảy loại được trộn hoàn toàn vào nhau giống như thành phần cấu tạo bầu khí quyển, và trong mọi thể vía đều có vật chất của đủ cả bảy loại hình, tỉ lệ giữa chúng với nhau cho thấy bản tính của con người, cho dù y mang tính sùng tín hoặc triết lý, nghệ thuật hoặc khoa học, thực tiễn hoặc thần bí.

Toàn thể bộ phận thuộc cõi trung giới của trái đất cũng như các hành tinh vật lý khác, cùng với các hành tinh thuần túy thuộc cõi trung giới trong Thái dương hệ, tạo thành tập thể của thể vía thuộc Thái dương Thượng Đế, như vậy, chúng tỏ rằng quan niệm phiếm thần xưa cũ là một quan niệm chân thực.

Cũng như vậy, trong một chừng mực nào đó mỗi một trong bảy loại vật chất cõi trung giới, xét chung được coi là một hiện thể riêng biệt và ta cũng có thể nghĩ rằng đó là thể vía của một Đấng thiêng liêng phụ trợ hoặc một vị Thừa sai, ngài đồng thời cũng là một khía cạnh của Đấng thiêng liêng một loại hạch thần kinh hoặc trung tâm lực nơi bản thân Ngài. Vì thế cho nên, tư tưởng thoáng qua nhất, sự vận động hoặc biến động thuộc bất cứ loại nào nơi Đấng thiêng liêng phụ trợ đều ngay tức khắc được phản ánh bằng một cách nào đó qua mọi vật chất thuộc loại tương ứng. Những sự thay đổi thông linh như thế đều xảy ra theo định kỳ: Có lẽ chúng tương ứng với việc hít vào và thở ra hoặc nhịp đập của tim đối với chúng ta ngay trên cõi hồng trần. Ta đã quan sát thấy rằng chuyển động của các hành tinh thuộc cõi trần cung ứng một manh mối cho sự tác động của các ảnh hưởng tuôn chảy ra từ những thay đổi này: vì thế cho nên mới có cơ sở lý luận của khoa chiêm tinh học. Hơn nữa, vì thế cho nên bất cứ sự biến đổi nào như thế trong một chừng mực nào đó đều có ảnh hưởng tới mỗi người, tỉ lệ với số lượng của cái loại hình vật chất mà y chiếm hữu được nơi thể vía. Như vậy, một sự thay đổi ắt ảnh hưởng tới các xúc động hoặc tâm trí hoặc cả hai. Một điều khác nữa có thể làm tăng cường sự kích động thần kinh, sự dễ bực mình v.v... chính tỉ lệ này xác định nơi mỗi con người, con thú, cây cỏ hoặc loài khoáng vật, một số đặc trưng căn bản chẳng bao giờ thay đổi – đôi khi được gọi là nốt nhạc, màu sắc hoặc Cung của y.



Để theo đuổi đường lối tư tưởng thú vị này thêm nữa, ta phải đi vượt quá tầm mức của quyển sách này vì thế cho nên xin học viên tham chiếu quyển I *Khía cạnh Ẩn tàng của các Sự vật*, trang 43 tới 58.

Có bảy loại hình phụ trong mỗi loại hình, tạo thành tổng số 49 loại hình phụ.

Loại hình hoặc Cung này là thường trụ thông qua toàn bộ hệ thống hành tinh, sao cho một tinh hoa ngũ hành thuộc loại A (xem trang 6) sớm muộn gì cũng làm linh hoạt loài khoáng vật, cây cỏ và động vật thuộc loại hình A, từ đó, nó cũng sẽ xuất lộ thành con người thuộc cùng một loại hình.

Thế vía cũng mòn mỏi đi từ từ nhưng thường xuyên giống hệt như thể xác; nhưng thay vì là tiến trình ăn và tiêu hóa thực phẩm thì các hạt rơi rụng ra đều bị những thứ khác thay thế từ bầu khí quyển xung quanh. Tuy nhiên, xúc cảm cá tính vẫn được truyền lại cho các hạt mới khi chúng nhập vào và cũng như tinh hoa ngũ hành bao gồm cùng với thế vía của mỗi người chắc chắn tự thấy mình là một loại thực thể, và do đó hành xử theo cái mà nó coi là quyền lợi riêng của mình.

### CHƯƠNG III MÀU SẮC

Khi nhìn bằng thần nhãn thì một trong những đặc điểm chính yếu của thế vía là nó bao gồm những màu sắc thường xuyên tác động thông qua nó; những màu sắc này tương ứng với và là biểu hiện trong vật chất trung giới của các xúc cảm, đam mê và xúc động.

Mọi màu sắc đã biết và nhiều màu sắc mà hiện nay ta chưa biết đều tồn tại trên mỗi một trong các cõi cao của thiên nhiên, nhưng khi ta thăng lên từ giai đoạn này sang giai đoạn khác thì chúng trở nên tinh vi hơn và chói sáng hơn, sao cho ta có thể miêu tả chúng là những bát độ cao của màu sắc. Bởi vì, ta không thể tả chân những bát độ này trên giấy trắng mực đen của cõi hồng trần, cho nên ta cần nhớ những sự kiện như vậy khi xét tới những điều minh họa bằng màu sắc của thế vía mà ta đề cập tới dưới đây.

Sau đây là danh sách những màu sắc chính yếu và những xúc động mà chúng chỉ là những biểu hiện:

*Màu đen*: dưới dạng những đám mây dày đặc biểu thị sự thù ghét và ác ý.

*Màu đỏ*: dưới dạng những tia chớp lóe màu đỏ thắm thường thường trên một nền đen biểu thị một sự giận dữ.

*Một đám mây màu đỏ thắm*: biểu thị dễ cấu kình.

*Màu đỏ thắm chói sáng*: trên nền bình thường của hào quang, biểu thị “sự công phẫn cao cả”.

*Màu đỏ như máu và nhọn nhọn*: biểu thị một cách không thể sai lầm (mặc dù không dễ gì miêu tả được) lòng ham mê ngũ dục.

*Màu xám nâu*: màu xám nâu xỉn và sậm: biểu thị lòng ích kỷ, một trong những màu thông thường nhất của thế vía.

*Màu nâu đỏ*: xỉn, hầu như màu rỉ sét biểu thị lòng hà tiện, thường thường xếp thành những thanh ngang băng song song qua thế vía.

*Màu nâu hơi có sắc xanh lục*: sáng lên do màu đỏ sẫm hoặc những tia chớp lóe đỏ thắm biểu thị lòng ghen tuông. Trong trường hợp người phạm, màu này thường hiện diện nhiều khi y đang “phải lòng ai đó”.

*Màu xám:* nặng trĩu giống như chỉ biểu thị sự chán nản ngã lòng. Giống như màu nâu đỏ của thói hà tiện, nó đứng sắp xếp thành những đường song song gây ấn tượng là một cái lồng.

*Màu xám lọt lọt:* một sắc thái dễ sợ và ghê tởm xấu xí biểu thị lòng sợ hãi.

*Màu đỏ như son:* xin và nặng nề, biểu thị tình yêu ích kỷ.

*Màu hoa hồng:* biểu thị tình thương vị tha. Khi cực kỳ chói sáng có nhuốm màu hoa cà thì nó biểu thị tình thương mang tính tâm linh dành cho nhân loại.

*Màu cam:* biểu thị lòng tham vọng hoặc kiêu ngạo. Thường song hành với sự cấu kình.

*Màu vàng:* biểu thị trí năng; biến thiên từ sắc vàng lọt lọt và vàng sẫm qua màu vàng kim rực rỡ cho tới màu vàng chanh trong trẻo và sáng sủa hoặc màu vàng nhạt.

*Màu vàng xỉn kiểu vàng đất* (địa hoàng) hàm ý việc hướng năng lực vào những mục đích ích kỷ.

*Màu vàng cây anh thảo* sáng rỡ biểu thị việc một loại hình rõ rệt là cao hơn; màu nhạt biểu thị trí năng tận hiến cho những cứu cánh tâm linh; *màu hoàng kim* biểu thị trí năng thuần túy ứng dụng vào triết học hoặc toán học.

*Màu xanh lục:* nói chung biến thiên rất nhiều về ý nghĩa và cần được nghiên cứu để thuyết giải cho chính xác; nó hầu như biểu thị tính thích ứng.

*Màu xanh lục xám* có dáng vẻ nhầy nhớt biểu thị sự lừa gạt và xảo quyệt.

*Màu xanh lục của ngọc bích* biểu thị sự đa năng, tài khéo và quyền biến được ứng dụng một cách bất vị kỷ.

*Màu xanh lục, xanh lơ lọt lọt và sáng chói:* biểu thị sự thông cảm và từ bi sâu sắc với năng lực hoàn toàn thích ứng mà chỉ có họ mới có thể ban ra được.

*Màu xanh lục sáng giống như trái táo:* dường như luôn luôn đi kèm theo sinh lực dồi dào.

*Màu xanh lơ:* sẫm và lọt; biểu thị xúc cảm tôn giáo. Nó có thể nhuốm màu do nhiều phẩm tính khác, như vậy đâm ra có bất kỳ sắc thái nào từ màu chàm hoặc màu tím sẫm lộng lẫy cho tới màu xanh xám đục ngầu.

*Màu xanh lọt:* giống như nước biển hoặc cobalt biểu thị tận tụy với một lý tưởng tâm linh cao cả.

*Sắc tím* biểu thị sự trộn lẫn của lòng luyến ái và sùng tín.

*Màu xanh tím hoa cà chói sáng* thường đi kèm theo những ngôi sao hoàng kim lấp lánh biểu thị tính linh cao siêu với những hoài bão tâm linh cao thượng.

*Màu tử ngoại* biểu thị những sự phát triển cao siêu và thuần khiết của năng khiếu thông linh.

*Màu hồng ngoại* biểu thị những năng khiếu thông linh hạ đẳng của người theo đòi làm điều ác và các dạng pháp thuật ích kỷ.

Niềm vui biểu lộ nói chung qua sự chói sáng rực rỡ của cả thể hạ trí lẫn thể vía với việc bề mặt của những thể này có những gợn sóng đặc thù. Lòng hoan hỉ biểu lộ thành một dạng biến đổi qua những bong bóng cũng như qua sự thanh thản kiên định.

Sự ngạc nhiên biểu lộ qua việc thể hạ trí bị co lại nhiều, thường thường truyền sang cho cả thể vía lẫn thể xác có kèm theo việc gia tăng độ chói sáng của băng màu luyến ái nếu sự ngạc nhiên mang tính dễ chịu và gia tăng màu xám hoặc màu nâu nếu sự ngạc nhiên mang tính khó chịu. Sự co hẹp lại thường gây ra những xúc cảm khó chịu, đôi khi ảnh hưởng tới từng thái dương tạo ra sự suy nhược và đau ốm, và trung tâm lực ở tim chịu ảnh hưởng của nó khiến cho tim đập thành thịch thậm chí tử vong.

Ta nên hiểu rằng vì các xúc động của con người hiếm khi nào không bị pha trộn cho nên các màu sắc này chẳng mấy khi hoàn toàn thuần túy mà rất thường bị trộn lẫn với nhau. Do đó, sự thuần khiết của nhiều màu sắc bị mờ nhạt đi do màu xám nâu xỉn sậm của lòng ích kỷ hoặc nhuộm màu cam sẫm của lòng kiêu ngạo.

Khi thuyết giải ý nghĩa trộn vện của màu sắc ta cũng cần phải xét tới những điều khác nữa: nghĩa là độ chói sáng nói chung của thể vía, tính tương đối xác định hoặc bất định trong đường nét của thể vía, tính tương đối chói sáng của các trung tâm lực khác nhau (xem Chương 5).

Màu vàng của trí năng, màu hoa hồng của lòng luyến ái và màu xanh lơ của lòng sùng tín bao giờ cũng có ở phần trên của thể vía, còn các màu sắc của lòng ích kỷ, hà tiện, ưa lường gạt và oán ghét lại ở phần bên dưới; khối xúc cảm đam mê ngũ dục thường trôi nổi giữa hai phần trên.

Từ đó, suy ra rằng nơi kẻ chậm tiến bộ thì bộ phận ở dưới của hình quả trứng có khuynh hướng lớn hơn phần trên sao cho thể vía có dáng vẻ một quả trứng với đầu nhọn ở trên cùng. Nơi người tiến bộ hơn thì trường hợp này ngược lại, đầu nhọn của quả trứng chia xuống dưới. Luôn luôn có khuynh hướng cho hào quang hình quả trứng được đối xứng để từng bước tự khẳng định sao cho những dáng vẻ như thế chỉ mang tính tạm thời.

Mỗi phẩm tính biểu hiện thành một màu sắc đều có một loại vật chất trung giới đặc biệt của riêng mình và địa vị trung bình của những màu sắc này vốn tùy thuộc vào tỉ trọng riêng của các cấp vật chất tương ứng. Nguyên tắc chung là những phẩm tính ác độc hoặc ích kỷ biểu hiện thành những rung động tương đối chậm chạp của vật chất thô trước, còn những phẩm tính thiện lành và vị tha tác động qua vật chất tinh vi hơn.

Chính nhờ thế mà may thay cho chúng ta những xúc cảm tốt lành trường tồn lâu hơn những xúc động xấu xa: tác động của xúc cảm yêu thương hoặc sùng tín sâu sắc ở lại trong thể vía lâu hơn sau khi người ta quên mất cơ hội gây ra nó.

Mặc dù bất thường nhưng cũng có thể là hai nhịp độ rung động, đồng thời mãnh liệt xảy ra trong thể vía: vừa giận vừa thương. Hậu quả sẽ tiến hành song song với nhau nhưng một thứ ở mức cao hơn hẳn so với thứ kia cho nên kéo dài lâu hơn.

Lòng sùng tín và luyến ái cao siêu vị tha thuộc về cảnh trung giới cao nhất, tức cảnh nguyên tử và những thứ này phản ánh nơi vật chất tương ứng của cõi hạ trí. Như vậy, chúng tiếp xúc với thể thượng trí chứ không phải thể hạ trí. Đây là một điều quan trọng mà học viên nên đặc biệt lưu ý. Chơn ngã vốn ngự trên cõi thượng trí, do đó chỉ chịu ảnh hưởng của những tư tưởng vị tha. Các tư tưởng thấp hèn không ảnh hưởng tới Chơn ngã mà chỉ ảnh hưởng tới các nguyên tử trường tồn (xem trang 207 nguyên bản tiếng Anh).

Vì vậy, trong thể thượng trí thường có những khoảng trống chứ không có những màu sắc tối tăm tương ứng với những xúc động và tư tưởng thấp hèn hoặc đồng cảm: ngay khi lòng ích kỷ được thay thế bởi đối cực của nó thì khoảng trống trong thể thượng trí được lấp đầy.

Sự gia tăng các màu sắc thô trước của thể vía biểu diễn những xúc động thấp hèn mặc dù không biểu hiện trực tiếp nơi thể thượng trí, tuy nhiên có khuynh hướng ít nhiều làm mờ nhạt đi sự chói sáng của màu sắc biểu diễn những đức tính trái ngược nơi thể thượng trí.

Để thực hiện việc xuất hiện của thể vía, ta phải nhớ kỹ rằng các hạt hợp thành thể vía luôn luôn chuyển động rất nhanh: trong đại đa số trường hợp thì các đám mây màu sắc hòa tan vào nhau lúc nào cũng trượt lẫn lên nhau, xuất hiện rồi biến mất khi chúng trượt lẫn lên nhau, bề mặt của khối sương mù chói sáng hơi giống như bề mặt của nước sôi sùng sục. Vì

vậy, các màu khác nhau tuy nhiên không giữ đúng một vị trí cố định, mặc dù có những vị trí bình thường mà chúng có khuynh hướng quay trở lại.

Xin học viên hãy tham chiếu quyển sách *Con người Hữu hình và Vô hình* của C. W. Leadbeater về những điều minh họa trong dáng vẻ thực sự của các thể vía:

Kính bản số VII trang 88 thể vía của kẻ dã man,

Kính bản số X trang 94 thể vía của kẻ phạm phu,

Kính bản XXIII trang 123 thể vía của người tiên bộ (ấn bản năm 1902).

Các đặc trưng chính yếu của ba loại hình được minh họa – kẻ dã man, kẻ phạm phu và người tiên tiến – có thể được tóm tắt ngắn gọn như sau:

*Loại dã man* - chiếm phần lớn nhất là tính đam mê ngũ dục, ưa lừa gạt, ích kỷ và tham lam nổi bật lên; sự giận dữ sôi sục được hàm ý qua những vết nhỏ và vết đốm có màu đỏ tía xỉn, có rất ít lòng luyến ái xuất hiện, có tồn tại xúc cảm tôn giáo và trí năng thuộc loại thấp nhất. Đường nét không đều và màu sắc lờ mờ, dày đặc và nặng nề. Toàn bộ cơ thể hiển nhiên là không được kiểm soát tốt, hỗn độn và chẳng có kỷ cương.

*Kẻ phạm phu* - lòng đam mê ngũ dục kém đi nhiều mặc dù vẫn còn chiếm ưu thế: lòng ích kỷ cũng chiếm ưu thế và có một khả năng nào đó lừa gạt vì những mục đích cá nhân, mặc dù màu xanh lá cây đang bắt đầu chia thành hai phẩm tính rõ rệt, chứng tỏ rằng lòng qui quyết đang dần dần trở thành sự thích ứng. Lòng giận dữ vẫn còn nổi bật: lòng luyến ái, trí năng và lòng sùng tín đã chiếm ưu thế nhiều hơn và có phẩm chất cao hơn. Màu sắc nói chung xác định rõ ràng hơn và dứt khoát trong sáng hơn mặc dù không có màu nào hoàn toàn trong trẻo. Đường nét của thể vía xác định hơn và đều đặn hơn.

*Người tiên tiến* - những phẩm tính bất hảo hầu như hoàn toàn biến mất: có một dải màu hoa cà băng ngang qua đỉnh đầu biểu thị đạo tâm; vượt lên trên và bao quanh cái đầu có một đám mây màu vàng chói biểu thị trí năng. Bên dưới đó có một dải rộng màu xanh lơ biểu thị lòng sùng tín; thế rồi băng ngang qua thân mình có một dải còn rộng hơn nữa màu hoa hồng biểu thị lòng luyến ái và ở phần dưới cơ thể có một lượng lớn màu xanh lục biểu thị tính thích nghi và sự đồng cảm. Màu sắc trong sáng, chói lọi có những băng màu rõ rệt, đường nét xác định rõ ràng và toàn bộ thể vía tạo cho ta ấn tượng có thứ tự và được kiểm soát hoàn toàn.

Mặc dù, trong quyển sách này chúng ta không bàn tới thể hạ trí, thế nhưng cũng nên đề cập tới việc khi con người phát triển thì thể vía càng ngày càng giống như thể hạ trí cho đến khi nó hầu như chẳng khác bao nhiêu so với sự phản ánh của thể hạ trí nơi vật chất thô trược hơn thuộc cõi trung giới. Cố nhiên điều này biểu thị rằng con người có những ham muốn hoàn toàn do thể trí kiểm soát chứ không còn bị quét đi bởi những đợt xúc động trào dâng. Một người như thể chắc chắn là phải chịu đôi khi cái kinh với đủ mọi loại thèm khát bất hảo, nhưng giờ đây y cũng biết được đủ để đè nén những biểu hiện thấp hèn chứ không chiều theo chúng.

Trong một giai đoạn còn mãi sau này, bản thân thể hạ trí lại trở thành một phản ánh của thể thượng trí bởi vì giờ đây con người học cách chỉ noi theo những điều thôi thúc của Chơn ngã và chỉ đọc quyền nghe theo lý trí của mình tuân phục Chơn ngã.

Như vậy, thể hạ trí và thể vía của một vị La hán ắt có rất ít màu sắc đặc trưng của những thể này mà lại mô phỏng thể thượng trí trong chừng mực mà các bát độ thấp có thể biểu diễn được. Chúng có một màu ngũ sắc dễ thương, một loại tác dụng trắng đục giống như xà cừ vốn vượt xa mức ta miêu tả bằng hoặc biểu diễn được.

Một người tiên tiến có năm nhịp độ rung động trong thể vía, còn một kẻ phạm phu biểu hiện ít ra là chín nhịp độ với sự trộn lẫn thêm vào đó đủ thứ sắc thái. Nhiều người có



năm mươi hoặc một trăm nhịp độ; trọn cả bề mặt bị phá vỡ ra thành rất nhiều những xoáy lục và những giao tuyến nhỏ, tất cả đấu tranh với nhau hỗn độn điên cuồng. Đây là kết quả của những xúc động và lo âu không cần thiết, kẻ phàm phu ở phương Tây có một số những điều này mà nhiều sức mạnh của y bị phí phạm thông qua đó.

Một thể vía cùng một lúc mà rung động theo tới năm mươi kiểu chẳng những trông xấu xí mà còn là một mối nguy nghiêm trọng. Ta có thể so sánh nó với một thể xác bị một dạng bại liệt nặng với mọi cơ bắp cùng một lúc co giật theo nhiều hướng khác nhau. Những tác dụng như vậy của thể vía mang tính truyền nhiễm và ảnh hưởng tới mọi kẻ nhạy cảm đến gân y, truyền một ý thức đau khổ về sự bất an và lo âu. Chính vì cả triệu người đã bị xáo trộn không cần thiết như thế qua đủ thứ ham muốn và xúc cảm điên rồ cho nên một người nhạy cảm thật khó lòng mà sống được nơi một đô thị lớn hoặc trà trộn giữa đám đông. Những sự xáo trộn thường xuyên của thể vía thậm chí có thể phản tác động qua thể phách và gây ra các bệnh thần kinh.

Các trung tâm viêm nhiễm trong thể vía đối với nó cũng giống như các mụn nhọt đối với thể xác, chẳng những khó chịu về mặt cấp tính mà còn là những nhược điểm khiến cho sinh khí rò rỉ thông qua đó. Chúng hầu như cũng không đề kháng nổi những ảnh hưởng xấu xa và lại ngăn cản khiến ta không lợi dụng được những ảnh hưởng tốt đẹp. Tình huống này nói chung là đau khổ: phương thuốc là phải loại trừ sự lo âu, sợ sệt và phật ý. Học viên huyền bí học không được có những xúc cảm cá nhân mà ta có thể gây ảnh hưởng trong bất cứ tình huống nào.

Chỉ một đứa trẻ con là có hào quang màu trắng hoặc tương đối không màu sắc, các màu này chỉ bắt đầu biểu hiện khi các phẩm tính đã phát triển. Thể vía của một đứa trẻ thường là một vật đẹp nhất: thuần khiết và có màu sắc sáng chói, không có những vết nhơ của lòng ham mê ngũ dục, hà tiện, ác ý và ích kỷ. Trong đó, ta cũng có thể thấy tiềm tàng những mầm mống và khuynh hướng được kế thừa từ kiếp vừa qua (xem trang 211). Một số là xấu, một số là tốt và như vậy ta có thể thấy những khả năng trong kiếp vị lai của đứa trẻ.

Màu vàng biểu thị trí năng mà ta luôn luôn thấy ở gần đầu là nguồn gốc của ý tưởng về đám mây hoặc sự vinh diệu bao xung quanh đầu vị thánh, bởi vì màu vàng này rõ rệt hơn nhiều so với màu sắc của thể vía và một người sắp được thần nhãn dễ dàng nhận ra nó. Đôi khi do hoạt động bất thường của trí năng, màu vàng có thể trở nên nhìn thấy được ngay cả vật chất trên cõi trần sao cho mắt phàm có thể nhận biết được nó.

Ta đã thấy rằng thể vía có một sự sắp xếp bình thường nào đó mà đủ thứ bộ phận của nó có khuynh hướng nhóm lại với nhau. Tuy nhiên, một cơn đăm mê hoặc một xúc cảm đột ngột có thể nhất thời buộc toàn thể hoặc hầu hết vật chất của thể vía rung động theo một nhịp độ nào đó, như vậy tạo ra những kết quả hoàn toàn nổi bật. Mọi vật chất của thể vía đều bị cuốn đi dường như thể do một cơn lốc mạnh sao cho màu sắc tạm thời trở nên trộn lẫn rất nhiều. Những ví dụ màu sắc của hiện tượng này được trình bày trong quyển *Con người Hữu hình và Vô hình*:

Kính bản XI trang 96, Cơn đột nhiên Luyến ái.

Kính bản XII trang 98, Cơn đột nhiên Sùng tín.

Kính bản XIII, trang 100, Giận ghê gớm

Kính bản XIV trang 103, Xúc động mạnh do Sợ sệt.

Trong trường hợp đột nhiên có một luồng sóng thuần túy luyến ái chẳng hạn như khi một bà mẹ vô lấy đứa con rồi hôn tới tấp vào nó thì toàn bộ thể vía nhất thời chìm vào cơn xáo trộn mạnh và các màu sắc nguyên thủy tạm thời hầu như mờ tối đi.

Sự phân tích tìm ra bốn tác dụng riêng rẽ: -



(1)- Ta thấy có những cuộn hoặc xoáy lực màu sống động, xác định rõ ràng và chắc chắn, chói sáng với ánh sáng mãnh liệt từ bên trong mỗi một trong những thứ này quả thật là một hình tư tưởng có lòng luyến ái mãnh liệt được sản sinh ra bên trong thể vía và sắp sửa từ nó tuôn ra hướng về đối tượng của xúc cảm. Những đám mây ánh sáng sống động quay cuồng dễ thương khôn tả mặc dù thật khó lòng miêu tả được.

(2)- Toàn bộ thể vía được băng ngang qua bởi những đường ánh sáng màu đỏ son mạch động theo chiều ngang, thậm chí còn khó biểu diễn hơn nữa do chúng chuyển động cực nhanh.

(3)- Một loại màng mỏng màu hoa hồng bao bọc bề mặt của toàn bộ thể vía sao cho mọi thứ bên trong đều được nhìn thông qua đó như thể nhìn qua kính màu.

(4)- Một loại cơn bùng lên màu đỏ son lấp đầy toàn bộ thể vía, trong một chừng mực nào đó làm thấm đượm các sắc thái khác rồi rải rác đó đây cô đọng lại thành những làn khói phát phơ không đều giống như những đám mây mới được tạo dựng nửa vời.

Cảnh trí này có lẽ chỉ tồn tại vài giây thế rồi thể vía nhanh chóng trở lại trạng thái bình thường, đủ thứ cấp độ vật chất lại được xếp đặt vào những vùng quen thuộc do tỉ trọng riêng của chúng. Thế nhưng, mỗi cơn bùng lên xúc cảm như thế lại thêm một chút màu đỏ son vào bộ phận cao cấp hình quả trứng và khiến cho thể vía dễ hơn một chút trong việc đáp ứng với làn sóng luyến ái kế tiếp vốn có thể xảy ra.

Cũng giống như vậy, một người thường cảm thấy lòng sùng tín cao siêu chẳng bao lâu sau ắt có một vùng rộng lớn màu xanh lơ trong thể vía của mình. Như thế, tác dụng của những lực thôi thúc ấy mang tính tích lũy; và hơn nữa bức xạ của những rung động linh hoạt về tình thương và hoan hỉ tạo ra những ảnh hưởng tốt lên những thứ khác.

Khi ta thay thế màu xanh lơ cho màu đỏ son tức là một cơn sùng tín đột ngột nổi lên nơi một nữ tu sĩ đang dần thân vào việc nhập định thì nó cũng tạo ra một tác dụng gần giống như vậy.

Trong trường hợp giận dữ ghê gớm thì cái nền thông thường của thể vía bị mờ tối đi do những cuộn dây hoặc xoáy lực gồm những khối nặng nề sẫm sệt có màu đen như nhọ nồi được thấp sáng lên từ bên trong do ánh chói lòa lọt lọt của lòng thù ghét tích cực. Ta thấy những làn khói cũng của các đám mây đen ấy làm ô uế trọn cả thể vía trong khi những mũi tên bốc lửa của cơn giận dữ không bị kiểm soát bắn ra trong đó giống như những tia chớp. Những tia chớp lóe khùng khiếp này có thể xuyên thấu những thể vía khác giống như những thanh gươm và do đó gây phương hại cho những người khác.

Về phương diện này cũng như những phương diện khác, mỗi cơn bùng nổ giận dữ ắt có khuynh hướng làm cho vật chất của trọn cả thể vía đáp ứng khá dễ dàng hơn so với trước khi có những rung động rất bất hảo này.

Một cơn sóc đột ngột khiếp đảm ngay tức khắc lan tỏa trên trọn cả cơ thể một đám sương mù xám ngắt kỳ dị trong khi những đường ngang cũng màu sắc ấy xuất hiện. Nhưng rung động mãnh liệt đến nỗi ta khó lòng nhận ra được chúng là những đường riêng biệt. Kết quả mang tính ma quái khôn tả: mọi ánh sáng đều nhất thời mờ nhạt đi nơi thể vía, còn trọn cả khối màu xám ấy rung rẩy một cách chói với giống như cơn sấm.

Một đợt xúc động tràn ngập không ảnh hưởng nhiều tới thể trí mặc dù trong nhất thời nó có thể khiến cho bất cứ hoạt động nào của thể trí không thể đi xuyên qua nhập vào óc phàm, bởi vì thể vía đóng vai trò một cầu nối giữa thể trí và bộ óc; thể vía đang rung động với những nhịp độ hoàn toàn không thể truyền đạt bất cứ làn sóng nào không hài hòa với nó.

Trên đây là những ví dụ về tác dụng của những cơn xúc cảm đột nhiên bùng nổ nhất thời. Có những tác dụng khá giống như thể mang tính cách thường trụ hơn được tạo ra do một vài bản tính hoặc loại hình tính tình.

Thể là khi một kẻ phạm phu phải lòng ai thì thể vía của y bị biến đổi hoàn toàn đến nỗi ta khó lòng nhận ra được nó là thể vía của chính người ấy. Lòng ích kỷ, sự lừa dối và hà tiện biến mất, bộ phận thấp nhất trong hình quả trứng chứa đầy một sự phát triển lớn lao những đam mê đầy thú tính. Màu xanh lục của tính thích nghi đã bị thay thế bởi màu xanh lục nâu đặc thù của lòng ghen tuông, và hoạt động cực độ của xúc cảm này được biểu lộ bởi những tia chớp lóe màu đỏ thắm lợt của cơn giận dữ đang thấm nhuần nó. Nhưng những sự biến đổi bất hảo được hóa giải nhiều hơn do một băng màu rực rỡ đỏ như son lấp đầy một phần lớn hình quả trứng. Điều này nhất thời là một đặc điểm nổi bật và trọn cả thể vía sáng chói với ánh sáng của nó. Do ảnh hưởng của nó, tính đục ngầu nói chung của thể vía thông thường biến mất, các sắc thái đều sáng chói và biểu thị rõ rệt cho dù là tốt hay xấu. Đó là một sự tăng cường sinh hoạt theo đủ thứ chiều hướng khác nhau. Màu xanh lơ của lòng sùng tín cũng được cải thiện rõ rệt và thậm chí một nét chấm phá màu tím lợt xuất hiện ở đỉnh của hình quả trứng biểu thị khả năng đáp ứng với một lý tưởng thực sự cao siêu và vi tha. Tuy nhiên, màu vàng của trí năng đã hoàn toàn biến mất nhất thời – một sự kiện mà kẻ miệng lưỡi cay nghiệt có thể là đặc trưng của tình trạng si tình ấy!

Thể vía của một kẻ ưa cái kính thường bộc lộ một dải rộng lớn màu đỏ thắm là đặc điểm nổi bật, thêm nữa trọn cả thể vía được bao phủ bởi những đốm lấm chấm nhỏ màu đỏ thắm trôi nổi dật dờ, khá giống như những dấu hỏi.

Trong trường hợp một kẻ bần tiện, sự hà tiện, ích kỷ, ưa lừa dối và tính thích nghi dĩ nhiên là được tăng cường nhưng lòng ham mê ngũ dục lại giảm bớt. Tuy nhiên, sự thay đổi đáng kể nhất là một loạt kỳ lạ những đường nằm ngang song song nhau vắt ngang qua hình quả trứng, tạo cho ta ấn tượng đó là một cái lồng. Những thanh chắn ngang này có màu nâu sẫm hầu như là màu đất nung đỏ nâu.

Thói xấu hà tiện dường như có tác dụng hoàn toàn nhất thời làm chặn đứng sự phát triển và ta rất khó lòng lay chuyển được nó một khi nó đã thâm căn cố đế.

Sự chán nản sâu sắc tạo ra tác dụng màu xám thay vì màu nâu rất giống như tác dụng đối với kẻ bần tiện. Kết quả thật là u ám khôn tả khiến cho người quan sát cũng phải ngã lòng. Không một tình huống xúc động nào lay nhiễm nhiều hơn xúc cảm chán nản.

Trong trường hợp một kẻ không trí thức nhưng dứt khoát là có tâm đạo thì thể vía có một dáng vẻ đặc trưng. Một chút màu tím gọi ra khả năng đáp ứng với một lý tưởng cao siêu. Màu xanh lơ của lòng sùng tín phát triển một cách thoải mái bất thường, nhưng màu vàng của trí năng lại hiếm hoi. Có một tỉ lệ vừa phải lòng luyện ái và tính thích nghi, nhưng lòng ham mê ngũ dục hơn mức bình thường, tính ưa lừa dối và lòng ích kỷ cũng chiếm ưu thế. Màu sắc được phân bố không đều tan hòa vào nhau, các đường nét lờ mờ biểu thị những quan niệm của kẻ sùng tín, vẫn còn rất lơ mơ.

Ta thường thấy lòng đam mê ngũ dục cực độ và tính khí sùng tín kết hợp với nhau có lẽ bởi vì những loại hình người này sống chủ yếu bằng cảm tính. Bị cảm tính chi phối thay vì ra sức dùng lý trí kiểm soát tình cảm.

Nơi một người thuộc loại hình khoa học thì y lại biểu lộ ngược hẳn lại. Lòng sùng tín hoàn toàn vắng mặt, lòng ham mê ngũ dục kém trung bình rất nhiều, nhưng trí năng lại phát triển tới mức bất bình thường. Lòng luyện ái và tính thích nghi có số lượng khiêm tốn và phẩm chất nghèo nàn. Có nhiều lòng ích kỷ và tính hà tiện cũng như một số tính ghen tuông. Một hình nón ánh sáng không lồ màu cam ở giữa màu hoàng kim của trí năng biểu thị lòng

kiêu ngạo và tham vọng liên quan tới kiến thức mà y đã thủ đắc được. Thói quen theo thứ tự khoa học của cái trí khiến cho việc sắp xếp màu sắc được qui về những băng màu đều đặn mà những đường phân giới hoàn toàn xác định.

Chúng tôi khuyến khích học viên tự mình nghiên cứu tác phẩm đáng hâm mộ mà thông tin nêu trên được rút ra từ đó, đây là một trong những tác phẩm có giá trị nhất trong số nhiều tác phẩm của tác giả có thiên tài vĩ đại là ông C. W. Leadbeater.

Vì ở đây, chúng ta đang bàn tới màu sắc trong thể vía cho nên ta có thể nói rằng các phương tiện để giao tiếp với tinh linh ngũ hành (vốn liên kết mật thiết xiết bao với thể vía của con người) chính là bằng âm thanh và màu sắc. Học viên có thể nhớ lại thỉnh thoảng người ta ám chỉ mơ hồ về một ngôn ngữ màu sắc và sự thật là ở Ai cập thời xưa, các bản thảo kinh sách được viết bằng màu sắc và kẻ nào sao chép sai lầm sẽ bị xử tử. Đối với tinh linh ngũ hành màu sắc cũng dễ hiểu như từ ngữ đối với loài người.

## **CHƯƠNG IV CHỨC NĂNG**

Ta có thể đại khái xếp các chức năng của thể vía theo ba đề mục:

- (1)- giúp ta có được cảm giác;
- (2)- dùng làm cầu nối giữa tâm trí và vật chất trên cõi trần;
- (3)- đóng vai trò một hiện thể độc lập của tâm thức và hành động.

Ta sẽ lần lượt bàn tới ba chức năng này.

Khi con người được phân tích ra thành những “nguyên khí” (nghĩa là những phương thức biểu lộ sự sống) thì bốn nguyên khí thấp đôi khi được gọi là “Tứ nguyên hạ” như sau:

Thể xác,  
Thể phách,  
Prāna tức Sinh khí,  
Kāma tức Dục vọng.

Nguyên khí thứ tư Kāma là sự sống biểu lộ nơi thể vía, bị thể vía chế định: đặc trưng của nó là thuộc tính xúc cảm, dưới dạng thô sơ đó là cảm giác, dưới dạng phức hợp đó là xúc động cùng với nhiều cấp độ trung gian giữa hai cực đoan này. Đôi khi ta tổng kết điều ấy coi đó là ham muốn, cái gì bị những đối tượng thu hút hoặc xua đẩy tùy theo các đối tượng ấy mang lại khoái lạc hoặc đau khổ.

Như vậy, Kāma bao gồm đủ thứ xúc cảm và có thể được miêu tả là bản chất đam mê và xúc động. Nó bao gồm mọi ham muốn mang nặng thú tính chẳng hạn như đói, khát, ham muốn tình dục; mọi sự đam mê chẳng hạn như những dạng thấp kém, yêu, ghét, ganh tị, ghen tương; đó là lòng ham muốn tồn tại trong giới hữu tình để trải nghiệm những niềm vui gắn liền với vật chất: “nhục dục, thị dục, sự vênh vang giữa cuộc đời”.

Kāma là con thú nơi chúng ta, là “con khi và con cọp” của Tennyson, là cái lực cứ ghì kéo chúng ta ràng buộc vào trần tục rồi bóp nghẹt mọi khao khát cao thượng nơi chúng ta bằng những hãm huyền của giác quan. Nó mang tính duy vật nhất trong bản chất con người và đó là thứ ghì chặt con người vào cuộc sống trần thế. “Không phải vật chất cấu tạo thành

dạng phân tử, - chứ đừng nói tới trọn cả cơ thể con người tức Sthūla Sharira – là ‘nguyên khí’ thô trực nhất trong mọi nguyên khí của ta; thật ra thì chính nguyên khí trung gian mới là trung tâm thực sự của thú tính, còn thể xác của ta chẳng qua chỉ là lớp vỏ của nó, là một yếu tố và phương tiện vô trách nhiệm thông qua đó con thú ở nơi ta sống chuồng tùy tiện sinh hoạt” (*Giáo Lý Bí Truyền*, quyển I trang 280 và 281).

Kāma tức Dục vọng cũng được miêu tả là phản ánh khía cạnh thấp kém của Atma tức Ý chí; có điều phân biệt là Ý chí mang tính Tự quyết trong khi Dục vọng bị kích động do sự hút hoặc xua đẩy của những đối tượng xung quanh. Như vậy, Dục vọng là Ý chí đã bị trút phé, là kẻ tù nhân, là nô lệ cho vật chất.

Còn một cách khác xem xét Kāma được ông Ernest Wood diễn tả rất hay ho trong tác phẩm soi sáng cho chủ đề Bảy Cung: Kāma “nghĩa là mọi dục vọng. Và dục vọng chính là cái khía cạnh hướng ngoại của tình thương, tha thiết với những sự vật nơi tam giới trong khi tình thương đích thực thì tha thiết với sự sống và điều thiêng liêng cho nên thuộc về Chơn ngã hướng nội”.

Xét vì mục đích của ta trong quyển sách này, dục vọng và xúc động thường được dùng hầu như đồng nghĩa với nhau, tuy nhiên nói cho nghiêm xác thì xúc động là sản phẩm của dục vọng và trí năng.

Thế vía thường được gọi là Kāma Rūpa; đôi khi trong kho tài liệu cũ nó được gọi là Hồn Thú.

Các tác động từ ngoại giới gây ấn tượng lên thể xác được truyền thành rung động thông qua Prāna tức Sinh khí, nhưng chúng vẫn chỉ là rung động thôi, chỉ là sự vận động trên cõi trần nếu không có Kāma tức nguyên khí cảm giác chuyển dịch rung động ấy thành ra xúc cảm. Vậy là khoá lạc và đau khổ không thể xuất hiện chừng nào nó chưa đạt tới trung tâm của thể vía. Vì thế cho nên, Kāma kết hợp với Prāna được gọi là “Sinh khí”, tức nguyên khí sinh động hữu tình lan tỏa trên khắp mọi hạt của cơ thể.

Dường như một vài cơ quan trong thể xác có liên kết đặc biệt với tác động của Kāma, trong số đó có lá gan và lá lách.

Ở đây, ta có thể lưu ý rằng Kāma tức dục vọng chỉ mới bắt đầu hoạt động nơi giới khoáng vật qua việc biểu hiện thành ái lực hóa học.

Nơi giới thực vật dĩ nhiên là nó phát triển hơn nhiều, biểu thị một năng lực lớn hơn nhiều nhằm vận dụng vật chất thấp của cõi trung giới. Học viên thực vật học đều biết những sự yêu ghét, nghĩa là dục vọng nổi bật hơn nhiều nơi giới thực vật so với giới khoáng vật và nhiều loại cây phôi bày rất nhiều sự tinh xảo và khôn ngoan nhằm đạt được những cứu cánh ấy.

Cây cỏ nhanh chóng đáp ứng với sự chăm sóc đầy yêu thương và rõ rệt là chịu ảnh hưởng những xúc cảm của con người đối với chúng. Chúng hân hoan đáp ứng với sự hâm mộ, chúng cũng có thể quyến luyến cá nhân cũng như giận dữ và ghét bỏ.

Những con thú có thể trải nghiệm đến mức trọn vẹn nhất các ham muốn thấp hèn, mặc dù năng lực trải nghiệm những ham muốn cao thượng bị hạn chế hơn nhiều. Tuy nhiên năng lực ấy có tồn tại và trong những trường hợp ngoại lệ thì một con thú có thể biểu lộ một phẩm tính cực kỳ cao về lòng luyến ái hoặc lòng sùng tín.

Bây giờ ta hãy chuyển sang chức năng thứ nhì của thể vía: đóng vai trò cầu nối giữa tâm trí và vật chất trên cõi trần. Ta lưu ý rằng một *tác động* lên những giác quan của thể xác được Prāna truyền vào bên trong rồi trở thành một *cảm giác* do tác động của những trung tâm nhạy cảm vốn ở nơi Kāma để rồi được Manas tức Tâm trí *nhận thức*. Như vậy, nếu không có tác dụng chung thông qua thể vía thì ắt không có mối liên hệ giữa ngoại giới với



cái trí của con người, không có liên hệ giữa những tác động lên thể xác với việc cái trí nhận thức được những tác động ấy.

Ngược lại, bất cứ khi nào ta suy nghĩ thì ta đều phát động vật chất trí tuệ bên trong ta; những rung động được sản sinh ra như thể được truyền sang vật chất của thể vía, vật chất thể vía lại tác động lên vật chất dĩ thái, đến lượt vật chất dĩ thái lại tác động lên vật chất của xác phàm tức là chất xám trong bộ óc. Như vậy, thể vía quả thật là cầu nối giữa sinh hoạt trên cõi trần và sinh hoạt trên cõi trí tuệ; nó đóng vai trò truyền rung động cả từ cõi trần lên cõi trí tuệ lẫn từ cõi trí tuệ xuống cõi trần và nó quả thật chủ yếu được phát triển nhờ vào việc các rung động thường xuyên được truyền đi truyền lại qua các cõi này.

Trong quá trình tiến hóa của thể vía con người có hai giai đoạn riêng biệt: trước hết thể vía được phát triển đến mức cao độ thành ra một hiện thể *truyền tin*; thể rồi nó được phát triển thành ra một hiện thể độc lập mà con người có thể vận hành trong đó nơi cõi trung giới.

Ở con người, trí khôn bình thường của bộ óc được tạo ra do sự kết hợp của Kāma với Manas (Manas tức là cái Trí), sự kết hợp này thường được gọi là Kāma-Manas. H. P. Blavatsky miêu tả Kāma-Manas là “trí năng thuần lý nhưng mang tính trần tục của con người, nó bị đóng khuôn bên trong và bị vật chất ràng buộc, vì vậy nó chịu ảnh hưởng của vật chất”; đây chính là “phàm ngã” khi tác động trên cõi hão huyền lại cứ tưởng mình là Chơn ngã, cho nên mới sa vào cái mà triết lý Phật giáo gọi là “tà kiến chia rẽ”.

Kāma-Manas nghĩa là Manas cấu kết với dục vọng, cũng thường được miêu tả một cách sinh động là Manas miệt mài với những sự vật nơi ngoại giới.

Nhân tiện xin nói, ta có thể lưu ý thấy rằng việc hiểu rõ sự thật, Kāma-Manas thuộc về phàm ngã của con người, nó hoạt động nơi và thông qua óc phàm; sự thật này là cốt yếu để ta lĩnh hội đúng đắn được quá trình luân hồi; bản thân nó cũng đủ chứng tỏ rằng vì sao ta không nhớ được những kiếp trước chừng nào mà tâm thức của ta còn chưa vượt ra khỏi cơ chế của bộ óc, cơ chế này cùng với cơ chế của Kāma đều đổi mới trong mỗi kiếp luân hồi vì vậy không dính dáng gì tới các kiếp trước.

Bản thân Manas không thể tác động lên các phân tử trong tế bào của óc phàm, nhưng khi hiệp nhất với Kāma, nó có thể khiến cho các phân tử trên cõi phàm chuyển động, thế là tạo ra “ý thức của óc phàm” bao gồm cả trí nhớ của bộ óc và mọi chức năng của cái trí con người mà ta thường biết. Cố nhiên đó không phải là Thượng trí mà chỉ là Hạ trí (nghĩa là vật chất thuộc bốn cảnh thấp của cõi trí tuệ) vốn liên kết với Kāma. Trong khoa tâm lý học của phương Tây, Kāma-Manas này trở thành một bộ phận của cái được gọi là Tâm trí trong hệ thống ấy. Kāma-Manas tạo thành mối liên kết giữa bản chất cao thượng và bản chất thấp hèn nơi con người; nó là bãi chiến trường trong buổi sinh thời và sau này ta sẽ thấy nó cũng đóng một vai trò quan trọng trong sinh hoạt bên kia của tử.

Manas và Kāma cấu kết mật thiết với nhau đến nỗi người Ấn độ bảo rằng con người có năm lớp vỏ, một trong năm lớp ấy là trí năng và dục vọng tác động trong mọi sự biểu lộ. Năm lớp vỏ ấy là:

- 1- Anandamaya Kosha, lớp vỏ Cực lạc, Buddhi
- 2- Vignānamaya Kosha, lớp vỏ Phân biện, Thượng trí và Kāma
- 3- Manomaya Kosha, lớp vỏ của Trí năng và Dục vọng, Hạ trí và Kāma
- 4- Prānamaya Kosha, lớp vỏ Sinh khí, Prāna
- 5- Annamaya Kosha, lớp vỏ Thực phẩm, Xác phàm

Trong phép phân chia của Đức Bàn Cổ, Prānamaya Kosha và Annamaya Kosha được xếp chung vào một loại được gọi là Bhūtātman tức thân tứ đại, tức thể hành động.



Vignānamaya Kosha và Manomaya Kosha cũng được gom lại thành một loại chỉ thể xúc cảm và được gọi là Jīva. Ngài định nghĩa nó là cái thể mà Chủ thể Trí thức tức Kshetragna, nhận biết được khoái lạc và đau khổ bên trong đó.

Trong những mối quan hệ nơi ngoại giới thì Vignānamaya Kosha và Manomaya Kosha (nhất là Manomaya Kosha) có liên quan tới thể giới Thiên thân. Nghe đâu các Thiên thân đã “nhập vào” con người và được đề cập là các vị thần linh chủ trì ngũ hành (xem trang 188 nguyên bản tiếng Anh). Những vị thần linh chủ trì này làm nảy sinh ra cảm giác nơi con người, biến những sự tiếp xúc với ngoại giới thành ra cảm giác tức là việc nhận thức được những sự tiếp xúc ấy trong nội tâm, đây là tác động cốt yếu của một Thiên thân. Vì thế cho nên mới có mối liên kết với mọi chư thiên cấp thấp và khi con người đã kiểm soát được hoàn toàn mối liên kết ấy thì y sẽ trở thành chủ nhân ông trong mọi cõi của Vũ trụ.

Như ta vừa nói ở trên, Manas tức cái Trí không thể tác động tới các hạt thô trong bộ óc cho nên mới phóng chiếu một bộ phận của chính mình (nghĩa là Hạ trí) khoác thêm vật chất của cõi trung giới rồi nhào vào vật chất dĩ thái để thấm nhuần toàn bộ thần kinh hệ của đứa trẻ trước khi chào đời. Sự phóng chiếu Manas thường được gọi là phản ánh của nó, hình bóng của nó, tia của nó và cũng được gọi là bằng nhiều danh xưng ẩn dụ khác. Trong *Chìa khóa Thông Thiên Học* trang 184 H. P. Blavatsky có viết: “Một khi đã bị cầm tù tức là đã bị nhập thể, trí bản thể Manas trở nên lưỡng bội; điều này có nghĩa là các tia của Trí tuệ vĩnh hằng thiêng liêng (vốn được coi là các thực thể cá biệt) khoác lấy một thuộc tính lưỡng bội như sau: (a)- Cái trí mang tính bản thể, cố hữu, đặc trưng hướng về cõi trời tức Thượng trí, (b)- Phẩm tính của con người biết suy tư, biết nhận biết như loài động vật, nhưng được thuần lý hóa do tính siêu đẳng của bộ óc con người, đó là Manas hướng về Kāma tức Hạ trí”.

Như thế Hạ trí bị đắm chìm trong tứ nguyên hạ và ta có thể coi là một tay nó chìa ra nắm lấy Kāma còn tay kia thì vẫn khư khư nắm lấy cha mình tức Thượng trí. Liệu nó sẽ bị Kāma hoàn toàn ghi xuống để rồi bị xé toạc ra khỏi tam nguyên (Atmā-Buddhi-Manas) mà nó thuộc về do bản chất; hay là liệu nó sẽ ca khúc khải hoàn mang theo về cõi nguồn những trải nghiệm trong sinh hoạt nơi trần thế đã được tẩy trừ – đó là bài toán của cuộc đời mà mỗi kiếp luân hồi liên tiếp đều đặt ra cho ta giải quyết. Ta sẽ xét tới vấn đề này thêm nữa trong các chương bàn về *Sinh hoạt Bên kia Cửa tử*.

Như vậy, Kāma cung cấp những yếu tố đam mê đầy thú tính; còn Hạ trí hợp lý hóa tất cả những thứ này bằng cách thêm vào đó những năng khiếu trí tuệ. Hai nguyên khí này quấn quít lấy nhau nơi con người trong buổi sinh thời hiếm khi nào tác động riêng rẽ.

Ta có thể coi Manas là ngọn lửa, Kāma và óc phàm là cái bắc và nhiên liệu cấp dưỡng cho ngọn lửa. Chơn ngã của mọi người dù đã phát triển hay chậm phát triển đều có cùng bản thể và có cùng chất liệu: điều khiến cho kẻ thì trở thành một vĩ nhân, còn kẻ thì trở thành một người đàn độn dung tục, đó chính là phẩm tính cấu tạo nên thể xác cũng như khả năng của bộ óc và cơ thể dẫn truyền và biểu hiện ánh sáng của Chơn non.

Nói tóm lại, Kāma-Manas là phàm ngã nơi con người; Hạ trí cung cấp cái nét chấm phá cá biệt khiến cho phàm ngã tự biết mình là “Tôi”, Hạ trí là một tia của Chủ thể Suy tư bất tử, *soi sáng cho phàm ngã*. Chính Hạ trí mang lại nét chấm phá cuối cùng của khoái lạc đối với các giác quan và bản chất thú tính bằng cách cung cấp khả năng tiên liệu, ghi nhớ và tưởng tượng.

Trong khi ta sẽ đi lạc đề trong quyển sách này nếu xâm lấn quá xa vào địa hạt Manas và thể trí, thế nhưng học viên ở giai đoạn này cũng nên biết thêm rằng tự do ý chí vốn ở nơi Manas, vì Manas là đại biểu của Mahat tức Trí tuệ Vũ trụ. Nơi phàm non hoạt động trên

cõi trần thì Hạ trí là tác nhân của tự do ý chí. Do Manas mới có cảm tưởng tự do, biết rằng mình có thể tự chủ, nghĩa là bản chất cao thượng có thể làm chủ được bản chất thấp hèn, vì vậy đồng nhất hóa tâm thức với Manas thay vì đồng nhất hóa tâm thức với Kāma là một bước tiến quan trọng trên con đường tự chủ.

Chính sự phấn đấu của Manas nhằm tự vỗ ngực xưng tên là bằng chứng hùng hồn nhất cho thấy rằng xét về bản chất nó có tính cách tự do. Chính sự hiện diện và quyền năng của Chơn ngã giúp cho con người có thể chọn lựa giữa các loại ham muốn và khắc phục được chúng. Khi Hạ trí kiểm soát được Kāma thì tứ nguyên hạ đã có được vị thế chính đáng của mình là cục cung tận tụy phục vụ tam nguyên thượng tức Atmā-Buddhi-Manas.

Chúng ta có thể phân loại các nguyên khí của con người như sau:

1- Atma	}	Bất tử
Buddhi		
Thượng trí		
2- Kāma-Manas		Bất tử có điều kiện
3- Prāna	}	Hữu hoại
Thể Phách		
Xác phàm		

Giờ đây, chúng ta hãy xét tới chức năng thứ ba của thể vía là một hiện thể độc lập của tâm thức và hành động. Việc bàn luận trọn vẹn về bộ phận này trong đề tài của chúng ta – công dụng, sự phát triển, khả năng và sự hạn chế của thể vía trên cõi của riêng mình – sẽ được xét đến từng bước một trong hầu hết các chương sau đây. Hiện giờ, ta chỉ cần liệt kê rất ngắn gọn những phương thức chính yếu giúp ta có thể sử dụng thể vía làm một hiện thể độc lập của tâm thức. Những phương thức này như sau:

1- Trong tâm thức tỉnh táo lúc bình thường, nghĩa là khi óc phàm và các giác quan đang tỉnh như sáo sậu thì ta có thể đưa vào hoạt động những quyền năng của các giác quan thể vía. Một số những quyền năng này tương ứng với những giác quan và năng lực hành động mà xác phàm có được. Ta sẽ bàn tới chúng ở chương kế tiếp nói về các *Luân xa*.

2- Trong khi ngủ hoặc lúc xuất thân, thể vía có thể tách rời xác phàm và vân du thoải mái trên cõi của riêng mình. Ta sẽ bàn tới điều này ở chương nói về *Sinh hoạt trong lúc Ngủ*.

3- Ta cũng có thể phát triển các quyền năng của thể vía sao cho bất cứ lúc nào mình muốn, con người cũng có thể hữu thức và cố ý rời bỏ xác phàm, chuyển sang thể vía mà tâm thức không bị gián đoạn. Ta sẽ bàn tới điều này ở chương nói về *Sự liên tục Tâm thức*.

4- Sau khi xác phàm chết, tâm thức rút lui vào trong thể vía và có thể trải qua một sinh hoạt trên cõi trung giới biến thiên rất nhiều về cường độ và thời gian kéo dài tùy thuộc vào một số yếu tố. Ta sẽ bàn tới điều này ở chương nói về *Sinh hoạt sau khi Chết*.

Những cách phân chia đề tài này với nhiều nhánh nhóc sẽ cấu thành bộ phận chủ yếu trong phần còn lại của bộ khảo luận này.

## CHƯƠNG V CÁC LUÂN XA

Từ ngữ Chakram theo tiếng Bắc phạn có nghĩa đen là một bánh xe hoặc một cái đĩa xoay vòng. Người ta dùng nó để biểu thị cái thường được gọi là các Trung Tâm Lực nơi con người. Trong mọi hiện thể của con người đều có những Luân xa ấy và chúng là các điểm giao tiếp nơi thần lực tuôn đổ từ hiện thể này sang hiện thể kia. Chúng cũng có liên hệ mật thiết với những quyền năng hoặc giác quan của đủ thứ hiện thể.

Các Luân xa của thể phách đã được mô tả đầy đủ trong quyển *Thế Phách*, xin học viên hãy tham chiếu tác phẩm ấy, vì nghiên cứu các luân xa của Thể Phách sẽ trợ giúp đáng kể cho y trong việc hiểu được các Luân xa của thể vía.

Các Luân xa của Thể Phách ở trên bề mặt của thể phách và thường được biểu thị bằng tên gọi của cơ quan thể xác tương ứng với chúng. Đó là:

- 1- Luân xa chót Xương sống
- 2- Luân xa Rốn
- 3- Luân xa Lá lách
- 4- Luân xa Tim
- 5- Luân xa Cổ họng
- 6- Luân xa giữa Chân mày
- 7- Luân xa Đỉnh đầu

Còn có ba Luân xa hạ đẳng nữa nhưng vì chúng chỉ được dùng trong một vài trường phái “tà thuật” cho nên ở đây chúng ta không quan tâm tới chúng.

Các Luân xa của thể vía thường ở bên trong thể Phách và là những xoáy lực trong bốn chiều đo của không gian (xem chương XVIII), do đó mở rộng ra theo một hướng khác hẳn thể Phách, vì vậy mặc dù chúng tương ứng với các Luân xa của thể Phách nhưng chúng tuyệt nhiên không luôn luôn cùng kết thúc với các luân xa này mặc dù một bộ phận nào đó bao giờ cũng trùng khớp với nhau.

Các luân xa của thể vía được gọi giống như tên gọi luân xa thể Phách với những chức năng như sau:

1. *Luân xa chót Xương sống.* Đây là nơi cư trú của Hỏa xà Kundalini, một lực tồn tại trên mọi cõi mà nhờ có nó các Luân xa còn lại mới được khơi hoạt.

Thoạt tiên thì thể vía hầu như là một khối trơ chỉ có được ý thức mơ hồ nhất mà không có một quyền năng nhất định làm bất cứ điều gì và chẳng biết rõ rệt gì về thế giới xung quanh. Điều đầu tiên xảy ra chính là khơi hoạt Kundalini trên cõi Trung giới.

2. *Luân xa Rốn.* Sau khi được khơi hoạt nơi Luân xa thứ nhất, Kundalini di chuyển lên Luân xa Rốn, làm linh hoạt nó, nhờ vậy khiến cho thể vía có được khả năng xúc cảm tức là bén nhạy với đủ mọi loại ảnh hưởng mặc dù cho đến nay không phải là bất cứ điều gì giống như việc hiểu biết chính xác bắt nguồn từ tai nghe mắt thấy.

3. *Luân xa Lá lách.* Thế rồi Kundalini di chuyển lên Luân xa lá lách và thông qua nó cấp sinh lực cho toàn bộ thể vía; một trong những chức năng của luân xa này là hấp thụ Prāna tức Sinh lực, vốn cũng tồn tại trên mọi cõi. Việc làm linh hoạt Luân xa lá lách giúp cho người vân du trong thể vía một cách hữu thức mặc dù cho đến nay, y chỉ có ý niệm mơ hồ về những điều mà mình hội ngộ trong cuộc du hành ấy.

4. *Luân xa Tim.* Luân xa này giúp cho con người có thể hiểu được và đồng cảm với những rung động của các thực thể khác trên trung giới.

5. *Luân xa Cổ họng.* Luân xa này ban cho ta khả năng trên cõi trung giới tương ứng với việc nghe thấy trên cõi hồng trần.

6. *Luân xa giữa Chân mây*. Luân xa này ban cho ta khả năng cảm nhận dứt khoát hình dáng và bản chất của các sự vật trên cõi trung giới thay vì chỉ mơ hồ cảm thấy sự hiện diện của chúng.

Liên quan tới luân xa này dường như cũng có khả năng khuếch đại tùy ý một hạt nhỏ nhất trên cõi hồng trần hoặc cõi trung giới lên tới bất kỳ kích thước nào mà ta mong muốn dường như thể nhờ có kính hiển vi. Quyền năng giúp cho nhà nghiên cứu huyền bí học nhận thức được và nghiên cứu các phân tử, nguyên tử v.v... Tuy nhiên, việc kiểm soát trọn vẹn năng lực này nói cho đúng hơn thuộc về thể Thượng trí.

Quyền năng khuếch đại là một trong những *thần thông* mà sách vở Đông phương xem như “khả năng biến mình thành ra tùy ý lớn hay nhỏ”. Sự miêu tả này là thích đáng bởi vì phương pháp được dùng là sử dụng một cơ quan thị giác tạm thời nhỏ không thể tưởng tượng được. Ngược lại, việc thu nhỏ tầm nhìn có thể đạt được bằng cách kiến tạo một cơ quan thị giác tạm thời vô cùng lớn hơn.

Khả năng khuếch đại khác hẳn năng lực hoạt động trên một cõi cao, chẳng khác nào khả năng quan sát các hành tinh và ngôi sao của một nhà thiên văn là chuyện khác hẳn khả năng di chuyển hoặc vận hành trên các hành tinh.

Trong kinh điển Ấn độ, người ta nêu rõ rằng tham thiền ở một bộ phận nào đó trên lưỡi sẽ mang lại thần nhãn cõi trung giới. Phát biểu này chỉ là một bức bình phong nhằm nói tới tuyến yên vốn tọa lạc ngay trên bộ phận ấy của cái lưỡi.

7. *Luân xa Đỉnh đầu*. Luân xa này hoàn chỉnh và hoàn tất sinh hoạt trên cõi trung giới giúp cho con người hoàn thiện được những năng khiếu của mình.

Luân xa này dường như hoạt động theo hai cách.

Nơi một loại hình người, Luân xa thứ sáu và thứ bảy đều hội tụ nơi tuyến yên; đối với loại hình này, tuyến yên thực tế là mối liên kết trực tiếp duy nhất giữa xác phàm và các cõi cao.

Tuy nhiên, nơi một loại hình người khác, trong khi Luân xa thứ sáu vẫn còn gắn liền với tuyến yên thì Luân xa thứ bảy lại bị uốn cong đi hoặc bẻ chệch cho đến khi xoáy lực trùng với tuyến tủy. Như vậy, ở những người thuộc loại hình này, tuyến tủy được làm cho linh hoạt và trở thành đường thông thương trực tiếp với hạ trí mà xét theo biểu kiến không bằng ngang qua cõi trung giới ở giữa theo phương thức bình thường.

Như ta biết, thể xác có những cơ quan đặc biệt chuyên dành cho mỗi giác quan, mắt dùng để nhìn thấy, tai dùng để nghe thấy v.v... Tuy nhiên, nơi thể vía thì không phải như vậy.

Các hạt của thể vía thường xuyên lưu chuyển và xoay vòng giống như nước đang sôi sùng sục; vì vậy không có một hạt chuyên biệt nào vẫn cứ liên tục ở nơi một Luân xa. Ngược lại, mọi hạt thuộc thể vía đều băng ngang qua mỗi Luân xa.

Mỗi Luân xa đều có chức năng khơi hoạt một năng lực nào đó nhằm đáp ứng với các hạt lưu chuyển qua nó, Luân xa này đáp ứng với khả năng nhìn thấy, Luân xa kia đáp ứng với khả năng nghe thấy v.v...

Vì vậy, nói cho thật nghiêm xác thì không một giác quan của thể vía nào được định xứ hoặc hạn chế nơi một bộ phận đặc thù của thể vía. Nói cho đúng hơn thì toàn thể các hạt thuộc thể vía đều có khả năng đáp ứng. Vì vậy, một người đã phát triển được thần nhãn dùng bất cứ hạt vật chất nào trong thể vía của mình để nhìn thấy; do đó y có thể nhìn rõ những vật ở trước mặt, ở sau lưng, ở bên trên, ở bên dưới hoặc ở hai bên cạnh đều rõ rệt như nhau. Tương tự như vậy, đối với mọi giác quan khác. Nói cách khác, các giác quan của thể vía hoạt động giống như nhau ở khắp mọi bộ phận trong thể vía.



Chẳng dễ gì miêu tả được điều thay thế cho ngôn ngữ trên cõi trung giới, nhờ vậy ta có thể trao đổi ý kiến với nhau. Âm thanh theo nghĩa thông thường của từ ngữ này không thể có được trên cõi trung giới - thậm chí ngay cả ở bộ phận cao cấp của cõi hồng trần cũng không có được âm thanh. Bảo rằng ngôn ngữ của cõi trung giới là việc chuyển di tư tưởng thì cũng chẳng chính xác: cùng lắm ta cũng chỉ có thể nói rằng đó là việc chuyển di tư tưởng được triển khai theo một phương thức đặc thù.

Nơi cõi trí tuệ, tư tưởng ngay tức khắc được truyền tới tâm trí của một người khác mà không cần bất cứ dạng từ ngữ nào: vì vậy trên cõi trí tuệ, ngôn ngữ chẳng quan trọng bao nhiêu. Nhưng việc truyền thông trên cõi trung giới có thể nói là lưng chừng giữa việc chuyển di tư tưởng trên cõi trí tuệ và ngôn ngữ cụ thể trên cõi hồng trần: Người ta vẫn còn cần phải đào luyện tư tưởng thành ra ngôn từ. Muốn trao đổi tư tưởng, vì vậy hai bên đối tác cần có chung một ngôn ngữ.

Các Luân xa của thể vía và thể phách tương ứng rất mật thiết với nhau, nhưng ở giữa chúng và lồng vào chúng theo một cách chẳng dễ gì miêu tả được, có một lớp vỏ hoặc mạng lưới với kết cấu đan bện khăng khít với nhau bao gồm chỉ một lớp nguyên tử hồng trần đã được nén chặt lại và thấm nhuần một dạng Prāna đặc biệt. Bình thường thì sự sống thiêng liêng từ thể vía giáng xuống thể xác đã được chỉnh hợp sao cho nó đi qua lá chắn này hoàn toàn dễ dàng, nhưng đó lại là một hàng rào tuyệt đối ngăn cản mọi lực không thể sử dụng được vật chất nguyên tử của cả hai cõi. Mạng lưới ấy là điều bảo vệ tự nhiên ngăn không cho sự giao tiếp giữa hai cõi được khai mở quá sớm vì sự phát triển như thế chỉ gây ra tai hại.

Bình thường ra thì chính nó ngăn cản việc ta nhớ rõ lại sinh hoạt trong lúc ngủ và cũng chính nó khiến ta tạm thời mất ý thức, một điều luôn luôn xảy ra lúc lâm chung. Nhưng nhờ có sự trang bị này cho nên người thường bất cứ lúc nào cũng được bảo vệ khỏi chịu ảnh hưởng thần lực của một thực thể trung giới mà y không thể đương đầu được. Y có thể bị thường xuyên nhập xác bởi những thực thể trung giới muôn chiếm xác mình.

Mạng lưới có thể bị tổn thương theo nhiều cách:

1. Một cơn chấn động của thể vía, nghĩa là đột ngột sợ hãi có thể làm xé toạc cái cơ cấu mong manh này gây ra điều người ta thường gọi là khiến con người phát điên.

Một cơn bùng nổ giận dữ ghê gớm cũng có thể tạo ra tác dụng tương tự chẳng khác nào bất kỳ xúc động rất mạnh nào khác có tính cách xấu xa tạo ra một loại bùng nổ trong thể vía.

2. Việc lạm dụng rượu, ma túy, kể cả thuốc lá. Những chất này có chứa một hoạt chất mà khi phân hủy lúc bay hơi thì một số đã chuyển từ cõi hồng trần sang cõi trung giới. Ngay cả trà và cà phê cũng chứa hoạt chất này nhưng với một lượng vô cùng nhỏ sao cho chỉ khi nào liên miên lạm dụng trà, cà phê thì mới tạo ra tác dụng ấy.

Những thành phần cấu tạo này ủa qua các Luân xa theo hướng đối nghịch với hướng lẽ ra chúng phải đi và khi làm như vậy tái đi tái lại, chúng gây tổn hại nghiêm trọng, rồi cuối cùng phá hủy mạng lưới mong manh.

Sự phá hủy hoặc thoái hóa này có thể diễn ra theo hai cách tùy theo loại hình người hữu quan và tùy theo tỉ lệ thành phần cấu tạo chất trong thể phách và thể vía.

Nơi một loại hình người thì việc hoạt chất dễ bay hơi ủa sang ắt thật sự đốt cháy mạng lưới và vì vậy mở toang cửa đón nhận mọi lực không chính qui và những ảnh hưởng tồi tệ. Những người chịu ảnh hưởng như thế đâm ra mê sảng do nghiện rượu, bị nhập do điên cuồng.



Nơi một loại hình người khác, các hoạt chất dễ bay hơi khi ùa sang lại làm cho nguyên tử khá cứng rắn đến nỗi sự mạch động của nó phần lớn bị kiểm soát hoặc què quạc, khiến nó không còn có thể được làm cho linh hoạt nhờ loại Prāna đặc thù gắn kết nó vào mạng lưới. Điều này gây ra cốt hóa mạng lưới sao cho thay vì có quá nhiều thần lực di chuyển từ cõi này sang cõi kia thì ta lại có rất ít bất cứ loại thần lực nào đi xuyên qua nó. Những đối tượng như thế nói chung có khuynh hướng chết dần chất mòn các đức tính của mình, gây ra tính duy vật thô thiển, tính tàn bạo và thú tính, mất đi mọi xúc cảm tinh anh và không còn khả năng kiểm soát được chính mình. Nghe nói loại người này rất thông thường trong đám nghiện thuốc lá.

Mọi ấn tượng chuyển từ cõi này sang cõi kia lẽ ra được dự tính chỉ đi qua các cảnh nguyên tử, nhưng khi quá trình chết dần chết mòn xảy ra thì nó chẳng những làm ô nhiễm vật chất nguyên tử mà còn tiêm nhiễm cả vào vật chất thuộc cảnh thứ nhì và thứ ba sao cho việc thông thương giữa cõi trung giới và cõi dĩ thái chỉ xảy ra qua các cảnh thấp mà ta chỉ tìm thấy nơi đó những ảnh hưởng xấu xa bất hảo.

Tâm thức của kẻ phạm phu chưa thể sử dụng được vật chất nguyên tử thuần túy của cả cõi trần lẫn cõi trung giới; vì vậy bình thường ra y không thể giao tiếp hữu thức thoải mái giữa hai cõi. Cách chính đáng để đạt được khả năng này là tẩy trừ các hiện thể cho đến khi vật chất nguyên tử của cả hai đều được làm linh hoạt trọn vẹn sao cho mọi sự thông thương giữa hai cõi có thể đi qua con đường này. Trong trường hợp ấy, mạng lưới vẫn giữ được đầy đủ nhất vị thế và hoạt động của mình nhưng không còn là hàng rào ngăn cản sự giao tiếp hoàn hảo trong khi nó vẫn còn tiếp tục ngăn ngừa được sự tiếp xúc mật thiết với các cảnh bất hảo ở bên dưới.

3. Cách thứ ba để gây tổn hại cho mạng lưới được giới thần linh học gọi là “ngồi đồng để phát triển”.

Người ta hoàn toàn có thể (thậm chí rất thường) có được các Luân xa thể vía phát triển đầy đủ sao cho y có thể vân du thoải mái trên cõi trung giới, thế nhưng chẳng nhớ được điều gì thuộc cõi này khi trở về với ý thức tỉnh táo. Ta sẽ bàn thích đáng hơn về hiện tượng này cùng cách giải thích nó nơi chương nói về các *Giấc mơ*.

## **CHƯƠNG VI KUNDALINI**

Xin học viên hãy tham chiếu quyển *Thế Phách* có mô tả về Kundalini đặc biệt liên quan tới thể phách và các Luân xa của nó. Ở đây, chúng ta quan tâm tới Kundalini liên quan đến thể vía.

Ta biết có ba thần lực do Thượng Đế xạ ra:

1. Fohat: biểu hiện thành điện, nhiệt, ánh sáng, sự vận động v.v...
2. Prāna: biểu hiện thành sinh khí
3. Kundalini: mà ta cũng gọi là Hỏa xà.

Mỗi một trong ba loại thần lực này đều tồn tại trên mỗi cõi mà ta chẳng biết điều gì. Theo chỗ chúng tôi biết thì không một loại thần lực nào trong ba loại này có thể chuyển hóa được thành bất cứ loại nào khác: mỗi loại vẫn cứ riêng rẽ và riêng biệt.

*Tiếng Nói Vô Thinh* gọi Kundalini là “Quyền năng Bốc lửa” và “Đức Mẹ của Thế gian”. Nó có danh xưng thứ nhất vì nó trông giống như lửa dạng lỏng khi cuộn cuộn chảy qua cơ thể và lộ trình mà nó đi theo là hình xoắn ốc giống như con rắn cuộn mình lại. Nó được gọi là Đức Mẹ của Thế gian bởi vì nhờ có nó mà đủ thứ hiện thể mới được làm linh hoạt sao cho các cõi cao có thể lần lượt mở ra trước mắt ta.

Trong cơ thể con người, nó cư trú nơi Luân xa ở chót xương sống và đối với kẻ phạm phu thì suốt đời nó cứ nằm ở đáy không hề được khơi hoạt cho nên chẳng ai ngờ là nó tồn tại. Tốt hơn thì nó cứ ngủ im như thế, chừng nào con người chưa phát triển dứt khoát về đạo đức và chưa đủ ý chí dũng mãnh để kiểm soát được nó, chưa đủ trong sạch về tư tưởng để có thể đương đầu với nó khi đã khơi hoạt mà không gặp tổn hại. Nếu không được một bậc sư phụ hiểu rõ ràng về đề tài này huấn luyện rành mạch thì người ta chớ nên thí nghiệm với nó vì những nguy cơ liên quan tới nó là rất thật và nghiêm trọng ghê gớm. Một số nguy cơ này thuần túy thuộc về thể xác. Việc nó chuyển động không kiểm soát được thường tạo ra cho thể xác đau đớn ghê gớm. Nó có thể dễ dàng xé rách các mô, thậm chí hủy diệt sự sống của thể xác. Nó cũng có thể gây phương hại mãi mãi cho những hiện thể cao hơn xác phàm.

Một tác dụng rất thông thường khi khơi hoạt nó quá sớm là nó ùa xuống phía dưới cơ thể thay vì vọt lên trên; như vậy nó kích thích những đam mê bất hảo nhất, kích động chúng tăng cường tác dụng đến nỗi con người hoàn toàn không thể chống cự được bởi vì một thần lực đã được triển khai mà khi nó có mặt thì y hoàn toàn chơi với. Những người như thế trở thành những con yêu râu xanh, những quái vật trụy lạc mà mãnh lực đã vượt xa khả năng đề kháng bình thường của con người. Có lẽ họ cũng đạt được một vài thần thông nhưng những thứ ấy lại khiến cho họ tiếp xúc với một cấp tiến hóa thấp hơn mà theo dự tính loài người lẽ ra không nên giao tiếp, mà muốn thoát khỏi nanh vuốt của nó thì có thể phải mất nhiều hơn một kiếp.

Có một trường phái tà thuật cổ tình sử dụng quyền năng này theo cách ấy để nhờ nó làm linh hoạt các Luân xa hạ đẳng mà những người theo Chánh Pháp chẳng bao giờ dám rờ tới.

Việc khai mở Kundalini quá sớm còn có những khả năng bất hảo khác nữa. Nó tăng cường mọi thứ trong bản chất con người và những tính xấu thấp hèn thì dễ bộc lộ ra hơn là phát triển đức tính tốt. Nơi thể trí, tham vọng dễ dàng được kích hoạt và chẳng bao lâu sau phình ra đến mức độ quá quắc không thể tin được. Có lẽ nó cũng mang lại việc tăng cường ghê gớm trí năng kèm theo lòng ngạo mạn quí quái bất bình thường mà kẻ phạm phu hoàn toàn không tưởng tượng ra nổi.

Một người thiếu hiểu biết mà thấy Kundalini ngẫu nhiên được khơi hoạt thì nên tức khắc tham vấn một người nào khác hiểu rõ ràng về những vấn đề này.

Việc khơi dậy Kundalini – phương pháp làm như thế không ai biết rõ nơi chốn công cộng – và toan tính dẫn nó đi qua các Luân xa (thứ tự cũng bị cổ tình giấu giếm đối với công chúng) chẳng bao giờ nên được thử nghiệm ngoại trừ khi được gợi ý rõ ràng của một Chơn sư, ngài sẽ giám sát đệ tử qua đủ thứ giai đoạn thực nghiệm.

Các huyền bí gia lão luyện đều đưa ra những lời cảnh báo nghiêm trọng nhất đối với bất kỳ toan tính nào nhằm khơi hoạt Kundalini, ngoại trừ khi được dạy dỗ theo hướng thẩm quyền bởi vì điều này có những nguy cơ thật sự lớn lao. Trong quyển *Hatha Yoga pradipika* có nói như sau: “ Nó mang lại sự giải thoát cho các đạo sĩ yoga và sự nô lệ ràng buộc cho những kẻ điên rồ”. (quyển III trang 107)

Trong một số trường hợp, Kundalini thức tỉnh tự phát sao cho người ta cảm thấy có một ánh sáng lờ mờ; nó thậm chí có thể bắt đầu di chuyển mặc dù điều này hiếm hoi. Trong trường hợp di chuyển thì rất có thể là nó sẽ gây ra đau đớn ghê gớm bởi vì đường thông thương chưa được chuẩn bị cho nên nó phải dọn đường bằng cách thật sự đốt cháy rất nhiều chất cặn bã dĩ thái, điều này tất yếu là một quá trình đau đớn. Như thế khi nó thức tỉnh hoặc ngẫu nhiên được khơi hoạt thì nó thường cố gắng cuộn cuộn dâng lên phía trong cột sống thay vì đi theo lộ trình xoắn ốc mà huyền bí gia được rèn luyện để dẫn dắt nó. Nếu có thể

được, thì ta nên dùng ý chí để chặn đứng luồng chảy đi lên của nó, nhưng nếu điều này tỏ ra không thể được (hầu như rất có thể là như thế) thì ta cũng chẳng cần đâm ra phải hoảng hốt. Nó có lẽ tuôn ra qua đỉnh đầu rồi thoát vào bầu không khí xung quanh, rất có thể là chẳng có hậu quả tai hại nào ngoại trừ việc hơi yếu sức đi một chút. Ta cũng chẳng cần phải sợ một điều gì tệ hại hơn việc tạm thời mất ý thức. Nguy cơ tệ hại nhất không liên quan tới việc nó ùa lên trên mà đáng ngại tới việc nó xoay vào trong và hướng xuống dưới.

Chức năng chính yếu của nó liên quan tới việc phát triển huyền bí là khi được phóng qua các Luân xa trong thể phách, nó làm linh hoạt các Luân xa này ở giữa thể xác và thể vía. Trong *Tiếng Nói Vô Thình* có bảo rằng khi Kundalini đạt tới trung tâm lực giữa chân mày và làm linh hoạt trọn vẹn nó thì điều này ban cho ta quyền năng nghe được tiếng nói của Sư phụ - trong trường hợp này có nghĩa là tiếng nói của Chơn Nhơn hay Chơn Ngã. Lý do là khi tuyến yên được đưa vào hoạt động theo đúng thứ tự thì nó tạo thành một mối liên kết hoàn hảo với thể xác sao cho ta có thể nhận được mọi liên giao từ bên trong thông qua nó.

Hơn nữa, sớm muộn gì thì mọi Luân xa ở trên cao cũng đều phải được khơi hoạt và mỗi Luân xa phải được làm cho đáp ứng với đủ loại ảnh hưởng cõi trung giới xuất phát từ đủ thứ cảnh cõi trung giới. Hầu hết mọi người không thể đạt được điều này trong kiếp hiện tại nếu đây là lần đầu tiên họ bắt đầu đâm đờng vấn đề này một cách nghiêm túc. Một số người Ấn độ có thể thành công trong việc làm ấy vì cơ thể họ theo di truyền dễ thích nghi hơn hầu hết cơ thể người khác; nhưng đối với đa số mọi người thì đây là công trình của một Cuộc Tuần Hoàn mãi về sau này.

Việc chinh phục Kundalini phải được lập lại trong mỗi kiếp vì mỗi lần tái sinh là một lần có một hiện thể mới, nhưng nếu đã từng một lần thành công thì việc lập lại cũng dễ thôi. Tác động của nó ắt biến thiên theo các loại hình người khác nhau. Một số người ắt nhìn thấy Chơn Ngã hơn là nghe thấy tiếng nói của nó. Mối liên hệ này với đối tượng cao hơn có nhiều giai đoạn; đối với phàm ngã thì nó lại có nghĩa là ảnh hưởng của Chơn Ngã; nhưng đối với chính Chơn Ngã thì nó lại có nghĩa là quyền năng của Chơn Thần; và đến lượt đối với Chơn Thần thì nó có nghĩa là trở thành một biểu hiện hữu thức của Thượng Đế.

Dường như không có bất kỳ giới hạn tuổi tác nào đối với việc khơi hoạt Kundalini, nhưng cần có sức khỏe thể xác vì rất căng thẳng.

Một biểu tượng cổ truyền là cây gậy thần Mercure, nghĩa là một cây quyền trượng có hình nón quả thông ở trên đỉnh. Ở Ấn độ ta cũng thấy có biểu tượng như vậy nhưng thay vì là cây quyền trượng thì người ta lại dùng một cây gậy tre có bảy đốt. Trong một số biến thể của các bí pháp thay vì dùng một cây gậy thần Mercure ẩn tàng bên trong cổ nhiên Kundalini. Cây thần trượng thần Mercure chẳng những là biểu tượng mà còn là một vật có công dụng thực tiễn. Đó là một dụng cụ được từ điện hóa rất mạnh mà các điểm đạo đồ dùng để tách thể vía ra khỏi thể xác khi họ chuyển sang sinh hoạt ở cõi trên một cách ý thức đầy đủ. Vị lễ sư đã từ điển hóa nó, dí nó vào cột sống của ứng viên, bằng cách đó cung cấp cho y một số từ khí của riêng mình trợ giúp y trong sinh hoạt khó khăn ấy với những nỗ lực đang mở ra trước mắt y.

## **CHƯƠNG VII** **CÁC HÌNH TƯỢNG**

Thê hạ trí và thê vía là các hạ thê liên quan chủ yếu tới việc tạo ra cái gọi là các hình tư tưởng. Thuật ngữ hình tư tưởng (thought-form) không hoàn toàn chính xác bởi vì hình tưởng tạo ra có thể bao gồm chất trí tuệ hoặc trong đại đa số trường hợp, thì gồm cả chất trí tuệ lẫn chất trung giới.

Mặc dù trong quyển sách này chúng ta bàn trước hết tới thê vía chứ không phải thê trí, thê nhưng như ta vừa nói trong đại đa số trường hợp hình tư tưởng lại vừa thuộc về thê vía vừa thuộc thê trí. Vì vậy để cho đề tài này dễ hiểu hơn, ta cần bàn thoả mái về khía cạnh trí tuệ cũng như về khía cạnh trung giới của đề tài này.

Một tư tưởng thuần túy trí thức và không mang hơi hám cá nhân – chẳng hạn như tư tưởng liên quan tới Đại số học hoặc Hình học – ắt bị hạn chế vào chất trí tuệ. Mặt khác nếu tư tưởng có chứa đựng điều gì đó là ham muốn cá nhân hoặc ích kỷ, thì nó sẽ thu hút xung quanh mình chất trung giới thêm thắt vào chất trí tuệ. Hơn nữa nếu tư tưởng có bản chất tâm linh, nếu nó thấm đượm tình thương và đạo tâm hoặc một xúc cảm vị tha sâu sắc thì nó cũng có thể thu nhập một số điều huy hoàng và vinh quang của cõi Bồ Đề.

Mọi tư tưởng xác định đều tạo ra hai hiệu quả: một là rung động bức xạ, hai là một hình tưởng trôi nổi.

Rung động được xây dựng và bức xạ (phóng ra) từ thê trí có kèm theo tác động của màu sắc mà người ta đã miêu tả là giống như tia nước phun ra từ thác nước lấp lánh dưới ánh mặt trời, được nâng lên lũy thừa n lần về màu sắc và mức độ tinh vi sống động.

Rung động bức xạ này có khuynh hướng làm cho bất kỳ thê trí nào chịu tác động của nó cũng mô phỏng lại nhịp độ rung động của chính nó; điều này nghĩa là tạo ra các tư tưởng cùng loại hình với tư tưởng nguồn cội của rung động. Ta nên lưu ý rằng, rung động bức xạ không mang theo chủ đề của tư tưởng mà chỉ chuyển tải đặc tính của nó. Như vậy các làn sóng tư tưởng xúc động bức xạ ra từ một người Ấn Độ đang ngồi thiền ngất ngây sùng tín đấng Krishna ắt có khuynh hướng kích thích xúc động sùng tín nơi bất kỳ kẻ nào chịu ảnh hưởng của mình, không nhất thiết hướng về đấng Shri Krishna, mà trong trường hợp một Ki Tô hữu lại hướng về đấng Ki Tô, còn trong trường hợp một Phật tử ắt hướng về Đức Phật v.v. . .

Khả năng của rung động tạo ra những hiệu ứng tùy thuộc chủ yếu vào độ trong sáng và xác định của tư tưởng-xúc động (the thought-emotion) cũng như dĩ nhiên tùy thuộc vào số lượng thần lực đầu tư vào đó.

Những rung động bức xạ này càng ít có hiệu lực tỉ lệ với khoảng cách tính đến nguồn phát, mặc dù có lẽ độ biến thiên tỉ lệ với lũy thừa 3 của khoảng cách thay vì tỉ lệ với bình phương khoảng cách (như trong trường hợp lực hấp dẫn và các lực vật lý khác) bởi vì ta đánh giá tới chiều đo thứ tư thêm nữa.

Khoảng cách mà một làn sóng tư tưởng bức xạ hữu hiệu tới đó còn tùy thuộc vào sự chống đối mà nó gặp phải. Các làn sóng của loại hình chất trung giới thấp chẳng bao lâu sau thường bị chệch hướng hoặc đê bẹp bởi vô số những rung động ở cùng mức độ với nó, cũng giống như một âm thanh nhỏ nhỏ ất đăm chìm trong tiếng ồn ào của một đô thị náo nhiệt.

Tác dụng thứ nhì là một hình tư tưởng trôi nổi do thê trí tạo dựng bằng cách phóng ra một bộ phận của chính mình được định hình theo bản chất của tư tưởng; bộ phận này thu thập xung quanh mình vật chất có mức độ tinh vi tương ứng bắt nguồn từ tinh hoa ngũ hành xung quanh đó (xem trang 6) của cõi trí tuệ. Đây là một hình tư tưởng đơn thuần chỉ gồm có chất trí tuệ thôi.



Nếu được tạo thành từ các vật chất tinh vi hơn thì nó ắt có năng lượng và khả năng lớn lao hơn, ta có thể dùng nó làm một tác nhân dũng mãnh nhất khi ta dùng ý chí mạnh mẽ và kiên định điều khiển nó.

Khi một người điều khiển năng lượng của mình hướng về các đối tượng bên ngoài của ham muốn hoặc khi y bận tâm với những hoạt động đam mê hay xúc động thì một tiến trình tương tự cũng xảy ra trong thể vía của y: một bộ phận thể vía được phóng ra, thu thập xung quanh mình tinh hoa ngũ hành của cõi trung giới. Những hình tư tưởng dục vọng ấy vốn do Kāma Manas gây ra, đó là cái trí chịu sự khống chế của bản chất thú tính, Manas bị Kāma chế ngự.

Một hình tư tưởng dục vọng như thế có cơ thể là tinh hoa ngũ hành và có thể gọi là giác hồn của nó chính là lòng ham muốn hoặc đam mê thôi thúc nó phóng ra. Cả những hình tư tưởng dục vọng này lẫn hình tư tưởng thuần túy đều được gọi là *tinh linh nhân tạo*. Đại đa số hình tư tưởng bình thường đều thuộc loại hình tư tưởng dục vọng bởi vì chẳng mấy khi tư tưởng của kẻ phàm phu dù nam hay nữ lại không thấm đượm sự ham muốn, đam mê hoặc xúc động.

Cả tinh hoa ngũ hành cõi trí lẫn tinh hoa ngũ hành cõi trung giới đều có một sinh hoạt bán thông tuệ của riêng mình, chúng đáp ứng rất dễ dàng với ảnh hưởng của tư tưởng và ham muốn con người; vì vậy mọi lực thôi thúc được tuôn ra hoặc từ thể trí hoặc từ thể vía của con người đều ngay tức khắc khoác lấy một hiện thể tạm bợ bằng tinh hoa ngũ hành. Thế là các tinh linh nhân tạo nhất thời trở thành một loại sinh vật, một loại thực thể hoạt động mãnh liệt do một ý tưởng thôi thúc vì đã sinh ra chúng. Thật vậy, những nhà thông linh hoặc thần nhân không lão luyện thường nhầm lẫn chúng là các sinh vật có thực.

Thế là khi một người nghĩ tới một vật cụ thể - một quyển sách, một căn nhà, một phong cảnh v.v. . . - thì y bèn xây dựng một hình ảnh nhỏ chút xíu của vật ấy bằng chính vật chất trong thể trí của mình. Hình ảnh này trôi nổi nơi phần trên của thể trí, thường ngay trước mắt người ấy vào khoảng tầm nhìn của mắt. Nó vẫn ở đó chừng nào người này còn đang chiêm ngưỡng đối tượng ấy và thường thường còn sống sót thêm một thời gian ngắn sau đó; tuổi thọ của nó tùy thuộc vào cường độ và sự trong sáng của tư tưởng. Hình tư tưởng ấy hoàn toàn thuộc ngoại giới và bất cứ người nào khác có thần nhân trí tuệ đều có thể thấy được nó. Nếu người ấy nghĩ tới người khác thì y cũng tạo ra một chân dung nhỏ xíu của người kia theo phương cách giống hệt như vậy.

Người ta đã rất hữu ích khi so sánh hình tư tưởng với một bình Leyden (một bình chứa có tích tĩnh điện), bản thân bình Leyden tương ứng với tinh hoa ngũ hành còn điện tích tương ứng với tư tưởng xúc động. Và cũng giống như một bình Leyden khi chạm vào một vật khác bèn xả điện tích dự trữ sang cho vật kia; cũng vậy một tinh linh nhân tạo khi đập vào một thể trí hoặc thể vía cũng xả năng lượng trí tuệ và xúc động dự trữ sang cho thể vía và thể trí ấy.

Sau đây là những nguyên tắc làm cơ sở cho việc tạo ra mọi hình tư tưởng xúc động.

- 1- *Màu sắc* được xác định bởi *phẩm tính* của tư tưởng hoặc xúc động.
- 2- *Hình tướng* được xác định bởi *bản chất* của tư tưởng hoặc xúc động.
- 3- *Sự rõ ràng về đường nét* được xác định bởi *sự đích xác* của tư tưởng hoặc xúc động.

Tuổi thọ của một hình tư tưởng tùy thuộc vào 1)- cường độ ban đầu của nó, 2)- sự cấp dưỡng sau đó mà nó được tiếp tế do tư tưởng được lập đi lập lại hay do một máy phát năng lượng hoặc do những phương tiện khác. Tuổi thọ của nó có thể được củng cố liên tục bằng cách được lập đi lập lại, một tư tưởng được suy đi gẫm lại ắt thu được một hình tướng rất ổn

định. Lại nữa, các hình tư tưởng đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu đều thu hút nhau và củng cố lẫn nhau tạo thành một hình tư tưởng có năng lượng và cường độ rất lớn.

Hơn thế, một hình tư tưởng như vậy dường như có bản năng muốn kéo dài tuổi thọ của mình và sẽ phản tác động lên người tạo ra mình, nó có khuynh hướng khơi dậy nơi người ấy việc lập lại xúc cảm tạo ra nó. Nó cũng phản tác động theo một kiểu giống như vậy (mặc dù không được hoàn hảo như trên) đối với bất kỳ người nào khác mà nó tiếp xúc được.

Màu sắc mà hình tư tưởng biểu hiện qua đó đồng nhất với màu sắc mà ta thấy trong hào quang (Xem trang 11-12).

Sự chói sáng và sẫm màu của màu sắc thường đo lường cường độ và hoạt động của xúc cảm.

Xét theo mục đích hiện nay, ta có thể phân các hình tư tưởng ra thành ba loại: 1)- những hình tư tưởng chỉ liên quan tới người sản sinh ra nó, 2)- những hình tư tưởng có dính dáng tới người khác, 3)- những hình tư tưởng không rõ ràng mang tính cá nhân.

Nếu người ta suy nghĩ về chính mình hoặc tư tưởng của y dựa vào một xúc cảm cá nhân (đại đa số tư tưởng đều như thế cả) thì hình tư tưởng ấy lượn lờ ngay kế cận người sinh ra nó. Thế là bất cứ khi nào y ở tình trạng thụ động (khi tư tưởng và xúc động của y không đặc biệt bận tâm tới cái gì) thì hình tư tưởng của chính y lại quay về với y, xả năng lượng lên chính y. Ngoài ra mỗi người còn đóng vai trò một nam châm thu hút về chính mình những hình tư tưởng của người khác tương tự như hình tư tưởng của chính mình, thế là thu hút về bản thân năng lượng củng cố từ bên ngoài. Những người nào trở nên nhạy cảm trong trường hợp ấy đôi khi tưởng tượng rằng mình bị “ma quỷ” cám dỗ, trong khi thật ra chính các hình tư tưởng dục vọng của mình gây ra “sự cám dỗ” ấy. Cứ suy đi ngẫm lại về cùng một đề tài có thể tạo ra một hình tư tưởng mạnh ghê gớm. Một hình tư tưởng như thế có thể sống dai tới nhiều năm và nhất thời có đủ mọi dáng vẻ cũng như quyền năng của một sinh vật thật sự. Hầu hết mọi người lê bước lầm lũi trải qua cuộc đời mà theo nghĩa đen lại bị nhốt trong một cái lồng do chính mình xây dựng nên, xung quanh vây bủa hàng đồng hình tư tưởng do những tư tưởng theo thói quen của mình sinh ra. Một hậu quả quan trọng của điều này là mỗi người đều nhìn ra thế giới bên ngoài qua hàng hàng lớp lớp những hình tư tưởng của chính mình để rồi nhìn thấy mọi vật qua màu sắc của mắt kính hình tư tưởng ấy.

Thế là hình tư tưởng của chính người ấy lại phản tác động lên y, có khuynh hướng sinh sôi nảy nở để tạo ra những thói quen tư tưởng và xúc cảm nhất định; điều này có thể hữu ích nếu nó mang tính cách cao cả nhưng thông thường thì nó lại câu thúc và gây chướng ngại cho sự tăng trưởng, làm mờ ám đi tầm nhìn của thể trí khiến cho thành kiến và những thái độ hoặc tâm trạng mang đầy định kiến dễ dàng được tạo lập, để rồi phát triển thành những thói xấu nhất định.

Một Chơn sư có dạy như sau: “Con người luôn luôn làm cho dòng sinh hoạt của mình trong không gian đầy dẫy thế giới của riêng mình, lúc nhúc đắm con cháu của những điều hoang tưởng, ham muốn, xung động và đam mê của chính mình”. Những hình tư tưởng ấy vẫn còn sống sót trong hào quang của y, tăng cường về số lượng và cường độ cho đến khi một vài loại hình tư tưởng thống lĩnh sinh hoạt trí tuệ và xúc động của y đến nỗi con người thà nghe theo sự thôi thúc của chúng còn hơn quyết định khác đi. Thế mới tạo ra thói quen vốn là biểu hiện bên ngoài của thần lực đã được tích lũy và ấy là y xây dựng tính tình của mình như vậy.

Vả lại, vì mỗi người bỏ lại phía đằng sau mình một vết tích các hình tư tưởng cho nên suy ra rằng khi chúng ta dạo bước trên đường phố thì ta đang đi giữa một biển tư tưởng của người khác. Nếu người ta nhất thời để cho tâm trí trống rỗng thì những tư tưởng này của

người khác ắt trôi dạt dờ qua nó: nếu một hình tư tưởng ngẫu nhiên thu hút chú tâm của y thì tâm trí của y bèn chụp lấy nó, biến nó thành tư tưởng của mình, củng cố nó bằng cách thêm sức cho nó rồi lại phóng ra đi ảnh hưởng tới người khác nữa. Vì vậy, người ta không chịu trách nhiệm về một tư tưởng trôi nổi lọt vào trí mình, nhưng y chịu trách nhiệm nếu tiếp nhận nó, nghiền ngẫm nó, rồi lại phóng nó ra với sức mạnh được củng cố.

Một ví dụ về hình tư tưởng là hình tư tưởng những đám mây vô định hình có màu xanh thẫm mà ta thường thấy lơ lửng như những vòng hoa gồm sương khói mịn mù trên người đám người tụ tập trong nhà thờ. Trong những nhà thờ mà trình độ tính linh còn thấp thì tâm trí đám đàn ông có thể tạo ra hàng dãy con số biểu diễn những tính toán của họ về các thương vụ hoặc những mối đầu cơ, còn tâm trí của cánh phụ nữ có thể tạo ra hình tư tưởng xiêm y, nón áo, đồ trang sức v.v. . .

Thuật thôi miên cũng ứng một ví dụ khác về những hình tư tưởng. Nhà thao tác thôi miên có thể tạo ra một hình tư tưởng phóng chiếu nó lên một tờ giấy trắng nơi mà đối tượng bị thôi miên có thể nhìn thấy nó; hoặc nhà thao tác có thể khiến cho hình tư tưởng ấy mang tính ngoại giới đến nỗi đối tượng ắt nhìn thấy và cảm thấy như thể nó là một vật có thực trên cõi trần. Kho tài liệu về khoa thôi miên có đầy đầy những ví dụ như vậy.

Nếu hình tư tưởng được điều khiển hướng về người khác thì nó sẽ đi thẳng tới người ấy. Thế là một trong hai tác dụng có thể xảy ra.

(1) Nếu hào quang của người hữu quan có loại vật liệu có thể đáp ứng đồng cảm với rung động của hình tư tưởng thì hình tư tưởng ắt vẫn còn ở gần người ấy hoặc thậm chí tập luôn vào hào quang của y để rồi khi có cơ hội là tự động xả năng lượng, thế là có khuynh hướng củng cố cái nhịp độ rung động đặc thù ấy nơi người tiếp nhận. Nếu người là đối tượng của tư tưởng ngẫu nhiên đang bận rộn hoặc đã dấn thân vào một chuỗi tư duy xác định nào đó thì hình tư tưởng – vì không thể xả năng lượng trút vào thể trí người ấy do thể trí ấy đã rung động theo một nhịp độ xác định nào khác – bèn treo lơ lửng cận kề đó cho đến khi thể trí của người ấy đã yên tĩnh đúng mức khiến cho nó có thể xâm nhập vào thì nó bèn tác động xả năng lượng.

Khi làm như vậy nó phơi bày điều có vẻ giống như một lượng trí khôn và tính thích nghi đáng kể, mặc dù thật ra nó chỉ là một lực tác động theo hướng sở trường: lúc nào cũng đều đều gây áp lực theo một hướng rồi lợi dụng bất cứ kênh dẫn nào mà mình tìm được. Dĩ nhiên những tính linh nhân tạo như thế có thể được củng cố và tuổi thọ của chúng được kéo dài ra bằng cách lập đi lập lại cùng một tư tưởng.

(2) Mặt khác, nếu trong hào quang của người kia không có vật chất đáp ứng được với nó thì hình tư tưởng tuyệt nhiên không thể gây ảnh hưởng gì được. Vì vậy, hình tư tưởng sẽ bị dội lại khỏi hào quang với một lực tỉ lệ với năng lượng mà nó tác động lên hào quang để rồi quay lại đập vào chính người tạo ra nó.

Thế là chẳng hạn như tư tưởng muốn uống rượu không thể xâm nhập vào thể trí của một người điều độ trong sạch. Nó ắt đập vào thể vía của y nhưng không xâm nhập vào nổi để rồi bị dội lại về phía người phóng ra nó.

Cổ nhân có bảo: “Gậy ông đập lưng ông” chính là diễn tả sự thật này và giải thích những trường hợp mà nhiều người đã biết rằng những tư tưởng độc ác nhắm vào một người tiến hóa cao và lương thiện tuyệt nhiên không ảnh hưởng tới người ấy mà lại phản tác động lên chính người tạo ra nó, đôi khi với tác dụng tàn phá khủng khiếp. Cũng vì thế mới có hệ luận hiển nhiên rằng một tâm hồn và tâm trí trong sạch là sự bảo vệ tốt đẹp nhất chống lại những sự công kích thù địch về xúc cảm và tư tưởng.

Mặt khác, một hình tư tưởng yêu thương và muốn che chở được mạnh mẽ hướng về một đối tượng thân thương nào đó ắt đóng vai trò một tác nhân che chắn và bảo vệ: nó sẽ tìm cơ hội để phục vụ và bênh vực, sẽ củng cố những lực thân hữu và làm suy yếu những lực thù địch đang tác động lên hào quang ấy. Nó có thể che chở cho đối tượng khỏi bị ô nhiễm, cấu kính, sợ sệt v.v. . .

Vậy là những tư tưởng thân hữu cùng với những ước nguyện tốt đẹp tha thiết ắt tạo ra và duy trì điều thực tế là một “thiên thần hộ mệnh” bao giờ cũng kề kề bên cạnh người được nghĩ đến, bất kể y đi đâu. Chẳng hạn như nhiều tư tưởng và lời cầu nguyện của một bà mẹ đã trợ giúp và che chở cho con mình. Các nhà thần nhãn thường thấy những hình tư tưởng và trong những trường hợp hiếm có, chúng có thể hiện hình để cho mắt phàm thấy được.

Như vậy hiển nhiên là một tư tưởng yêu thương từ người này gửi cho người kia bao hàm việc thực sự chuyển dời một lượng nào đó của cả vật chất lẫn thần lực từ người gửi tới cho người nhận.

Nếu tư tưởng đủ mạnh thì khoảng cách tuyệt nhiên không hề quan trọng; nhưng một tư tưởng yếu ớt và tán mạn không hữu hiệu vượt ngoài một vùng giới hạn.

Biến thể của nhóm thứ nhất bao gồm những trường hợp khi một người nghĩ miên man về bản thân mình ở một nơi xa cách. Hình tượng được tạo ra như thể có chứa đựng một lượng lớn vật chất trí tuệ khoác lấy hình ảnh của người nghĩ ra nó, thoát tiên còn nhỏ và bị nén ép lại. Nó thu hút xung quanh mình một lượng đáng kể vật chất cõi trung giới và thường bành trướng ra tới kích thước giống như thật trước khi nó xuất hiện tại nơi đến. Các nhà thần nhãn thường thấy những hình tượng như thế và thường khi họ nhầm lẫn với thể vía của người ấy hoặc thậm chí với chính người ấy.

Khi điều này diễn ra thì tư tưởng và dục vọng phải đủ mạnh để làm một trong ba chuyện (1) dùng ảnh hưởng thôi miên mesmer để khơi dậy hình ảnh của người suy tư trong tâm trí của người mà kẻ suy tư muốn nó hiện ra, (2) cũng dùng quyền năng ấy để nhất thời kích thích năng khiếu thông linh của người ấy sao cho y có thể nhìn thấy khách viếng thăm mình trên cõi trung giới, (3) tạo ra một sự hiện hình nhất thời mà mắt phàm ắt thấy được.

Những sự hiện hình vào lúc chết (tuyệt nhiên không hiếm hoi gì) rất thường khi quả thật là hình tượng trên cõi trung giới của người hấp hối, nhưng chúng cũng có thể là các hình tư tưởng được gọi lên do y tha thiết mong muốn nhìn thấy một người bạn nào đó trước khi nhắm mắt xuôi tay. Trong một số trường hợp thì khách viếng thăm chỉ được nhận thức sau khi chết thay vì trước khi chết; nhưng xét theo đủ thứ lý do thì dạng hiện hình này ít thường xuyên hơn hẳn so với dạng kia.

Một bóng ma trong gia đình có thể là (1)- một hình tư tưởng (2)- một ấn tượng linh hoạt bất thường nơi tinh tú quang hoặc (3)- một vị tổ tiên quả thật vẫn còn luyến trần ai ám ảnh một nơi đặc biệt nào đó.

Về vấn đề này, ta có thể nói thêm rằng bất cứ ở đâu ta cảm thấy có bất kỳ sự đam mê mãnh liệt nào chẳng hạn như sự khủng khiếp, đau khổ, phiền não, oán ghét v.v. . . thì ấn tượng ấy đã in sâu mạnh mẽ lên tinh tú quang đến nỗi những người chỉ có một chút xiu năng khiếu thông linh cũng có thể chịu ấn tượng của nó. Việc nhất thời gia tăng chút ít mức độ nhạy cảm ắt khiến cho người ta có thể hình dung được toàn bộ phong cảnh: vì thế cho nên có nhiều câu chuyện về những nơi bị ma ám và những ảnh hưởng khó chịu của những địa điểm như Cây Tyburn, Buồng Khủng bố ở nhà bà Tussaud v.v. . .

Những sự hiện hình ở nơi phạm phải một tội ác thường là hình tư tưởng của kẻ phạm tội phóng chiếu ra cho dù y còn sống hay đã chết, nhưng đặc biệt nhất là khi y đã chết, mà cứ triền miên nghĩ đi nghĩ lại về những tình huống hành động của mình. Vì những tư tưởng



này tự nhiên là đặc biệt linh hoạt trong tâm trí y vào dịp kỷ niệm chu niên tội lỗi ấy, cho nên có thể xảy ra việc hình tư tưởng đủ mạnh để hiện hình ra cho mắt phàm thấy được; thế là giải thích được nhiều trường hợp mà sự hiện hình mang tính định kỳ.

Cũng giống như vậy, một đồ trang sức vốn đã là nguyên nhân của nhiều tội ác có thể giữ lại những ấn tượng đam mê thôi thúc tội lỗi ấy với độ trong sáng không hề phai nhòa đi trong nhiều ngàn năm và vẫn tiếp tục tỏa ra chúng.

Một tư tưởng với mức định trí và năng lực phi thường, cho dù là lời ban phước hay lời nguyên rủa đều tạo ra một tinh linh ngũ hành mà thực tế là một bộ ắc quy sống với một loại cơ cấu đồng hồ gắn liền vào đó. Người ta có thể bố trí nó xả năng lượng đều đặn vào một ngày nào đó hoặc một lễ chu niên nào đó, hay là việc xả năng lượng ấy có thể tùy thuộc vào một vài diễn biến. Người ta có ghi chép lại nhiều ví dụ thuộc lớp tinh linh ngũ hành này nhất là ở vùng sơn cước Tô cách lan, nơi có những điềm báo trên cõi trần xảy ra trước khi một thành viên gia đình qua đời. Trong những trường hợp này, đó thường là hình tư tưởng mạnh mẽ của một vị tổ tiên đưa ra điềm báo tuân theo ý định đã được tích năng lượng cho nó.

Một sự mong ước đủ mạnh – nỗ lực định trí với tình yêu tha thiết hoặc lòng oán ghét cay đắng - ắt tạo ra một thực thể như thế dứt khoát chỉ một lần; thế rồi thực thể ấy hoàn toàn tách rời khỏi người tạo ra nó để thi hành nhiệm vụ được giao phó hoàn toàn bất chấp những ý định và mong muốn sau này đối với nó. Chỉ sự hối hận không đủ để triệu hồi nó lại hoặc ngăn cản nó hành động, cũng như sự hối hận không thể chặn đứng một viên đạn khi nó được bắn ra khỏi nòng súng. Ta chỉ có thể hóa giải một cách đáng kể quyền năng của nó bằng cách phóng đi một tư tưởng khác có khuynh hướng ngược lại đuổi theo sau nó.

Đôi khi một tinh linh ngũ hành thuộc lớp này vì không thể trút hết lực dự trữ lên đối tượng hoặc người khai sinh ra mình, ắt có thể trở thành một loại quỷ lang thang và bị thu hút bởi bất cứ người nào đang áp ủ những xúc cảm giống như thế. Nếu đủ mạnh thì thậm chí nó có thể lớn nhanh và chui vào một cái ma hình phù du (xem trang 171), trong đó nó có thể dành dụm nguồn tài nguyên của mình một cách kỹ lưỡng hơn. Dưới dạng này nó có thể biểu lộ thông qua một người đồng cốt và bằng cách hóa trang làm một người bạn nổi tiếng, nó có thể đạt được những ảnh hưởng đối với những người mà nó ít không chế được nếu không dùng cách ấy.

Những tinh linh ngũ hành cho dù được tạo ra một cách hữu thức hoặc vô thức mà đã trở thành những con quỷ lang thang thì nhất định sẽ tìm cách kéo dài mạng sống của mình hoặc là bằng cách ăn tươi nuốt sống sinh khí của người khác giống như ma cà rồng hoặc là gây ảnh hưởng lên người khác để họ hiến tế cho mình. Trong đám những bộ lạc chất phác bán dã man, chúng thường thành công để được công nhận là thành hoàng. Những loại hiến lương hơn có thể bằng lòng với những đồ cúng tế là cơm gạo và đồ ăn nấu chín; còn lớp thấp nhất và ghê tởm nhất đòi hỏi phải hiến tế bằng đồ ăn có máu. Cả hai biến thể này ngày nay vẫn còn tồn tại ở Ấn Độ và tồn tại số đông ở Phi châu.

Bằng cách hút sinh khí của tín đồ cũng như rút ra đồ cấp dưỡng thu lượm được từ đồ hiến tế, chúng có thể kéo dài mạng sống hằng năm trời hoặc thậm chí có thể hằng thế kỷ. Thậm chí đôi khi chúng có thể biểu diễn những hiện tượng lạ thuộc loại bình thường để kích thích lòng tin và sự sốt sắng của đám tín đồ, và chúng nhất định là tỏ ra khó chịu bằng một cách nào đó nếu người ta lơ là không hiến tế chúng.

Các nhà tà thuật ở Châu Atlantis – các vị hắc diện tinh quân – dường như chuyên môn luyện loại tinh linh nhân tạo này; người ta có nói bóng gió rằng một số tinh linh nhân tạo ấy

vẫn còn sống sót đến tận ngày nay. Nữ thần Kali dễ sợ ở Ấn Độ rất có thể là một di sản thuộc loại này.

Đại đa số các hình tư tưởng chỉ là những bản sao hoặc hình ảnh của con người hoặc đồ vật. Chúng được hình thành trước hết trong nội bộ thể hạ trí rồi mới được chuyển ra ngoài mà vẫn còn treo lơ lửng trước mắt người ấy. Điều này áp dụng cho bất cứ thứ gì mà người ta có thể nghĩ đến nó: người ngợm, nhà cửa, phong cảnh hoặc bất cứ thứ nào khác.

Chẳng hạn như một họa sĩ dựng ra một quan niệm về bức tranh tương lai từ vật chất trong thể trí của mình, phóng chiếu nó vào vùng không gian trước mặt mình, duy trì nó trước “con mắt thể trí” của mình rồi sao chép nó lại. Hình tư tưởng-xúc động này cứ trường tồn và có thể coi là bản sao không nhìn thấy được của bức tranh, nó phóng ra những rung động của riêng mình gây ảnh hưởng tới mọi người chịu tác dụng của nó.

Cũng giống như vậy, một tiểu thuyết gia xây dựng trong vật chất trí tuệ những hình ảnh của các nhân vật chính để rồi dùng ý chí điều động những hình nhân ấy chuyển từ địa vị này sang địa vị khác hoặc nhóm lại với nhau sao cho tình tiết câu chuyện phơi bày ra trước mắt y theo đúng như vậy.

Trong trường hợp ấy có một tác dụng kỳ diệu xảy ra. Một tinh linh thiên nhiên nghịch ngợm (xem chương 20) có thể làm linh hoạt những hình ảnh ấy rồi khiến cho chúng tác động ra những chuyện khác hơn những điều mà tác giả dự tính. Thường thì một nhà văn quá cố có thể nhận thức được những hình ảnh ấy và bởi vì y vẫn còn quan tâm tới thuật viết văn, cho nên y có thể uốn nắn những nhân vật chính và ảnh hưởng tới hành động của họ theo ý riêng của mình. Thế là nhà viết văn còn sống thường thấy tình tiết câu chuyện của mình thể hiện ra theo một kế hoạch khác hẳn quan niệm ban đầu của mình.

Khi đọc một quyển sách, một học viên chân chính mà tập trung chú ý đầy đủ có thể tiếp xúc với hình tư tưởng nguyên thủy vốn biểu diễn quan niệm của tác giả khi y viết ra quyển sách ấy. Thông qua hình tư tưởng đó, người đọc thậm chí có thể đạt tới chính tác giả và thu được thêm thông tin hoặc soi sáng cho những điều khó hiểu.

Trong cõi trí tuệ và cõi trung giới có nhiều phiên bản của các truyện nổi tiếng mà mỗi quốc gia thường có cách trình bày đặc biệt với các nhân vật chính khoác lấy dáng vẻ quốc hồn quốc túy đặc thù. Vậy là có tồn tại những hình tư tưởng tuyệt hảo giống như thật gồm những người như Sherlock Holmes, Thuyền trưởng Kettle, Robinson Crusoe, các nhân vật chính của Shakespeare v.v. . .

Thật ra trên cõi trung giới cũng có rất nhiều hình tư tưởng có tính cách tương đối lâu dài, thường là kết quả công trình tích lũy qua bao thế hệ dân chúng. Nhiều hình tư tưởng đề cập tới lịch sử tôn giáo theo truyền thuyết và những nhà thông linh khi nhìn thấy chúng ắt chịu trách nhiệm về nhiều bài tường trình hoàn toàn chân thực do các nhà thấu thị nam và nữ còn chưa lão luyện kể lại. Bất cứ một biến cố vĩ đại nào trong lịch sử vì đã được đại đa số dân chúng thường xuyên nghĩ tới làm cho nó trở thành hình ảnh linh động, nên tồn tại dưới dạng một hình tư tưởng nhất định trên cõi trí tuệ; và bất cứ nơi đâu có bất kỳ xúc động mãnh liệt nào liên quan tới nó thì nó cũng đều hiện hình ra bằng vật chất cõi trung giới khiến cho nhà thần nhãn có thể nhìn thấy được.

Dĩ nhiên những điều nêu trên cũng áp dụng cho phong cảnh và tình huống xảy ra trong tiểu thuyết, kịch v.v. . .

Khi xét theo toàn khối thì ta dễ dàng nhận thức được tác dụng ghê gớm mà hình tư tưởng tức những tinh linh nhân tạo này gây ra tình cảm dân tộc và chủng tộc, như vậy làm cho tâm trí bị thiên lệch và đầy thành kiến; đó là vì hình tư tưởng cùng loại với nhau có khuynh hướng tùm tùm lại với nhau để thành một loại thực thể tập thể. Ta nhìn mọi vật

xung quanh mình qua cái bầu hào quang ấy, mọi tư tưởng ít nhiều đều bị nó khúc xạ và các thể vía của chính ta cũng đang rung động hòa nhịp với nó. Vì hầu hết mọi người đều mang tính thụ động hơn là có nhiều sáng kiến cho nên họ hầu như đóng vai trò tự động mô phỏng lại hình tư tưởng đến với mình, thế là bầu hào quang quốc hồn quốc túy liên tục được củng cố. Sự kiện này rõ ràng giải thích được nhiều hiện tượng tâm lý quần chúng (xem chương 25).

Ảnh hưởng của những hình tư tưởng kết khối này còn mở rộng ra thêm nữa. Các hình tư tưởng thuộc loại phá hoại đóng vai trò tác nhân làm sụp đổ thường phóng hiện sự hủy hoại trên cõi trần gây ra “những tai nạn”, những thiên tai tự nhiên, bão tố, động đất, lũ lụt hoặc tội ác, dịch bệnh, những biến động xã hội và chiến tranh.

Cũng có thể là những người đã chết và những thực thể phi nhân loại – chẳng hạn như các tinh linh thiên nhiên có ác ý – (xem trang 181) nhập vào làm linh hoạt các hình tư tưởng này. Nhà thấu thị lão luyện phải học cách phân biệt hình tư tưởng được người còn sống làm linh hoạt với sự kiện nổi bật trên cõi trung giới từ những khuôn mẫu nhất thời mà chúng bị phóng vào đó.

Lớp hình tư tưởng xúc động thứ ba bao gồm những hình không trực tiếp liên quan tới bất kỳ đồ vật tự nhiên nào, do đó biểu hiện thành những hình tượng hoàn toàn của riêng mình, phô bày những phẩm tính cố hữu qua vật chất mà chúng thu hút xung quanh mình. Vì vậy trong nhóm này ta thoáng thấy được những hình tượng tự nhiên của cõi trung giới và cõi trí tuệ. Các hình tư tưởng thuộc lớp này hầu như luôn luôn biểu lộ trên cõi trung giới, vì đại đa số chúng đều biểu hiện những xúc cảm cũng như tư tưởng.

Một hình tư tưởng như thế trôi nổi vờn tách rời trong bầu hào quang, lúc nào cũng tỏa ra những rung động tương tự như những rung động mà người sinh ra nó thoát tiên đã phóng phát. Nếu nó không tiếp xúc được với bất kỳ thể trí nào khác thì bức xạ dần dần cạn kiệt hết năng lượng dự trữ, thế là hình tư tưởng rã rời ra thành từng mảnh; nhưng nếu nó thành công trong việc khơi dậy những rung động đồng cảm nơi bất cứ thể trí nào ngay sát trong tầm tay thì một sự hấp dẫn bền được tạo nên khiến cho thể trí ấy thường hấp thu hình tư tưởng.

Từ những điều nêu trên, ta thấy rằng ảnh hưởng của một *hình-tư tưởng* ít tỏa xa hơn một *rung động-tư tưởng*, nhưng nó tác động chính xác hơn nhiều. Một rung động tư tưởng làm mô phỏng lại những tư tưởng thuộc loại *tương tự* như rung động khai sinh ra nó. Một hình tư tưởng làm mô phỏng lại hình tư tưởng giống hệt mình. Các bức xạ tư tưởng có thể ảnh hưởng tới hàng ngàn người, kích động nơi những người này các tư tưởng cùng mức với tư tưởng nguyên thủy mặc dù không một tư tưởng nào đồng nhất với tư tưởng nguyên thủy. Hình tư tưởng chỉ có thể ảnh hưởng tới rất ít người, nhưng trong những trường hợp hiếm hoi này nó sẽ làm mô phỏng lại chính xác ý tưởng ban đầu.

Muốn có được những hình minh họa đầy màu sắc về nhiều loại hình tư tưởng xúc động, học viên nên tham chiếu tác phẩm kinh điển về đề tài này: *Các Hình Tư Tưởng* của bà Annie Besant và C. W. Leadbeater. Trọn cả chương này thật ra chủ yếu là phần tóm tắt cô đọng lại những nguyên tắc được phát biểu trong tác phẩm ấy.

Những tư tưởng hoặc xúc cảm mơ hồ biểu lộ thành những đám mây mờ nhạt. Những tư tưởng hoặc xúc cảm xác định tạo ra những hình tư tưởng được xác định minh bạch. Thế là một dạng luyến ái nhất định hướng về một cá nhân đặc biệt khoác lấy hình tượng giống như đầu đạn. Tư tưởng luyến ái che chở trở nên khá giống như một con chim với phần trung tâm màu vàng và hai phần lồi ra giống dạng cái cánh có màu hường và màu hoa hồng; một

tư tưởng bác ái đại đồng trở thành một mặt trời màu hồng hoa hồng với các tia tỏa ra mọi hướng.

Những tư tưởng có tính cách ích kỷ hoặc tham lam nổi bật thường có dạng móc câu với cái móc trong một số trường hợp thật sự bầu vút xung quanh đối tượng ham muốn.

Theo thông lệ thì năng lượng của một tư tưởng ích kỷ chuyển động theo một đường cong khép kín, do đó tất yếu trở lại xả ra ở mức của chính mình. Tuy nhiên một xúc cảm hoặc tư tưởng hoàn toàn vị tha vọt ra thành một đường cong mở, do đó không trở lại theo nghĩa thông thường mà xuyên thấu lên tận cõi trên, bởi vì chỉ trong tình huống cao siêu ấy khi có thêm một chiều đo bổ sung thì nó mới có thể tìm nơi đặc địa để bành trướng. Nhưng khi xuyên thấu qua thì một tư tưởng hoặc xúc cảm ấy, có thể nói theo biểu tượng là mở ra một cánh cửa có kích thước tương đương với đường kính của nó; thế là nó tạo ra một kênh dẫn giúp cho các cõi cao tuôn đổ xuống các cõi thấp, thường thường với những kết quả nhiệm màu, chẳng hạn như trong trường hợp cầu nguyện cả cho bản thân lẫn cho người khác.

Ở đây ta lại có phần cao siêu nhất và tốt đẹp nhất của đức tin đáp ứng với lời cầu nguyện. Trên các cõi cao có cuộn cuộn trào dâng vô lượng thần lực luôn luôn sẵn sàng chờ đợi tuôn đổ khi một kênh dẫn mở ra. Một tư tưởng sùng tín hoàn toàn vị tha cung cấp một kênh dẫn như thế, bộ phận cao siêu và cao quý nhất của tư tưởng ấy vút lên tới tận chính Thượng Đế. Ngài đáp ứng lại qua sự giáng nhập của sự sống thiêng liêng, kết quả là khiến cho kẻ tạo ra kênh dẫn được nâng cao và thêm sức rồi ban rải xung quanh y một ảnh hưởng dững mãnh và ban phước, tuôn chảy qua những kho dự trữ tồn tại trên các cõi cao nhằm trợ giúp nhân loại. Chính việc gia tăng thêm kho dự trữ thần lực như nêu trên là sự thật đằng sau ý tưởng của Công giáo về các công trình bao biện làm quá bổn phận. Các Đấng Ứng Thân Nirmānakyas đặc biệt có liên quan tới kho thần lực dự trữ vĩ đại ấy.

Tham thiền về một Chơn sư tạo ra mối liên kết với ngài mà người có thần nhãn nhìn thấy là một loại đường nối bằng ánh sáng. Trong tiềm thức Chơn sư luôn luôn cảm thấy tác động của một đường nối như thế, ngài đáp ứng lại bằng cách phóng ra một luồng từ khi ổn định chạy dọc theo nó và tiếp tục tác động rất lâu sau khi buổi tham thiền đã qua rồi. Việc tham thiền đều đặn như thế là một yếu tố rất quan trọng.

Một tư tưởng sùng tín nhất định và dai dẳng có thể khoác lấy một hình dạng gần giống như đóa hoa, trong khi đạo tâm sùng tín ắt tạo ra một hình nón màu xanh lơ có đỉnh nhọn hướng về bên trên.

Những hình tư tưởng sùng tín như thế thường đẹp cực kỳ, có đường nét biến thiên rất nhiều nhưng được đặc trưng bằng những cánh hoa uốn cong lên trông giống như ngọn lửa hoa màu xanh da trời. Có thể là đặc trưng giống như đóa hoa của các hình tư tưởng sùng tín đã dẫn tới phong tục dâng hoa trong dịp lễ lạc tôn giáo, những đóa hoa này gợi nhớ tới các hình tư tưởng mà thần nhãn trung giới thấy được.

Lòng tò mò mãnh liệt, cái gì cũng muốn biết, có hình dáng một con rắn màu vàng, con giện bùng nổ hoặc sự cấu kính có hình dạng một vũng nước màu đỏ cam; con giện dai dẳng có hình dáng một con dao găm sắc bén màu đỏ, lòng ghen tương oán hờn biểu lộ thành một con rắn màu nâu nâu.

Những người có tâm trí và xúc động được kiểm soát đúng mức do đã lão luyện về tham thiền đều tạo ra những hình tư tưởng là những vật rõ rệt và đối xứng rất đẹp, thường có những dạng hình kỷ hà nổi tiếng, chẳng hạn như hình tam giác, hai tam giác lồng vào nhau, ngôi sao năm cánh, hình lục giác, hình thánh giá v.v. . . những thứ ấy biểu thị tư tưởng liên quan tới trật tự vũ trụ hoặc những khái niệm siêu hình học.



Quyền năng tư tưởng của một số người bao giờ cũng vượt tư tưởng riêng rẽ của họ, nó hầu như được biểu diễn bằng tích số các tư tưởng riêng rẽ.

Âm nhạc cũng tạo ra những hình thái có lẽ xét theo chuyên môn không phải là hình tư tưởng trừ phi ta coi chúng – ta rất có thể làm như vậy – là kết quả tư tưởng của nhà soạn nhạc được biểu diễn qua tài khéo của nhạc công sử dụng nhạc cụ.

Những hình thái âm nhạc này biến thiên tùy theo thể loại âm nhạc, loại nhạc cụ dùng để biểu diễn nó, tài khéo và công trạng của nhạc công. Nếu được biểu diễn chính xác thì cùng một bản nhạc bao giờ cũng xây dựng nên cùng một hình thái, nhưng khi được biểu diễn nơi đàn đại phong cầm ở nhà thờ hoặc một ban nhạc thì cũng hình thái ấy sẽ lớn hơn vô cùng so với khi nó được biểu diễn trên một đàn dương cầm và nó cũng có kết cấu khác đi nữa. Ta cũng có một sự khác nhau về kết cấu giữa kết quả của một bản nhạc được biểu diễn trên đàn vĩ cầm và cũng bản nhạc ấy được biểu diễn bằng sáo. Ta cũng có sự khác nhau rất nhiều giữa vẻ đẹp rực rỡ của hình thái do một nghệ sĩ chân chính biểu diễn vốn diễn tả và thực hiện toàn bích so với tác dụng uể oải tương đối do sự biểu diễn của một nhạc công vụng về và máy móc.

Các hình thái âm nhạc có thể vẫn còn được dàn dựng cố kết trong một thời gian đáng kể ít ra là một hai tiếng đồng hồ và trong trọn cả thời gian ấy chúng tỏa ra đặc trưng của mình là những rung động bản về mọi phía giống như các hình tư tưởng vậy.

Trong quyển sách *Hình Tư Tưởng* người ta trình bày ba ví dụ minh họa bằng màu gồm những hình thái âm nhạc lần lượt được tạo ra bằng âm nhạc của Mendelssohn, Gounod và Wagner.

Những hình thái được xây dựng biến thiên rất nhiều tùy theo các nhà soạn nhạc khác nhau. Một khúc dạo đầu của Wagner tạo ra một tổng thể hoành tráng dường như thể ông xây dựng bằng hàng núi ngọn lửa thay cho các viên đá. Một trong những tấu khúc của Bach dựng lên một hình thái có trật tự, hùng dũng, thể mà chính xác, gồ ghề nhưng đối xứng với những dòng suối nhỏ chảy song song màu bạc, vàng hoặc hồng ngọc chạy qua đó, đánh dấu những dáng vẻ liên tiếp của hoa văn. Một bản nhạc của Mendelssohn là *Lieber ohne Wrote* dàn dựng lên một dáng vẻ mong manh như không khí, giống như một tòa lâu đài làm bằng mạng nhện trong kim loại bạc đồng giá.

Những hình thái này do các nhạc công tạo ra vốn khác hẳn với hình tư tưởng do chính nhà soạn nhạc tạo ra; hình tư tưởng thường trường tồn trong nhiều năm, thậm chí nhiều thế kỷ nếu nhà soạn nhạc đã được hiểu rõ và đánh giá cao đến nỗi quan niệm nguyên thủy của ông được tăng cường bởi tư tưởng của những người hâm mộ. Những tòa nhà tương tự cũng được kiến tạo do ý tưởng của thi sĩ về bản anh hùng thi của mình hoặc do quan niệm của văn sĩ về đề tài của mình. Đôi khi ta có thể thấy các đám đông tinh linh thiên nhiên (xem trang 181) thường thức những hình thái âm nhạc và đắm mình trong những làn sóng ảnh hưởng do các hình thái ấy phóng ra.

Khi nghiên cứu những biểu diễn bằng hình ảnh của hình tư tưởng ta nên nhớ rằng các hình tư tưởng là những vật có bốn chiều đo. Vì vậy, thực ra ta không miêu tả chúng thỏa đáng bằng những ngôn ngữ thuộc về các kinh nghiệm thông thường của ta trong không gian ba chiều, chứ đừng nói chi tới việc tả chân chúng bằng những hình vẽ hai chiều đo trên giấy. Những người nghiên cứu về chiều đo thứ tư ắt ngộ ra được rằng cùng lắm ta cũng chỉ có thể biểu diễn một mặt cắt của các hình tư tưởng bốn chiều đo.

Có điều đáng chú ý và là một sự kiện có thể có ý nghĩa sâu sắc là nhiều loại hình cao của hình tư tưởng khoác lấy các hình dạng gần giống như hình tượng của loài thực vật và động vật. Vậy là ít ra ta cũng giả định rằng các lực trong thiên nhiên tác động theo những

đường lối hơi giống như đường lối tác động của tư tưởng và xúc động. Vì toàn thể vũ trụ là một hình tư tưởng dững mãi do Thượng Đế tạo ra cho nên rất có thể là những bộ phận nhỏ xíu của nó cũng là kết quả của những hình tư tưởng của những thực thể thứ yếu cũng dần dần vào công trình sáng tạo ấy. Quan niệm này dĩ nhiên nhắc ta nhớ tới niềm tin của người Ấn Độ là có tới 330 triệu Thiên thần.

Ta cũng nên lưu ý rằng trong khi một số hình tư tưởng vốn phức tạp và được tạo hình tinh xảo đến nỗi vượt ngoài tầm mô phỏng của bàn tay con người, thế nhưng các phương tiện cơ khí có thể mô phỏng chúng gần đúng. Dụng cụ này mà ta gọi là Hòa âm đồ, bao gồm một mũi nhọn được dẫn dắt trên đường đi bởi nhiều con lắc, mỗi con lắc có chu kỳ dao động độc lập của mình, tất cả được nối kết lại thành một chuyển động tổng hợp, rồi được truyền tới cho kim vạch để cho kim vạch ghi lại trên bề mặt thích hợp.

Những hình tư tưởng khác mặc dù đơn giản hơn lại giống như những hình vẽ trên cát mà ta tạo ra được nhờ kính bản âm thanh nổi tiếng của Chladni và Hình âm đồ (xem các hình vẽ về *Tiếng nói qua Hình âm đồ* của Margaret Watts Hughes).

Các âm giai và hợp âm rải phóng ra những vòng dây giống như dây thừng lọng và những đường cong; một bài hát của ca đoàn tạo ra một số những hạt được xỏ sâu trên một sợi chỉ bạc nhạc du dương; trong khúc tam tấu hoặc ca khúc nhiều bè ta thấy tạo ra những sợi xoắn vào nhau gồm nhiều màu sắc và kết cấu khác nhau. Một bản thánh ca rước lễ dựng nên một loạt những hình chữ nhật chính xác giống như những mắt xích của một chuỗi xích hoặc những toa xe của một xe lửa trên đường rây. Một bài thánh ca của Anh giáo tạo ra những mảnh sáng lấp lánh khác hẳn với sự đều đặn sáng rực của cung bậc Gregore, chẳng khác gì tác dụng của những câu kinh bằng tiếng Bắc phạt do một học giả người Ấn Độ ngâm lên.

Quân nhạc tạo ra một chuỗi dài những hình tư tưởng rung động nhịp nhàng, tiếng phách đều đặn của những làn sóng rung động ấy có khuynh hướng củng cố cho nhịp điệu các thể vía của binh sĩ; tác động của một loạt những làn sóng dao động đều đặn và mạnh mẽ nhất thời thế chỗ cho sức mạnh ý chí mà vì mỗi một có thể đã chùn bước.

Một con sấm sét có thể tạo một dải băng màu bốc lửa, một vụ rớt nổ tạo ra một hình thái gợi nhớ tới bom nổ hoặc do một hình cầu không đều với những mũi nhọn nhô ra. Sóng biển vỗ trên bờ biển tạo ra những đường song song dợn sóng có màu sắc biến thiên rồi biến thành những rặng núi khi có bão. Gió thổi lá xào xạc trong rừng phủ lên nó bằng một mạng lưới ngũ sắc nhô lên và thụp xuống với chuyển động nhẹ nhàng giống như sóng.

Tiếng hót của loài chim biểu hiện ra thành những đường cong và những mắt xích ánh sáng từ những hình cầu màu hoàng kim của bản nhạc đồng quê cho tới khối màu thô trực và vô định hình trong tiếng kêu the thé của con vẹt châu Mỹ. Tiếng rống của một con sư tử cũng hiện rõ trong vật chất ở cảnh cao và có thể một loài vật hoang dã nào đó cũng thấy được nó bằng thần nhãn, thế là khiến cho nó thêm kinh hãi. Một con mèo kêu meo meo bao quanh mình bằng những dải mây mỏng đồng tâm màu hồng hồng; một con chó sủa phóng ra những quả tạc đạn mũi nhọn rất rõ rệt trông giống như viên đạn súng trường, nó xuyên qua thể vía của người ta và gây nhiều loạn nghiêm trọng. Tiếng sủa của con chó săn phóng ra những hạt giống như quả banh chuyển động chậm hơn và ít gây thương tích hơn. Màu sắc của những quả tạc đạn này thường là màu đỏ hoặc màu nâu biến thiên tùy theo xúc động của con thú và khóa nhạc của giọng nó.

Tiếng rống của con bò cái tạo ra hình dạng thô kệch có đầu mút thẳng thừng trông giống như một khúc gỗ. Một đàn cừu tạo ra một đám mây có nhiều cạnh nhưng vẫn vô định

hình chẳng khác nào một đám mây bụi. Tiếng gù của một cặp bò câu tạo ra những hình thái cong cong dễ thương giống như chữ S lật ngược.

Chuyển sang âm thanh của con người, một cơn giận dữ giống như một cái lao màu đỏ thắm, một luồng ngòi lê đôi mách ngớ ngẩn tạo ra một mạng lưới chằng chịt những đường dây kim loại màu xám nâu xỉn, tạo thành một hàng rào hầu như hoàn toàn chống lại bất kỳ tư tưởng và xúc cảm nào cao siêu hoặc tốt đẹp hơn. Thề vía của một kẻ ba hoa là một đối tượng dạy cho ta một bài học nổi bật về tính điên rồ của những lời nói không cần thiết, vô ích và khó chịu.

Tiếng cười khanh khách của con nít cuộn cuộn thành ra những đường cong màu hồng hồng; tiếng cười ha hả của một kẻ đầu óc rỗng tuếch gây ra tác dụng bùng nổ thành một khối không đều đặn, thường màu nâu hoặc màu xanh lục dơ dáy. Tiếng cười nhạo phóng ra một đầu đạn không được định hình màu đỏ bầm, thường lấm chấm màu xanh lục nâu nâu và lờm chờm những mũi nhọn.

Tiếng cười hô hô của kẻ đang đắc chí tạo ra dáng vẻ màu sắc của một ao bùn đang sôi sùng sục. Tiếng cười khúc khích của kẻ đang bị kích động tạo ra loài rêu biển giống như một mớ bong bong những đường nét màu nâu và vàng xỉn vốn có tác dụng rất tồi tệ lên thể vía. Tiếng cười vui vẻ tử tế lại nổi sóng thành những hình thái tròn tròn màu hoàng kim và màu xanh lục. Tiếng còi âm nhạc du dương tạo ra một tác dụng giống như tiếng sáo nhỏ nhỏ nhưng cao hơn và lạnh lạnh hơn. Tiếng còi không nhịp nhàng phóng ra những đầu đạn nhỏ xuyên thấu màu nâu dơ dáy.

Tính lãn xãn hoặc khó tính khó nết tạo ra trong hào quang những rung động run rẩy sao cho không một tư tưởng hoặc xúc cảm nào có thể đi xuyên qua nó ra ngoài hoặc vào trong mà không bị biến dạng; ngay cả loại tốt đi xuyên qua đó cũng khoác lấy một sự run rẩy hầu như hóa giải tác dụng tốt của mình. Việc đạt được tư tưởng chính xác là điều cốt yếu, nhưng ta phải đạt được điều ấy không do sự hấp tấp hoặc xét nét mà là do việc hoàn toàn bình tĩnh. Tiếng the thé điếc tai của đầu máy xe lửa tạo ra một đầu đạn còn mạnh mẽ xuyên thấu hơn cả tiếng sủa của con chó, gây ra nơi thể vía một tác dụng có thể so sánh với một lưỡi gươm thọc vào thể xác. Một vết thương nơi thể vía được chữa lành trong vài phút nhưng cú sốc cho thể vía tuyệt nhiên không biến mất nhanh như vậy.

Việc bắn súng tạo ra một tác dụng nghiêm trọng đối với các dòng vật liệu trung giới và thể vía. Súng trường hoặc súng lục bắn ra một luồng những cây kim nhỏ.

Những tiếng động lập đi lập lại gây ảnh hưởng lên thể trí và thể vía giống hệt như những cú đâm tác dụng lên thể xác. Nơi thể xác kết quả là đau đớn, nơi thể vía có nghĩa là gây cáu kỉnh, nơi thể trí đó là một cảm giác mệt mỏi không thể suy nghĩ minh bạch được. Hoàn toàn rõ ràng là bất cứ người nào muốn giữ cho thể vía và thể trí có trật tự đều phải tránh xa càng nhiều càng tốt mọi âm thanh bất thần cao vút và ồn ào. Đặc biệt gây tai hại là tác động chẳng hạn như tiếng ồn áo náo nhiệt không ngừng của một đô thị đối với thể vía và thể trí đang dễ uồn nản của đám trẻ con.

Mọi âm thanh trong thiên nhiên đều hòa lẫn thành một cung bậc duy nhất mà người Trung Hoa gọi là “Cung bậc Lớn” tức KUNG. Nó cũng có hình tướng là tổng hợp của mọi hình tướng, rộng lớn và biến thiên giống như biển, biểu diễn nốt nhạc của trái đất trong âm nhạc của các tinh cầu. Một số tác giả bảo đó là nốt Fa (F) trong âm giai của chúng ta.

Dĩ nhiên ta có thể tiêu diệt một hình tư tưởng và đôi khi điều này được thực hiện, chẳng hạn như khi một người sau lúc từ trần bị đeo đuôi bởi một hình tư tưởng đầy ác ý có lẽ được tạo ra do lòng oán ghét của những người đã bị người ấy làm hại trong buổi sinh thời trên cõi trần. Mặc dù hình tư tưởng ấy có vẻ hầu như là một sinh vật – có một ví dụ là nó

giống như một con hắc tinh tinh không lồ dị dạng - nó chỉ là một tạo vật nhất thời của lòng đam mê độc ác chứ tuyệt nhiên không phải là một thực thể tiến hóa sao cho việc làm nó tiêu tan đi chỉ giống như phá hoại một bình Leyden chứ tuyệt nhiên không phải là hành vi tội ác.

Hầu hết mọi người nhận thấy rằng những hành vi gây tổn hại cho người khác dứt khoát và hiển nhiên là sai trái, nhưng ít người nhận thấy rằng cũng thật là sai trái khi ta cảm thấy ghen tuông, oán ghét, đầy tham vọng v.v. . . cho dẫu những xúc cảm ấy không biểu diễn nên lời hoặc thành hành động. Việc khảo sát tình huống sinh hoạt sau khi chết (chương 13 tới chương 15) tiết lộ cho ta thấy những xúc cảm ấy gây hại cho người nuôi dưỡng chúng và khiến cho y đau khổ oằn oại sau khi chết.

Như vậy việc nghiên cứu hình tư tưởng mang lại cho học viên tha thiết việc làm quen với những khả năng ghê gớm của những tạo vật ấy và trách nhiệm gắn liền với sự sử dụng đúng đắn hình tư tưởng. Tư tưởng chẳng những là sự vật mà còn là những sự vật rất *mạnh*. Mọi người không ngừng sản sinh ra tư tưởng ngày và đêm. Thường thường ta không thể trợ giúp trên cõi trần cho những người đang cần thiết, nhưng không có trường hợp nào mà không thể trợ giúp bằng tư tưởng hoặc tư tưởng không thể tạo kết quả nhất định. Chẳng có ai cần phải do dự khi sử dụng đến cùng quyền năng của tư tưởng miễn là y luôn luôn sử dụng nó vì những mục đích vị tha để làm thăng tiến thiên cơ tiến hóa.

## **CHƯƠNG VIII** **SINH HOẠT TRÊN CỎI TRẦN**

Ở chương hai, ta đã xét tới một cách đại khái về thành phần cấu tạo và cấu trúc của thể vía. Bây giờ ta sẽ tiến hành nghiên cứu tỉ mỉ hơn khi nó tồn tại và được sử dụng qua ý thức *tinh táo* bình thường của thể xác.

Những yếu tố xác định bản chất và phẩm tính của thể vía trong khi sinh hoạt trên cõi trần đại khái có thể chia thành ba nhóm sau đây:

1. Sinh hoạt qua thể xác.
2. Sinh hoạt qua những xúc động.
3. Sinh hoạt qua trí tuệ.

(1) -. *Sinh hoạt qua Thể xác*: Ở trang 8 nguyên bản tiếng Anh, ta đã thấy rằng mọi hạt của thể xác đều có một đối hạt “tương ứng” của thể vía. Do đó, cũng như thể đặc, thể lỏng và thể hơi cùng chất dĩ thái hợp thành thể xác có thể thô hoặc tinh vi, trực hoặc tinh anh thì bản chất của lớp vỏ chất trung giới cũng giống như vậy. Một thể xác được nuôi dưỡng bằng thực phẩm không tinh khiết ắt tạo ra một thể vía tương ứng không tinh khiết, trong khi một thể xác được nuôi dưỡng bằng đồ ăn thức uống trong sạch ắt góp phần tẩy trực cho thể vía.

Thể vía vốn là hiện thể của xúc động, đam mê và cảm giác, cho nên suy ra rằng một thể vía thuộc loại thô ắt chủ yếu chiều theo những biến thái thô trực của đam mê và xúc động, trong khi một thể vía thuộc loại thanh ắt dễ dàng rung động hưởng ứng những xúc động và hoài bão thanh bai hơn.

Ta không thể khiến cho thể xác thô trực đi mà đồng thời lại tổ chức thể vía và thể trí theo những mục đích thanh bai hơn; ta cũng không thể có một thể xác thanh khiết đi kèm theo thể vía và thể trí không thanh khiết. Như vậy cả ba thể đều tùy thuộc lẫn nhau.

Chẳng những thể xác mà các thể cao hơn cũng chịu ảnh hưởng của thực phẩm mà ta ăn vào. Chế độ ăn uống có thịt cá gây tai hại chết người cho bất cứ thứ gì giống như sự phát triển thực sự về huyền bí và những ai chọn theo cách ăn mặn đang gây ra những khó khăn



ngghiêm trọng và không cần thiết cản đường tiến của chính mình vì thịt cá làm tăng cường mọi yếu tố bất hảo và những đam mê thuộc các cõi thấp.

Trong các Bí pháp cổ truyền những người thanh khiết nhất đều luôn luôn ăn chay. Bậc đạo sĩ Rāja yoga khổ công tẩy trừ thể xác bằng một hệ thống cầu kỳ ăn uống, ngủ v.v... và khăng khăng ăn những thứ thực phẩm mang tính *sattva* tức “nhịp nhàng”. Toàn bộ hệ thống này có liên quan tới thực phẩm được xây dựng nhằm giúp cho việc rèn luyện cơ thể phục vụ cho tâm thức cao siêu. Thịt cá mang tính *rajas* nghĩa là có tính hoạt động, là chất kích thích được kiến tạo để biểu diễn những hoạt động và ham muốn đầy thú tính. Chúng hoàn toàn không thích hợp cho loại hình tổ chức thần kinh tinh vi. Vì vậy đạo sĩ yoga không được sử dụng thịt cá cho những quá trình tư tưởng cao siêu.

Thực phẩm sấp thối rữa, chẳng hạn như thịt thú săn, thịt nai v.v... cũng như rượu mang tính *tamas* tức nặng nề và cũng cần phải tránh.

Thực phẩm có khuynh hướng đang tăng trưởng như ngũ cốc và trái cây mang tính *sattva* tức nhịp nhàng, vốn có nhiều sinh lực nhất và thích hợp để xây dựng một cơ thể nhạy cảm đồng thời vẫn tráng kiện.

Một vài chất khác cũng ảnh hưởng tai hại cho thể xác và thể vía. Vây là thuốc lá làm cho thể xác thắm nhuần những hạt thô trược, gây ra những hơi phóng phát mang tính vật chất đến nỗi khứu giác cũng thường nhận ra được. Xét về thể vía thì thuốc lá chẳng những làm du nhập trược tính mà còn có khuynh hướng làm chết lần chết mòn tính nhạy cảm của cơ thể mà người ta gọi là “làm dịu thần kinh”. Trong điều kiện sinh hoạt hiện đại, trong khi điều này đôi khi có thể ít tai hại hơn việc “không làm xoa dịu thần kinh”, nó lại nhất định bất hảo đối với một huyền bí gia vốn đang cần khả năng đáp ứng ngay tức khắc với mọi rung động khả hữu, cố nhiên là phải phối hợp với sự kiểm soát hoàn toàn.

Cũng vậy xét theo quan điểm của cả thể vía lẫn thể trí thì việc uống rượu rất có thể không còn khỏe mạnh nữa khi khai mở tâm thức cao siêu; và các bệnh thần kinh một phần là do sự kiện tâm thức con người đang cố gắng biểu hiện qua những thể xác bị bế tắc do thịt cá và bị nhiễm độc do rượu. Đặc biệt tuyến yên rất dễ dàng nhiễm độc bởi ngay cả một lượng rất nhỏ rượu, do đó sự tiến hóa cao siêu nhất của nó bị khống chế. Chính việc làm nhiễm độc tuyến yên bằng rượu đã gây ra những ảo giác bất thường và phi lý liên quan tới chứng mê sảng vì ghiền rượu.

Ngoài việc trực tiếp làm thô trược thể xác và thể vía, thịt, thuốc lá và rượu cũng chuốc lấy sự phản đối nghiêm khắc vì chúng có khuynh hướng thu hút những thực thể bất hảo thuộc cõi trung giới vốn khoái chí trước mùi máu. Các tinh linh bu xung quanh người ấy, gây ấn tượng lên y bằng tư tưởng của mình, tác dụng vào thể vía của y sao cho người ấy có thể có một lớp vỏ những thực thể bất hảo bu xung quanh hào quang của mình. Chủ yếu vì lý do ấy mà trong khoa Yoga Chánh đạo người ta cấm tuyệt thịt và rượu.

Các thực thể nêu trên bao gồm những tinh linh nhân tạo nảy sinh ra do tư tưởng và ham muốn của con người, đó cũng là những kẻ trụy lạc bị giam hãm trong thể vía của mình mà ta thường gọi là âm ma (xem trang 145 nguyên bản tiếng Anh). Các tinh linh bị thu hút về phía những người có thể vía bao hàm vật liệu đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu với chúng, còn các âm ma dĩ nhiên tìm cách buông thả theo những thói xấu mà chính họ đã được thả lỏng trong khi còn mang xác phàm. Một người có thần nhãn trung giới có thể thấy hàng bày tinh linh ghê gớm bu xung quanh cửa hàng bán thịt, trong khi những quán bia và những bar bán rượu mạnh có bu đầy đặc biệt các âm ma phè phỡn với những hơi bốc ra từ rượu, đôi khi ủa vào xâm nhập chính cơ thể của kẻ uống rượu.

Hầu hết mọi chất kích thích, chẳng hạn như thuốc phiện, cocaine, theine trong trà, caffeine trong cà phê v.v... đều tạo ra tác dụng tai hại đối với các thể cao. Dĩ nhiên đôi khi chúng cũng cần thiết cho một vài bệnh tật, nhưng một huyền bí gia nên sử dụng chúng càng ít càng tốt. Người nào biết cách khử được tác dụng tai hại của thuốc phiện vốn có thể được dùng để điều trị những cơn đau ghê gớm. Không cho thể vía và thể trí bị ô nhiễm sau khi thuốc phiện đã làm xong nhiệm vụ đối với thể xác.

Đù thứ rác rưởi cũng gây tai hại cho các cõi cao hơn cả trên cõi trần nữa và thu hút một lớp tinh linh thiên nhiên hạng thấp (xem trang 181 nguyên bản tiếng Anh). Vì vậy huyền bí gia cần nghiêm khắc với mọi vấn đề sạch sẽ. Y cần đặc biệt chú ý tới bàn tay và bàn chân vì những hơi phóng phát bốc ra dễ dàng qua những đầu mút bàn tay bàn chân.

Những tiếng động trên cõi trần mà ta thấy hoành hành nơi các đô thị đều làm chấn động dây thần kinh do đó gây ra đau khổ và mệt mỏi; tác dụng này lại được tăng cường do áp lực của biết bao nhiêu thể vía rung động với những nhịp độ khác nhau tất cả đều bị kích động và nhiễu loạn bởi những chuyện lặt vặt. Mặc dù sự bức mình như thế chỉ mang tính hơi hợt và có thể ra khỏi thể trí trong mười phút, thế nhưng một tác dụng có thể tạo ra trong thể vía kéo dài tới 48 tiếng đồng hồ. Vì thế cho nên trong khi sống ở những đô thị hiện đại người ta khó lòng tránh được sự bức mình nhất là đối với người nào có cơ thể căng thẳng và nhạy cảm hơn hẳn so với người bình thường.

Nói chung ta có thể bảo rằng mọi thứ làm thăng tiến sức khỏe của thể xác cũng đều phản ứng thuận lợi lên các thể cao.

Du hành là một trong nhiều yếu tố khác gây ảnh hưởng tới thể vía bằng cách tạo ra cho khách lữ hành sự thay đổi những ảnh hưởng trên thể phách và thể vía liên quan tới mỗi nơi chốn hoặc địa phương. Đại dương, núi non, rừng rú, thác nước, mỗi thứ đều có loại hình sự sống đặc biệt của riêng mình trên cõi trung giới, cõi dĩ thái cũng như cõi hữu hình, do đó nó có một tập hợp ảnh hưởng riêng của mình. Nhiều thực thể vô hình này đang tuôn ra sinh khí và trong bất kỳ trường hợp nào thì tác dụng của chúng đối với các thể phách, thể vía và thể trí cũng rất có thể là lành mạnh và đáng mong muốn về lâu về dài, mặc dù trước mắt thì sự thay đổi ấy gây một mệt khá nhiều. Vì thế cho nên thỉnh thoảng đối không khí từ thành thị về thôn quê rất có lợi xét về mặt sức khỏe của thể vía cũng như thể xác.

Thể vía cũng có thể chịu ảnh hưởng của những vật giống như bùa. Phương pháp chế bùa đã được miêu tả trong quyển *Thể Phách* từ trang 113 tới 119. Ở đây ta chỉ bàn tới tác dụng chung của chúng.

Khi một vật được tích từ khí mạnh mẽ do một người tinh thông vận dụng với một chủ đích đặc thù nào đó thì vật ấy trở thành một loại bùa và khi người ta chế tạo nó đúng cách thì nó tiếp tục bức xạ ra từ khí với sức mạnh không hề suy yếu trong vòng nhiều năm.

Ta có thể dùng nó vì nhiều mục đích khác nhau. Thế là, chẳng hạn như ta có thể tích cho lá bùa nhiều tư tưởng thanh khiết vốn biểu hiện thành những mức độ rung động nhất định trong vật chất trung giới và vật chất trí tuệ. Những nhịp độ rung động này ngược hẳn lại những tư tưởng không thanh khiết ắt có khuynh hướng hóa giải hoặc đè bẹp được bất kỳ tư tưởng không thanh khiết nào có thể ngóc đầu dậy. Trong nhiều trường hợp, tư tưởng không thanh khiết chỉ ngẫu nhiên lọt vào bầu hào quang cho nên không phải là một thứ tự thân nó có nhiều sức mạnh. Mặt khác, lá bùa đã được cô tình tích năng lượng mạnh mẽ sao cho khi hai luồng tư tưởng đụng độ nhau ta tuyệt nhiên khỏi nghi ngờ rằng tư tưởng liên quan tới lá bùa sẽ thắng những tư tưởng khác.

Và lại, sự xung đột sơ khởi giữa các tập hợp tư tưởng đối lập ắt thu hút sự chú ý của con người, thế là dành cho y thời giờ nhớ lại sao cho y không quên lãng kẻ canh chừng này mà y rất thường quên bẵng đi.

Có một ví dụ khác là một lá bùa được tích lòng trung thành và can đảm. Điều này tác động theo hai cách: một là các rung động bức xạ từ lá bùa ắt chống lại những xúc cảm sợ hãi ngay khi chúng ngóc đầu dậy, ngăn cản không cho chúng tích lũy và củng cố thêm lực lượng (chúng thường làm như vậy) cho đến khi không gì chống lại được chúng. Tác dụng này đã được so sánh với một con quay, một khi được phát động theo một hướng nào đó thì nó sẽ mạnh mẽ chống lại việc bị chuyển sang hướng khác.

Hai là lá bùa tác động gián tiếp lên tâm trí người đeo bùa, ngay khi y cảm thấy bắt đầu sợ sệt thì có lẽ y sẽ nhớ tới lá bùa và tom góp lại sức mạnh dự trữ của ý chí mình để chống lại xúc cảm bất hảo.

Lá bùa còn có khả năng thứ ba là vì nó có liên kết với người chế ra lá bùa. Trong tình huống người đeo bùa lâm vào tình cảnh tuyệt vọng thì y có thể kêu cầu tới người chế tạo lá bùa để thỉnh cầu sự đáp ứng của người ấy. Người tạo lá bùa có thể hoặc không thể có ý thức nơi xác phạm về lời kêu cầu ấy nhưng trong bất kỳ trường hợp nào thì Chơn ngã của y cũng có ý thức và sẽ đáp ứng bằng cách củng cố rung động của lá bùa.

Một vài đồ vật phần lớn là những loại bùa hoặc bùa yêu tự nhiên. Mọi đá quý đều như vậy, mỗi loại đá quý có một ảnh hưởng riêng mà ta có thể sử dụng theo hai cách: (1) - ảnh hưởng thu hút về nó tinh hoa ngũ hành thuộc một loại nào đấy cùng với những tư tưởng và dực vọng vốn tự nhiên là biểu hiện thông qua tinh hoa ấy; (2) - những đặc tính tự nhiên này khiến cho nó thích hợp dẫn truyền từ khí vốn được dự tính tác động theo cùng đường lối như những tư tưởng và xúc động ấy. Vậy là chẳng hạn như để làm một lá bùa thanh khiết, ta nên chọn một loại đá mà các làn sóng rung động tự nhiên không hài hòa với khóa nhạc mà những tư tưởng không thanh khiết biểu hiện qua đó.

Mặc dù các hạt tạo thành viên đá mang tính vật chất, thế nhưng vì thuộc về một bát độ ở mức đó đồng nhất với bát độ thanh khiết trên các cảnh cao cho nên thậm chí khi viên đá chưa được từ khí hóa thì chúng vẫn kiểm soát được tư tưởng hoặc xúc động không thanh khiết nhờ vào các họa âm. Hơn nữa viên đá có thể dễ dàng được tích những làn sóng tư tưởng và xúc động thanh khiết ở mức trung giới và cõi trí tuệ vốn được xếp vào cùng một bát độ.

Những ví dụ khác là (1) - chuỗi hạt rudrakshā thường được dùng làm vòng đeo cổ ở Ấn độ đặc biệt thích hợp để được từ điển hóa khi cần có tư tưởng thánh thiện dai dẳng để tham thiền và tránh xa mọi ảnh hưởng gây xáo trộn; (2) - chuỗi hạt của cây tulsi có ảnh hưởng hơi khác một chút.

Những vật tạo ra hương thơm ngào ngạt thường là bùa tự nhiên. Vậy là ta chọn nhựa thơm làm hương trầm vì nó có bức xạ thuận lợi cho tư tưởng tâm linh sùng tín và không hài hòa với bất kỳ dạng xáo trộn hoặc lo âu nào. Các phù thủy thời trung cổ đôi khi phối hợp thành phần của nhang để tạo ra tác dụng ngược lại, ngày nay nó vẫn còn được sử dụng trong các nghi lễ của Lucifer. Thường thường ta nên tránh những mùi hương ngào ngạt nhưng thô tục chẳng hạn như bột xạ hương vì nhiều thứ ấy gợi nhớ tới những xúc cảm ham mê ngũ dục.

Một vật không cố tình được tích năng lượng đôi khi cũng có thể có thần lực của một lá bùa: chẳng hạn như tặng phẩm của một người bạn được người ta thường đeo, ví dụ như một cái nhẫn hoặc dây chuyền hoặc thậm chí một bức thư.

Một vật chẳng hạn như đồng hồ thường được bỏ vào túi ắt tích được từ khí và nếu trở thành tặng phẩm thì có thể tạo ra những tác dụng nhất định đối với người được tặng. Tiền xu và tiền giấy thường tích từ khí lẫn lộn những xúc cảm và tư tưởng, do đó bức xạ ra một tác dụng gây xáo trộn và bực mình.

Như vậy tư tưởng và xúc cảm của con người chẳng những ảnh hưởng tới bản thân và tha nhân mà còn làm thấm nhuần những đồ vật này trên cõi trần sao cho chúng có quyền năng gọi ra những tư tưởng và xúc động tương tự đối với những người khác trong tầm ảnh hưởng của chúng.

(2) – *Sinh hoạt qua Xúc động*. Ta chẳng cần nhấn mạnh rằng phẩm chất của thể vía phần lớn được xác định bởi loại xúc động và xúc cảm thường xuyên tác động xuyên qua nó.

Con người sử dụng thể vía (cho dù y có ý thức hay chẳng về sự kiện này) bất cứ khi nào y biểu diễn một xúc động cũng giống như y sử dụng thể trí bất cứ khi nào y suy nghĩ, hoặc y sử dụng thể xác bất cứ khi nào y làm một việc trên cõi trần. Dĩ nhiên điều này khác hẳn việc sử dụng thể vía làm một hiện thể độc lập mà tâm thức của y có thể biểu hiện trọn vẹn thông qua đó; đây là một vấn đề mà sau này khi đến đúng lúc ta sẽ cứu xét tới.

Như ta thấy, thể vía là môi trường biểu lộ của dực vọng, là tấm gương mà mọi xúc động ngay tức khắc được phản chiếu trong đó, thậm chí mọi tư tưởng vốn bao hàm bất cứ thứ gì dính dáng tới bản ngã con người cũng phải biểu hiện qua đó. Do vật liệu của thể vía ta mới cấp hình dáng cho những “tinh linh” tà thuật (xem trang 45) mà con người tạo ra và phát động bằng những ước mơ độc ác và những xúc cảm đầy ác ý; cũng chính từ vật liệu của thể vía mới thể hiện ra những tinh linh phúc thần sinh ra đời do những ước nguyện lành, lòng biết ơn và tình thương.

Thể vía tăng trưởng nhờ được sử dụng cũng như mọi thể khác, nó cũng có thói quen của riêng mình, được kiến tạo và cố định do thường xuyên lập đi lập lại những hành vi giống hệt nhau. Trong sinh hoạt trên cõi trần, thể vía là nơi tiếp nhận đáp ứng những kích thích của cả thể xác lẫn thể hạ trí. Nó có khuynh hướng tự động lập lại những rung động quen thuộc; bàn tay có thể lập lại một cử chỉ quen thuộc bao nhiêu thì thể vía cũng có thể lập lại một xúc cảm hoặc tư tưởng quen thuộc bấy nhiêu.

Mọi hoạt động mà ta gọi là điều ác cho dù là những tư tưởng ích kỷ (thuộc thể trí) hoặc xúc động ích kỷ (thuộc thể vía) bao giờ cũng biểu lộ thành các rung động của vật chất thô thuộc các cõi này, còn những tư tưởng hoặc xúc động tốt và vị tha tạo ra những rung động của loại vật chất cao. Vì vật chất tinh vi dễ rung động hơn vật chất thô cho nên suy ra rằng một lượng thần lực cho sẵn dành cho tư tưởng hoặc xúc động tốt đẹp có lẽ tạo ra kết quả cả trăm lần mạnh hơn, cũng lượng thần lực ấy tác động vào vật chất thô nếu chẳng phải như vậy thì rõ rệt là người thường ắt tuyệt nhiên chẳng tiến bộ gì hết.

Tác dụng của 10% thần lực hướng vào những cứu cánh tốt đẹp ắt thắng lướt hơn nhiều so với 90% thần lực dành cho những mục đích ích kỷ, thế là xét chung một người như vậy vẫn tiến bộ đáng kể từ kiếp này sang kiếp khác. Một người thậm chí chỉ có 1% điều tốt cũng vẫn tiến bộ chút ít. Kẻ nào mà số bộ đời cân bằng chính xác sao cho y chẳng tiến cũng chẳng lùi thì ắt phải sống một cuộc đời rõ rệt là gian tà, còn muốn chìm sâu vào đường tà thì người ấy trước sau như một ắt phải là kẻ đê tiện bất bình thường.

Như thế ngay cả những kẻ chẳng cố tính làm điều gì để tiến hóa và cứ buông xuôi cho mọi chuyện muốn ra sao thì ra, song le y vẫn từ từ tiến hóa bởi vì có thần lực vô địch của Thượng Đế đang đều đều thúc y đi lên. Nhưng y tiến chậm đến nỗi phải mất hàng triệu năm lâm phạm nhập thể với biết bao rắc rối và hoài công thì thậm chí mới tiến được một bước.



Phương pháp tiên bộ để được vững chắc thì thật là đơn giản và tài tình. Như ta đã thấy những tính xấu là rung động của vật chất thô thuộc cõi tương ứng với nó, trong khi những đức tính biểu hiện qua cấp vật chất cao hơn. Do đó suy ra hai kết quả đáng chú ý.

Ta phải nhớ rằng mỗi cảnh của thể vía đều có quan hệ đặc biệt với cảnh tương ứng của thể trí; vậy là bốn cảnh thấp của thể vía tương ứng với bốn loại vật chất trong thể trí, còn ba cảnh cao của thể vía tương ứng với ba loại vật chất của thể thượng trí.

Vì thế cho nên các rung động thấp của thể vía không tìm ra được vật chất nào trong thể thượng trí hưởng ứng với chúng và chỉ có những đức tính thuộc cảnh cao thể vía mới được xây dựng vào thể thượng trí. Vì thế cho nên suy ra rằng bất cứ điều tốt nào mà con người tự thân phát triển đều được ghi khắc thường trụ qua sự thay đổi của thể thượng trí, còn điều xấu mà y làm, cảm xúc hoặc suy nghĩ không thể đọng tới Chơn ngã mà chỉ có thể gây ra sự xáo trộn và rắc rối cho thể hạ trí thôi, thể hạ trí này đều được đổi mới trong mỗi kiếp lâm phạm mới. Kết quả là điều xấu được tích trữ trong nguyên tử trường tồn trong thể vía và thể hạ trí; vì vậy con người vẫn phải đương đầu với nó, trở đi trở lại cho đến khi y đã triệt tiêu được nó để rồi cuối cùng nhờ tận rễ trong các hiện thể của mình mọi khuynh hướng đáp ứng với nó. Đây hiển nhiên là một vấn đề khác hẳn vì du nhập nó vào Chơn ngã rồi biến nó thật sự thành một bộ phận của Chơn nhơn.

Vật chất cõi trung giới đáp ứng với mọi xung động của thể giới trí tuệ nhanh hơn vật chất của cõi trần; vì thế, thể vía của con người vốn làm bằng vật chất trung giới cũng chia xẻ sự sốt sắng đáp ứng với tác động của tư tưởng, nó rung động hưởng ứng mọi tư tưởng tác động vào mình cho dù tư tưởng ấy xuất phát từ bên ngoài nghĩa là từ tâm trí người khác hay là xuất phát từ bên trong nghĩa là từ tâm trí của chính chủ nhân ông.

Do đó, một thể vía mà chủ nhân ông khiến cho nó quen hưởng ứng những tư tưởng xấu, ắt đóng vai trò một nam châm thu hút những hình tư tưởng xúc động tương tự ở gần kề, trong khi một thể vía thanh khiết phản ứng lại những tư tưởng xúc động làm bằng vật chất và rung động phù hợp với chính mình.

Đó là vì ta phải nhớ rằng cõi trung giới có đầy những tư tưởng và xúc động của người khác và những thứ này không ngừng gây áp lực, thường xuyên tấn công mọi thể vía để biến nó thành ra có những rung động tương tự như rung động của mình.

Hơn nữa có những tinh linh thiên nhiên (xem trang 181) thuộc loại thấp vốn vui hưởng những rung động thô của giận dữ và oán ghét, lao mình vào bất kỳ dòng thần lực nào có tính cách ấy, thế là làm tăng cường các làn sóng rung động, đóng góp thêm sự sống mới mẻ cho chúng. Những người nào chiều theo các xúc động thô trực thì tùy theo trường hợp ắt thường xuyên bị bao vây bởi những cơn quạ đen của cõi trung giới, chúng chen lấn nhau bu lấy người ấy, háo hức tiên liệu một đợt bùng nổ cơn đăm mê đó.

Nhiều tâm trạng mà hầu hết mọi người phải chịu ít nhiều là do ảnh hưởng ngoại lai của cõi trung giới. Chẳng hạn như trong khi cơn chán nản có thể do một nguyên nhân thuần túy thuộc thể xác, như bị khó tiêu, rét run hoặc mệt mỏi v.v... thì thậm chí nó lại thường có nguyên nhân là do sự hiện diện của một thực thể cõi trung giới. Bản thân thực thể này đang nản chí cho nên lượn lờ xung quanh bất cứ ai nhằm mưu tìm sự đồng cảm hoặc hi vọng thu hút được từ đối tượng ấy sinh khí mà mình đang thiếu.

Hơn nữa, chẳng hạn như một người đang mất bình tĩnh thì nhất thời không kiểm soát được thể vía của mình cho nên tinh linh dục vọng (xem trang 6) chiếm ưu thế nổi bật. Trong tình huống ấy, người này có thể bị nhập xác và bị ám hoặc là bởi một người đã chết có bản chất tương tự hay là bởi một tinh linh nhân tạo gian tà nào đó.

Học viên nên nghiêm khắc đặc biệt đề cao cảnh giác với sự chán nản, đây là một hàng rào lớn lao ngăn cản sự tiến bộ; ít ra y cũng nên cố gắng đừng để cho ai khác biết mình đang ngã lòng. Nó biểu thị rằng y đang nghĩ tới bản thân nhiều hơn nghĩ tới Chơn sư, và nó khiến cho ảnh hưởng Chơn sư càng khó tác động lên y. Sự ngã lòng gây ra nhiều đau khổ cho những người nhạy cảm và chịu trách nhiệm về nhiều cơn khủng khiếp của trẻ khóc dạ đề. Sinh hoạt nội tâm của người tầm đạo không nên liên tục dao động về mặt xúc cảm.

Hơn bao giờ hết người tầm đạo cũng nên học cách đừng lo âu. Sự an phận bằng lòng với số phận không hề tương kỵ với đạo tâm, sự lạc quan được biện minh bởi việc điều thiện chắc chắn cuối cùng sẽ thắng, mặc dù quả thật là nếu ta chỉ xét tới cõi trần thôi thì không dễ gì kiên định được lập trường này.

Trong trường hợp chịu sự căng thẳng của những xúc động rất mạnh nếu người ta buông thả mình đi quá xa thì y có thể chết, hóa điên hoặc bị ám. Sự ám ảnh ấy không nhất thiết là điều được gọi là gian tà mặc dù sự thật là mọi sự ám ảnh đều gây tai hại.

Ta có thể rút ra một điều minh họa cho hiện tượng này qua “sự cải giáo” của kẻ hồi sinh nhờ tôn giáo. Trong những trường hợp ấy, người ta dần sâu vào một tình huống kích động về xúc cảm ghê gớm đến nỗi họ đi quá mức an toàn: bấy giờ họ có thể bị ám bởi một vị tu sĩ đã quá cố cũng có khuynh hướng tôn giáo ấy, thế là hai linh hồn có thể tạm thời hoạt động thông qua cùng một thể xác. Năng lượng ghê gớm của những cơn cuồng thần kinh cực đoan như vậy mang tính truyền nhiễm có thể lan nhanh qua một đám đông.

Một sự xáo trộn về thể vía biểu hiện qua bản chất là một cơn xoáy lực khổng lồ. Các thực thể cõi trung giới có ham muốn duy nhất là cảm giác ắt lao mình vào xoáy lực ấy; đó là đủ thứ tinh linh thiên nhiên (xem trang 181) vốn thích thú đắm mình trong những rung động mang tính kích thích man dại với bất cứ đặc tính nào cho dù có tính cách tôn giáo hoặc tình dục, giống hệt như trẻ con chơi trượt nước. Các tinh linh này cung cấp năng lượng và củng cố năng lượng đã được phóng ra một cách liêu lĩnh. Ý tưởng chủ yếu thường thường là của một kẻ ích kỷ muốn cứu chuộc linh hồn của chính mình, vật chất cõi trung giới cũng thuộc loại thô trực thôi, còn các tinh linh thiên nhiên cũng thuộc loại sơ cấp.

Tác dụng xúc động của một sự hồi sinh nhờ tôn giáo như thế rất là mãnh liệt. Trong một số trường hợp người ta có thể thực sự được lợi ích lâu dài nhờ “sự cải giáo” ấy, nhưng học viên huyền bí học nghiêm túc nên tránh những sự kích động xúc cảm quá trớn mà rất thường gây ra nguy hiểm cho nhiều người. “Sự kích động vốn rất xa lạ với sinh hoạt tâm linh”.

Có nhiên là có nhiều nguyên nhân gây ra điên: đó có thể là do những khuyết tật nơi một trong các hạ thể như thể xác, thể phách, thể vía, thể trí. Có một biến thể mà nguyên nhân là do thiếu sự điều chỉnh chính xác giữa các hạt của thể vía với các hạt của thể phách hoặc các hạt của thể trí. Trường hợp như thế chỉ hết điên mãi cho đến khi người ấy lên cõi thiên đường, nghĩa là khi y bỏ lại thể vía và chuyển sang thể trí. Loại điên này cũng hiếm thôi.

Ở Đông phương từ lâu rồi người ta đã công nhận tác dụng của những rung động thuộc về thể vía này lên một thể vía kia; đây là một trong những lý do tại sao việc một đệ tử sống gần kề một đấng tiến hóa cao hơn mình lại có ích lợi vô cùng. Một bậc đạo sư Ấn độ chẳng những qui định cho học trò các loại bài tập hoặc bài học đặc biệt để tẩy trừ, củng cố và phát triển thể vía của y, mà thầy còn giữ cho học trò ở cặp kề mình trên cõi trần để tìm cách dùng cái sự liên kết cận kề ấy làm cho các hiện thể của học trò được hài hòa và chỉnh hợp với hiện thể của chính mình. Một bậc đạo sư như thế đã làm yên tịnh các hiện thể của chính mình, khiến cho chúng quen rung động ở một vài nhịp độ đã được tuyển chọn kỹ lưỡng thay

vì rung động cuồng loạn với cả trăm nhịp độ hỗn độn. Một vài nhịp độ rung động này rất mạnh và kiên định cho nên mỗi ngày và đêm, cho dù đang ngủ hay đang tỉnh thức thì các nhịp độ ấy vẫn không ngừng tác động lên hiện thể của học trò và dần dần nâng y lên tới bất độ của thầy.

Vì những lý do tương tự như thế, một người Ấn độ muốn sống cuộc đời cao thượng thường rút lui vào rừng thẳm cũng giống như một người thuộc các chủng tộc khác rút lui khỏi thế gian để sống cuộc đời ẩn dật. Thế là ít ra y cũng hít thở được không ngừng do những xúc cảm và tư tưởng của người khác thường xuyên tấn công vào các hạ thể của mình để cho y có thời giờ suy nghĩ một cách mạch lạc. Ảnh hưởng bình an của Thiên nhiên trong một chùng mực nào đó cũng có ích lợi.

Khá tương tự như vậy là tác dụng lên những con thú vốn liên kết mật thiết với con người. Lòng tận tụy của một con thú đối với người chủ mà nó yêu thương, những nỗ lực mở trí của nó nhằm tìm hiểu ước vọng của chủ để làm vừa lòng chủ, đã phát triển rất nhiều trí năng của con thú cũng như khả năng tận trung và luyện ái của nó. Nhưng ngoài điều này ra việc các hiện thể của con người thường xuyên tác động lên hiện thể của con thú cũng trợ giúp rất nhiều cho quá trình này, thế là dọn đường cho con thú biệt lập ngã tính để trở thành con người.

Nhờ nỗ lực của ý chí ta có thể tạo ra một lớp vỏ bằng chất trung giới ở trên ngoại biên của hào quang thể vía. Ta có thể làm như vậy vì ba mục đích: (1) – giữ cho các rung động xúc cảm của ta (chẳng hạn như giận dữ, ganh tị hoặc oán ghét) cố tình được hướng từ người này sang người kia; (2) – loại trừ những rung động ngẫu nhiên thuộc loại thấp vốn có thể trôi nổi trên cõi trung giới và tác động lên hào quang của ta; (3) – bảo vệ cho thể vía trong khi tham thiền. Những lớp vỏ như thế thường không tồn tại lâu mà cần phải được thường xuyên đổi mới nên cần giữ nó trong bất kỳ thời khoảng kéo dài nào.

Dĩ nhiên một lớp vỏ như thế giữ cho rung động ở *bên trong* cũng như ở *bên ngoài* nó. Vì vậy học viên nên làm chiếc vỏ chỉ bằng chất trung giới thô nhất thôi bởi vì y không muốn ngăn cản hoặc ngăn ngừa những rung động thuộc loại cao của chất trung giới đi ra ngoài.

Theo thông lệ thì ta có thể nói rằng việc dùng chiếc vỏ cho bản thân trong chùng mực nào đó là sự thú nhận yếu đuối vì nếu người ta biểu hiện hết được mình thì không cần một loại che chở nhân tạo nào. Mặt khác, người ta thường dùng những cái vỏ để trợ giúp ích lợi cho những người khác đang cần được che chở.

Ta ắt nhớ lại (Xem trang 6) rằng thể vía của con người chẳng những bao gồm chất trung giới thông thường mà còn có một lượng tinh hoa ngũ hành. Trong khi con người còn sống, tinh hoa ngũ hành này được cách ly khỏi đại dương xung quanh bao gồm vật chất tương tự và trong nhất thời nó hầu như có thể được miêu tả là một loại tinh linh nhân tạo (Xem trang 450) nghĩa là một loại thực thể riêng biệt bán thông tuệ mà ta gọi là Tinh linh Dục vọng. Tinh linh Dục vọng đi theo lộ trình tiến hóa của riêng mình chìm xuống vào trong vật chất mà không đếm xỉa (hoặc thật ra không biết gì) tới lợi ích hoặc ý định của Chơn ngã mà nó ngẫu nhiên gắn bó với. Như vậy, quyền lợi của nó ngược hẳn với quyền lợi của Chơn nhơn bởi vì nó mưu tìm những rung động càng ngày càng mạnh mẽ và thô trực hơn. Vì thế cho nên mới có sự đấu tranh hoài hoài mà thánh Paul miêu tả là “định luật nơi tứ chi giao chiến với định luật của tâm trí”. Hơn nữa, khi thấy việc liên kết với vật chất trí tuệ trong thể trí của con người mang lại cho mình nhiều rung động linh hoạt hơn nữa, nó bèn cố gắng kích động vật chất trí tuệ đồng cảm với nó và dụ dỗ con người tin rằng Chơn nhơn muốn cái cảm giác mà nó muốn.

Vì vậy, nó trở thành một loại chuyên môn đi cảm dỗ. Song le, tinh linh dục vọng không phải là một thực thể xấu; thật ra nó tuyệt nhiên không phải là một thực thể đang tiến hóa và nó không có quyền tái sinh luân hồi; chỉ loài tinh hoa cấu tạo thành nó mới đang tiến hóa. Cái thực thể mờ mờ nhàn ảnh này tuyệt nhiên cũng chẳng có ý đồ xấu xa nào đối với Chơn Nhơn vì nó đâu có biết gì về con người mà nó nhất thời tạo thành một bộ phận. Như vậy nó tuyệt nhiên không phải là ma quỷ mà ta phải đương đầu một cách khiếp sợ; đúng ra nó cũng là một bộ phận của sự sống thiêng liêng như chính con người mặc dù ở một giai đoạn phát triển khác.

Thật sai lầm khi ta tưởng tượng rằng khi từ chối không thỏa mãn những rung động thô của tinh linh dục vọng thì như vậy người ta sẽ kiểm soát sự tiến hóa của nó bởi vì thật ra không phải thế. Bằng cách kiểm soát những đam mê và phát triển những đức tính cao thượng, con người bỏ rơi loại tinh hoa thấp và giúp cho loại tinh hoa cao tiến hóa; những loại rung động thấp có thể được cung cấp bởi một con thú ở một giai đoạn sau này thậm chí còn nhuần nhuyễn hơn do con người cung cấp, trong khi mà ngoại trừ con người ra không một sinh linh nào khác có thể giúp cho loại tinh hoa cao cấp tiến hóa được.

Trong suốt cuộc đời, con người phải dứt khoát chiến đấu chống lại tinh linh dục vọng cùng với khuynh hướng của nó nhằm mưu tìm những rung động vật chất thô trực và thấp hơn; y phải nhận thức hoàn toàn rõ ràng rằng ý thức của nó, những điều yêu ghét của nó không phải là của Chơn Nhơn. Bản thân y đã tạo ra nó nhưng không nên làm nô lệ cho nó mà phải học cách kiểm soát nó, ngộ ra được rằng mình khác với nó.

Vấn đề này sẽ được cứu xét thêm nữa ở Chương 12.

(3) – *Sinh hoạt của Thể Trí*. Yếu tố thứ ba và yếu tố cuối cùng ảnh hưởng tới thể vía trong ý thức tỉnh táo bình thường chính là sinh hoạt của thể trí. Các hoạt động trí tuệ có tác dụng sâu xa nhất đối với thể vía vì hai lý do:

1 – Bởi vì vật chất của hạ trí, tức Manas, liên kết chằng chịt với vật chất trung giới, tức Kāma, đến nỗi hầu hết mọi người gần như không thể sử dụng loại vật chất này mà không có vật chất kia; nghĩa là ít ai có thể suy nghĩ trong một chừng mực nào đó.

2 – Bởi vì sự tổ chức và kiểm soát thể vía vốn thuộc thẩm quyền của cái trí. Đây là một ví dụ của nguyên tắc chung theo đó mỗi thể được kiến tạo bằng tâm thức tác động ở cõi ngay kế trên nó. Nếu không có quyền năng sáng tạo của tư tưởng thì ta không thể tổ chức được thể vía.

Mọi xung lực mà cái trí gửi đến cho xác phàm đều phải đi qua thể vía và cũng tạo ra một tác dụng lên nó. Hơn nữa, vì vật chất trung giới đáp ứng nhiều hơn vật chất cõi trần đối với những rung động của tư tưởng, cho nên tác dụng của những rung động cõi trí tuệ đối với nó cũng lớn hơn đối với thể xác theo tỉ lệ ấy. Do đó một cái trí được kiểm soát, đã phát triển và lão luyện cũng có khuynh hướng kiểm soát và phát triển được thể vía. Tuy nhiên khi cái trí không có chủ động kiểm soát được thể vía thì thể vía vì đặc biệt bén nhạy với ảnh hưởng của những dòng tư tưởng thoáng qua cho nên thường xuyên tiếp nhận những kích thích này từ bên ngoài và hăm hở hưởng ứng với chúng.

Cho đến nay, ta đã bàn tới những tác dụng chung đối với thể vía trong sinh hoạt bình thường dựa vào bản chất của sinh hoạt thể xác, sinh hoạt xúc động và sinh hoạt trí tuệ. Bây giờ ta phải bàn tới (nhưng chỉ đại khái thôi) công dụng của những quan năng đặc biệt thuộc chính thể vía trong khi ý thức đang tỉnh táo.

Ở chương 5, ta đã mô tả bản chất của những năng khiếu này và quan hệ của chúng với đủ thứ Luân xa trong thể vía. Nhờ vào quyền năng của chính vật chất cõi trung giới được phát triển qua tác nhân là các Luân xa, con người chẳng những tiếp nhận được những rung



động từ vật chất cõi dĩ thái được truyền qua thể vía lên tới thể trí, mà còn tiếp nhận những ấn tượng trực tiếp từ vật chất chung quanh thuộc cõi trung giới; lẽ dĩ nhiên những ấn tượng này cũng được truyền đi tương tự qua thể trí lên tới tận Chơn Nhơn nội tâm.

Nhưng để tiếp nhận các ấn tượng trực tiếp từ cõi trung giới theo kiểu này, con người phải học cách tập trung ý thức nơi thể vía thay vì tập trung ý thức vào óc phàm như thông lệ.

Nơi những loại người thấp, Kāma tức dục vọng, vẫn còn chủ yếu là đặc điểm nổi bật, mặc dù sự phát triển trí tuệ cũng đã diễn tiến tới một mức nào đó. Tâm thức của những người ấy tập trung vào những bộ phận thấp của thể vía, sinh hoạt của họ bị khống chế bởi những cảm giác có liên quan tới cõi trần. Chính vì thế mà thể vía tạo thành bộ phận nổi bật nhất trong hào quang của người chậm phát triển.

Một người bình thường thuộc giống dân của chúng ta hầu như vẫn còn hoàn toàn sinh hoạt qua các cảm giác mặc dù phần cao của thể vía đang bước vào hoạt động; thế nhưng đối với y thì vấn đề nổi bật dẫn dắt cách cư xử của y không phải là điều gì đúng hoặc làm điều gì hợp lý mà chỉ là bản thân y muốn làm gì. Người có văn hóa và phát triển cao hơn đang bắt đầu dùng lý trí để khống chế dục vọng; điều này nghĩa là trung tâm của ý thức dần dần được chuyển đi từ cảnh cao của cõi trung giới lên cõi hạ trí. Dần dần khi con người tiến bộ, nó còn di chuyển lên cao hơn nữa và con người bắt đầu bị khống chế bởi nguyên tắc hơn là bởi sự thích thú và ham muốn.

Học viên nên nhớ lại rằng loài người vẫn còn ở trong Cuộc tuần hoàn thứ tư, vốn tự nhiên là dành cho việc phát triển ham muốn và xúc động; thế nhưng ta cũng đang dần thân vào việc phát triển trí năng vốn là đặc trưng đặc biệt của Cuộc tuần hoàn thứ năm. Sự việc như vậy là do cơ tiến hóa của ta đã được kích thích ghê gớm nhờ sự giáng lâm của Hỏa Đức Tinh Quân từ Kim Tinh và nhờ công trình của các Chơn sư đã bảo tồn cho ta ảnh hưởng ấy và kiên định hi sinh để ta có thể tiến bộ thêm nữa.

Ta cũng nên nhớ lại rằng trong chu kỳ nhỏ hơn gồm các giống dân thì Căn chủng thứ năm đang hoạt động với thể trí, còn Căn chủng thứ tư đặc biệt quan tâm hơn tới thể vía.

Mặc dù sự thật là vậy nhưng trong đa số trường hợp, trung tâm của ý thức vẫn ở nơi thể vía, hầu hết mọi người hoàn toàn không biết gì về sự thật ấy, tuyệt nhiên chẳng biết gì về thể vía hoặc công dụng của nó. Họ đã có đằng sau những truyền thuyết và phong tục trải qua một chuỗi kiếp sống dài đằng đặc trong đó người ta không sử dụng những quan năng của thể vía; thế nhưng lúc nào những quan năng này cũng đều từ từ và dần dần tăng trưởng bên trong một lớp vỏ, hơi giống như một con gà con tăng trưởng bên trong quả trứng gà. Vì thế cho nên rất nhiều người có những năng lực của thể vía mà họ hoàn toàn không có ý thức thật ra có thể nói nó ở rất gần bề mặt và có lẽ là trong tương lai gần khi người ta biết rõ và hiểu nhiều hơn về những vấn đề này thì trong đa số trường hợp, những năng lực tiềm tàng này sẽ bộc lộ ra và những quyền năng của thể vía lúc bấy giờ sẽ thông dụng hơn so với ngày nay.

Lớp vỏ mà ta nói ở trên bao gồm một khối lớn tư tưởng duy ngã mà người thường hầu như đắm chìm trong đó một cách tuyệt vọng. Điều này có lẽ cũng được áp dụng một cách hữu hiệu hơn cho sinh hoạt trong lúc ngủ mà chúng ta sẽ bàn tới ở chương kế tiếp.

Trên kia ta có nói tới việc tập trung ý thức vào thể vía. Trong một lúc ý thức của con người chỉ có thể được tập trung vào một hiện thể mà thôi, mặc dù y có thể đồng thời có ý thức một cách mơ hồ qua những hiện thể khác. Ta có thể rút ra một điều tương tự đơn giản từ việc nhìn bằng mắt phàm. Nếu ta đưa ngón tay ra trước mặt thì mắt ta có thể tập trung nhìn rõ hoàn toàn ngón tay, đồng thời ta cũng có thể nhìn bối cảnh ở xa xa mặc dù nhìn

không rõ lắm bởi vì nó nằm ngoài tiêu điểm. Sang lúc khác thì tiêu điểm có thể thay đổi sao cho ta có thể nhìn hoàn toàn thấy rõ bối cảnh, nhưng ngón tay bây giờ nằm ngoài tiêu điểm cho nên ta chỉ nhìn thấy nó mờ mờ thôi. Cũng giống hệt như vậy, nếu người đã phát triển tâm thức của thể vía và thể trí mà lại tập trung vào óc phàm như trong sinh hoạt thông thường thì y ít thấy rõ thể xác của người khác đồng thời y cũng thấy thể vía và thể trí của họ nhưng chỉ mờ mờ thôi. Chuyển sang lúc khác thì y có thể thay đổi tiêu điểm ý thức của mình sao cho y thấy rõ ràng hoàn toàn thể vía, nhưng trong trường hợp ấy y cũng thấy thể trí và thể xác mà không đầy đủ chi tiết. Điều này cũng đúng đối với thần nhãn của thể trí và thị giác trên các cõi cao.

Như vậy trong trường hợp một người phát triển cao mà tâm thức thậm chí đã vượt quá thể nguyên nhân, tức thể thượng trí, sao cho ngài có thể hoạt động thoải mái trên cõi Bồ đề và cũng có một mức độ ý thức trên cõi Niết bàn thì trung tâm ý thức của ngài ở giữa cõi Thượng trí và cõi Bồ đề. Thể thượng trí và thể vía cao cấp nơi ngài phát triển nhiều hơn thể hạ trí và thể vía cấp thấp; mặc dù ngài vẫn giữ xác phàm nhưng ngài chỉ giữ xác để thuận tiện việc hoạt động trong đó chứ tuyệt nhiên không phải vì tư tưởng và ham muốn của ngài bị cố định vào đó. Một người như thế đã siêu việt được mọi ham muốn có thể trói buộc ngài vào việc lâm phạm; vì vậy ngài chỉ giữ xác phàm để có thể dùng nó làm một công cụ cho những thần lực của các cõi cao đạt xuống được tới tận cõi hồng trần.

## **CHƯƠNG IX** **SINH HOẠT TRONG LÚC NGỦ**

Nguyên nhân thật sự của việc ngủ dường như là các hiện thể đã trở nên mỗi một đối với nhau. Trong trường hợp thể xác, chẳng những mọi việc huy động cơ bắp mà mọi xúc cảm và tư tưởng cũng tạo ra một vài biến đổi nhỏ về hóa chất. Một cơ thể khỏe mạnh bao giờ cũng cố gắng hóa giải những biến đổi này, nhưng nó chẳng bao giờ thành công hoàn toàn trong khi thể xác còn tỉnh táo. Vì vậy cứ mỗi tư tưởng, xúc cảm hoặc hành động xảy ra thì lại có một sự mất mát nhỏ nhỏ hầu như không nhận thức được; tác dụng tích lũy của điều ấy rốt cuộc khiến cho xác phàm kiệt lực đến nỗi nó không thể suy nghĩ hoặc làm việc thêm được nữa. Trong một số trường hợp, ngay cả chỉ một vài giây phút chợp mắt ngủ cũng đủ để hồi sức, điều này được thực hiện do tinh linh thể xác.

Trong trường hợp thể vía, chẳng bao lâu sau nó đã trở nên mỗi một vì công việc nặng nề là phải làm vận chuyển các hạt của óc phàm; nó cần có một thời kỳ đáng kể tách rời khỏi thể xác để có thể dồn sức tiếp tục trở lại công tác khó chịu này.

Tuy nhiên trên cõi của riêng mình, thể vía thật ra hầu như không thể mệt mỏi bởi vì người ta đã biết có trường hợp nó làm việc không ngừng trong vòng 25 năm mà không tỏ ra dấu hiệu kiệt quệ.

Mặc dù xúc động quá trớn và kéo dài làm cho con người mệt mỏi rất nhanh trong sinh hoạt đời thường, nhưng thể vía không bị mệt mà chính xác phàm bị mệt khi xúc động được biểu hiện hoặc trải nghiệm thông qua xác phàm.

Tương tự như vậy với thể trí. Khi ta nói mệt trí thì thật ra ta gọi không đúng, bởi vì chính bộ óc chứ không phải thể trí bị mệt. Không hề có chuyện thể trí bị mệt.

Khi một người rời bỏ xác phàm trong lúc ngủ (hoặc khi đã chết) thì áp lực của vật chất trung giới xung quanh – đó quả thực là lực hấp dẫn trên cõi trung giới – ngay tức khắc đẩy vật chất trung giới khác ủa vào chiếm chỗ trống của thể vía xuất ra. Một âm bản tạm bợ

bằng chất trung giới của thể vía xuất ra. Một âm bản tạm bợ bằng chất trung giới ấy là một bản sao chính xác của xác phàm xét về sự bố trí vật chất, tuy nhiên nó thật ra không liên quan tới xác phàm và chẳng bao giờ được dùng làm một hiện thể. Đó chỉ là một sự hội tụ ngẫu nhiên của các hạt được rút ra từ bất kỳ loại vật chất trung giới nào thích hợp tình cờ có mặt ngay tại chỗ. Khi thể vía chân chính trở về thì nó lại trực xuất cái vật chất trung giới kia đi mà không hề bị chống đối lại. Đây rõ rệt là một lý do khiến ta nên cực kỳ thận trọng về môi trường xung quanh nơi mình ngủ; đó là vì nếu môi trường xung quanh mang tính gian tà thì vật chất trung giới thuộc loại bất hảo có thể tràn ngập xác phàm trong khi thể vía con người đang vắng mặt, để lại những di chứng chỉ gây tác động bất lợi lên Chơn Nhơn khi nó trở về.

Khi một người “đi ngủ”, các nguyên khí cao trong thể vía rút ra khỏi thể xác gồm cả xác phàm trọng trực và thể phách vẫn nằm lại với nhau trên giường; còn thể vía trôi nổi trong không khí phía bên trên. Vậy là khi ngủ, con người chỉ sử dụng thể vía thay cho thể xác; chỉ có thể xác là ngủ chứ Chơn Nhơn thì không nhất thiết ngủ.

Thường thường thì thể vía khi triệt thoái khỏi thể xác vẫn giữ lại được hình dáng của thể xác sao cho bất cứ ai biết y trên cõi trần đều có thể nhận ra được. Điều này là do sự kiện các hạt thuộc thể vía và thể xác hút lẫn nhau tiếp tục trải qua suốt kiếp sống trên cõi trần tạo nên một thói quen hoặc sức thôi thúc trong vật chất thể vía vẫn tiếp tục như vậy ngay cả khi nó tạm thời triệt thoái khỏi thể xác đang nằm ngủ.

Chính vì thế, thể vía của một người đang nằm ngủ ắt bao gồm một bộ phận trung tâm tương ứng với thể xác, tương đối rất thô trực còn xung quanh là một hào quang tương đối thanh bai hơn nhiều.

Trong trường hợp một người rất chậm tiến chẳng hạn như người dã man thì y có thể hầu như thiu thiu ngủ chẳng khác nào thể xác, bởi vì y có thể rất ít có ý thức xác định trong thể vía. Y cũng không thể rời xa môi trường xung quanh ngay trước mắt xác phàm đang nằm ngủ, và nếu người ta toan tính kéo y rời xa khi đang ở trong thể vía thì có lẽ y sẽ tỉnh dậy trong thể xác lòng đầy kinh hãi.

Thể vía của y là một khối khá ư vô định hình, một vành sương mù trôi nổi đại khái có dáng hình quả trứng nhưng đường nét không xác định và rất lồi lõm lổm lổm: những đặc điểm và hình dáng của hình dạng bên trong (âm bản bằng chất trung giới thô trực của xác phàm) cũng mờ mờ hồ hồ và không xác định mặc dù ta luôn luôn nhận ra được nó.

Một người thuộc loại sơ khai như thế trong khi ý thức tỉnh táo đã dùng thể vía để phóng những dòng trí tuệ đi xuyên qua cõi trung giới đến tận óc phàm. Nhưng trong lúc ngủ thì óc phàm không hoạt động, thể vía vì chưa phát triển cho nên không thể tiếp nhận những ấn tượng riêng thích hợp với mình, thế là người ấy hầu như vô ý thức, không thể biểu diễn rõ ràng qua một thể vía có tổ chức tồi tàn. Các trung tâm cảm giác trong thể vía có thể chịu ảnh hưởng của những hình tư tưởng thoáng qua và y có thể đáp ứng với nó bằng những kích thích khơi dậy bản chất thấp hèn. Nhưng toàn thể tác dụng mà quan sát viên thấy được là sự lơ mơ buồn ngủ, thể vía thiếu hoạt động xác định cho nên trôi nổi dật dờ, sơ khai, ngay trên xác phàm đang nằm ngủ.

Vì vậy nơi một người hoàn toàn kém tiến hóa thì các nguyên khí cao nghĩa là Chơn Nhơn hầu như cũng ngủ theo thể xác.

Trong một số trường hợp, thể vía ít lơ dờ hơn và trôi nổi mơ mộng loanh quanh theo đủ thứ dòng trung giới; thỉnh thoảng nó nhận ra những người khác cũng ở tình trạng tương tự, trải qua nhiều kinh nghiệm thuộc đủ loại cả dễ chịu lẫn khó chịu; việc nhớ lại những kinh nghiệm ấy – vốn bị lẫn lộn một cách tuyệt vọng và thường trá hình thành ra một bức hí

họa kỳ quặc về những chuyện thật sự xảy ra (Xem Chương 10 bàn về *Các giấc mơ*) – khiến cho người ấy sáng hôm sau nghĩ rằng mình đã mơ một giấc đáng kể xiết bao.

Trong trường hợp một người tiến hóa hơn thì khác nhau rất nhiều. Hình dáng bên trong rõ rệt và xác định hơn nhiều, là một bản mô phỏng gần đúng dáng vẻ của thể xác con người. Thay vì là một vành sương mù bao xung quanh, ta có một hình dạng giống quả trứng xác định rõ rệt, bảo tồn được hình dạng không chịu ảnh hưởng của mọi dòng thần lực biến thiên đang luôn luôn quần thảo xung quanh nó trên cõi trung giới.

Một người thuộc loại này không hề vô ý thức trong thể vía mà hoàn toàn suy nghĩ chủ động. Song le, y có thể cũng chẳng chú ý tới môi trường xung quanh nhiều hơn kẻ dã man. Không phải vì y không thể nhìn thấy mà bởi vì y bị cuốn hút vào tư tưởng của riêng mình đến nỗi y không nhìn thấy gì, mặc dù y có thể nhìn thấy nếu y muốn. Cho dù tâm trí của y dẫn thân vào loại tư tưởng nào trong ngày vừa qua thì y cũng thường tiếp tục suy nghĩ như vậy khi y ngủ thiếp đi, thế là y bị bao quanh bởi một bức tường dày đặc do chính mình tạo ra đến nỗi y hầu như không quan sát được điều gì đang diễn ra ở bên ngoài. Đôi khi một tác động mạnh từ bên ngoài hoặc ngay cả một ham muốn mạnh mẽ nào đó của chính y từ bên trong có thể xé toạc cái bức màn sương mù này ra khiến cho y tiếp nhận được một ấn tượng xác định nào đó. Nhưng ngay cả lúc bấy giờ thì bầu sương mù lại hầu như ngay tức khắc khép chặt xuống và y lại mơ mộng không quan sát được gì giống như trước.

Trong trường hợp một người còn tiến hóa hơn nữa thì khi xác phàm ngủ thiếp đi, thể vía tách rời khỏi nó và con người bấy giờ có ý thức trọn vẹn. Thể vía có đường nét rõ ràng được tổ chức xác định trông giống như con người, và con người có thể sử dụng thể vía làm một hiện thể tiện lợi hơn nhiều so với thể xác.

Mức độ tiếp thu của thể vía đã gia tăng cho đến khi nó tức khắc đáp ứng với mọi rung động trên cõi trung giới, rung động thanh bai cũng như thô tục; nhưng trong thể vía của một người tiến hóa rất cao thì dĩ nhiên hầu như không còn loại vật chất nào có thể đáp ứng với những rung động thô.

Một người như thế ắt tinh như sáo sậu, hoạt động tích cực hơn, chính xác và với khả năng thấu hiểu nhiều hơn so với khi y bị hạn chế trong xác phàm. Hơn nữa, y có thể di chuyển tự do và vô cùng nhanh tới bất kỳ nơi nào xa cách mà tuyệt nhiên không gây xáo trộn cho thể xác đang nằm ngủ. Y có thể gặp gỡ và trao đổi ý kiến với bạn bè hoặc là lân phàm hoặc đã bỏ xác, họ ngẫu nhiên cũng đang thức tỉnh trên cõi trung giới. Y có thể gặp những người tiến hóa hơn mình và nhận được từ họ lời cảnh báo hoặc giáo huấn; hoặc khi có thể mang lại lợi ích cho những kẻ ít hiểu biết hơn chính mình. Y có thể bước vào tiếp xúc với những thực thể phi nhân loại thuộc đủ mọi hạng (Xem chương 20 và 21 bàn về *Các Thực thể trên Trung giới*). Y ắt cũng phải chịu mọi loại ảnh hưởng tốt hay xấu, cũng có hay gây khùng bô của cõi trung giới.

Y có thể kết bạn với những người thuộc các nơi khác trên thế giới, y có thể lắng nghe diễn thuyết; nếu là sinh viên, y có thể gặp những sinh viên khác và nhờ vào những năng khiếu bẩm sinh do cõi trung giới ban cấp, y có thể giải quyết được những bài toán nan giải trên cõi hồng trần.

Chẳng hạn như một y sĩ trong khi thể xác đang ngủ có thể đi thăm bệnh ở những nơi mà mình đặc biệt chú ý. Nhờ vậy ông có thể thu lượm thông tin mới có thể xuất hiện trong ý thức tỉnh táo của ông dường như thể là một loại trực giác.

Nơi một người tiến hóa cao, thể cảm dục vốn hoàn toàn được tổ chức và cấp sinh lực đầy đủ biến thành một hiện thể của tâm thức trên cõi trung giới chẳng khác gì thể xác trên cõi trần.



Vì cõi trung giới chính là cứ điểm của đam mê và xúc động cho nên những người dễ bị xúc động có thể trải nghiệm nó một cách linh hoạt và sắc sảo vô cùng mà trên trần thế y chưa hề biết tới. Trong khi nơi thể xác, hầu hết hiệu lực của một xúc động đều bị kiệt quệ khi truyền xuống cõi trần thì ở nơi cõi trung giới toàn bộ thần lực này vốn sẵn có nơi thể giới của riêng mình. Vì thế cho nên ở cõi trung giới ta có thể cảm nhận được sự luyến ái mãnh liệt hoặc lòng sùng tín tận tụy hơn bất cứ mức nào trên cõi trần, cũng giống như vậy cường độ đau khổ khả hữu trên cõi trung giới thật không thể tưởng tượng được trong sinh hoạt hằng ngày trên cõi trần.

Một điều thuận lợi của tình trạng sự việc này là ở cõi trung giới mọi sự đau đớn và đau khổ đều tự ý và hoàn toàn có thể kiểm soát được, vì thế cho nên sinh hoạt ở đây thoải mái hơn nhiều đối với người hiểu biết. Đối với cái trí thì việc kiểm soát sự đau đớn trong thể xác cũng vẫn được nhưng cực kỳ khó khăn; nhưng trên cõi trung giới bất cứ ai cũng có thể tạm thời xua tan nỗi đau khổ do một xúc động mạnh gây ra. Người ấy chỉ cần vận dụng ý chí thì cơn đam mê ấy sẽ biến đi ngay. Lời khẳng định này nghe ra thật là gây sững sốt, song le nó đúng sự thật vì đó là quyền năng của ý chí và tâm trí đối với vật chất.

Nếu đã đạt được trọn vẹn ý thức trong thể vía thì ta đã tiến được một bước đáng kể; khi con người còn bắc cầu nối liền được vực sâu giữa tâm thức trên cõi trung giới và ý thức trên cõi trần thì ngày và đêm không còn tồn tại đối với y nữa, bởi vì y mang theo cái tâm thức liên tục này chẳng những suốt ngày suốt đêm mà còn qua bên kia cửa tử nữa, mãi cho đến lúc hết sinh hoạt trên cõi trung giới như ta sẽ thấy sau này khi ta bàn tới sinh hoạt sau khi chết.

Vận du trong thể vía không có tính cách tức thời, nhưng nó nhanh đến nỗi ta có thể nói mình hầu như đã chinh phục được không gian và thời gian, bởi vì mặc dù con người vẫn phải đi xuyên qua không gian, nhưng y đi nhanh đến nỗi khả năng nghìn trùng xa cách của không gian gần như không còn nữa. Trong vòng 2 – 3 phút người ta có thể đi du lịch vòng quanh thể giới.

Bất cứ người nào có văn hóa và khá tiến bộ trong đám các giống dân thượng đẳng của nhân loại đều có tâm thức đã phát triển hoàn toàn trong thể vía và y có thể hoàn toàn sử dụng nó làm một hiện thể mặc dù trong nhiều trường hợp y không làm như thế, bởi vì y chưa thực hiện những nỗ lực xác định vốn cần thiết cho buổi ban đầu cho đến khi thói quen ấy đã được xác lập.

Khó khăn đối với người bình thường chẳng phải là thể vía không thể tác động được, mà là vì trong hàng ngàn năm thể ấy đã quen với việc chỉ được phát động bằng những ấn tượng mà nó nhận được thông qua thể xác sao cho con người không nhận thức được rằng thể vía có thể hoạt động trên cõi của riêng mình và tự thân vận động, nghĩa là ý chí có thể tác động trực tiếp lên nó. Người ta vẫn còn “không tinh táo” trong thể vía bởi vì người ta có thói quen chờ đợi cho những rung động quen thuộc của xác phàm khơi dậy hoạt động của thể vía. Vì thế cho nên ta có thể bảo thiên hạ tỉnh táo *trên* cõi trung giới, nhưng tuyệt nhiên không thức tỉnh đối với cõi này, vì vậy họ chỉ ý thức một cách rất lờ mờ về môi trường xung quanh (nếu có).

Khi con người trở thành đệ tử của một trong các Chơn sư, thì y thường ngay tức khắc rũ bỏ tình trạng ngáy ngủ trên cõi trung giới, hoàn toàn tỉnh thức với những thực tại xung quanh mình trên cõi ấy và bắt đầu học hỏi từ đó; làm việc, trà trộn trong đó sao cho những giờ đi ngủ không còn là một khoảng trống mà chất đầy sự bận rộn chủ động và hữu dụng nhưng tuyệt nhiên không can thiệp vào sự nghỉ ngơi lành mạnh của thể xác đang mệt mỏi.

Ở chương 28 bàn về *Những người Phò trợ Vô hình*, ta sẽ bàn đầy đủ hơn về công việc được tổ chức và hoạch định kỹ lưỡng trong thể vía; ở đây ta có thể và đang thường xuyên làm được nhiều việc hữu ích. Một người ngủ thiếp đi với ý định dứt khoát trong trí là làm một phần việc nào đó thì chắc chắn sẽ thử đi và thử tiến hành ý định của mình ngay khi thoát khỏi xác phàm đang nằm ngủ. Nhưng khi công việc đã hoàn tất thì rất có thể là đám sương mù gồm những tư tưởng vị ngã của chính mình sẽ lại một lần nữa khép kín xung quanh nếu y chưa quen phát khởi những đường lối hành động mới mẻ khi đã hoạt động không cần tới óc phàm. Dĩ nhiên trong một số trường hợp thì công việc đã được chọn lựa sao cho nó chiếm trọn thời gian trải qua trong lúc ngủ đến mức mà người ấy ắt sẽ làm việc hết sức mình chừng nào sự phát triển của thể vía còn cho phép.

Mỗi đêm, mọi người nên quyết tâm làm một điều gì đó hữu ích trên cõi trung giới: an ủi một người nào đó đang phiền muộn, dùng ý chí tuôn đổ sức mạnh cho một người bạn đang ốm đau, trấn an một người nào đó đang bị kích động hoặc bị cuồng thần kinh hoặc thực thi một việc phụng sự tương tự nào đó.

Chắc chắn là y sẽ đạt được một mức độ thành công nào đấy, và nếu người cứu trợ quan sát kỹ lưỡng thì y thường nhận được những dấu hiệu trên cõi trần cho thấy mình đã đạt được những kết quả nhất định.

Có bốn cách để cho người ta được “tỉnh thức” và hoạt động một cách hữu thức trong thể vía.

(1). - theo lộ trình tiến hóa bình thường, điều này mặc dù chậm nhưng chắc chắn.

(2). - chính con người nhờ học được những sự thật về trường hợp này đã tinh tấn kiên trì và kiên định quyết tâm xé toang bức màn sương mù từ bên trong rồi dần dần khắc phục được tính ù lì mà mình đã quen thuộc. Để làm như thế, người ấy nên quyết tâm trước khi đi ngủ thì hãy cố gắng thử tỉnh thức khi rời bỏ xác để xem một điều gì đó hoặc làm một công việc nào đó hữu ích. Cố nhiên là điều này chỉ làm nhanh thêm quá trình tự nhiên của việc tiến hóa. Người ấy trước hết nên phát triển óc phân biệt phải trái thông thường và những phẩm chất đạo đức, điều này có hai lý do: một là kéo y có thể lạm dụng những quyền năng ấy khi y thử đắc được nó, hai là kéo y sẽ bị chìm đắm trong sự sợ hãi trước sự hiện diện của những loại lực mà y có thể chẳng hiểu mà cũng chẳng kiểm soát được.

(3). - do một tai nạn nào đó hoặc do việc sử dụng không chính đáng những nghi thức pháp thuật, y có thể làm rách bức màn che đến nỗi nó không còn khép kín lại hoàn toàn được nữa. Ta thấy những ví dụ như thế trong tác phẩm *Một cuộc đời bị thử ếm* của bà H. P. Blavatsky và Zanoni của ngài Bulwer Lytton.

(4). - một người bạn có thể tác động từ bên ngoài tấn công vào lớp vỏ bao kín xung quanh con người để dần dần khơi hoạt được những khả năng cao siêu của con người. Tuy nhiên ta chẳng nên làm như thế bao giờ trừ phi người bạn ấy biết chắc rằng người được tác động để tỉnh thức đã có sẵn lòng can đảm, lòng sùng tín và những đức tính đạt yêu cầu khác đối với công tác hữu dụng.

Nhưng nhu cầu cần có những người phò trợ trên cõi trung giới lớn đến nỗi mọi người tầm đạo đều có thể tin chắc rằng mình nên được tỉnh thức ngay khi thấy đã sẵn sàng chứ không nên để chậm trễ dù chỉ một ngày.

Ta có thể nói thêm rằng ngay cả khi một đứa trẻ đã được đánh thức trên cõi trung giới thì sự phát triển của thể vía diễn tiến nhanh đến nỗi chẳng bao lâu sau nó sẽ ở vào vị thế trên cõi ấy chẳng kém cạnh bao nhiêu đối với một người lớn đã được thức tỉnh; và dĩ nhiên nó tiến bộ hơn nhiều (xét về sự hữu dụng) so với một người khôn ngoan nhất nhưng còn chưa được thức tỉnh.

Nhưng nếu nó chưa biểu hiện qua cơ thể của đứa trẻ có được những đức tính cần thiết và quyết tâm có được một bản tính yêu thương vốn đã biểu hiện rõ ràng trong những kiếp trước thì không một huyền bí gia nào dám nhận trách nhiệm nghiêm trọng đánh thức nó trên cõi trung giới. Khi người ta có thể đánh thức trẻ con bằng cách này thì chúng thường tỏ ra làm việc hữu hiệu nhất trên cõi trung giới và dần thân vào công việc với lòng tận tụy tận tâm mà ta nhìn thấy rất đẹp mắt.

Cũng thế trong khi việc đánh thức một người trên cõi trung giới tương đối dễ thì hầu như không thể được (ngoại trừ bằng cách sử dụng ảnh hưởng của thuật thôi miên mesmer một cách bất hảo nhất) khi ta muốn cho y ngủ trở lại.

Như vậy ta thấy thức và ngủ thực ra chỉ là một; trong khi ngủ ta biết tới sự kiện ấy và có trí nhớ liên tục về cả hai trạng thái, nghĩa là trí nhớ của thể vía bao gồm cả trí nhớ của thể xác mặc dù dĩ nhiên trí nhớ của thể xác tuyệt nhiên không luôn luôn bao gồm trí nhớ về các kinh nghiệm của thể vía.

Xét theo biểu kiến thì hiện tượng mộng du có thể được tạo ra qua nhiều cách khác nhau.

(1).– Chon ngã có thể tác động trực tiếp hơn đối với xác phàm trong khi thể trí và thể vía đang vắng mặt; trong trường hợp này con người chẳng hạn như có thể làm thơ, vẽ tranh v.v... vượt xa năng khiếu bình thường trong khi thức tỉnh.

(2).– thể xác có thể hoạt động một cách tự động theo sức mạnh của thói quen mà chính con người không kiểm soát được. Có những ví dụ về trường hợp này khi người đầy tớ đứng lên giữa đêm, tắt một ngọn đèn và bắt tay vào những nhiệm vụ nội trợ khác mà mình đã quen làm hoặc khi xác phàm đang ngủ, y thực thi đến một chừng mực nào đó ý tưởng đang nổi bật trong tâm trí trước khi ngã vật ra ngủ thiếp đi.

(3).– một thực thể ngoại lai đang mang xác hoặc đã bỏ xác có thể chiếm xác của người đang ngủ và sử dụng nó cho những mục đích của riêng mình. Điều này rất có thể xảy ra với kẻ nào mang tính chất đồng cốt nghĩa là các hiện thể móc nối với nhau lỏng lẻo hơn mức thông thường vì vậy dễ tách ra hơn.

Tuy nhiên đối với người bình thường thì sự kiện thể vía rời bỏ xác phàm trong lúc ngủ không mở đường cho việc bị ám, bởi vì Chon ngã luôn luôn duy trì một mối liên hệ mật thiết với thể xác và nó ắt nhanh chóng được triệu hồi về thể xác khi có bất kỳ toan tính nào xâm nhập thể xác.

(4).– một tình huống ngược hẳn lại cũng có thể gây ra một kết quả tương tự. Khi các nguyên khí hoặc các hiện thể có thể gây ra một kết quả tương tự. Khi các nguyên khí hoặc các hiện thể lỏng chắt vào nhau hơn mức lúc bình thường thì thay vì chỉ đến thăm một nơi cách xa trong thể vía của mình thôi, người ấy lại mang theo luôn cả xác phàm bởi vì thể vía không hoàn toàn tách rời khỏi xác phàm được.

(5).– sự mộng du có lẽ liên quan tới vấn đề phức tạp gồm đủ thứ lớp tâm thức nơi con người mà trong tình huống bình thường không thể biểu lộ ra được.

Gần cận với sinh hoạt trong lúc ngủ ta có tình huống xuất thần vốn chẳng qua chỉ là trạng thái ngủ nhân tạo hoặc được gây ra cảm ứng bất thường. Người đồng cốt và kẻ thông linh dễ dàng rời bỏ xác phàm chuyên sang thể vía mà thường thường là vô ý thức. Bấy giờ, thể vía có thể vận dụng chức năng của mình chẳng hạn như đi tới một nơi cách xa, thu thập những ấn tượng ở đó qua các vật thể xung quanh rồi mang trở lại về xác phàm. Trong trường hợp một người đồng cốt, thể vía có thể miêu tả những ấn tượng này nhờ vào xác phàm đang xuất thần; nhưng theo thông lệ, khi người đồng cốt không còn xuất thần nữa thì óc phàm không ghi nhớ lại những ấn tượng được tác động lên đó cho nên trong trí nhớ của

óc phàm không còn lại dấu vết nào về những trải nghiệm mà nó vừa trải qua. Đôi khi nhưng hiếm hơn, thể vía có thể tạo một ấn tượng lâu dài lên bộ óc sao cho người đồng cốt có thể nhớ lại được tri thức thu thập được trong lúc xuất thần.

## **CHƯƠNG X CÁC GIÁC MƠ**

Có ý thức và hoạt động trong thể vía là một chuyện, còn nhớ được tâm thức trong thể vía và hoạt động trên cõi trung giới lại là một chuyện khác hẳn. Việc có hoặc không có trí nhớ của óc phàm không ảnh hưởng gì tới tâm thức trên cõi trung giới cũng như khả năng hoạt động một cách hoàn toàn thoải mái và tự do trên cõi trung giới. Thật vậy, chẳng những có thể được mà còn rất bình thường khi một người hoạt động thoải mái và hữu ích trong thể vía lúc thể xác đang ngủ. Thế nhưng khi trở về xác phàm thì chẳng nhớ một chút gì về công việc trên cõi trung giới mà mình đã dấn thân vào.

Sự đứt quãng về tâm thức giữa sinh hoạt trên cõi trung giới và sinh hoạt trên cõi trần là do thể vía chưa phát triển hoặc do thiếu một cầu nối thỏa đáng bằng chất dĩ thái giữa vật chất của thể vía và vật chất của xác phàm.

Cầu nối này bao gồm một mạng lưới đan bện xoắn xít vào nhau làm bằng vật chất nguyên tử mà các rung động phải băng ngang qua đó; nó giống như một bức màn che gây ra một lúc tạm mất ý thức giữa lúc ngủ và khi thức.

Cách duy nhất để cho trí nhớ về sinh hoạt trên cõi trung giới có thể được chuyển vào trong óc phàm là phải phát triển đầy đủ thể vía và khơi hoạt được các Luân xa thể phách vốn có một chức năng là chuyển thân lực từ cõi trung giới sang cõi dĩ thái. Hơn nữa, tuyến yên cũng phải hoạt động tích cực vì nó tập trung các rung động trên cõi trung giới.

Thỉnh thoảng lúc thức dậy, ta có cảm giác là mình đã trải nghiệm một điều gì đó nhưng không còn nhớ lại được. Cảm giác này cho thấy rằng ta đã có tâm thức trên cõi trung giới mặc dù bộ óc chưa đủ mẫn cảm để tiếp nhận điều đã ghi lại được. Đôi khi con người trong thể vía có thể thành công gây ra một ấn tượng nhất thời lên thể phách và xác phàm, với kết quả là ghi nhớ sống động được sinh hoạt trên cõi trung giới. Điều này có khi được thực hiện cố ý lúc có một chuyện gì xảy ra mà người ta cảm thấy mình nên ghi nhớ được trên cõi trần. Một trí nhớ như vậy thường mờ nhạt đi nhanh chóng và không thể khôi phục được; những nỗ lực nhằm khôi phục trí nhớ bằng cách dựng nên những rung động mạnh trong xác phàm còn đẽ bẽp những rung động tinh vi của thể vía hơn nữa, do đó làm cho việc thành công lại càng xa vời hơn.

Cũng có một số diễn biến tạo ra một ấn tượng sống động trên thể vía rồi được ghi khắc vào óc phàm bằng một loại phản kích (Xem trang 242).

Trong những trường hợp khác, người ta có thể thành công trong việc gây ấn tượng gồm tri thức mới mẻ lên óc phàm mà lại không thể truyền đạt được trí nhớ về việc tri thức ấy đã thu lượm được ở đâu hoặc bằng cách nào. Những ví dụ như thế rất thông thường đối với hầu hết mọi người xảy ra khi việc giải một bài toán trước đó không giải được thì đột nhiên lại xuất hiện trong tâm thức hoặc khi một vấn đề trước kia lơ mờ thì bất thần được soi sáng. Những trường hợp như thế có thể coi như biểu thị rằng ta đã tiến bộ trong việc tổ chức và làm vận hành thể vía mặc dù thể xác vẫn còn tiếp nhận chỉ được một phần.

Trong những trường hợp mà óc phàm đáp ứng thì có những giấc mơ sống động mạch lạc và hợp lý, chẳng hạn như nhiều người thỉnh thoảng vẫn mơ như vậy.



Ít người nào khi ở trong thể vía mà lại quan tâm tới việc liệu óc phàm có nhớ hay chẳng và mười người thì có tới chín người rất ghét quay về thể xác. Từ cõi trung giới trở lại xác phàm, ta có cảm giác bị câu thúc rất nhiều, dường như thể phải tròng vào một cái áo khoác ngoài dày đụp lên. Sinh hoạt trên cõi trung giới vui đến mức sinh hoạt cõi trần so sánh với nó dường như không có sức sống gì hết. Nhiều người coi việc hằng ngày phải quay lại xác phàm cũng giống như việc thiên hạ thường ngày phải đi làm tới công sở. Họ không dứt khoát là ghét nó nhưng họ chỉ chịu làm nếu bị cưỡng chế.

Rốt cuộc trong trường hợp những người đã phát triển và tiến hóa cao thì cầu nối giữa chất cõi trung giới và cõi hồng trần cũng được kiến tạo; lúc bấy giờ ta có việc hoàn toàn liên tục tâm thức giữa sinh hoạt trên cõi trung giới và sinh hoạt trên cõi hồng trần. Đối với những người như thế thì cuộc sống không còn bao gồm ngày nhớ đêm quên mà thay vì vậy trở thành một tổng thể tâm thức liên tục không gián đoạn hết năm này sang năm khác.

Có khi người ta bình thường không nhớ được sinh hoạt trên cõi trung giới nhưng vô hình trung do bị tai nạn, ốm đau hoặc cố tình thực hành theo một pháp môn nhất định nào đó, nhờ vậy bắc được cầu nối qua khoảng trống giữa tâm thức trên cõi trung giới và ý thức trên cõi trần, sao cho từ lúc đó trở đi tâm thức trên cõi trung giới của y sẽ liên tục, vì vậy trí nhớ về sinh hoạt trong lúc ngủ của y cũng được hoàn chỉnh. Nhưng dĩ nhiên, trước khi điều đó xảy ra được thì y đã phải phát triển được tâm thức trọn vẹn trong thể vía. Chỉ có việc xé toang bức màn che giữa cõi trung giới và cõi hồng trần là đột ngột thôi, còn sự phát triển thể vía thì không đột ngột như vậy.

Sinh hoạt trong giấc mơ có thể biến đổi đáng kể do kết quả trực tiếp của sự phát triển tâm trí. Mọi lực thôi thúc mà tâm trí phóng xuống óc phàm đều phải băng ngang qua thể vía, và vì vật chất trung giới đáp ứng với những rung động của tư tưởng nhiều hơn so với vật chất cõi hồng trần cho nên suy ra rằng những tác dụng trên thể vía tương ứng cũng lớn hơn. Như vậy khi người ta đã đạt được sự kiểm soát tâm trí nghĩa là đã học được cách chế ngự bộ óc, định trí, và suy nghĩ giống như mình muốn thì có một sự thay đổi tương ứng diễn ra trong sinh hoạt trên cõi trung giới; và nếu y đưa được trí nhớ về sinh hoạt ấy xuyên suốt tới tận óc phàm thì những giấc mơ của y sẽ trở nên sống động, dai dẳng, hợp lý, thậm chí còn mang tính giáo huấn nữa.

Nói chung thì óc phàm càng được rèn luyện để đáp ứng với những rung động của thể trí bao nhiêu thì việc bắc cầu nối vực thẳm giữa ý thức tinh táo và tâm thức trong lúc ngủ lại càng dễ dàng bấy nhiêu. Bộ óc nên được càng ngày càng trở thành công cụ ngoan ngoãn của Chơn Nhơn, tác động theo những lực thôi thúc từ ý chí của Chơn Nhơn.

Việc nằm mơ thấy những diễn biến thông thường không can thiệp vào công việc trên cõi trung giới bởi vì giấc mơ ấy diễn ra trong óc phàm khi Chơn Nhơn đang ở cách xa và bận rộn với những vấn đề khác. Óc phàm thật ra mơ mộng gì không quan trọng lắm miễn là nó đừng chịu ảnh hưởng của những tư tưởng bất hảo.

Một giấc mơ đã bắt đầu thì lộ trình của nó thông thường không thay đổi được: nhưng sinh hoạt mơ mộng có thể được kiểm soát gián tiếp trong một chừng mực đáng kể. Điều đặc biệt quan trọng là tư tưởng cuối cùng lúc ngủ thiếp đi nên là một tư tưởng thanh cao và cao thượng, vì điều này làm trôi lên nốt chủ âm xác định phần lớn bản chất của những giấc mơ nối tiếp nó. Một tư tưởng gian tà hoặc không thanh khiết thu hút những tạo vật và ảnh hưởng gian tà và không thanh khiết, chúng phản tác động lên thể trí và thể vía, có khuynh hướng khơi dậy những ham muốn thấp hèn trần tục.

Mặt khác nếu người ta ngủ thiếp đi với những tư tưởng kiên định về những sự việc cao cả và thánh thiện thì y sẽ tự động thu hút tới xung quanh mình những tinh linh nhân tạo do

những nỗ lực tương tự của người khác tạo ra, do đó những giấc mơ của y sẽ thanh cao và thanh khiết.

Bởi vì trong quyển sách này ta đang chủ yếu bàn tới thể vía và các hiện tượng liên quan mật thiết tới nó, cho nên ta không cần toan tính bàn rớt rảo về một đề tài khá rộng lớn là tâm thức trong giấc mơ. Tuy nhiên để chứng tỏ bối cảnh thích đáng của vai trò mà thể vía đóng trong sinh hoạt mơ mộng, ta nên trình bày một lược thuyết rất ngắn gọn về những yếu tố chính tác động nhằm tạo ra các giấc mơ. Muốn nghiên cứu tỉ mỉ về toàn bộ vấn đề này, xin học viên hãy tham chiếu cuốn sách giáo khoa tuyệt vời *Những Giấc Mơ* của C. W. Leadbeater mà những sự kiện sau đây được trích ra từ đó.

Có những yếu tố liên quan tới việc tạo ra các giấc mơ như sau:

(1)- *Bộ óc phạm hạ đẳng* với tình trạng ý thức nửa vời ấu trĩ và thói quen biểu diễn mọi kích thích dưới dạng hình ảnh.

(2)- *Bộ phận bằng chất dĩ thái của bộ óc* mà có một quá trình ngừng cản quét những bức tranh rời rạc xuyên qua nó.

(3)- *Thể vía* phập phồng với những cơn hoang đại bộc phát dục vọng và xúc động.

(4)- *Chơn ngã* (trong thể nguyên nhân) có thể ở bất cứ trạng thái tâm thức nào từ mức hầu như hoàn toàn thiếu cảm giác cho tới mức hoàn toàn làm chủ được các năng khiếu của mình.

Khi một người đi ngủ thì Chơn ngã triệt thoái thêm nữa vào trong bản thân, bỏ mặc cho đủ thứ hạ thể tha hồ lộng hành tự do hơn thông lệ. Những hạ thể riêng biệt này: (1) dễ nhạy cảm hơn nhiều với những ấn tượng từ bên ngoài so với những lúc khác, và (2) có một ý thức sơ cấp của chính mình. Do đó có nhiều lý do để tạo ra các giấc mơ cũng như việc nhớ lại hỗn độn trong óc phạm những trải nghiệm của các hạ thể khác trong khi ngủ.

Như vậy những giấc mơ hỗn độn có thể là do: (1) một loạt những bức tranh rời rạc và những sự biến hóa không thể có được tạo ra do tác động vô tri vô giác tự động của óc phạm hạ đẳng; (2) một luồng tư tưởng ngẫu nhiên chạy xuyên qua bộ phận dĩ thái của bộ óc; (3) đợt sóng bao giờ cũng lẫn lẫn những ham muốn trần tục tác động xuyên qua thể vía và có lẽ chịu sự kích thích của những ảnh hưởng trên trung giới; (4) một toan tính bất toàn của Chơn ngã chậm tiến hóa muốn dần dần vỡ tung; (5) một sự pha trộn nhiều hoặc tất cả những ảnh hưởng nêu trên.

Ta sẽ mô tả ngắn gọn những yếu tố chính trong mỗi một giấc mơ này.

1- *Những Giấc Mơ của Óc Phạm*. Khi ta đi ngủ, Chơn ngã nhất thời nói lỏng việc kiểm soát bộ óc, thể xác vẫn còn có một ý thức mơ hồ nào đó của riêng mình, hơn nữa còn có ý thức tập hợp của những tế bào cá thể trong thể xác. Ý thức hồng trần của thể xác đối với bộ óc yếu hơn nhiều trong việc kiểm soát bộ óc với Chơn ngã; vì thế cho nên những thay đổi thuần túy của thể xác cũng có thể ảnh hưởng tới bộ óc trong một chừng mực rất lớn. Những ví dụ về thay đổi của thể xác là: máu tuần hoàn không được đều, khó tiêu, nóng quá và lạnh quá v.v. . . Ý thức mơ hồ của thể xác có một vài đặc tính như sau: (1)- trong một chừng mực rộng lớn thì nó mang tính tự động; (2)- nó dường như không hiểu được một ý tưởng nếu đó không phải dưới dạng mà bản thân nó là một diễn viên; vì vậy mọi kích thích cho dù từ bên trong hay bên ngoài đều được tức khắc phiên dịch thành ra những hình ảnh nhận thức; (3)- nó không thể lĩnh hội được những ý tưởng hoặc ký ức trừu tượng cho nên phải ngay tức khắc biến những thứ ấy thành ra những nhận thức hình ảnh; (4)- mọi sự điều động tư tưởng tới một địa điểm đối với nó trở thành việc thực sự di chuyển trong không gian nghĩa là chỉ thoáng nghĩ tới nước Trung Hoa cũng ngay tức khắc vận chuyển ý thức đến nước Trung Hoa trong óc tưởng tượng; (5)- nó không có khả năng thẩm định được

sự nối tiếp, giá trị hoặc sự thật khách quan của những hình ảnh xuất hiện trước mắt nó, nó chấp nhận những thứ ấy đúng như thể dường như xuất hiện ra chứ chẳng bao giờ cảm thấy ngạc nhiên về bất cứ thứ gì có thể xảy ra, cho dù điều ấy tiền hậu bất nhất hoặc phi lý đến đâu đi chăng nữa; (6)- nó tuân chịu nguyên tắc liên tưởng và vì vậy những hình ảnh rời rạc ngoại trừ sự kiện chúng biểu diễn những biến cố xảy ra gần kề nhau trong thời gian, những hình ảnh ấy thường được nén lại với nhau thành ra một mớ hỗn độn chẳng chịt; (7)- nó đặc biệt nhạy cảm với những hình ảnh nhỏ nhất từ ngoại cảnh chẳng hạn như âm thanh hoặc những sự đụng chạm và (8)- nó phóng đại và bóp méo sự thật tới một mức độ hầu như không thể tin được.

Như vậy, óc phàm có thể gây ra đủ mức bối rối và ngoa ngoác để giải thích cho nhiều hiện tượng giấc mơ và tuyệt nhiên không giải thích hết được.

2- *Những Giấc Mơ của Bộ Óc Dĩ Thái*. Trong khi cơ thể ngủ, bộ óc dĩ thái thậm chí còn bèn nhảy với ảnh hưởng từ ngoại giới nhiều hơn cả lúc ý thức tỉnh táo bình thường. Trong khi tâm trí đang chủ động dẫn thân, do đó sử dụng bộ óc hết mức thì hầu như tư tưởng từ bên ngoài liên tục tác động cũng không lọt vào nó được. Nhưng lúc mà bộ óc được bỏ cho rỗng tuếch thì luồng hỗn độn không có thứ tự bắt đầu tuôn đổ qua nó. Trong đại đa số thiên hạ thì tư tưởng chạy xuyên qua óc họ thực ra không phải tư tưởng của chính họ mà là những mảnh vụn do những người khác phóng ra. Vì vậy đặc biệt trong sinh hoạt lúc ngủ, bất cứ tư tưởng thoáng qua nào tìm được một điều gì đó đồng thanh đồng khí với mình trong bộ óc của người đang ngủ đều được bộ óc ấy chụp lấy chiếm hữu, thế là khởi đầu trọn cả một chuỗi ý tưởng; rồi cuộc thì những thứ ấy cũng mờ nhạt đi và cái luồng tư tưởng rời rạc vô mục đích lại bắt đầu tuôn chảy qua bộ óc.

Có một điều cần lưu ý là bởi vì trong tình trạng hiện nay của cơ tiến hóa trên thế giới, rất có thể có nhiều tư tưởng ác trôi nổi xung quanh người ta nhiều hơn tư tưởng thiện cho nên người nào có bộ óc không kiểm soát được đều mở cửa đón tiếp đủ mọi loại cảm dỗ mà việc kiểm soát tâm trí và bộ óc đã miễn cho y khỏi chịu.

Ngay cả khi những dòng tư tưởng này bị chặn đứng do nỗ lực cố ý của người khác phong bế nó khỏi bộ óc dĩ thái của người đang ngủ thì bộ óc ấy vẫn không hoàn toàn thụ động mà bắt đầu từ từ mơ mộng vẽ vời ra những hình ảnh cho chính mình lấy từ kho chứa trong những ký ức đã qua.

3- *Những Giấc Mơ của Thể Vía*. Đây chỉ là việc nhớ lại trong óc phàm sinh hoạt và hoạt động của thể vía trong khi thể xác đang ngủ mà ta đã từng nhắc tới ở những trang trước. Trong trường hợp một người tiến hóa cao thì thể vía có thể vân du thoải mái tới nơi xa đáng kể so với thể xác, có thể mang về những ấn tượng ít nhiều xác định ở những nơi chốn mà nó có thể đã đến viếng thăm hoặc những người mà nó đã gặp gỡ. Trong mọi trường hợp, như ta có nói, thể vía bao giờ cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của bất kỳ tư tưởng hoặc sự ám thị nào dính dáng tới ham muốn hoặc xúc động, mặc dù bản chất của những ham muốn dễ dàng khơi dậy sự đáp ứng của nó, dĩ nhiên tùy thuộc vào sự phát triển của người ấy và sự thanh khiết hoặc ô trược của thể vía của y.

Thể vía bao giờ cũng chịu ảnh hưởng của những dòng tư tưởng thoáng qua và khi tâm trí không chủ động kiểm soát nó thì nó cứ mãi mê tiếp nhận những kích thích này từ bên ngoài và háo hức đáp ứng với chúng. Trong khi ngủ nó còn thậm chí dễ chịu ảnh hưởng hơn nữa. Do đó một người chẳng hạn như đã hoàn toàn tiêu diệt được một ham muốn của xác phàm (chẳng hạn y trước kia có thể đã nghiện rượu) sao cho trong những sinh hoạt tỉnh thức y có thể thậm chí cảm thấy dửng dưng ghê sợ nó, thế mà y lại thường nằm mơ thấy mình đang uống rượu và trong giấc mơ ấy y nếm trải vui sướng do tác dụng của rượu. Lúc ban

ngày ham muốn của thể vía có thể chịu kiểm soát của ý chí, nhưng khi thể vía được sống tự do trong lúc ngủ thì nó thoát khỏi sự khống chế của Chơn ngã trong một chừng mực nào đó và có lẽ khi đáp ứng với những ảnh hưởng từ bên ngoài nơi trung giới thói quen xưa cũ của nó lại ngóc đầu dậy. Cái loại giấc mơ này có lẽ thông thường đối với nhiều người đang thực hiện những toan tính dứt khoát nhằm dùng ý chí để kiểm soát bản chất ham muốn.

Cũng có thể xảy ra trường hợp của một người nghiện rượu trong kiếp quá khứ cho nên còn sở hữu trong thể vía của mình một lượng vật chất nào đó bị thu hút vào thể vía do tính nghiện rượu gây ra những rung động trong nguyên tử trường tồn. Mặc dù loại vật chất ấy không được làm linh hoạt trong kiếp này, thể nhưng trong giấc mơ, sự kiểm soát của Chơn ngã yếu đi cho nên vật chất đó có thể đáp ứng với những rung động nghiện rượu từ bên ngoài, thể là người ấy nằm mơ thấy mình uống rượu. Một khi ta đã hiểu rồi thì những giấc mơ như thế không nhất thiết phải khiến ta phiền não; tuy nhiên ta nên coi đó là một lời cảnh báo rằng ngay cả hiện nay, khả năng thêm uống rượu cũng có thể ngóc đầu trở lại.

*Những Giấc Mơ của Chơn Ngã.* Khi thể vía phát triển thì bản chất của nó thay đổi nhiều bao nhiêu bấy giờ sự thay đổi của Chơn ngã, tức Chơn nhưn ngự trong nó cũng lớn bấy nhiêu. Khi thể vía chẳng qua chỉ là một vành sương mù trôi nổi thì Chơn ngã hầu như say ngủ như thể xác, mù quáng với những ảnh hưởng trên cõi cao của chính mình; và ngay cả khi một ý tưởng nào thuộc về nó có thể xoay sở đến với nó được thì bởi vì nó không kiểm soát hoặc chẳng kiểm soát được bao nhiêu với các hạ thể, cho nên nó không thể gây ấn tượng của kinh nghiệm ấy lên óc phàm.

Trong giai đoạn này người nằm ngủ có thể ở mức hoàn toàn quên mất cho tới mức có đầy đủ tâm thức trên cõi trung giới. Và như ta có nói, ta phải nhớ rằng mặc dù trên cõi cao có nhiều kinh nghiệm quan trọng, song le Chơn ngã không thể ghi khắc chúng vào bộ óc đến nổi mà tuyệt nhiên không có trí nhớ trong óc phàm hoặc chỉ có một trí nhớ hỗn độn nhất.

Đặc trưng chính yếu của tâm thức và trải nghiệm thuộc Chơn ngã cho dù bộ óc phàm có nhớ hay không là như sau:

(1)- Việc Chơn ngã đo lường không gian và thời gian khác hẳn với việc Chơn ngã sử dụng chúng trong sinh hoạt tinh thức đến nổi mà không gian hoặc thời gian hầu như không tồn tại đối với Chơn ngã. Ta biết có nhiều ví dụ trong một thời gian ngắn ngủi (theo sự đo lường của đồng hồ) Chơn ngã có thể trải nghiệm những điều dường như kéo dài nhiều năm, hết diễn biến này nối tiếp diễn biến kia với chi tiết đầy đủ và tỉ mỉ.

(2)- Chơn ngã có khả năng hoặc thói quen dàn dựng vở tuồng ngay tức khắc. Vậy là một âm thanh hoặc một sự đụng chạm vào thể xác có thể đạt tới Chơn ngã không qua đường thần kinh theo cơ chế thông thường mà trực tiếp đến với nó chỉ một phần của một giây ngay cả trước khi nó đạt tới óc phàm. Một phần của một giây ấy cũng đủ cho Chơn ngã dàn dựng lên một loại vở tuồng hoặc một loạt những hồi diễn đưa tới đỉnh cao là diễn biến làm thể xác thức dậy. Bộ óc lẫn lộn giấc mơ trong nội giới với diễn biến nơi ngoại giới, vì vậy tưởng tượng rằng mình đã thật sự trải qua những diễn biến của giấc mơ.

Tuy nhiên, xét về mặt tính linh thì thói quen này dường như là đặc thù đối với loại Chơn ngã vẫn còn tương đối chậm phát triển. Khi Chơn ngã đã phát triển về mặt tính linh thì nó vượt lên trên những trò chơi ấu trĩ dễ thương ấy. Người nào đã đạt được sự liên tục tâm thức đều hoàn toàn bận rộn với công việc trên cõi cao đến nỗi y chẳng hơi đâu mà dàn dựng vở tuồng như thế, vì vậy y không còn có loại giấc mơ này nữa.

(3)- Chơn ngã trong một chừng mực nào đó cũng có khả năng tiên tri, đôi khi có thể thấy trước những diễn biến sắp xảy ra hoặc nói cho đúng hơn là có thể xảy ra trừ phi ta tiên



hành ngăn ngừa; thế là nó ghi ấn tượng lên óc phàm với diễn biến ấy. Ta ghi lại được nhiều ví dụ về những giấc mơ tiên tri hoặc cảnh báo ấy. Trong một số trường hợp, người ta có thể chú ý tới lời cảnh báo và xúc tiến những bước ngăn ngừa cần thiết, cho nên kết quả được tiên đoán hoặc là bị biến đổi đi hoặc là hoàn toàn tránh được.

(4)- Khi xuất ra khỏi thể xác trong lúc ngủ, Chơn ngã dường như suy nghĩ bằng biểu tượng: một ý tưởng ở dưới hạ giới cần nhiều từ ngữ để diễn đạt thì chỉ cần một hình ảnh biểu tượng cũng hoàn toàn truyền đạt cho nó rồi. Nếu một tư tưởng biểu tượng như thế được ghi khắc lên bộ óc rồi nhớ lại trong ý thức tỉnh táo thì tâm trí tự mình có thể phiên dịch nó thành ra từ ngữ; mặt khác nó cũng có thể chỉ xuất hiện dưới dạng chưa được phiên dịch và do đó có thể gây ra sự lẫn lộn. Trong những giấc mơ thuộc loại này, dường như mỗi người thường có một hệ thống biểu tượng của riêng mình; vậy là nước có thể nghĩa là sắp có chuyện rắc rối, chuỗi ngọc trai có thể nghĩa là một dòng nước mắt chảy đầm đìa, v. v. . .

Nếu một người muốn có những giấc mơ hữu dụng, nghĩa là có thể gạt hái được trong ý thức tỉnh táo lợi ích của những điều mà Chơn ngã học được trong lúc ngủ thì có một vài bước mà y nên noi theo để tạo ra kết quả này.

Trước kia, y cần tạo ra thói quen tư duy bền bỉ và tập trung trong sinh hoạt tỉnh thức đời thường. Một người hoàn toàn kiểm soát được tư tưởng ắt luôn luôn biết chính xác mình đang nghĩ về cái gì và tại sao nghĩ vậy; y cũng sẽ phát hiện thấy rằng nếu bộ óc được rèn luyện như thế để lắng nghe những thông thức của Chơn ngã thì nó vẫn còn tịch lặng khi không được sử dụng và sẽ từ chối tiếp nhận hoặc hưởng ứng những dòng tư tưởng ngẫu nhiên từ biên tư tưởng vây xung quanh. Như vậy người ấy rất có thể nhận được những ảnh hưởng từ các cõi cao, nơi mà sự giác ngộ sẽ sắc sảo hơn và sự phán đoán sẽ đúng thật hơn bao giờ hết so với lúc ở trên cõi trần.

Ta cũng chẳng cần nói thêm rằng, con người cũng nên làm chủ hoàn toàn được ít ra là các đam mê thấp hèn của mình.

Do một hành vi sơ cấp của pháp thuật, con người có thể phong bế bộ óc dĩ thái của mình trước đợt tấn công của những tư tưởng tác động lên nó từ bên ngoài. Muốn làm như vậy, khi nằm ngủ y nên hình dung ra hào quang của mình và mạnh mẽ muốn rằng bề mặt bên ngoài của nó sẽ trở thành một lớp vỏ che chở y khỏi những ảnh hưởng bên ngoài. Vật chất hào quang sẽ tuân theo tư tưởng của y và sẽ tạo thành lớp vỏ. Bước này có một giá trị đáng kể đối với mục tiêu mà y mong muốn.

Ta đã nhắc tới tầm quan trọng lớn lao của việc cố định tư tưởng cuối cùng vào những chuyện cao cả và cao thượng trước khi ngủ thiếp đi; những người nào muốn kiểm soát giấc mơ của mình nên thực hành đều đặn điều này.

Ở đây ta nên nói thêm những thuật ngữ tiếng Ấn Độ dành cho bốn trạng thái tâm thức.

*Jāgrat* là ý thức tỉnh táo thường ngày.

*Svapna* là tâm thức trong giấc mơ hoạt động qua thể vía và có thể ghi khắc những trải nghiệm của mình lên bộ óc.

*Sushupti* là tâm thức hoạt động trong thể trí và không thể gây ấn tượng các trải nghiệm của mình lên bộ óc.

*Turiya* là trạng thái xuất thần, tâm thức hoạt động trong thể bỏ đề và cho đến nay tách rời khỏi bộ óc đến nỗi những phương tiện bên ngoài không hề gì triệu hồi được nó.

Tuy nhiên ta chỉ dùng những thuật ngữ này tương đối thôi và biến thiên tùy theo ngữ cảnh. Vậy là trong cách thuyết giải về *Jāgrat*, các cõi hồng trần và cõi trung giới được phối hợp lại, bảy phân bộ tương ứng với bốn tình huống của vật chất trên cõi trần, còn ba bộ phận rộng lớn của vật chất trung giới được đề cập ở trang 148 nguyên bản tiếng Anh.

Muốn được soi sáng hơn nữa học viên nên tham chiếu quyển *Nhập Môn Yoga* của bà Annie Besant trang 16 và tiếp theo, cũng như quyển *Nghiên Cứu về Tâm Thức* trong đó bà định nghĩa ý thức tinh tảo là bộ óc của tâm thức tổng thể đang hoạt động thông qua hiện thể ngoài cùng.

## **CHƯƠNG XI** **SỰ LIÊN TỤC TÂM THỨC**

Như ta đã thấy, để cho một người chuyển từ hiện thể này sang hiện thể kia (chẳng hạn từ thể xác sang thể vía hoặc ngược lại) với tâm thức không gián đoạn thì ta cần phải phát triển những đường liên kết giữa các thể. Hầu hết mọi người đều không có ý thức về những đường liên kết ấy và những đường liên kết không được làm linh hoạt chủ động vì đang ở tình trạng giống như các cơ quan còn sơ khai trong thể xác. Chúng phải được phát triển qua việc sử dụng và phải được vận hành do con người chú tâm tới chúng bằng cách vận dụng ý chí. Ý chí giải phóng và dẫn dắt kundalini, nhưng nếu việc tẩy trừ sơ bộ các hiện thể không được hoàn thành trọn vẹn trước hết thì kundalini ắt là một năng lượng phá hoại thay vì là một năng lượng khơi hoạt. Vì thế cho nên mọi bậc huấn sư huyền bí học đều nhấn mạnh tới việc cần phải tẩy trừ trước khi thực hành Yoga chân chính.

Khi một người đã tự biến mình thích hợp nhằm được trợ giúp để khơi hoạt những đường liên kết thì tất yếu sự trợ giúp ấy sẽ đến với y như chuyện đương nhiên do các đấng bao giờ cũng tìm cơ hội để giúp cho kẻ tầm đạo tha thiết và không vị kỷ. Thế là một ngày nào đó người ấy sẽ thấy mình thoát ra khỏi thể xác trong khi vẫn tỉnh táo như sáo sậu mà không gián đoạn ý thức chút nào, y thấy mình đã được tự do. Cứ thực hành thì việc chuyển từ thể này sang thể kia sẽ trở nên quen thuộc và dễ dàng. Sự phát triển những đường liên kết ấy sẽ bắc cầu vượt qua vực thẳm giữa ý thức trên cõi trần và tâm thức trên cõi trung giới sao cho y có được sự liên tục tâm thức hoàn toàn.

Thế là học viên chẳng những phải học cách nhìn thấy chính xác trên cõi trung giới mà còn phải phiên dịch chính xác ký ức về những điều mà mình nhìn thấy trong cõi trung giới cho óc phàm tiếp nhận. Để giúp cho mình đạt được mức đó, y phải được huấn luyện để đưa tâm thức không bị gián đoạn từ cõi trần lên cõi trung giới và cõi trí tuệ và ngược trở lại bởi vì nếu y không làm được như thế thì luôn luôn có khả năng là việc nhớ lại của y có thể bị mất đi một phần hoặc bị xuyên tạc trong thời khoảng trống rỗng ngăn cách những thời kỳ có ý thức trên các cõi khác nhau. Khi khả năng bắc cầu qua tâm thức đã được toàn bích thì môn sinh ắt có ưu điểm là vận dụng được mọi năng lực của thể vía chẳng những trong khi ở ngoài thể xác lúc ngủ hoặc xuất thân mà còn trong khi hoàn toàn sinh hoạt thường ngày trên cõi trần. Để cho ý thức tinh tảo trên cõi trần bao gồm được tâm thức trên cõi trung giới, tuyền yên cần được phát triển thêm nữa và loa tuyền thứ tư trong cực vi tử cần được hoàn thiện. Ngoài phương pháp di chuyển tâm thức từ một cảnh này lên một cảnh khác thuộc cùng một cõi, chẳng hạn như từ cảnh nguyên tử của cõi trung giới lên cảnh thấp nhất của cõi trí tuệ; ta còn có một đường liên lạc khác mà ta có thể gọi là đường tắt đi qua cảnh nguyên tử. Nếu ta hình dung các cảnh nguyên tử của cõi trung giới, cõi trí tuệ v.v. . . nằm liền kề nhau dọc theo một cái gậy thì những cảnh khác có thể được hình dung là treo lơ lửng khỏi cái cần gậy ấy thành ra từng vòng dường như thể có một sợi dây được quấn lỏng lẻo xung quanh cái cần gậy. Lúc bấy giờ hiển nhiên ta có thể chuyển từ một cảnh nguyên tử sang một cảnh khác bằng một đường đi tắt chạy dọc theo cần gậy; hoặc ta có thể đi lên hay đi xuống

theo những vòng treo lơ lửng biểu tượng cho các cảnh thấp hơn. Những quá trình bình thường của tư tưởng phải đều đặn đi xuống qua các cảnh, nhưng các tia chớp lóe gồm những ý tưởng soi sáng mang tính thiên tài chỉ đi theo đường tắt qua các cảnh nguyên tử thôi.

Cũng có một khả năng thứ ba liên quan tới mối quan hệ các cõi của chúng ta với các cõi vũ trụ, nhưng điều này quá bí hiểm cho nên ta không thể bàn tới trong một tác phẩm có mục đích chỉ bàn về cõi trung giới và các hiện tượng của nó thôi. Dĩ nhiên nếu chỉ đạt tới sự liên tục tâm thức giữa cõi hồng trần và cõi trung giới thì hoàn toàn chưa đủ để tự thân nó khôi phục được trí nhớ về các kiếp đã qua. Đó là vì muốn được như vậy, cần phải phát triển cao hơn nhiều mà ta cũng không cần đi sâu vào bản chất của điều ấy ở đây. Thế là một người đã làm chủ hoàn toàn được thể vía dĩ nhiên có thể rời bỏ thể xác chẳng những trong lúc ngủ mà còn bất cứ lúc nào mình muốn để đi tới một chốn xa xăm v.v. . . Những người đồng cốt và những người thông linh xuất vía một cách vô ý thức khi họ nhập vào trạng thái xuất thần, nhưng thường thường khi thoát ra khỏi sự xuất thần ấy, trí nhớ trong bộ óc của họ không ghi lại được những trải nghiệm ấy. Các môn sinh lão luyện có thể xuất vía một cách hữu thức và vân du tới những nơi rất xa xôi đối với thể xác mang trở về ký ức trọn vẹn và tỉ mỉ về mọi ấn tượng mà mình thu được. Những người nào thuộc loại thông linh và có cơ may tạm thời có thể ở trong tình trạng thần kinh bất bình thường đều có thể nhìn thấy thể vía được xuất ra như vậy. Đã ghi chép được nhiều trường hợp một người đang hấp hối gần chết xuất vía đi viếng thăm người khác vì các nguyên khí lúc sắp tan rã đều được nói lỏng ra cho nên hiện tượng ấy có thể xảy ra với những người không thể thành tựu được thành tích ấy vào bất cứ lúc nào khác (xem thêm trang 50 nói về một hiện tượng tương tự do một hình tư tưởng tạo ra). Thể vía cũng được phóng thích trong nhiều trường hợp bệnh tật. Việc thể xác không hoạt động được là một điều kiện để có những cuộc xuất vía như thế. Nếu biết cách xoay xở, một người có thể làm cô đặc thể vía của mình một chút bằng cách thu hút về phía nó những hạt vật chất trên cõi trần từ bầu không khí xung quanh, thế là hiện hình ra đủ để trở thành hữu hình trên cõi trần. Đây là lời giải thích về nhiều trường hợp hiện hình khi một người vắng mặt trên cõi trần mà lại được bạn bè nhìn thấy bằng mắt phàm thông thường.

## **CHƯƠNG XII** **SỰ CHẾT VÀ TINH LINH NGŨ HÀNH DỤC VỌNG**

Vào lúc chết, tâm thức rút ra khỏi xác phàm nhập vào thể phách trong một thời gian ngắn thường thường là vài giờ để rồi chuyển sang thể vía. Như vậy, cốt lõi của sự chết là quá trình cởi bỏ hoặc cởi áo. Chơn ngã vốn là bộ phận bất tử của con người rũ bỏ hết lớp vỏ bên ngoài này đến lớp vỏ bên ngoài khác, trước hết là xác phàm rồi tới thể phách, rồi tới ngay cả thể vía mà ta sẽ thấy sau này.

Trong hầu hết mọi trường hợp thì việc thực sự qua đời dường như hoàn toàn không đau đớn ngay cả sau khi một cơn bệnh dai dẳng gây ra sự đau đớn khủng khiếp. Nét mặt bình an của người đã chết là bằng chứng hùng hồn ủng hộ cho phát biểu này, nó cũng được minh chứng qua chứng nhận trực tiếp của hầu hết những người đã được phỏng vấn vào lúc ngay sau khi chết.

Lúc thật sự chết, ngay cả khi bất đắc kỳ tử, người ta thấy trọn cả kiếp đã qua dàn trải trước mặt mình với chi tiết tỉ mỉ nhất. Trong một phút giây ngắn ngủi, y thấy được toàn thể

chuỗi nhân quả đã tác động trong lúc buổi sinh thời, y đã thấy và bây giờ hiểu được chính mình với thực chất của mình, chẳng được điểm tô bởi lời nịnh bợ hoặc việc tự mình lừa gạt mình. Y nhìn lại cuộc đời mình mà cứ y như một kẻ bàng quan nhìn xuống diễn trường mình vừa rời khỏi. Tình trạng ý thức ngay sau khi chết thường là mơ mộng và bình an. Cũng có một thời kỳ vô ý thức nào đó vốn chỉ có thể kéo dài trong một lúc mặc dù nó thường chỉ là vài phút hoặc nhiều tiếng đồng hồ, có khi thậm chí đến nhiều ngày hoặc nhiều tuần.

Ái lực tự nhiên giữa âm bản của thể vía và thể xác đạt đến mức sau khi chết âm bản thể vía do sức mạnh của thói quen vẫn còn giữ lại hình dáng quen thuộc, vì vậy dáng vẻ bên ngoài của con người vẫn còn được bảo tồn hầu như nguyên vẹn sau khi chết. Xét vì sự kiện vật chất cõi trung giới rất dễ dàng bị tư tưởng uốn nắn, cho nên hầu như người nào sau khi chết quen nghĩ rằng mình trẻ hơn lúc thật sự già thì đến lúc chết có lẽ khoác lấy một dáng vẻ khá trẻ trung.

Ngay sau khi chết trong hầu hết trường hợp đều có một sự thay đổi quan trọng diễn ra trong cấu trúc thể vía, do tác động của tinh linh dự vọng.

Nhiều vật chất của thể vía có bao gồm tinh hoa ngũ hành (xem trang 6); tinh hoa này vốn linh động mặc dù không thông minh và nhất thời bị cách ly khỏi khỏi tinh hoa nói chung của cõi trung giới. Nó mưu tìm những cứu cánh của riêng mình một cách mù quáng theo bản năng và không có lý trí, nó tỏ ra rất khôn khéo nhằm đạt được những ham muốn của mình để xúc tiến cơ tiến hóa.

Cơ tiến hóa đối với nó và việc giáng xuống nhập vào vật chất, mục đích của nó là trở thành một chơn thân khoáng vật. Vì vậy mục tiêu của nó trong cuộc đời là càng gần gũi với cõi trần chừng nào càng tốt và càng trải nghiệm các rung động thô trực chừng nào càng tốt. Nó không thể hoặc cũng không bao giờ biết một chút gì về cái con người mà nó nhất thời tá túc vào thể vía của y.

Nó chỉ muốn bảo tồn sự sống riêng rẽ của mình và cảm thấy rằng nó chỉ có thể làm như thế nhờ vào mối quan hệ của nó với con người; nó có ý thức về hạ trí của con người và ngộ ra được rằng nó càng dính mắc vào vật chất trí tuệ bao nhiêu thì sinh hoạt trên cõi trung giới của nó càng dài bấy nhiêu. Khi thể xác chết, vì biết rằng kỳ hạn sống riêng rẽ của mình chỉ giới hạn và sự chết của thể vía con người sẽ ít nhiều nhanh chóng nối tiếp, cho nên để cho thể vía của con người tồn tại càng lâu càng tốt, nó bèn sắp xếp lại vật chất của mình thành ra những vành hoặc lớp vỏ đồng tâm mà lớp vỏ thô nhất ở bên ngoài. Theo quan điểm của tinh linh dự vọng thì đây là một chính sách hay bởi vì vật chất thô trực nhất có thể trụ vững lâu dài nhất và chịu đựng được sự ma sát nhiều nhất. Thể vía được sắp xếp lại như thế gọi là *yātanā* tức thể đau khổ; trong trường hợp một người rất ác thì thể vía của y có vật chất thô trực nhất chiếm ưu thế, nó được gọi là *Dhruvam* tức cường thể mạnh mẽ.

Sự sắp xếp lại của thể vía diễn ra trên bề mặt của phần âm bản của thể xác chứ không diễn ra trên bề mặt của hình giống như trứng bao quanh nó.

Tác dụng này cản trở việc lưu thông tự do và đầy đủ của vật chất trung giới vốn thường diễn ra trong thể vía. Hơn nữa, con người chỉ có thể đáp ứng với những rung động mà lớp vỏ ngoài cùng của thể vía tiếp nhận được. Như vậy có thể nói là con người bị nhốt chặt trong một hộp làm bằng vật chất trung giới và chỉ có thể nhìn thấy được, nghe thấy được thuộc cảnh thấp nhất và thô trực nhất.

Mặc dù sống giữa những ảnh hưởng cao và những hình tư tưởng đẹp đẽ, y hầu như hoàn toàn không ý thức được về sự tồn tại của chúng bởi vì các hạt trong thể vía mà cơ thể



đáp ứng với những rung động này đều bị phong bế trong đó đến mức không thể đạt tới nó được.

Cũng vì vậy, y chỉ có thể cảm nhận được những loại vật chất thô trực nhất trong thể vía của những người khác và vì hoàn toàn không có ý thức gì về những hạn chế của mình, cho nên y ắt giả định rằng cái người y nhìn thấy ấy chỉ có những đặc trưng bất cập mà y có thể nhận thức được.

Vì y chỉ nhận thấy và cảm thấy những điều gì thấp thỏi nhất và thô trực nhất cho nên những người xung quanh có vẻ như những con quái vật đầy thói xấu. Trong tình huống ấy cũng chẳng lấy gì làm lạ khi y xem cõi trung giới là địa ngục.

Việc tinh linh dự vọng sắp xếp lại thể vía tuyệt nhiên không ảnh hưởng tới việc ta nhận ra được hình tướng bên trong hình quả trứng, mặc dù những sự biến đổi tự nhiên diễn ra có khuynh hướng nói chung khiến cho hình tướng ấy có dáng vẻ mờ nhạt hơn và mang tính tâm linh hơn theo thời gian vì những lý do mà bây giờ ta sẽ minh giải.

Theo thời gian, vành hoặc lớp vỏ ngoài cùng nhất bị tan rã; bấy giờ con người có thể đáp ứng với những rung động của mức kê tiếp cao hơn trên cõi trung giới, “thể là vươn lên tới cảnh kế tiếp”; cứ vậy hết cảnh này sang cảnh khác. Cố nhiên việc y cư trú ở mỗi cảnh nào đều tương ứng với số lượng và hoạt động của vật chất trong thể vía vốn thuộc về cảnh ấy.

Khi ta nói một người “thăng lên” từ cảnh này sang cảnh kia thì tất nhiên y không cần di chuyển trong không gian gì hết; nói cho đúng thì y chuyển di tâm thức từ mức này lên mức kia. Trong trường hợp một người có thể vía được sắp xếp lại thì tiêu điểm tâm thức của y dịch chuyển từ lớp vỏ bên ngoài sang lớp vỏ kế tiếp bên trong nó. Như vậy người ta dần dần đâm ra không đáp ứng với những rung động của một cấp vật chất này mà thay vào đó lại đáp ứng với những rung động của một cấp khác cao hơn. Như thế, một thể giới với phong cảnh và các cư dân dường như từ từ mờ nhạt đi trong tầm nhìn của y trong khi một thể giới khác lại lộ dạng.

Vì lớp vỏ thường tan rã từ từ, cho nên con người thấy các âm bản của những vật trên cõi trần dần dần càng mờ nhạt đi trong khi các hình tư tưởng đâm ra càng ngày càng sống động đối với y. Nếu trong quá trình này y gặp những người khác theo kiểu cách quăng thì y ắt tưởng tượng rằng tính tình ấy đang đều đều được cải thiện chỉ vì bản thân y có thể thâm định được những rung động cao siêu hơn của chính tính tình ấy. Thật ra thì sự sắp xếp lại của thể vía thường xuyên can thiệp vào tầm nhìn chân chính và trọn vẹn của người ấy về bạn bè của mình trong mọi giai đoạn sinh hoạt trên cõi trung giới.

Quá trình sắp xếp lại thể vía này vốn diễn ra đối với hầu hết mọi người có thể được ngăn ngừa bởi kẻ nào quyết tâm dùng ý chí chống lại; thật vậy bất cứ ai hiểu được tình trạng của cõi trung giới ắt hoàn toàn từ chối việc để cho tinh linh dự vọng sắp xếp lại thể vía. Bấy giờ các hạt của thể vía ắt được giữ cho trộn lẫn vào nhau giống như lúc sinh thời, do đó thay vì nhất thời bị hạn chế vào chỉ một cảnh của cõi trung giới thôi, con người sẽ được tự do tiếp xúc với mọi cảnh tùy theo cấu tạo thể vía của y. Tinh linh dự vọng vì sợ sệt theo kiểu bán ý thức kỳ lạ của mình cho nên sẽ cố gắng truyền đạt cái sự sợ hãi cho con người đang dẫy dựa vùng thoát ra khỏi sự sắp xếp lại ấy, để hù dọa người này đừng làm như vậy. Vì thế cho nên đây là một lý do khiến cho rất nên biết được những vấn đề này trước khi chết. Nếu sự sắp xếp lại hoặc phân chia làm thành từng lớp vỏ đã xảy ra rồi thì tình trạng này vẫn có thể bị phá tan bởi người nào muốn giúp kẻ ấy để cho người kia nhờ vậy được phóng thích tự do hoạt động trên trọn cả thể vía thay vì chỉ bị hạn chế vào một cảnh thôi.

## **CHƯƠNG XIII**

### **SINH HOẠT SAU KHI CHẾT: CÁC NGUYÊN KHÍ**

Ta có thể cứ khẳng định cho rằng vào lúc con người lâm chung không thấy có bất cứ sự thay đổi đột ngột nào: ngược lại, sau khi chết y vẫn còn giống hệt như lúc sinh thời, ngoại trừ việc y không còn có một thể xác. Y cũng có loại trí năng, bẩm tính, những đức tính và thói xấu như cũ; việc mất thể xác không khiến cho y biến thành một người khác, cũng chẳng khác nào việc cởi bỏ một cái áo khoác ngoài. Hơn nữa thân phận mà y thấy mình ở trong đó là thân phận mà chính tư tưởng và ham muốn của y đã tạo ra cho mình. Không có phần thưởng hoặc sự trừng phạt nào từ bên ngoài, mà chỉ có kết quả thực sự của điều chính y đã làm, nói và suy nghĩ trong khi còn sống trên cõi trần.

Khi ta tiến hành miêu tả sinh hoạt trên cõi trung giới sau khi chết, ta ắt nhận thấy rằng những sự kiện có thực tương ứng khá chính xác với quan niệm của Công giáo về cõi Luyện tội và Âm phủ hoặc Âm ty của người Hy Lạp.

Ý tưởng thơ mộng về sự chết coi đó là việc được dịp cào bằng cho ai cũng giống như ai chỉ là một sự phi lý bắt nguồn từ sự vô minh, bởi vì quả thật là trong đại đa số trường hợp, việc mất thể xác không gây ra sự khác biệt nào về tính linh hoặc trí năng của người ấy và vì vậy có biết bao nhiêu biến thể khác nhau của trí thông minh trong đám cái gọi là người chết cũng như trong đám người còn sống.

Đây là sự kiện đầu tiên và nổi bật nhất mà ta cần đánh giá cao: sau khi chết không có một sinh hoạt mới mẻ lạ lùng mà vẫn là sự nối tiếp sinh hoạt trên cõi trần như hiện nay trong một vài tình huống đã thay đổi.

Trường hợp này kỳ lạ đến nỗi khi người ta bước đầu đến với cõi trung giới sau khi thể xác đã chết thì y luôn luôn tuyệt nhiên không biết rằng mình đã chết; và ngay cả khi y ngộ ra được điều đã xảy ra cho mình thì thoát tiên y cũng chẳng luôn luôn hiểu được cõi trung giới khác với cõi trần như thế nào.

Trong một số trường hợp người ta thường coi chính sự thật mình vẫn còn có ý thức là bằng chứng hùng hồn cho thấy mình đâu có chết; và điều này vẫn cứ xảy ra bất chấp việc mình đã tin tưởng và khoác lác rất nhiều về sự bất tử của linh hồn.

Nếu trước kia người ta chưa bao giờ nghe nói tới sinh hoạt trên cõi trung giới thì y rất có thể bị xáo trộn ít nhiều bởi thân phận hoàn toàn bất ngờ của mình phải cam chịu. Rốt cuộc thì y cũng chấp nhận thân phận này mặc dù không hiểu và nghĩ rằng chúng là cần thiết và tất yếu.

Khi nhìn ra ngoài quan sát thế giới mới mẻ, thoát nhìn có lẽ y thấy nó chẳng khác bao nhiêu và y ắt giả sử rằng mình vẫn quan sát chính cái thế giới ấy giống như trước. Như ta đã biết, mỗi mức độ vật chất trung giới đều bị thu hút bởi mức độ tương ứng của vật chất cõi trần. Vì vậy, nếu ta cứ tưởng tượng cõi trần đột nhiên không tồn tại nữa mà không có sự thay đổi nào khác thì ta ắt vẫn còn có một âm bản toàn bích của nó bằng vật chất cõi trung giới. Vì vậy một người trên cõi trung giới ắt vẫn còn thấy những bức tường, đồ đạc nội thất, người ta v.v... mà mình vẫn quen thuộc, được phác họa cũng rõ nét như bao giờ bằng cái loại vật chất cõi trung giới thô trực nhất. Tuy nhiên, nếu y khảo sát những vật ấy kỹ lưỡng thì y ắt nhận thức được rằng mọi hạt đang chuyển động nhanh thấy rõ, thay vì ta không thấy nó chuyển động như trên cõi trần. Nhưng bởi vì ít người chịu quan sát kỹ lưỡng cho nên thoát đầu người chết thường không biết rằng mình đã chịu sự thay đổi nào đó. Vậy là nhiều người, nhất là ở các nước Tây phương thấy thật khó tin rằng mình đã chết chỉ vì mình vẫn

còn nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy và suy nghĩ. Việc ngộ ra được điều đã xảy ra có lẽ chỉ lộ dạng dần dần khi người ấy phát hiện ra rằng mặc dù mình có thể nhìn thấy bạn bè nhưng không phải lúc nào cũng giao tiếp được với họ. Đôi khi y ngộ lời với họ thế mà họ dường như không nghe thấy; y cố gắng chạm vào họ và thấy rằng mình không thể gây ấn tượng lên họ. Ngay cả khi đó, thỉnh thoảng y vẫn tự nhủ rằng chắc là mình đang nằm mơ bởi vì có những lúc bạn bè của y đi ngủ thì họ lại hoàn toàn có ý thức về y và vẫn nói chuyện với y như cũ.

Dần dần thì người ấy cũng bắt đầu ngộ ra được những sự khác nhau giữa sinh hoạt hiện thời với sinh hoạt lúc y còn sống trên cõi trần. Ví dụ như chẳng bao lâu sau y đã thấy rằng mọi nỗi đau đớn và mệt mỏi không còn xảy ra với mình nữa. Y cũng có thể thấy rằng trên cõi trung giới các ham muốn và tư tưởng biểu hiện thành những hình thù nhìn thấy được, mặc dù những hình thù này bao gồm hầu hết là vật chất tinh vi của cõi ấy. Khi sinh hoạt của y tiếp diễn thì những thứ này trở nên càng ngày càng nổi bật.

Hơn nữa, mặc dù con người trên cõi trung giới thường không thể nhìn thấy thể xác của bạn bè, thế nhưng y vẫn có thể và nhất định nhìn thấy thể vía của bạn bè cho nên biết được xúc cảm và xúc động của họ. Tất nhiên y không thể theo dõi tỉ mỉ những diễn biến trong sinh hoạt trên cõi trần của họ; nhưng y ngay tức khắc biết được những xúc cảm như thương yêu hoặc thù ghét, ghen tương hoặc ganh tị vì những thứ ấy ắt biểu hiện qua thể vía của bạn bè.

Vậy là mặc dù người sống thường giả định rằng mình đã “mất” người chết, song người chết chưa bao giờ có cảm tưởng mình đã mất người sống một lúc nào.

Thật vậy, con người sống trong thể vía sau khi chết dễ dàng chịu ảnh hưởng sâu sắc của những xúc cảm bạn bè trên cõi hồng trần nhiều hơn khi y ở trên trần thế, bởi vì y không có thể xác để làm giảm bớt những nhận thức của mình.

Một người trên cõi trung giới thường không nhìn thấy toàn bộ âm bản của một sự vật mà chỉ nhìn thấy bộ phận của âm bản thuộc về cảnh đặc thù mà y đang ở trên ấy vào lúc đó.

Hơn nữa, người ấy tuyệt nhiên không luôn luôn nhận ra được chắc chắn âm bản của thể xác ngay cả khi y nhìn thấy nó. Y thường cần phải có rất nhiều kinh nghiệm trước khi có thể nhận diện rõ ràng được các đồ vật và bất cứ toan tính nào mà y thực hiện nhằm xử trí chúng đều có thể là mơ hồ và không chắc chắn. Ta thường thấy những ví dụ điều này nơi những căn nhà bị ma ám khi có xảy ra việc ném đá hoặc có những chuyển động mơ hồ, vụng về của vật chất trên cõi trần.

Thường thường vì không ngộ ra được rằng mình đâu cần phải làm việc để kiếm sống, không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ v.v...; một người sau khi chết vẫn có thể tiếp tục nấu nướng và ăn uống do chính mình hoàn toàn sáng tạo ra qua óc tưởng tượng hoặc thậm chí xây dựng cho mình một căn nhà để ở trong đó. Người ta có ghi chép lại trường hợp một người tự xây dựng cho mình một căn nhà bằng từng viên đá một, mỗi viên đá được tạo ra riêng biệt bằng tư tưởng của chính y. Cố nhiên y có thể dùng cái lượng nỗ lực tương tự ấy để tạo ra trọn cả căn nhà ngay một lúc. Rốt cuộc thì y cũng buộc lòng phải thấy rằng vì những viên đá không có trọng lượng cho nên tình huống ở đây khác với tình huống trên cõi trần, và thế là y bắt đầu phải điều nghiên thêm nữa.

Cũng vậy một người lính mới tò te đối với tình hình sinh hoạt trên cõi trung giới có thể tiếp tục đi vào đi ra khỏi một căn phòng qua lối cửa ra vào hay cửa sổ mà không ngộ ra được rằng mình có thể đi xuyên qua tường cũng dễ dàng như vậy. Cũng vì lý do ấy, y có thể lê bước trên mặt đường trong khi y hoàn toàn có thể bay bổng trên không trung.

Một người trong buổi sinh thời nhờ được đọc sách báo hoặc bằng cách nào khác đã từng làm quen với tình huống nói chung của sinh hoạt trung giới, tự nhiên là thấy mình sau khi chết có một nền tảng kiến thức ít nhiều quen thuộc và vì vậy không cảm thấy ngỡ chẳng biết xoay xử ra sao.

Theo kinh nghiệm, ngay cả việc đánh giá cao một cách thông minh giáo huấn huyền bí học về đề tài này cũng có lợi rất nhiều cho con người sau khi chết, trong khi một người chỉ mới nghe nói về tình huống sinh hoạt trung giới cũng được lợi ích đáng kể cho dầu y có thể coi những giáo huấn ấy chỉ là một trong nhiều giả thuyết và có thể không đeo đuổi chúng thêm nữa. Trong trường hợp những người khác, vốn không được may mắn biết trước về cõi trung giới như vậy thì kế hoạch tốt nhất của họ là nhận định về vị thế của mình, cố gắng tìm hiểu bản chất của sinh hoạt ngay trước mắt và tìm cách lợi dụng nó tối đa. Hơn nữa họ cũng nên tham khảo ý kiến một người bạn lão luyện nào đấy.

Tình hình sinh hoạt nêu trên cấu thành Kāmaloka, theo nghĩa đen là thế giới hoặc nơi chốn của Kāma, tức dục vọng, đó là Âm ty, Âm phủ của thần học kinh viện. Nói chung thì Kāmaloka là một cõi có đông đúc các thực thể thông tuệ cũng như bán thông tuệ. Nó ken đặc nhiều loại và nhiều dạng thức sinh linh khác nhau như thể một cọng cỏ đối với một con cọp, một con cọp đối với một con người; dĩ nhiên còn nhiều thực thể khác sống ở đây ngoài những người đã chết ra (xem các Chương từ 19 tới 21). Nó lồng vào cõi hồng trần và cõi hồng trần cũng đan xen vào nó, nhưng vì các trạng thái vật chất ở hai cõi này khác nhau cho nên chúng cùng tồn tại bên nhau mà không một thực thể nào của cõi này lại ý thức được các thực thể thuộc cõi kia. Chỉ trong những tình huống bất bình thường cư dân của hai cõi mới có thể ý thức được về sự hiện diện của nhau.

Như vậy Kāmaloka không phải ngăn cách thành một biệt khu ngăn cách với phần còn lại của cõi trung giới do tình huống ý thức của các thực thể trực thuộc nó; chưa gỡ rời khỏi Kāma tức là bản chất xúc động và đam mê. Trạng thái này cũng được gọi là Prataloka tức tâm cảnh nạ qui; nạ qui là một người đã mất thể xác nhưng vẫn còn đeo mang lớp vỏ nặng trĩu những ham muốn đầy thú tính.

Ta thấy tình huống Kāmaloka có trên mỗi phân cảnh trên cõi trung giới. Nhiều người chết thoát tiên lâm vào tình huống bứt rứt rất nhiều, còn những người khác dứt khoát là bị khiếp sợ. Khi họ gặp phải những hình tư tưởng mà chính mình và thân bằng quyến thuộc đã tạo ra trong hằng thế kỷ - tư tưởng về một con quỷ đầu trâu mặt ngựa, một vị thần giận dữ và độc ác trừng phạt đời đời - thì họ thường co rúm lại trong tình trạng sợ hãi đáng thương và có thể mất rất nhiều thời gian đau khổ oằn oại trong tâm trí trước khi có thể giải thoát mình khỏi ảnh hưởng chết người của những quan niệm vô cùng lầm lạc và điên rồ như thế.

Tuy nhiên nói cho công tâm thì chỉ trong đám cộng đồng tên là Tin lành thì cái sự độc ác khủng khiếp ấy mới có dạng gia trọng tột độ. Giáo hội La mã Công giáo vĩ đại với thuyết cõi luyện ngục hầu như gần sát hơn nhiều với một quan niệm chân chính về cõi trung giới, dù sao đi nữa những tín đồ thuần thành của giáo hội cũng ngộ ra được rằng tình huống mà mình lâm vào chẳng bao lâu sau khi chết chỉ là một tình trạng tạm bợ. Và họ chỉ việc cố gắng vươn lên khỏi nó ngay khi nào có thể được nhờ vào đạo tâm mãnh liệt, trong khi họ chấp nhận bất cứ sự đau khổ nào có thể xảy ra với mình coi như cần thiết để rửa sạch những khiếm khuyết trong tính tình trước khi họ có thể chuyển sang các cõi cao hơn và tươi sáng hơn.

Như vậy, ta thấy rằng mặc dù tôn giáo đã dạy cho người ta nên trông mong điều gì và cách thức sinh hoạt trên cõi trung giới, nhưng trong hầu hết mọi trường hợp người ta đã không làm như vậy. Vì thế, cần có nhiều lời giải thích về thế giới mới mẻ mà họ sa vào đó.



Nhưng sau khi chết cũng giống như trước khi chết, có mấy ai đạt được sự thâm định thông minh về sự thật của cơ tiến hóa và nhờ hiểu được một điều gì đó về vị thế của mình, họ biết cách lợi dụng được nó. Ngày nay có một số lớn những người dù “còn sống” hay “đã chết” đều dấn thân vào việc truy tìm và trợ giúp những người đã chết mà còn chưa biết bản chất chân thực của sinh hoạt sau khi chết (Xem chương 28 bàn về *Những người phò trợ vô hình*). Tuy nhiên, tiếc thay trên cõi trung giới cũng như trên cõi trần, kẻ vô minh hiếm khi nào sẵn sàng lợi dụng được lời khuyên hoặc gương mẫu của người minh triết.

Đối với người trước khi thể xác chết đã làm quen với tình hình sinh hoạt thật sự trên cõi trung giới thì một trong những đặc trưng dễ chịu nhất của sinh hoạt ấy chính là sự an dưỡng và hoàn toàn giải thoát khỏi mọi nhu cầu khẩn thiết, chẳng hạn như ăn uống vốn làm nặng trĩu sinh hoạt trên cõi trần. Trên cõi trung giới người ta hoàn toàn được tự do làm bất cứ điều gì mình thích và sử dụng thời giờ tùy thích.

Như ta đã nêu rõ, một người chết đi trên cõi trần đang đều đều triệt thoái về Chon nhon. Trọn cả chu kỳ sống và chết có thể được ví như một hình bầu dục (ellipse) mà chỉ có phần thấp nhất là đi qua cõi hồng trần. Trong phần đầu của chu kỳ này, Chon ngã phóng mình ra nhập vào vật chất, điểm giữa của đường cong ấy là trung điểm trong sinh hoạt trên cõi trần, khi lực của Chon ngã đã tiêu tốn để ulla ra ngoài cảnh rồi chuyển sang việc bắt đầu quá trình dài dằng dặc nhằm triệt thoái.

Như vậy ta có thể coi mỗi kiếp nhập thể trên cõi trần là việc Chon ngã (nơi cư trú của nó là phần cao của cõi trí tuệ) đặt cược ra bên ngoài như một cuộc đầu tư và trông mong cuộc đầu tư ấy sẽ thu lại được thêm nhiều kinh nghiệm vốn sẽ được phát triển thành những phẩm chất mới cho mình.

Vì vậy thời gian sinh hoạt sau khi chết mà ta trải qua trên cõi trung giới dứt khoát là thời kỳ triệt thoái về Chon ngã. Trong phần sau cùng của sinh hoạt trên cõi trần, tư tưởng và sự quan tâm của con người nên càng ngày càng ít hướng về chỉ những vấn đề trên cõi trần thôi; cũng vậy trong khi sinh hoạt trên cõi trung giới, y nên càng ngày càng ít chú ý tới vật chất thấp thuộc cõi trung giới vốn cấu tạo thành đôi phần của các vật trên cõi trần, mà bận tâm tới vật chất cao được dùng để tạo ra các hình tư tưởng dục vọng. Y đâu cần phải thay đổi vị trí trong không gian (mặc dù điều này cũng đúng một phần, xem Chương 14) so với việc y cần phải di chuyển trọng tâm chú ý của mình. Vì thế cho nên đôi phần của cõi hồng trần mà y đã rời bỏ dần dần mờ nhạt đi trong tầm nhìn của y và sinh hoạt của y càng ngày càng trở thành sinh hoạt trong thế giới tư tưởng. Những ham muốn và xúc động mà y vẫn dai dẳng, do đó bởi vì vật chất cõi trung giới sẵn sàng tuân theo những ham muốn và tư tưởng của y cho nên những hình tướng xung quanh y phần lớn sẽ biểu diễn được những xúc cảm của chính y mà bản chất của chúng chủ yếu sẽ xác định liệu sinh hoạt của y là hạnh phúc hay khốn khổ.

Mặc dù trong quyển sách này ta không bàn tới bộ phận của sinh hoạt sau khi chết diễn ra trên cõi “thiên đường” nghĩa là trên cõi trí tuệ; tuy nhiên để hiểu trọn vẹn được những gì xảy ra cho thể vía trên cõi trung giới, ta nên nhớ rằng, sinh hoạt trên cõi trung giới chủ yếu là một giai đoạn trung gian trong trọn cả chu kỳ sống và chết để chuẩn bị cho sinh hoạt trên cõi trí tuệ.

Như ta đã thấy, ngay sau khi thể xác chết, thể vía được giải thoát; diễn tả theo quan điểm tâm thức thì Kāma–Manas được giải thoát. Từ đó trở đi, cái bộ phận của hạ trí không móc ngoặc chằng chịt với Kāma, dần dần cũng được giải thoát mang theo mình những kinh nghiệm thích hợp để cho thể thượng trí đồng hóa được.

Trong khi ấy, cái bộ phận của hạ trí vẫn còn móc ngoặc với Kāma mang lại cho thể vía một ý thức khá lẫn lộn, một trí nhớ đứt quãng về những diễn biến của cuộc đời vừa mới kết thúc. Nếu những xúc động và đam mê thật mạnh mẽ, còn yếu tố trí tuệ chỉ yếu ớt thôi thì thể vía sẽ được cấp năng lượng dồi dào và sẽ đeo bám cõi trung giới trong một thời gian đáng kể. Nó cũng sẽ tỏ ra có một số lượng ý thức đáng kể do có vật chất trí tuệ móc ngoặc trong đấy. Mặt khác, nếu sinh hoạt trên cõi trần vừa kết liễu được đặc trưng bởi yếu tố trí tuệ và sự thanh khiết hơn là bởi đam mê thì thể vía không được cấp năng lượng dồi dào mà chỉ là một mặt nạ giả trang mờ nhạt của con người, nó sẽ tan rã và chết đi tương đối nhanh.

## **CHƯƠNG XIV**

### **SINH HOẠT SAU KHI CHẾT: NHỮNG CHI TIẾT ĐẶC THÙ**

Khi xét tới tình hình sinh hoạt của con người trên cõi trung giới, có hai yếu tố nổi bật mà ta cần chú ý: (1) – *Thời khoảng* mà y trải qua ở bất kỳ cảnh đặc thù nào, (2) – *Mức độ ý thức* của y về cảnh ấy.

Thời khoảng tùy thuộc vào lượng vật chất của cảnh ấy mà y đã kiến tạo vào thể vía của mình trong buổi sinh thời. Y tất yếu vẫn còn ở trên cảnh ấy cho đến khi vật chất tương ứng với nó đã bị trút bỏ ra khỏi thể vía của y.

Như ta đã thấy, trong buổi sinh thời, phẩm tính của thể vía mà y kiến tạo cho mình trực tiếp xác định đam mê, ham muốn và xúc động được gián tiếp xác định bởi tư tưởng của y cũng như các thói quen thể xác của y (ăn uống, sạch sẽ, tiết dục v.v...). Một thể vía thô thiển và nặng trọc bắt nguồn từ một sinh hoạt thô tục và lỗ mãng, ắt khiến cho người ấy chỉ đáp ứng với những rung động thấp của cõi trung giới sao cho sau khi chết y ắt thấy mình bị ràng buộc vào cõi trung giới qua quá trình từ từ và lâu dài nhằm làm tan biến thể vía.

Mặt khác, một thể vía thanh bai được tạo ra do một sinh hoạt thanh khiết và tế nhị, ắt khiến cho người ấy không đáp ứng với những rung động thấp và thô của cõi trung giới mà chỉ đáp ứng với những ảnh hưởng cao hơn; do đó y ắt trải nghiệm ít rắc rối hơn nhiều trong sinh hoạt sau khi chết, và sự tiến hóa của y sẽ diễn ra nhanh chóng và dễ dàng.

Mức độ *ý thức* tùy thuộc vào mức độ y làm linh hoạt và sử dụng vật chất của cảnh đặc thù ấy trong buổi sinh thời.

Nếu trong lúc sống trên trần thế, y thả rộng cho bản chất thú tính sông chuồng, nếu y lơ là hoặc bóp nghẹt bản chất trí thức và tâm linh, thì thể vía tức thể dục vọng sẽ tồn tại dai dẳng một thời gian dài sau khi thể xác chết.

Mặt khác nếu y đã chinh phục và chế ngự được dục vọng trong buổi sinh thời, nếu nó đã được tẩy trọc và rèn luyện để tuân phục bản chất cao cả, thì ắt chẳng có bao nhiêu năng lượng được cấp cho thể vía, và nó sẽ nhanh chóng tan rã và phân hủy đi.

Tuy nhiên, kẻ phàm phu tuyệt nhiên chưa giải thoát được mọi ham muốn thấp hèn trước khi chết; do đó phải mất một thời kỳ dài ít nhiều sinh hoạt hữu thức trọn vẹn trên đủ thứ cảnh của cõi trung giới để cho các lực mà y đã sản sinh ra bị thanh toán hết, thế là giải thoát được Chơn ngã.

Nguyên tắc chung là khi thể vía đã bị cạn kiệt hết ái lực đối với một cảnh thì đa số các hạt thô đều rơi rụng đi và nó thấy mình có ái lực với một trạng thái hiện tồn hơi cao siêu hơn. Có thể nói tỉ trọng riêng của nó thường xuyên giảm đi vì thế nó đều đều thăng lên từ tầng thô trọc cho tới tầng thanh nhẹ và chỉ tạm ngừng lại ở nơi nó được cho thăng bằng chính xác trong một thời gian.

Ở trên bất kỳ cảnh cho sẵn nào trên cõi trung giới tức là đã phát triển được sự bén nhạy của những hạt trong thể vía vốn thuộc về cảnh ấy. Có tầm nhìn hoàn hảo trên cõi trung giới có nghĩa là đã phát triển được sự bén nhạy nơi mọi hạt của thể vía sao cho mọi cảnh đều được nhìn thấy cùng một lúc.

Một người đã sống cuộc đời tốt đẹp và thanh khiết với những xúc cảm và hoài bão mạnh mẽ nhất mang tính vị tha và tâm linh thì người ấy sẽ không bị cuốn hút vào cõi trung giới và nếu được bỏ mặc hoàn toàn một mình thì y thấy chẳng có mấy điều giữ y lại trên đó hoặc khiêu khích y hoạt động trong một thời kỳ tạm trú tương đối ngắn ngủi. Những đam mê trần tục của y đã bị khống chế trong buổi sinh thời và lực ý chí của y đã được hướng vào các kênh dẫn cao hơn cho nên chỉ có ít năng lượng ham muốn thấp hèn cần phải thanh toán trên cõi trung giới. Vì vậy thời gian lưu trú của y ở đó sẽ rất ngắn ngủi và rất có thể là y chẳng qua chỉ có bán ý thức mơ màng cho đến khi y lại chìm vào giấc ngủ trong đó nguyên khí cao của y rút cuộc giải thoát ra khỏi thể vía và nhập vào sinh hoạt cực lạc trên cõi thiên đường.

Diễn tả một cách chuyên môn hơn, thì trong buổi sinh thời, Manas đã tẩy trọc Kāma mà mình bị móc ngoặc vào đó đến nỗi sau khi chết đi Kāma chỉ còn là một cặn bã dễ dàng bị Chơn ngã triệt thoái rũ bỏ. Một người như thế vì vậy ắt ít có ý thức trên cõi trung giới.

Hoàn toàn có thể là một người do kết quả của những kiếp trước đã có khá nhiều chất thô trọc cõi trung giới trong thể vía của mình. Cho dầu y đã được cải tạo và sống một cuộc đời theo hạnh kiểm thì y không làm linh hoạt lớp vật chất thô ấy và mặc dù nhiều loại vật chất thô ấy đã bị rũ bỏ và được thay thế bằng những vật liệu tinh vi hơn, thế nhưng hoàn toàn có thể còn lại nhiều vật liệu ấy. Vì vậy, người ấy ắt phải ở lại trên một cảnh thấp của cõi trung giới trong một thời gian nào đó cho đến khi quả thật vật chất thô đều đã rơi rụng hết. Nhưng vì vật chất thô không được làm linh hoạt cho nên y ắt có ý thức và thực tế là thiêu thiêu ngủ trải qua suốt thời kỳ tạm trú ở đó.

Có một điểm mà ta gọi là mức tới hạn giữa mỗi cặp của phân-trạng thái vật chất (sub – states): nước đá có thể được nâng lên mức mà chỉ cần thêm một chút nhiệt cũng biến nó thành nước lỏng; nước lỏng có thể nâng lên tới mức mà chỉ cần thêm một chút nhiệt cũng biến nó thành hơi nước. Và thế là mỗi phân-trạng thái của vật chất trung giới có thể được đưa lên tới mức tinh vi đến nỗi chỉ cần tinh vi thêm một chút cũng biến nó thành ra phân-trạng thái kế tiếp cao hơn. Nếu một người đã làm như vậy đối với mọi phân-trạng thái vật chất trong thể vía của mình sao cho nó được tẩy trọc tới mức tinh vi nhất có thể được thì chỉ cần lực làm tan rã lần đầu tiên chạm tới nó cũng phá tan sự cố kết của nó, phân giải nó thành ra tình huống nguyên thủy, ngay tức khắc khiến y được tự do chuyển sang cảnh kế tiếp. Như vậy việc y đi xuyên qua cõi trung giới ắt nhanh không thể tưởng tượng được và y sẽ bay như chớp qua cõi này hầu như ngay tức khắc lên tới trạng thái cao là cõi thiên đường.

Mọi người sau khi chết đều phải trải qua mọi cảnh của cõi trung giới trên đường đi tới cõi thiên đường. Nhưng cho dù y có ý thức hay chẳng về bất kỳ hoặc tất cả những thứ ấy và có ý thức đến mức nào thì điều ấy vẫn còn tùy thuộc vào những yếu tố nêu trên.

Vì những lý do ấy, rõ ràng là mức độ ý thức mà con người có thể sở hữu được trên cõi trung giới cùng với thời gian y phải trải qua ở đó trên con đường đi tới cõi thiên đường, có thể biên thiên trong một phạm vi rất rộng. Có một số người chỉ trải qua vài tiếng đồng hồ hoặc vài ngày trên cõi trung giới; những người khác ở lại đó trong nhiều năm hoặc ngay cả nhiều thế kỷ.

Đối với một kẻ phạm phu thì hai mươi hoặc ba mươi năm trên cõi trung giới sau khi chết là con số trung bình phải chăng. Một trường hợp ngoại lệ là nữ hoàng Elizabeth, bà yêu

tổ quốc nồng nàn đến nỗi chỉ gần đây bà mới chuyển lên cõi thiên đường sau khi trải qua thời gian từ lúc chết để nỗ lực (mãi cho tới gần đây hầu như vẫn không thành công) gây ấn tượng lên những người kế vị cho họ biết ý kiến của mình về điều phải được thực hiện cho nước Anh.

Một ví dụ đáng chú ý khác là nữ hoàng Victoria, bà đã đi qua cõi trung giới rất nhanh để nhập vào cõi thiên đường, việc bà đi nhanh như thế chắc chắn là do hàng triệu hình tư tưởng yêu thương và biết ơn được gửi tới cho bà, cũng như cho tính tốt cố hữu của bà.

Vấn đề chung chung về thời khoảng giữa hai kiếp sống trên trần thế thật là phức tạp. Ở đây ta chỉ có thể đề cập ngắn gọn tới bộ phận trên cõi trung giới của những thời khoảng ấy. Muốn có chi tiết thêm nữa xin môn sinh tham khảo tác phẩm *Sinh hoạt nội giới* quyển 2, trang 458 – 474.

Ta phải xét đến ba yếu tố chính:

- (1). – Lớp chơn ngã
- (2). – Phương thức biệt lập ngã tính
- (3). – Độ dài và bản chất của kiếp sống trên trần thế vừa qua

Bảng sau đây cung cấp phần trung bình tổng quát cho độ dài của sinh hoạt trên cõi trung giới được xác định theo lớp chơn ngã.

NGƯỜI TRÊN DÂY NGUYỆT TINH: CẤP MỘT		
Biệt lập ngã tính trên cõi Nguyệt tinh. Cuộc tuần hoàn số	Loại hình hiện nay	Thời gian trung bình của sinh hoạt trên cõi trung giới
5	Các Chơn ngã tiên tiến, nhiều Chơn ngã này nhập thể liên tục sao cho đối với họ vấn đề thời khoảng giữa hai kiếp sống không nảy sinh ra	5 năm: một chơn ngã thậm chí có thể trải qua nhanh chóng và vô ý thức
	Con người nổi bật về nghệ thuật, khoa học hoặc tôn giáo	Khuynh hướng chung là hướng về một sinh hoạt dài hơn trên cõi trung giới, nhất là trong trường hợp các nghệ sĩ và những người theo tôn giáo
6	Những nhà quý tộc đồng quê và những người chuyên nghiệp	20 – 85 năm
7	Giai cấp trung lưu thượng đẳng	25 năm
Lớp Chơn ngã		
Những người dây Nguyệt tinh: cấp 2	Giới tiểu tư sản	40 năm
Người thú trên dây Nguyệt tinh	Công nhân lành nghề	40 năm ở mức trung bình
Con thú trên dây Nguyệt tinh lớp 1	Công nhân không lành nghề	40 – 50 năm trên các mức hạ đẳng



Con thú trên dây Nguyệt tinh lớp 2	Những kẻ nghiện rượu và hút xì	40 – 50 năm thường là trên cảnh thứ 6
Con thú trên dây Nguyệt tinh lớp 3	Nhân loại thấp kém nhất	5 năm trên cảnh thứ 7

Chắc chắn có sự khác nhau do phương thức biệt lập ngã tính, nhưng sự khác nhau này có tỉ lệ hơn nhiều nơi các lớp thấp hèn. Những người đã biệt lập ngã tính do trí năng có khuynh hướng trải qua một thời khoảng giữa hai kiếp sống khá dài hơn mức được trải qua bởi những kẻ biệt lập ngã tính theo kiểu khác.

Nói chung thì một người chết trẻ ít có thời khoảng ngắn hơn so với người chết lúc tuổi già nhưng rất có thể có một sinh hoạt trung giới dài hơn tỉ lệ theo đó bởi vì hầu hết những xúc động mạnh được thanh toán trong sinh hoạt trên cõi trung giới đều được sản sinh ra trong buổi sinh thời lúc còn trai trẻ.

Ta phải nhớ rằng trên cõi trung giới hầu như không áp dụng được những phương pháp thông thường để đo lường thời gian; ngay cả trong sinh hoạt trên cõi trần thì sự lo âu hoặc đau khổ ắt trải ra một vài tiếng đồng hồ mà hầu như là vô tận và trên cõi trung giới thì đặc trưng này được khuếch đại lên cả trăm lần.

Một người trên cõi trung giới chỉ có thể đo lường thời gian qua cảm giác của mình. Đó là vì một sự bóp méo sự thật này đã đưa tới ý niệm sai lầm về việc đo đạc đời đời.

Như vậy ta ắt thấy rằng cả (1) thời gian trôi qua lẫn (2) mức độ ý thức trải nghiệm trên mỗi cảnh của cõi trung giới đều tùy thuộc rất nhiều vào loại sinh hoạt mà con người đã trải qua trên cõi trần. Một yếu tố khác có tầm quan trọng lớn lao là tâm trạng của con người sau khi thể xác chết.

Sinh hoạt trên cõi trung giới có thể do ý chí điều khiển chẳng khác nào sinh hoạt trên cõi hồng trần. Một người có ít quyền năng ý chí hoặc có ít sáng kiến thì trên cõi trung giới cũng như trên cõi hồng trần đều trôi giạt theo môi trường xung quanh do chính mình tạo ra. Mặt khác một người có quyết tâm có thể luôn luôn tận dụng được hoàn cảnh của mình và sống cuộc đời riêng bất chấp hoàn cảnh. Vì vậy, một người không dứt bỏ được những khuynh hướng gian tà trên cõi trung giới, trừ phi y dứt khoát hành động vì mục tiêu ấy. Nếu y không dứt khoát cố gắng thì y tất yếu chịu đau khổ do không thể thỏa mãn những điều thềm thường mà ta chỉ có thể thỏa mãn được nhờ vào một thể xác. Theo thời gian, ham muốn sẽ mòn mỏi và chết đi chỉ vì không thể thỏa mãn được.

Tuy nhiên quá trình này có thể được đẩy nhanh lên nhiều ngay khi con người nhận ra việc cần phải giải thoát mình khỏi những ham muốn gian tà giữ mình lại và thực hiện những nỗ lực cần thiết. Một người không biết tới tình trạng sự việc chân thực thường suy đi ngấm lại về những ham muốn của mình, thế là kéo dài thời gian sống của chúng và tuyệt vọng bám lấy những hạt vật chất thô của trung giới đến mức tối đa bởi vì cảm giác liên quan tới chúng dường như gần nhất với sinh hoạt trên cõi trần mà y vẫn còn thềm thường. Qui trình thích đáng đối với y dĩ nhiên là phải tiêu diệt các ham muốn trần tục và triệt thoái vào bên trong mình càng nhanh càng tốt.

Ngay cả việc chỉ biết trong cái trí về tình hình sinh hoạt trên cõi trung giới và thật ra chỉ biết những chơn lý Thông Thiên Học nói chung cũng có giá trị vô song đối với con người sinh hoạt sau khi chết.

Điều cực kỳ quan trọng là sau khi thể xác chết, người ấy phải nhận thức hoàn toàn rõ rệt rằng mình đang đều đều triệt thoái hướng về Chơn ngã và do đó y nên tháo gỡ hết mức tư tưởng mình ra khỏi những sự vật trên cõi trần và chú tâm tới những vấn đề tâm linh vốn

làm y bận tâm để đến đúng lúc y chuyển từ cõi trung giới sang cõi trí tuệ, tức cõi thiên đường.

Bằng cách chọn theo thái độ này y sẽ làm dễ dàng sự tan rã tự nhiên của thể vía thay vì bị lần lửa trên các cảnh thấp của cõi trung giới một cách không cần thiết và vô ích.

Tiếp thay nhiều người không chịu xoay tư tưởng hướng lên mà lại bám lấy những vấn đề trần tục dai dẳng tuyệt vọng. Khi thời gian trôi qua theo lộ trình bình thường của cơ tiến hóa, họ dần dần không tiếp xúc với các cõi thấp, nhưng do việc cứ vùng vằng ở mỗi bước tiến dọc đường họ gây ra cho bản thân nhiều sự đau khổ không cần thiết và làm trì hoãn nghiêm trọng sự tiến hóa đi lên của mình.

Trong sự đối lập vô minh này chống lại lộ trình tự nhiên của vạn vật, việc chiếm hữu được một xác phàm ắt trợ giúp cho người ấy, xác chết được dùng làm một loại điểm tựa bám lấy cõi hồng trần. Phương thuốc tốt nhất để chữa khuynh hướng này là thiêu xác, nó hủy diệt mối liên kết với cõi trần.

Một vài ví dụ tiêu biểu về sinh hoạt sau khi chết trên cõi trung giới ắt minh họa tốt cho bản chất và cơ sở lý luận của sinh hoạt ấy.

Một người bình thường không đặc sắc, chẳng đặc biệt tốt cũng chẳng đặc biệt xấu, cố nhiên không hề bị thay đổi do đã chết mà vẫn còn không đặc sắc. Vì vậy y ắt không đặc biệt đau khổ mà cũng chẳng đặc biệt vui sướng; thật vậy, y có thể thấy sinh hoạt khá tẻ nhạt, bởi vì trong buổi sinh thời y chẳng trau dồi được một sự hứng thú đặc biệt nào cho nên trong sinh hoạt trên cõi trung giới y cũng chẳng có gì hứng thú.

Nếu trong buổi sinh thời y chẳng có ý kiến gì ngoại trừ việc ngồi lê đôi mách, chơi thể thao, kinh doanh hoặc quần là áo lượt thì tự nhiên khi những thứ này không còn có được nữa, y rất có thể thấy thời gian kéo dài lê thê.

Tuy nhiên, một người có ham muốn mãnh liệt thuộc loại thấp, chẳng hạn như một người ghiền rượu hoặc ham mê ngũ dục thì ắt gặp trường hợp tệ hơn nhiều. Chẳng những sự thèm thuồng và ham muốn của y vẫn còn (ta nên nhớ rằng các trung tâm cảm giác không ở nơi thể xác mà ở nơi Kāma – Xem trang 24), nhưng chúng ắt mạnh hơn bao giờ hết bởi vì trọn cả sức mạnh của nó được biểu diễn qua vật chất trên cõi trung giới, không một lực nào được hấp thu để phát động những hạt nặng nề trên cõi trần.

Vì ở trong tình huống thấp nhất và trụy lạc nhất trong sinh hoạt trên trung giới cho nên một người thường có vẻ vẫn còn ở đủ gần cõi hồng trần để bén nhạy với một vài hơi hám, mặc dù sự khiêu khích được tạo ra như thế chỉ kích thích thêm nữa ham muốn điên cuồng của y và dày vò y tới mức gần phát điên.

Nhưng bởi vì y không còn có thể xác nữa để xoa dịu những thèm thuồng của mình cho nên y không thể thỏa mãn sự khao khát khủng khiếp ấy. Vì thế cho nên vô số truyền thuyết đều nói tới lửa luyện ngục mà ta thấy trong hầu hết mọi tôn giáo vốn là biểu tượng hay ho để chỉ tình trạng bị hành hạ như được miêu tả. Một tình trạng như thế có thể kéo dài một thời gian khá lâu vì nó chỉ mất đi do dần dần bị mòn mỏi.

Cơ sở lý luận và sự công bằng tự động của toàn thể quá trình này thật rõ ràng: người ấy đã chính mình tạo ra tình huống bằng tác động của chính mình để xác định mức độ chính xác quyền năng và độ dài của chúng. Hơn nữa, đó là cách duy nhất giúp y có thể dẹp bỏ được những thói xấu ấy. Đó là vì nếu y phải được tái sinh ngay tức khắc thì y ắt bắt đầu kiếp sống kế tiếp của mình ngay khi y kết thúc kiếp sống trước, nghĩa là vẫn nô lệ cho những đam mê và thèm thuồng; khả năng y làm chủ được chính mình ắt bị giảm đi rất nhiều. Nhưng sự việc là y đã làm mòn mỏi những điều thèm thuồng ấy cho nên y có thể bắt đầu kiếp lâm phạm sắp tới mà không chịu gánh nặng của chúng; Chơn ngã của y đã học một

bài học khắc nghiệt như thế, rất có thể thực hiện mọi nỗ lực khả hữu để kiểm soát các hạ thể khỏi vấp phải một lỗi lầm tương tự.

Một người nghiện rượu thâm căn cố đế đôi khi có thể khoác lấy xung quanh mình một lớp màn vật chất dĩ thái, thế là hiện hình ra một phần. Bấy giờ y có thể thu rút hơi hám của rượu mặc dù y không thể ngửi được mùi của nó theo nghĩa mà ta thường hiểu. Vì thế cho nên y nôn nóng cưỡng bức người khác đọa vào tình cảnh nghiện rượu sao cho y có thể phần nào nhập vào thể xác và ám ảnh những thể xác ấy, rồi thông qua những thể xác ấy một lần nữa có thể trải nghiệm trực tiếp những khẩu vị và cảm giác mà y thèm thuồng.

Việc nhập xác có thể thường xuyên hay tạm bợ. Như ta vừa nêu, một người đã chết nhưng ham mê ngũ dục có thể chiếm lấy bất kỳ hiện thể nào mà mình trộm cắp được để thỏa mãn những ham muốn thô tục của mình. Có khi người ta nhập xác một người khác với tính toán đó là hành vi trả thù; người ta ghi lại được một trường hợp có một người nhập xác con gái của kẻ thù.

Việc nhập xác có thể được ngăn cản hoặc chống lại tốt nhất qua việc vận dụng quyền năng ý chí. Khi nó xảy ra, điều này hầu như luôn luôn bởi vì nạn nhân trước hết đã tự nguyện chiều theo ảnh hưởng xâm nhập, vì vậy bước đầu tiên là đảo ngược hành vi tùy thuận. Tâm trí nên đều đều kiên quyết chống lại việc nhập xác vì nhận thức mãnh liệt được rằng ý chí con người mạnh hơn bất kỳ ảnh hưởng gian tà nào.

Sự nhập xác như thế cố nhiên hoàn toàn không tự nhiên và ở mức độ cao nhất có hại cho cả đôi bên.

Hậu quả của việc hút thuốc lá quá độ đối với thể vía sau khi chết thật là đáng kể. Chất độc chiếm đầy thể vía đến nỗi nó cứng ngắc lại do ảnh hưởng của chất độc và không thể tác động thỏa đáng hoặc di chuyển tự do. Con người nhất thời dường như thể bị liệt. Có thể nói được nhưng không cử động được và hầu như hoàn toàn bị cắt rời khỏi những ảnh hưởng cao siêu. Khi bộ phận nhiễm độc của thể vía đã rơi rụng mất thì y mới xuất lộ ra khỏi tình trạng khó chịu này. Thể vía thay đổi các hạt cũng giống như thể xác nhưng không có điều gì tương ứng với việc ăn và tiêu hóa thực phẩm. Các hạt của thể vía rơi rụng ra bị thay thế bởi những hạt khác từ bầu hào quang xung quanh. Những sự thèm thuồng *thuần túy của thể xác* như đói và khát không còn tồn tại nơi đây nữa, nhưng *ham muốn* của kẻ háu ăn nhằm thỏa mãn cảm giác về khẩu vị và *ham muốn* của kẻ nghiện rượu về những xúc cảm nối tiếp việc uống rượu (cả hai đều thuộc thể vía) vẫn còn dai dẳng; và như ta đã nêu rõ chúng có thể gây ra đau khổ nhiều do thiếu vắng thể xác mà chỉ có nó mới giúp thỏa mãn được chúng.

Có nhiều thần thoại và truyền thuyết tiêu biểu cho tình huống miêu tả như trên. Một trong những thứ đó là thần thoại Tantalus, ông bị khát đến điên lên, thế nhưng có số phận nhìn thấy nước rớt lại ngay khi nó sắp chạm vào môi mình. Một thần thoại khác tiêu biểu cho tham vọng là thần thoại Sisypheus bị kết án lăn một hòn đá nặng lên trên đỉnh núi rồi thấy nó lăn xuống trở lại. Hòn đá biểu diễn những kế hoạch đầy tham vọng mà một con người như thế tiếp tục tạo ra, để rồi ngộ ra được rằng mình không có thể xác để thi hành những kế hoạch ấy. Rốt cuộc, y mòn mỏi hết tham vọng ích kỷ của mình và ngộ ra được rằng mình không cần lăn hòn đá và để cho nó nằm im dưới chân của đồi núi.

Một câu chuyện khác là chuyện Tityus, một người bị cột vào một tảng đá, gan bị kên kên gặm nhấm và nó lại mọc lên với tốc độ nhanh như khi bị ăn hết. Điều này tượng trưng cho một người bị hành hạ do sự cắn rứt ân hận về những tội lỗi mà mình phạm phải trên trần thế.

Một kẻ phạm phu trên trần thế sau khi chết đi thường phải chịu số kiếp hãm hiu là một sinh hoạt nhằm chán hết mức và vô ích, thiếu hết mọi điều đáng chú ý đối với lý trí: đó là

hậu quả tự nhiên của một cuộc đời phí phạm vào việc buông thả bản thân, sống dung tục và ngòi lê đôi mách trên trần thế.

Điều duy nhất mà y thêm thường thì không còn có thể được nữa bởi vì ở cõi trung giới không còn công việc khó khăn và mặc dù y vẫn giao tiếp như mong muốn với nhiều người thì xã hội hiện nay đối với y vẫn là vấn đề khác hẳn, vì mọi cao vọng về nó mà người ta trên thế giới này thường dựa vào đó đều không còn có thể được nữa.

Vậy là con người tạo ra cho chính mình cả luyện ngục lẫn thiên đường và đây không phải là những nơi chốn mà là những trạng thái tâm thức. Địa ngục không tồn tại, nó chỉ là một trò tưởng tượng của thần học. Luyện ngục cũng như thiên đường không vĩnh hằng vì một nguyên nhân hữu hạn không thể tạo ra một kết quả vô hạn.

Tuy nhiên thân phận của loại người tội tệ nhất sau khi chết có lẽ được miêu tả hay nhất bằng thuật ngữ “địa ngục”, mặc dù chúng *không có* tính cách đời đời. Thế là chẳng hạn như đôi khi xảy ra việc một kẻ sát nhân bị nạn nhân của mình đuổi theo bết bát mà chẳng bao giờ có thể thoát khỏi sự hiện diện ám ảnh của nạn nhân. Nạn nhân (trừ phi bản thân là một loại rất tội tệ) bị cuốn mình trong vô ý thức và chính sự vô ý thức này dường như thêm một sự khủng khiếp mới nữa cho việc đeo đuổi máy móc ấy.

Những người mổ xác sinh vật sống cũng có “địa ngục” của mình nơi mà y sống giữa đám đông hình thể những nạn nhân mà mình đã cắt cụt tay chân; chúng đang rên rỉ, run rẩy, gào thét. Đây là những sinh linh bị mổ xẻ lúc còn sống, không phải do các hồn thú mà là do sinh linh tinh linh nhân tạo phập phồng với lòng thù ghét kẻ hành hạ mình; diễn tập lại những cuộc thực nghiệm tội tệ nhất với tính đều đặn tự động, có ý thức về mọi điều khủng khiếp của mình, thế nhưng bị bắt buộc phải tự hành hạ mình do thói quen đã lập nên trong khi sinh hoạt trên trần thế.

Những tình huống như vậy không hề được tạo ra tùy tiện mà là những kết quả tất yếu của những nguyên nhân do mỗi người phát động. Những bài học trong thiên nhiên thật là sắc sảo, nhưng về lâu về dài chúng thật là tử bi bởi vì chúng đưa tới sự tiến hóa của linh hồn và mang tính sửa trị lành mạnh một cách nghiêm túc.

Đối với hầu hết mọi người, tình trạng sau khi chết hạnh phúc hơn nhiều so với khi còn sống trên trần thế. Xúc cảm đầu tiên mà người chết thường có ý thức là một sự tự do kỳ diệu nhất và khoan khoái nhất; y chẳng việc gì phải lo âu và chẳng còn bồn phận nào phải thực hiện ngoại trừ những bồn phận y tự nguyện áp đặt lên bản thân.

Xét theo quan điểm này thì rõ ràng là đã có sự biện minh lớn lao cho lời khẳng định rằng những người “sống” trên cõi trần vì bị chôn vùi và câu thúc trong thể xác cho nên theo đúng nghĩa thì lại ít “linh hoạt” hơn những người thường bị gọi là đã chết. Cái gọi là người chết được tự do hơn nhiều và ít bị câu thúc do hoàn cảnh vật chất, cho nên có thể làm việc hữu hiệu hơn và bao quát một địa hạt hoạt động rộng lớn hơn.

Người nào không để cho thể vĩa mình được sắp xếp trở lại ắt được tự do trên toàn thể cõi trung giới, y không thấy nó bị ken đặc lại một cách bất tiện bởi vì cõi trung giới lớn hơn nhiều so với bề mặt của trái đất vật lý trong khi dân số của nó hơi nhỏ hơn một chút, kiếp sống trung bình của nhân loại trên cõi trung giới (xem trang 124) ngắn hơn thọ mạng trung bình trên cõi hồng trần.

Ngoài người chết ra trên cõi trung giới dĩ nhiên cũng có chừng 1/3 người còn sống vốn đã tạm thời rời bỏ xác trong khi ngủ. Mặc dù toàn thể cõi trung giới vốn mở ra cho bất cứ cư dân nào không cho phép sắp xếp lại thể vĩa của mình, thế nhưng đại đa số vẫn còn lẫn lộn ở gần mặt đất.



Chuyên sang một loại người cao hơn, ta có thể xét thấy một người có một số quan tâm mang bản chất thuần lý nghĩa là âm nhạc, văn chương, khoa học v.v... Nhu cầu dành một phần lớn thời giờ trong mỗi ngày “để mưu sinh” không còn tồn tại nữa; con người được tự do làm đúng cái điều mà mình thích miễn là nó có thể thực hiện được mà không cần tới vật chất trên cõi trần. Trên cõi trung giới trong khi sinh hoạt, chẳng những ta nghe được âm nhạc vĩ đại nhất mà còn nghe được hơn hẳn so với trước kia, bởi vì trên cõi trung giới có những hòa âm khác đầy đủ hơn hòa âm tương đối nhằm tai mà tai phàm có thể nghe được. Đối với họa sĩ thì mọi sự dễ thương của cõi trung giới bậc cao được mở ra cho y thưởng thức. Con người có thể di chuyển nhanh chóng và sẵn sàng từ nơi này tới nơi kia để xem các kỳ quan trong Thiên nhiên, rõ ràng là dễ hơn nhiều so với mức có thể làm được trên cõi trần. Nếu y là một sử gia hoặc một nhà khoa học thì các thư viện và phòng thí nghiệm trên thế giới ở trong tầm sử dụng của y; sự hiểu biết của y về những quá trình thiên nhiên sẽ đầy đủ hơn hẳn so với trước kia, bởi vì giờ đây y có thể nhìn thấy những công trình ở bên trong cũng như ở bên ngoài được vận hành với nhiều nguyên nhân mà trước kia y chỉ thấy đó là hậu quả. Trong mọi trường hợp như thế sự khoan khoái của y gia tăng rất nhiều bởi vì nhiều nguyên nhân mà trước kia y chỉ thấy đó là hậu quả. Trong mọi trường hợp như thế sự khoan khoái của y gia tăng rất nhiều bởi vì y không thể mệt mỏi được (xem trang 82).

Một nhà nhân ái có thể theo đuổi công trình phúc lợi của mình một cách mãnh liệt hơn hẳn so với trước kia và trong những tình huống tốt đẹp hơn so với trên cõi trần. Có hàng ngàn người mà y có thể giúp đỡ và chắc chắn sẽ mang lại lợi ích thực sự cho họ.

Đúng là có thể bất cứ ai trên cõi trung giới sau khi chết mới bắt đầu nghiên cứu và học được những ý tưởng hoàn toàn mới mẻ. Vậy là lần đầu tiên người ta mới học được Thông Thiên Học trên cõi trung giới. Có trường hợp ghi chép lại một người thậm chí học âm nhạc ở đó, mặc dù điều này vốn bất thường.

Nói chung, cuộc sống trên cõi trung giới linh hoạt hơn trên cõi trần, vật chất cõi trung giới được cấp sinh lực cao hơn hẳn so với vật chất cõi trần và hình hài trên đó mềm dẻo hơn nhiều. Các khả năng trên cõi trung giới xét cả về mặt hưởng thụ lẫn tiến bộ đều lớn hơn hẳn về mọi phương diện so với các khả năng trên cõi trần. Nhưng các khả năng thuộc một lớp cao hơn, và nó cần một mức độ trí thông minh nào đó để lợi dụng chúng. Người nào trong khi sống trên trần thế dành trọn tư tưởng và năng lượng của mình chỉ cho các sự việc vật chất thì chẳng thể thích ứng được bao nhiêu với những tình huống cao cấp hơn vì cái trí bị teo tóp hết một phần của y ắt không đủ mạnh để lĩnh hội được những khả năng bao quát hơn của sinh hoạt rộng lớn hơn.

Một người mà cuộc sống và chú tâm thuộc một loại cao cấp có thể làm được nhiều điều tốt hơn chỉ trong vài năm sống trên cõi trung giới so với mức y có thể làm được trong kiếp sống lâu dài nhất trên cõi trần.

Vì những vui sướng trên cõi trung giới lớn hơn nhiều so với vui sướng trên cõi trần cho nên có nguy cơ chúng làm cho thiên hạ bị chệch hướng ra khỏi con đường tiến bộ. Nhưng ngay cả những sự khoan khoái trong sinh hoạt trên cõi trung giới cũng không gây ra nguy hiểm nghiêm trọng cho những người đã ngộ ra được một chút về điều gì đó cao siêu hơn. Sau khi chết người ta nên cố gắng lướt qua các cảnh của cõi trung giới càng nhanh càng tốt tùy theo nhu cầu khả dụng chứ không chần chừ theo những khoái lạc thanh bai giống như đã từng cự tuyệt các khoái lạc trên cõi trần.

Bất cứ người nào đã phát triển đều hoàn toàn hoạt động đủ mọi mặt trong sinh hoạt trên cõi trung giới sau khi chết cũng giống như trong sinh hoạt trên cõi trần; y dứt khoát có thể trợ giúp hoặc ngăn cản sự tiến bộ của chính mình cùng với sự tiến bộ của người khác

cũng nhiều như trước khi đã chết; vì vậy lúc nào y cũng tạo ra nghiệp báo có tầm quan trọng lớn nhất.

Thật vậy, tâm thức của người sống hoàn toàn nơi cõi trung giới thường xác định hơn nhiều so với lúc y sinh hoạt trên cõi trung giới trong khi ngủ và y cũng có thể suy nghĩ hoặc hành động tương đối tốt hơn về mặt quả quyết sao cho cơ hội tạo ra nghiệp xấu cũng như nghiệp tốt được lớn hơn.

Nói chung, ta có thể bảo rằng con người có thể gây ra nghiệp bất cứ ở đâu mà tâm thức đã phát triển hoặc bất cứ nơi đâu mà y có thể chọn lựa hoặc hành động. Những tác động được thực hiện như thế trên cõi trung giới có thể tạo ra nghiệp quả trong kiếp sống kế tiếp trên trần thế.

Trên cảnh thấp nhất của cõi trung giới, con người vốn có những chuyện khác mà mình bận tâm chú ý, cho nên ít khi quan tâm đến những gì diễn ra trên cõi trần trừ phi y léo hánh tới những nơi nghỉ dưỡng trụ lạc thấp hèn.

Trên cảnh kế tiếp tức cảnh thứ sáu, ta thấy có những người trong khi còn sống tập trung những ham muốn và tư tưởng của mình chủ yếu chỉ có vào chuyện trần tục. Vì vậy, họ vẫn còn lãng vãng bên cạnh những người và nơi chốn mà họ có liên hệ mật thiết nhất trong buổi sinh thời và họ có thể có ý thức về nhiều điều liên quan tới những thứ ấy. Tuy nhiên họ chẳng bao giờ nhìn thấy chính vật chất trên cõi trần mà luôn luôn nhìn thấy âm bản đối phần của chúng.

Vậy là chẳng hạn như một rạp hát chứa đầy người cũng có đối phần của nó mà các thực thể trên cõi trung giới nhìn thấy được. Tuy nhiên các thực thể trên trung giới không thể nhìn thấy (giống như chúng ta nhìn thấy) đạo cụ hoặc nét biểu diễn theo diễn xuất của diễn viên vì những xúc động của diễn viên vốn không được có thực mà chỉ là giả vờ cho nên không gây ấn tượng lên cõi trung giới.

Những người thuộc cảnh thứ sáu vốn là là trên mặt đất; thấy xung quanh mình có những âm bản đối phần của những vật tồn tại trên cõi trần như núi non, cây cối, hồ nước v.v... Trên hai cảnh kế tiếp là cảnh thứ năm và thứ tư, thực thể trung giới vẫn còn có thể ý thức được các việc trên cõi trần mặc dù với mức độ nhanh chóng giảm đi.

Trên hai cảnh kế tiếp là thứ ba và thứ nhì, muốn tiếp xúc với cõi trần thì chỉ có nước cần cố gắng đặc biệt giao tiếp thông qua một người đồng cốt.

Ở cảnh cao nhất tức cảnh thứ nhất, thậm chí việc giao tiếp thông qua đồng cốt cũng rất khó khăn.

Những người sống nơi các cảnh cao của cõi trung giới thường tự trang bị cho mình bất cứ phong cảnh nào mà mình muốn. Vậy là nơi một bộ phận của cõi trung giới thiên hạ bao quanh mình bằng những phong cảnh do chính mình sản sinh ra: những người khác chấp nhận các phong cảnh đã có sẵn do những người khác xây dựng nên. (Việc miêu tả đủ thứ cảnh tức mức độ trên cõi trung giới sẽ được trình bày ở chương 16).

Trong một số trường hợp, người ta xây dựng cho chính mình những cảnh tượng quái gở được mô tả trong đủ thứ kinh điển tôn giáo, họ thực hiện những toan tính vụng về nhằm trồng cấy đá quý lên trên những cây cối, biến làm bằng thủy tinh pha lẫn với lửa, những tạo vật có đầy mắt ở bên trong và những thần linh có 100 đầu và 100 cánh tay.

Nơi cái mà các nhà Thần linh học gọi là Thế giới Trường hạ (Summerland), những người thuộc cùng dân tộc và cùng tôn giáo có khuynh hướng tụ tập lại sau khi chết cũng giống như trong buổi sinh thời sao cho có một mạng lưới thế giới trường hạ trải ra khắp các xứ có người dân đã xây dựng nên chúng, có các cộng đồng được tạo nên khác nhau rất

nhieu cũng y như các cộng đồng trên trần thế. Điều này chẳng những do ái lực tự nhiên mà còn do sự kiện là trên cõi trung giới vẫn còn tồn tại những hàng rào ngôn ngữ.

Thật vậy, nguyên tắc này áp dụng cho cõi trung giới nói chung. Vậy là trong những buổi lên đồng theo Thần linh học ở Tích lan, người ta thấy rằng các thực thể giao tiếp là Phật tử và bên kia cửa tử thì họ thấy những định kiến tôn giáo của mình được xác nhận cũng y hệt như các tín đồ của đủ thứ giáo phái Kitô ở Âu châu. Trên cõi trung giới, người ta chẳng những tìm thấy các hình tư tưởng của chính mình mà còn có hình tư tưởng của những người khác; trong một số trường hợp hình tư tưởng này là sản phẩm của các thể hệ tư tưởng của hàng ngàn người tất cả đều theo cùng một đường lối.

Các bậc cha mẹ cũng thường cố gắng áp đặt ý muốn của mình lên con cái, nghĩa là đối với một sự liên kết đặc thù mà tâm hồn họ đã ngã theo đó. Một ảnh hưởng như thế chỉ ngầm ngầm thôi mà kẻ phạm phu rất có thể coi áp lực đều đều ấy là ham muốn theo tiềm thức của mình.

Trong nhiều trường hợp, người chết đã biến thành những thiên thần hộ mệnh đối với người còn sống, mẹ thường bảo vệ con, chồng thường che chở cho người vợ góa v.v... trong nhiều năm.

Trong những trường hợp khác, một văn sĩ hoặc nhà soạn nhạc đã quá cố có thể gợi ý cho một văn sĩ hoặc một nhà soạn nhạc còn sống trên cõi trần sao cho nhiều quyển sách được gán cho người sống thì thật ra lại là công trình của người chết. Người thật sự tiến hành việc viết sách có thể có ý thức về ảnh hưởng ấy hoặc hoàn toàn có thể vô ý thức về nó. Một tiểu thuyết gia hàng đầu đã phát biểu rằng những chuyện tiểu thuyết của mình lọt vào óc mình chẳng biết từ đâu ra, nghĩa là thật ra y không viết nên chúng mà ai đấy viết qua y. Y công nhận tình trạng sự việc ấy chứ có lẽ nhiều người khác cũng rơi vào trường hợp ấy lại hoàn toàn vô ý thức về nó.

Một bác sĩ sau khi chết đi thường vẫn tiếp tục chú ý tới bệnh nhân, cố gắng chữa trị cho họ từ bên kia cửa tử hoặc gợi ý cho người nối nghiệp mình những phương pháp chữa trị mà nhờ vào các năng khiếu của thể vĩa mới đạt được, y thấy chúng thật là hữu dụng.

Trong khi những người “tốt bụng” bình thường nhất chết tự nhiên hầu như không thể có ý thức về bất cứ thứ gì trên cõi trần khi y ngủ thiếp đi qua các giai đoạn hạ đẳng trước khi tỉnh thức với tâm thức trên cõi trung giới, thế nhưng một số người mặc dù như vậy cũng có thể bị thu hút trở lại tiếp xúc với cõi trần do quá lo âu về một người nào đó còn bị bỏ lại đằng sau.

Nỗi phiền muộn của các thân bằng quyến thuộc cũng có thể thu hút sự chú tâm của người đã chuyển sang cõi trung giới và có khuynh hướng thu hút y xuống đây tiếp xúc trở lại với sinh hoạt trên cõi trần. Khuynh hướng đọa lạc này càng dùng nhiều càng nhuần nhuyễn và người ấy rất có thể vận dụng ý chí để tiếp xúc với cõi trần. Khả năng nhìn thấy những sự việc trên cõi trần của y nhất thời sẽ gia tăng; thế rồi giờ đây nó lại giảm đi để y có lẽ khổ tâm vì cảm thấy quyền năng của mình vượt thoát khỏi tay mình.

Trong nhiều trường hợp, thiên hạ chẳng những tự chuốc lấy vô số sự đau khổ hoàn toàn không cần thiết mà thường còn gây thiệt hại nặng nề cho những người mình thương tiếc với sự phiền não mãnh liệt không kiểm soát nổi.

Trong trọn cả thời kỳ sinh hoạt trên cõi trung giới cho dù dài hay ngắn thì con người vẫn nằm trong phạm vi ảnh hưởng trần tục. Trong những trường hợp vừa nêu trên, nỗi đam mê phiền muộn và ham muốn của bạn bè trên trần thế ắt gây ra rung động trong thể vĩa của người đã khuất, thế là đạt tới khêu gợi tâm trí hoặc hạ trí của y. Bị kích động như vậy để thoát khỏi tình trạng mơ mộng rồi nhớ lại kiếp sống trên cõi trần một cách sống động, y có

thể cố gắng giao tiếp với bạn bè trên cõi trần, có thể là thông qua một đồng cốt. Một sự thức tỉnh như thế thường có kèm theo sự đau khổ quần quai và dù sao đi nữa thì tiến trình tự nhiên triệt thoái của Chơn ngã vẫn bị trễ nãi.

Giáo lý huyền bí tuyệt nhiên không hề khuyên ta quên người chết; nhưng nó gợi ý rằng việc luyện tiếc nhớ thương người chết là một lực – nếu được điều động đúng mức hướng về việc trợ giúp y tiến tu lên cõi thiên đường trong khi trải qua trạng thái trung âm – có thể có giá trị thật sự đối với y, và sự tiếc thương chẳng những vô ích mà còn gây hại nữa. Thật là một bản năng chân chính khi Ấn độ giáo qui định các nghi lễ Shrāddha, còn Giáo hội Công giáo qui định cầu nguyện cho người chết.

Việc cầu nguyện với những nghi lễ kèm theo tạo ra các tinh linh nhân tạo tấn công vào thể vía của thực thể trung âm, làm cho nó mau chóng bị biến dạng để nhanh chóng tiến bước về cõi thiên đường.

Chẳng hạn như khi người ta dâng lễ Misa với ý định dứt khoát trợ giúp cho người chết thì người ấy chắc chắn sẽ hưởng lợi ích do thần lực tuôn xuống. Tư tưởng mạnh mẽ về y dứt khoát thu hút chú tâm của y và khi bị thu hút vào nhà thờ thì y tham gia buổi lễ và thụ hưởng phần lớn kết quả của nó. Cho dầu y vẫn còn vô ý thức thì ý chí của linh mục và lời cầu nguyện ắt điều khiển luồng thần lực hướng về kẻ hữu quan.

Ngay cả việc tha thiết cầu nguyện nói chung hoặc chúc lành cho người chết nói chung, mặc dù rất có thể mơ hồ và vì vậy kém hiệu lực hơn một tư tưởng xác định hơn, thế nhưng tập thể những điều ấy tạo ra một tác dụng mà tầm quan trọng của nó thật khó lòng cường điệu được. Âu châu ít biết được nó đã chịu ơn biết bao đối với các dòng tu lớn cứ ngày đêm tận tụy cầu nguyện không ngừng cho tín đồ đã quá cố.

## **CHƯƠNG XV**

### **SINH HOẠT SAU KHI CHẾT: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT**

Thực tế không có sự khác nhau nào giữa tâm thức của một người thông linh sau khi chết và tâm thức của một người phạm, ngoại trừ việc kẻ thông linh có lẽ quen thuộc hơn với vật chất trên cõi trung giới ắt cảm thấy thoải mái hơn ở môi trường mới. Người thông linh vốn có một thể xác nhạy cảm hơn thể xác của đa số mọi người về một số phương diện; do đó khi bỏ xác thì sự bất bình đẳng này không còn tồn tại nữa.

Việc bắt đắc kỳ tử, chẳng hạn do tai nạn không nhất thiết ảnh hưởng tới sinh hoạt trên cõi trung giới tồi tệ hơn. Đồng thời, đối với hầu hết mọi người thì chết tự nhiên dễ chịu hơn bởi vì việc từ từ mòn mỏi đi của người già hoặc sự tàn phá của bệnh mãn tính hầu như tất yếu có kèm theo việc các hạt thuộc thể vía đã bị nới lỏng hoặc phân hủy đáng kể sao cho khi con người phục hồi ý thức trên cõi trung giới thì dù sao đi nữa y cũng thấy một công tác chính yếu ở đó đã được thực hiện cho mình rồi.

Trong hầu hết mọi trường hợp, khi kiếp sống trên cõi trần bị đột ngột cắt đứt do tai nạn hoặc tự tử thì mối liên kết giữa Kāma (dục vọng) và prāṇa (sinh khí) không dễ dàng bị cắt đứt, do đó thể vía được làm linh hoạt mạnh mẽ.

Việc các nguyên khí rút lui ra khỏi lớp vỏ thể xác do bất cứ loại bắt đắc kỳ tử nào đã được so sánh rất hay ho với việc móc một cái hạt ra khỏi trái cây còn sống. Nhiều loại vật chất trung giới thô trực nhất vẫn còn bám quanh phạm ngã do đó nó bị chôn chân trên cảnh thấp nhất tức cảnh thứ bảy trên cõi trung giới.



Sự khủng khiếp và xáo trộn tâm trí đôi khi kèm theo việc bắt đắc kỳ tử cổ nhiên chuẩn bị một tính huống rất bất lợi cho sinh hoạt trên cõi trung giới. Trong một số trường hợp hiếm có, sự náo động và khủng bố có thể dai dẳng một thời gian sau khi chết.

Các nạn nhân của án tử hình ngoài việc bị tổn thương đột ngột khi xác phạm bị giựt ra khỏi thể vía, vẫn còn sôi nổi với những xúc động thù ghét, đam mê và ưa trả thù v.v... điều này cấu thành một yếu tố đặc biệt nguy hiểm trên cõi trung giới. Khi còn mang xác phạm y là một kẻ sát nhân gây rối bao nhiêu cho xã hội thì khi bị đột ngột hồn lìa khỏi xác y rõ ràng lại càng là phần tử nguy hiểm hơn nữa; và trong khi xã hội có thể ngăn ngừa được kẻ sát nhân đang mang xác phạm thì hiện nay nó vô phương chống đỡ với những kẻ sát nhân bị đột ngột phóng lên cõi trung giới trong lúc còn tràn đầy dục vọng.

Những kẻ ấy có thể đóng vai trò xúi giục những kẻ sát nhân khác. Ta thừa biết rằng việc sát nhân thuộc một loại đặc thù nào đó đôi khi được lập đi lập lại (chết trùng) trong cùng một cộng đồng.

Vị thế của kẻ tự tử lại còn phức tạp hơn nữa do sự kiện là hành vi nông nổi của y đã làm giảm rất nhiều quyền năng của Chơn ngã nhằm thu hút bộ phận hạ đẳng của mình về với mình, do đó y chỉ chuốc lấy những nguy cơ khác còn lớn hơn nữa. Song le, như ta có nói cần nhớ rằng tội tự tử khác nhau rất nhiều tùy theo hoàn cảnh, từ hành vi không chệ vào đâu được của Socrate xuyên suốt mọi cấp độ xuống tới một kẻ khốn khổ tự tử để trốn thoát những hậu quả trên trần do tội ác của chính mình và dĩ nhiên vị thế của họ sau khi chết cũng thay đổi theo đó.

Quả báo của việc tự tử thường rất nặng nề; nó chắc chắn ảnh hưởng tới kiếp sau và có lẽ ảnh hưởng nhiều hơn một kiếp. Thật là một tội ác chống lại Thiên nhiên khi can thiệp vào thọ mạng đã được qui định cho kẻ còn sống trên cõi trần. Đó là vì mọi người đều có một thọ mạng được qui định sẵn do một mạng lưới phức tạp các nguyên nhân trước đó – nghĩa là túc nghiệp – và tuổi thọ phải trải qua hết thời gian qui định thì phạm ngã mới tiêu tan được.

Thái độ của tâm trí vào lúc chết xác định tư thế tiếp theo sau của người ấy. Do đó có một sự khác nhau sâu sắc giữa người *xả thân* vì những mục đích vị tha và kẻ cố tình hủy hoại mạng sống mình do những động cơ thúc đẩy ích kỷ, chẳng hạn như sợ sệt v.v...

Những người thanh khiết và có đầu óc tâm linh vốn là nạn nhân của các tai nạn v.v... ngủ yên một cách an bình trong suốt thời kỳ cho đến hạn tuổi thọ tự nhiên. Trong những trường hợp khác, họ vẫn còn có ý thức, thường là dính mắc vào bối cảnh cuối cùng của kiếp sống trên trần thể một lúc, họ bị bắt giữ lại ở bất cứ vùng nào mà họ có liên quan qua lớp vỏ ngoài cùng của thể vía. Sinh hoạt bình thường trung âm (Kāmaloka) của họ không bắt đầu chừng nào thọ mạng tự nhiên của họ chưa kết liễu và họ có ý thức sống động về môi trường xung quanh cả cõi trung giới lẫn cõi hồng trần.

Vì vậy ta không được giả định một phút nào khi cho rằng bởi vì sinh hoạt trên cõi trung giới có nhiều ưu điểm hơn sinh hoạt trên cõi trần mà một người lại có quyền tự tử hoặc tự sát một cách chính đáng. Con người nhập thể vào các thể xác với một mục đích vốn chỉ có thể đạt được trên cõi hồng trần. Có những bài học mà ta phải học trên cõi hồng trần vốn không thể học được ở bất cứ nơi nào khác và chúng ta càng học chúng sớm chừng nào thì sẽ càng tự do thoát khỏi nhu cầu trở lại một kiếp sống thấp thỏi hơn và bị hạn chế hơn. Chơn ngã phải mất nhiều công phu mới nhập thể được trong một xác phạm, và nó còn phải trải qua thời kỳ ấu thơ buồn chán trong đó, nó dần dần cố gắng hết sức để kiểm soát phần nào được những hiện thể mới của mình; và vì vậy, những nỗ lực của nó không nên bị phí phạm một cách điên rồ. Về phương diện này, bản năng sinh tồn tự nhiên là bản năng mà ta

nên tuân theo vì bản phận của con người là phải lợi dụng tối đa kiếp sống trên trần thế, duy trì nó càng lâu càng tốt theo hoàn cảnh cho phép.

Nếu một người bất đắc kỳ tử mà đã sống một cuộc đời thấp hèn, tàn bạo, ích kỷ và ham mê ngũ dục thì y sẽ ý thức hoàn toàn trên cảnh thứ bảy của cõi trung giới và có thể phát triển thành một thực thể ác độc ghê gớm. Tâm can bị nung nấu bởi những khát khao mà y không còn thỏa mãn được nữa, y cố gắng thỏa mãn những đam mê của mình thông qua một người đồng cốt hoặc bất kỳ người thông linh nào mà y có thể nhập xác. Những thực thể như thế lấy làm thích thú thật quái quỷ khi vận dụng hết mọi thuật lừa gạt của cõi trung giới để dắt dẫn người khác đi vào cũng những sự quá trớn mà bản thân họ đang sa đà vào đấy. Trong số lớp người này và những ma hình được cấp sinh lực (xem trang 172) ta rút ra được những kẻ căm dỡ tức là đám ma quỷ trong kho tài liệu của giáo hội.

Sau đây là một bảng tường trình đông dài về những nạn nhân bị bất đắc kỳ tử cho dù là tự tử hay bị tai nạn khi những nạn nhân ấy vốn đòi trụ và thô tục: “Những u hồn bất hạnh nếu đầy tội lỗi và ham mê ngũ dục thì đều biến thành cô hồn đi lang thang cho đến khi hết thọ mạng tự nhiên. Bị hồn lia khỏi xác trong lúc tràn đầy nhựa sống với những đam mê trần tục vốn trói buộc họ vào những khung cảnh quen thuộc, họ bị nhiều cơ hội căm dỡ do đám đồng cốt đưa ra để cho họ thỏa mãn theo kiếp sống tầm gửi. Họ là Hấp tinh qui (Pishāchās), những con yêu râu xanh cả nam lẫn nữ thời trung cổ, những con quỷ phạm ăn tục uống, dâm dục và hà tiện; những âm ma đầy mưu ma chước quỷ, độc ác và tàn nhẫn, chuyên xúi giục nạn nhân dẫn thân vào những tội ác khủng khiếp và hân hoan khi thấy người ta phạm tội”.

Những chiến sĩ trận vong không hoàn toàn nằm trong loại này, bởi vì cho dù họ chiến đấu theo một chủ nghĩa sai hay đúng thì họ vẫn cứ nghĩ là đúng; đối với họ đó là tiếng gọi của bản phận và họ hi sinh mạng sống của mình một cách tự nguyện và bất vị kỷ. Vì vậy, mặc dù có nhiều khung khiếp song le chiến tranh có thể là một yếu tố mãnh liệt giúp vào cơ tiến hóa trong một mức độ nào đó. Đây cũng là một chút xíu sự thật trong cái ý niệm cuồng tín của Hội giáo khi một kẻ xả thân vì thánh chiến sẽ đi thẳng tới một kiếp sống rất tốt đẹp ở thế giới bên kia.

Trong trường hợp những đứa trẻ chết yểu thì không có thể là chúng đã phát triển được nhiều ái lực đối với cảnh thấp nhất của cõi trung giới và quả thật ta ít khi thấy chúng trên những cảnh thấp nhất của cõi trung giới.

Một số người bám víu tuyệt vọng xiết bao vào kiếp sống vật chất cho đến nỗi khi chết đi thể vía của họ không hoàn toàn tách rời được khỏi thể phách và vì vậy họ vẫn còn thức tỉnh nhưng bị bao quanh bởi vật chất dĩ thái. Những người như thế ở vào tình huống rất khó chịu: họ bị khép kín khỏi cõi trung giới do lớp vỏ dĩ thái bao xung quanh mình và cố nhiên đồng thời họ cũng bị đóng sập cửa không giao tiếp được với sinh hoạt bình thường trên cõi trần bởi vì họ không có cơ quan cảm giác của thể xác.

Kết quả là họ cứ bèo dạt mây trôi, cô độc, câm lặng, và hải hùng không thể giao tiếp với các thực thể ở bất cứ cõi nào. Họ không thể ngộ ra được rằng miễn là mình cứ vượt ra khỏi tầm tay mình thì chỉ một vài phút giây vô thức sau đó họ sẽ lướt vào sinh hoạt bình thường trên cõi trung giới. Nhưng họ cứ bám khư khư lấy thế giới u ám với bán ý thức khôn khổ chẳng thà vậy còn hơn là đắm chìm vào điều mà họ nghĩ rằng là hoàn toàn tận diệt hoặc thậm chí là địa ngục mà người ta đã dạy họ phải tin.

Theo thời gian lớp vỏ dĩ thái mòn mỏi đi và lộ trình thông thường của Thiên nhiên tái khẳng định bất chấp sự dửng dăng của họ; đôi khi vì quá tuyệt vọng, họ bút rút buông thả thậm chí chẳng thà chấp nhận ý niệm hủy diệt còn hơn chịu sống như hiện giờ - kết quả thật là dễ chịu một cách chứa chan đáng ngạc nhiên.

Trong một vài trường hợp, một thực thể trung giới khác có thể giúp cho họ bằng cách thuyết phục họ hãy buông bỏ điều đối với họ là sự sống để thoát ra khỏi tình huống ấy.

Trong những trường hợp khác, họ có thể bất hạnh đến nỗi tìm ra được một phương tiện làm sống lại trong một chừng mực nào đó sự tiếp xúc của họ với sinh hoạt trên cõi trần thông qua một người đồng cốt mặc dù theo thông lệ thì “vong linh hướng dẫn” người đồng cốt cảm tuyệt điều ấy một cách thật đúng đắn. “Vong linh hướng dẫn” thật chí lý khi hành động như vậy bởi vì những thực thể như thế, trong cơn khiếp sợ và thiếu thốn, trở nên hoàn toàn vô lương tâm đến nỗi nhập xác làm cho người đồng cốt phát điên, vùng vẫy như một kẻ bị chết đuối vớ phải cọc. Họ chỉ có thể thành công nếu Chơn ngã của người đồng cốt không còn giữ vững được quyền kiểm soát các hạ thể của mình do đã thả rông cho những tư tưởng hoặc đam mê bất hảo.

Đôi khi một thực thể có thể nhập xác một em bé sơ sinh, đánh đuổi phạm ngã còn yếu ớt ra khỏi thân xác đang được dự tính cho nó, hoặc có khi thậm chí còn nhập xác một con thú vì mảnh hồn khóm (đối với một con thú, mảnh hồn khóm này có địa vị giống như Chơn ngã đối với con người) kiểm soát xác con thú không được chặt chẽ bằng sự kiểm soát của Chơn ngã. Sự nhập xác này có thể hoàn toàn hoặc một phần. Thế là thực thể nhập xác một lần nữa lại tiếp xúc được với cõi hồng trần, thấy được qua con mắt của con thú, cảm nhận được bất kỳ sự đau đớn nào mà con thú gánh chịu – thật vậy, xét về tâm thức riêng thì y chính là con thú ấy trong nhất thời. Một người vướng mắc vào con thú như thế không thể tùy ý rời bỏ xác con thú mà chỉ dần dần bằng nỗ lực phi thường, có lẽ trải dài ra trong nhiều ngày. Y thường chỉ được phóng thích vào lúc con thú chết và ngay cả lúc bấy giờ thì vẫn còn một vướng mắc trong cõi cảm dục cần phải rũ bỏ đi. Sau khi con thú chết, một phần hồn như thế đôi khi lại cố gắng nhập xác một thành viên khác trong đàn thú ấy hoặc quả thật là bất kỳ tạo vật nào khác mà y có thể nhập xác trong cơn tuyệt vọng. Những con thú thường bị nhập xác nhiều nhất dường như là những con kém tiến hóa: trâu, bò, cừu và heo. Những tạo vật thông minh hơn chẳng hạn như chó, mèo và ngựa dường như không dễ dàng gì bị nhập xác mặc dù thỉnh thoảng cũng có trường hợp này xảy ra.

Mọi sự nhập xác cho dù xác người hay xác thú đều là một điều ác gây chướng ngại cho phần hồn đi nhập xác vì chúng tạm thời củng cố uy quyền của y bám víu lấy vật chất, vì vậy làm trì hoãn sự tiến bộ tự nhiên của y nhập vào sinh hoạt trên cõi trung giới chưa kể việc gây ra những mối liên hệ nhân quả bất hảo.

Trong trường hợp một người do sự khao khát đầy thói xấu hoặc khác đi nữa, tạo thành một mối liên kết rất mạnh với bất cứ loại thú nào thì thể vía của y cũng phô bày những đặc tính của loài thú và có thể xác theo dáng vẻ bên ngoài giống như con thú mà những phẩm chất của nó đã được khuyến khích trong buổi sinh thời. Ở những trường hợp cực đoan, con người có thể liên kết với thể vía của con thú, thế là lại bị giam cầm xiềng xích vào thể xác của con thú. Người ấy có ý thức trên cõi trung giới, có những năng khiếu của con người nhưng không thể kiểm soát được cơ thể của con thú, cũng chẳng biểu hiện được thông qua cơ thể ấy trên cõi hồng trần. Cơ thể của con thú đóng vai trò một cai tù hơn là một hiện thể; hơn nữa, hồn của con thú không bị trục xuất mà vẫn còn là người thuê mướn đích đáng của cơ thể ấy.

Những trường hợp thuộc loại này giải thích ít ra cũng được phần nào về niềm tin mà người ta thường thấy nơi các xứ Đông phương, nghĩa là trong một số điều kiện nào đó người ta có thể tái sinh vào xác một con thú.

Một số phạm tương tự cũng có thể xảy ra đối với một người khi y trở lại cõi trung giới trên đường tái sinh mà ta sẽ miêu tả ở chương 24 bàn về *Sự Tái Sinh*.

Lớp người dứt khoát bị ghì lại trần thế do lo âu thường được gọi là vương vòng tục lụy: theo như thánh Martin trình bày thì những người như thế là “những kẻ ở lại” chứ không phải “kẻ trở lại” bởi vì họ hoàn toàn không thể tách mình ra khỏi vật chất trên cõi trần chừng nào chưa giải quyết được một vụ việc nào đó mà họ đặc biệt lưu tâm.

Chúng ta đã thấy rằng sau khi thể xác chết thì Chơn Nhơn đều triệt thoái ra khỏi các lớp vỏ bọc bên ngoài; đặc biệt là Manas tức tâm trí, cố gắng dứt bỏ khỏi Kāma tức dục vọng. Trong một vài trường hợp hiếm có, phàm ngã tức phàm Nhơn có thể bị Kāma kiểm soát mạnh mẽ đến nỗi hạ trí hoàn toàn bị nô lệ và không thể tháo gỡ mình ra được. Mối liên kết giữa hạ trí và thượng trí tức “ngân quang tuyến gắn liền nó với Sư phụ” bị cắt đứt ra làm đôi. Huyền bí học gọi điều này là “mất linh hồn”. Đó chính là việc mất tiêu phàm ngã vốn đã tách rời khỏi cha mẹ mình là Chơn ngã, thế là chịu số kiếp bị diệt vong.

Trong trường hợp như thế, ngay cả khi còn sinh hoạt trên cõi trần, Tứ nguyên hạ đã bị giáng ra khỏi Tam nguyên thượng, nghĩa là các nguyên khí thấp mà hạ trí là đầu sở bị cắt lìa khỏi các nguyên khí cao tức Atma, Buddhi và Thượng trí. Con người bị xé toạc ra làm đôi, con thú đã được sống chuồng thoát vòng kỷ cương mang theo mình những tia phản chiếu ánh sáng manas vốn sẽ dẫn đạo nó trong suốt cuộc đời. Một tạo vật như thế do có được hạ trí nên thậm chí nguy hiểm hơn một con thú chưa tiến hóa; mặc dù mang xác người nó có bản chất là con thú, không có ý thức về sự thật, tình thương hoặc sự công bằng.

Sau khi xác phàm chết, thể vía như vậy biến thành một thực thể có sức mạnh khủng khiếp và như vậy độc nhất vô nhị; trong một vài tình huống hiếm có, nó có thể tái sinh vào thế giới loài người. Vì không có bản năng nào khác ngoại trừ bản năng của con thú, chỉ bị thôi thúc bởi lòng đam mê chứ thậm chí chưa bao giờ bị thôi thúc bởi xúc động, có một sự qui quyết mà không con thú nào bì kịp, một sự độc ác thật là đầy cố ý, nó gần đạt tới mức lý tưởng về mặt hèn hạ và là kẻ thù tự nhiên của mọi con người bình thường. Một người thuộc lớp này (mà ta gọi là một *Âm ma* Elemantery) cứ đắm chìm xuống thấp hơn nữa qua mỗi kiếp tái sinh liên tục cho đến khi tà lực dần dần mòn mỏi thì nó mới chịu diệt vong, bị cắt rời khỏi nguồn sống. Nó tan rã và thế là rời đời một kiếp sống riêng rẽ.

Theo quan điểm của Chơn ngã thì không có một vụ gặt hái kinh nghiệm hữu ích nào từ phàm ngã ấy: tia “nhập thể” đã chẳng mang lại được gì, cuộc sống nơi hạ giới hoàn toàn thất bại.

Các tác giả khác nhau đã sử dụng từ ngữ *Âm ma* theo nhiều nghĩa khác nhau nhưng chúng tôi khuyến cáo nên hạn chế nó để chỉ thực thể vừa được miêu tả như trên.

## **CHƯƠNG XVI CÔI TRUNG GIỚI**

Xét về tính phức tạp mà đề tài cho phép, ta sẽ chỉ hạn chế chương này trong việc miêu tả bản chất, dáng vẻ bên ngoài và những đặc tính v.v... của cõi trung giới. Trong chương sau này ta sẽ dành nó để liệt kê và miêu tả những thực thể sống trên cõi trung giới.

Học viên thông minh ắt nhận thấy cực kỳ khó khăn trong việc dùng ngôn ngữ cõi trần để miêu tả thỏa đáng được cõi trung giới. Nhiệm vụ này đã được so sánh với việc một người thám hiểm một khu rừng nhiệt đới chưa ai biết tới được yêu cầu tường trình đầy đủ về vùng mà y đã đi ngang qua. Những khó khăn trong việc miêu tả cõi trung giới còn phức tạp hơn nữa do hai yếu tố: (1)- khó khăn trong việc phiên dịch chính xác từ cõi trung giới xuống cõi



hồng trần hồi ức về điều mà ta đã nhìn thấy. (2)- ngôn ngữ cõi hồng trần không thỏa đáng để diễn tả nhiều điều cần được tường trình.

Một trong những đặc trưng nổi bật nhất của trung giới là nó chứa đầy những hình thể liên tục biến đổi; ta thấy ở đó chẳng những có các hình tư tưởng, cấu tạo bằng chất tinh hoa ngũ hành do một tư tưởng làm linh hoạt, còn có những khối tinh hoa ngũ hành do một tư tưởng làm linh hoạt, mà còn có những khối lớn tinh hoa ngũ hành từ đó xuất lộ liên tục các hình dáng, để rồi các hình dáng ấy lại biến mất vào đó. Tinh hoa ngũ hành tồn tại theo hàng trăm biến thể trên mỗi cảnh, dường như thể không khí mà ta nhìn thấy thường xuyên chuyển động dợn sóng với những màu sắc thay đổi như xà cừ. Các dòng tư tưởng liên tục lướt qua vật chất trung giới, các tư tưởng mạnh mẽ dai dẳng đóng vai trò các thực thể trong một thời gian dài, các tư tưởng yếu ớt khoắc lẩy tinh hoa ngũ hành rồi lại chập chờn rũ bỏ nó.

Ta đã thấy rằng vật chất trung giới tồn tại theo bảy cấp tinh vi, tương ứng với bảy mức độ trên cõi trần là chất đặc, chất lỏng, chất hơi v.v... Mỗi một trong bảy cấp độ vật chất này là cơ sở của một trong bảy lớp, mức tế phân hoặc cảnh (chúng được gọi khác nhau như vậy) của cõi trung giới.

Người ta thường nói tới bảy mức xếp chồng lên nhau, mức thô nhất xếp dưới đáy, còn mức tinh vi nhất xếp trên ngọn: và trong nhiều sơ đồ thì người ta thực sự vẽ chúng theo kiểu này. Trong phương pháp biểu diễn ấy có một cơ sở sự thật nhưng không phải là toàn bộ sự thật.

Vật chất của mỗi cảnh lồng vào vật chất của cảnh bên dưới nó; vì vậy ở trên mặt đất, tất cả bảy cảnh đều cùng nhau tồn tại ở cùng một vùng không gian. Tuy nhiên cũng đúng thật là các cảnh cao của cõi trung giới mở rộng thêm nữa ra khỏi cõi hồng trần của quả đất so với các cảnh thấp hơn.

Một sự tương tự rất khít khao trong mối quan hệ giữa các cảnh trong cõi trung giới cũng tồn tại trên cõi hồng trần. Chất lỏng đan xen vào chất đặc trong một chừng mực đáng kể, nghĩa là ta thấy nước có trong lòng đất, chất hơi thâm nhập vào chất lỏng (nước thường chứa một khối lượng không khí đáng kể) và v.v... Tuy nhiên, quả thật đúng là khối vật chất thể lỏng của trái đất phần lớn nằm nơi biển cả, sông ngòi v.v... bên trên thể đặc của trái đất. Cũng giống như vậy, đại khối vật chất thuộc thể hơi nằm bên trên mặt nước và tiến sâu vào trong không gian nhiều hơn cả chất đặc hoặc chất lỏng.

Đối với vật chất trung giới thì cũng như vậy. Cho đến nay khối tập hợp thô trực nhất của chất trung giới nằm bên trong giới hạn của quả cầu vật lý. Về phương diện này ta nên lưu ý rằng vật chất trung giới tuân theo những định luật tổng quát giống như vật chất hồng trần và chịu hấp lực hướng về tâm quả đất.

Cảnh thứ bảy tức cảnh thấp nhất của cõi trung giới xuyên thấu đến một khoảng cách nào đó vào phía bên trong trái đất, sao cho các thực thể sống trên đó có thể thấy mình thật sự ở bên trong vỏ trái đất.

Cảnh thứ sáu phần nào trùng với bề mặt trái đất.

Cảnh thứ ba mà các nhà Thần linh học gọi là “Thế giới trường hạ”, trải dài nhiều dặm lên phía trên bầu khí quyển.

Giới hạn ngoài cùng của cõi Trung giới mở rộng gần tới mức khoảng cách trung bình quỹ đạo của mặt trăng, sao cho ở điểm cận địa, cõi trung giới của trái đất và cõi trung giới của mặt trăng thường tiếp xúc với nhau nhưng chúng không tiếp xúc với nhau ở điểm viễn địa. (Chú ý: trái đất và mặt trăng hầu như cách nhau 240.000 dặm). Vì thế cho nên người Hi Lạp mới gọi nó là cõi tinh tú tức cõi dưới mặt trăng. Suy ra rằng vào những lúc nào đó trong một tháng, người ta có thể giao tiếp với mặt trăng qua cõi trung giới, nhưng vào lúc khác thì

không được. Thật vậy, có một trường hợp được ghi chép lại, theo đó một người xuất vĩa lên mặt trăng nhưng phải chờ cho đến khi giao thông được tái lập trở lại khi vệ tinh của trái đất lại đến gần hành tinh thì y mới tìm đường về trái đất được.

Bảy cảnh tự nhiên là chia thành ba nhóm, (a) cảnh thứ bảy tức cảnh thấp nhất, (b) cảnh thứ sáu, thứ năm và thứ tư, (c) cảnh thứ ba, thứ nhì và thứ nhất. Sự khác nhau giữa các thành viên thuộc cùng một nhóm có thể được so sánh với sự khác nhau giữa hai chất rắn, chẳng hạn như thép và cát, sự khác nhau giữa các nhóm có thể được so sánh với sự khác nhau giữa chất đặc và chất lỏng.

Cảnh thứ bảy có bối cảnh là cõi hồng trần, mặc dù người ta chỉ thấy một cách méo mó và riêng phần bởi vì người ta dường như không nhìn thấy mọi điều tươi sáng và tốt đẹp. Cách đây 4000 năm, Thầy ký Ani đã miêu tả nó trong một quyển sách giấy cuộn của Ai Cập như sau: “Cái nơi chốn mà tôi đến đây là nơi nào vậy? Nó chẳng có nước, chẳng có không khí; nó sâu hút khôn dò; nó tối đen như đêm ba mươi, và người ta quờ quạng lang thang trong đó; nơi đây người ta không thể sống mà tâm hồn được thanh thản”.

Đối với con người bất hạnh ở mức ấy, quả thật đúng là “trộn cả trần thế đều đầy trần cư dân độc ác và hắc ám”, nhưng đó là sự hắc ám tỏa ra từ chính bên trong y và khiến cho kiếp sống của y phải trải qua trong một đêm đen dài dằng dặc đầy điều khủng khiếp và gian ác – quả thật là địa ngục, mặc dù cũng như mọi địa ngục khác, nó hoàn toàn do chính con người tạo ra.

Hầu hết, học viên thấy việc khảo cứu phân bộ này là việc cực kỳ khó chịu, bởi vì dường như có một ý thức trọng trọc và vật chất thô kệch lớn vồn đầu đây, ghê tởm không thể mô tả được đối với thể vĩa đã được giải thoát, gây cho nó cảm giác phải vạch đường đi qua một lưu chất đặc sệt đen ngòm, trong khi các cư dân và ảnh hưởng mà ta gặp ở đó cũng thường là vô cùng bất hảo.

Kẻ đứng dẫn thông thường có lẽ chẳng hề bị giam giữ nơi cảnh thứ bảy, chỉ kẻ nào bình thường thức tỉnh về tâm thức trên cảnh này là những kẻ có ham muốn thô tục và tàn bạo: kẻ nghiện rượu, kẻ ham mê ngũ dục, kẻ gây tội ác bạo hành v.v. . .

Các cảnh thứ sáu, năm và bốn có bối cảnh là cõi hồng trần mà chúng ta quen thuộc. Sinh hoạt trên cảnh thứ sáu giống như sinh hoạt bình thường trên cõi hồng trần, ngoại trừ không có thể xác và những nhu cầu thiết yếu của thể xác. Các cảnh thứ năm và bốn có tính cách ít vật chất hơn và xa lìa hạ giới cùng với những điều thú vị của nó.

Cũng như trong trường hợp cõi trần, vật chất thô nhất của cõi trung giới quá thô trọc đối với các dạng sinh linh bình thường trên cõi trung giới, nhưng cõi trung giới có các dạng sinh linh khác của riêng mình mà những học viên nghiên cứu phớt qua hoàn toàn không biết.

Trên các cảnh thứ năm và bốn, những sự liên hệ thuần túy trần tục có vẻ càng ngày càng ít quan trọng, và thiên hạ ở đó càng ngày càng có khuynh hướng uốn nắn môi trường xung quanh mình phù hợp với những tư tưởng dai dẳng hơn của mình.

Các cảnh thứ ba, thứ nhì và thứ nhất, mặc dù chiếm cùng một chỗ trong không gian nhưng tạo cho ta ấn tượng còn xa rời hơn nữa đối với cõi hồng trần và tương ứng với nó có tính cách ít vật chất hơn. Ở những mức này, các thực thể quên mất trần thế và những sự việc trần tục; họ thường đắm chìm sâu sắc vào thế giới của riêng mình và phần lớn là tạo ra môi trường xung quanh của chính mình, mặc dù chúng có đầy đủ mức độ ngoại giới để cho các thực thể khác nhận thức được.

Như vậy họ ít tinh thức với những thực tại trên cõi trung giới, mà thay vào đó lại sống trong những thị trấn tưởng tượng của chính mình, một phần hoàn toàn do tư tưởng của chính họ tạo ra, một phần do kế thừa và thêm thắt vào những cấu trúc đã được tiền nhân sáng tạo.

Ở đây ta cũng thấy có những vùng đất để sẵn thú rất vui thích của người da đỏ, Valhalla của người Bắc Âu, thiên đường đầy dẫy các tiên nữ của tín đồ Hồi giáo, Tân Jerusalem có công bằng vàng và ngọc quý của Ki Tô hữu, thiên đường đầy dẫy các giảng đường của các nhà cải cách duy vật. Ở đây ta cũng thấy “Thế giới trường hạ” của các nhà Thần linh học, trong đó có tồn tại những căn nhà, những trường học, những đô thị v.v. . . chúng có tính chất thực trong một thời gian nào đó đương thời, đối với người có tầm nhìn sáng suốt hơn thì đôi khi chẳng giống gì cả, thật là đáng thương so với những người sáng tạo thích thú giả định rằng chúng được như thế. Tuy nhiên, nhiều điều sáng tạo có tính có thực mặc dù chỉ đẹp tạm bợ, và một khách tham quan chẳng biết gì về điều cao siêu hơn có thể tự mãn đi dạo khắp phong cảnh thiên nhiên phô bày ra, mà dù sao đi nữa cũng cao siêu hơn nhiều so với bất cứ thứ gì trên cõi trần; hoặc cố nhiên y muốn kiến tạo phong cảnh của mình để thích ứng với những điều hoang tưởng của riêng mình.

Cảnh thứ nhì đặc biệt là nơi cư trú của nhà tôn giáo ích kỷ hoặc thiếu tính linh. Ở đây y đội vương miện bằng vàng và tôn thờ sự biểu diễn duy vật thô thiển của chính mình về đáng thiêng liêng đặc thù đối với xứ sở và thời đại của mình.

Cảnh thứ nhất đặc biệt thích hợp với những kẻ nào trong khi sinh hoạt trên trần thế hiển mình cho những đeo đuổi trí thức mang tính duy vật, theo đuổi chúng không phải vì ích lợi cho đồng loại, mà hoặc là vì động cơ thúc đẩy mang tính tham vọng ích kỷ hoặc chỉ vì ích lợi là rèn luyện trí năng. Những người như thế có thể ở lại trên cảnh này trong nhiều năm, sung sướng thể hiện ra giải quyết những bài toán về trí năng của mình nhưng không mang lại ích lợi cho bất cứ ai và chẳng tiến bộ được bao nhiêu trên con đường tiến về cõi thiên đường.

Trên cảnh nguyên tử này, người ta không tự mình xây dựng những quan niệm tưởng tượng như ở các cảnh thấp hơn. Các nhà tư tưởng và các khoa học gia thường sử dụng cho mục đích nghiên cứu của mình hầu hết mọi quyền năng của trọn cả cõi trung giới, vì họ có thể đi xuống hầu như tới tận cõi hồng trần dọc theo một vài đường lối hạn hẹp. Thế là họ có thể sà xuống âm bản trên cõi trung giới của một quyển sách trên cõi trần rồi rút ra từ đó thông tin mà mình đang cần. Họ dễ dàng tiếp xúc với cái trí của một tác giả, dùng ý tưởng của mình gây ấn tượng lên tác giả, rồi nhận trở lại ý tưởng của tác giả. Đôi khi họ làm trì hoãn nghiêm trọng việc mình ra đi nhập vào cõi thiên đường do tham lam theo đuổi những đường lối nghiên cứu và thực nghiệm trên cõi trung giới.

Mặc dù ta nói tới vật chất trung giới là thể đặc, nhưng nó *thật ra* chưa bao giờ đặc mà chỉ tương đối đặc thôi. Một trong những lý do khiến cho những nhà luyện kim đan thời trung cổ trình bày vật chất trung giới qua biểu tượng nước chính là vì nó có tính chất lưu động và dễ thâm nhập. Các hạt trong chất trung giới thô nhất cách xa nhau tương đối theo cách thức tương đối của chúng hơn cả hạt chất khí. Vì thế cho nên hai thể vía thô trực nhất cũng dễ dàng đi xuyên qua nhau hơn mức chất khí nhẹ nhất khuếch tán trong không khí.

Con người trên cõi trung giới có thể và dứt khoát đi xuyên qua nhau thường xuyên, đi xuyên qua những vật cố định trên cõi trung giới. Không bao giờ có thể có một điều gì giống như điều được ngụ ý là sự va chạm và trong tình huống bình thường thì hai vật thể lồng vào nhau thậm chí cũng chẳng ảnh hưởng bao nhiêu tới nhau. Tuy nhiên, nếu sự lồng vào nhau

tồn tại trong một thời gian, chẳng hạn như hai người ngồi sát cạnh nhau trong nhà thờ hoặc rạp hát, thì một tác dụng đáng kể có thể được tạo ra.

Nếu con người *nghĩ* rằng trái núi là một chướng ngại vật thì y không thể đi ngang qua nó. Học biết được rằng nó không phải là chướng ngại vật chính là mục đích của một bộ phận gọi là “sự trải nghiệm trên trần thế”.

Một vụ nổ trên cõi trung giới có thể nhất thời tai hại như vụ nổ thuốc súng trên cõi hồng trần, nhưng các mảnh vụn trên cõi trung giới ắt nhanh chóng tụ tập lại. Vì vậy không thể có tai nạn trên cõi trung giới theo nghĩa mà ta hiểu từ ngữ này, bởi vì thể vía vốn linh động cho nên không thể bị tiêu diệt hoặc tổn thương mãi mãi giống như thể xác.

Ta có thể di chuyển một vật thuần túy bằng chất trung giới nhờ vào một bàn tay bằng chất trung giới nếu ta muốn, nhưng ta không thể di chuyển được âm bản của một vật trên cõi trần. Để di chuyển được một âm bản thì ta cần phải hiện hình ra một bàn tay làm cho vật ấy di chuyển thì dĩ nhiên âm bản cũng đi theo vật ấy. Âm bản ở đâu bởi vì vật trên cõi trần ở đó, cũng giống như mùi thơm của một hoa hồng tỏa ngát căn phòng bởi vì hoa hồng ở đó. Người ta không thể di chuyển một vật trên cõi trần bằng cách làm di chuyển âm bản của nó cũng giống như người ta không thể di chuyển đóa hoa hồng bằng cách làm chuyển động mùi thơm của nó.

Trên cõi trung giới, người ta chẳng bao giờ chạm được vào bề mặt của bất cứ thứ gì để cảm thấy nó là cứng hay mềm, thô nhám hay trơn nhẵn, lạnh hay nóng; nhưng người ta tiếp xúc chất liệu thấu suốt nó thì ý thức được nhịp độ rung động khác, mà dĩ nhiên có thể dễ chịu hay khó chịu, gây kích thích hoặc gây buồn nản.

Vậy là nếu người ta đứng trên mặt đất thì một phần của thể vía xuyên thấu lòng vào đất dưới chơn mình; nhưng thể vía ắt không có ý thức về sự kiện ấy qua bất cứ thứ gì tương ứng với cảm giác cứng rắn hoặc bất cứ sự khác nhau nào về quyền năng vận động.

Trên cõi trung giới, người ta không có ý thức nhảy qua một vực sâu mà chỉ trôi nổi bên trên nó.

Mặc dù ánh sáng của mọi cõi đều xuất phát từ mặt trời, thế nhưng tác dụng mà nó tạo ra nơi cõi trung giới khác hẳn tác dụng trên cõi trần. Nơi cõi trung giới có một sự tỏa sáng bằng bạc, không rõ rệt xuất phát từ bất kỳ hướng đặc biệt nào. Mọi chất trung giới bản thân nó đều chói sáng, mặc dù thể vía không giống như một hình cầu được sơn lên mà đúng hơn là một hình cầu lửa linh hoạt. Tuy nhiên trên cõi trung giới nó không bao giờ tối đen. Việc một đám mây trên cõi trần đi qua trước mặt trời không gây ra bất kỳ sự khác nhau nào trên cõi trung giới; dĩ nhiên bóng của trái đất mà ta gọi là đêm đen cũng có tính cách ấy. Vì các thể vía là trong suốt cho nên không có bóng.

Tình hình khí hậu và thời tiết thật ra không có gì khác nhau khi ta làm việc trên cõi trung giới và cõi trí tuệ. Nhưng sống ở một thành phố lớn lại tạo ra khác nhau nhiều, vì có những khối hình tư tưởng.

Trên cõi trung giới có nhiều dòng chảy với khuynh hướng mang đi những người thiếu ý chí và ngay cả những người có ý chí nhưng không biết cách sử dụng nó.

Trên cõi trung giới không có chuyện đi ngủ.

Trên cõi trung giới ta cũng có thể quên giống như trên cõi trần. Thậm chí trên cõi trung giới có thể dễ quên hơn trên cõi trần, bởi vì cõi ấy rất bận rộn và đông dân xiết bao.

Biết một người trên cõi trung giới không nhất thiết là biết về y trên cõi trần.

Cõi trung giới thường được gọi là cõi hãm huyền – chẳng phải vì bản thân nó mang tính hãm huyền hơn cõi hồng trần, mà vì những ấn tượng do những người thấu thị không lão luyện mang về từ cõi trung giới hết sức không đáng tin cậy. Ta có thể giải thích điều này



chủ yếu do hai đặc tính nổi bật của cõi trung giới: (1)- nhiều cư dân có khả năng kỳ diệu thay đổi hình dạng như chớp và cũng làm mà mắt thực tế là vô hạn đối với kẻ nào họ muốn đùa giỡn chơi, và (2)- thần nhãn trên cõi trung giới rất khác và mở rộng hơn nhiều so với tầm nhìn trên cõi trần.

Vậy là do thần nhãn trung giới có thể nói là thấy một vật từ mọi phía cùng một lúc, mọi hạt bên trong một vật rắn chắc cũng mở ra rõ rệt trước tầm nhìn của người ấy giống như những hạt ở bên ngoài và mọi thứ hoàn toàn không bị méo mó do phối cảnh.

Nếu ta dùng thần nhãn nhìn vào một cái đồng hồ đeo tay, thì ta ắt thấy mặt đồng hồ và mọi bánh xe nằm riêng rẽ, chứ không hề bánh xe này nằm chồng lên bánh xe kia. Khi nhìn vào một quyển sách khép kín ta ắt thấy từng trang một, không phải xuyên qua mọi trang khác phía trước hoặc phía sau nó, mà nhìn thẳng vào nó dường như thể đó là trang duy nhất mà ta nhìn thấy.

Ta dễ dàng hiểu được rằng trong tình huống như vậy, ngay cả những vật quen thuộc nhất thoát đầu cũng có thể là hoàn toàn không thể nhận diện được, và một khách tham quan thiếu kinh nghiệm có thể gặp khó khăn vô vàn trong việc tìm hiểu điều mình thật sự nhìn thấy, và còn khó khăn hơn nữa khi chuyển dịch tầm nhìn của mình thành ra ngôn ngữ rất bất cập của lời nói bình thường. Thế nhưng ta chỉ ngẫm nghĩ một chút thì cũng thấy rằng nhìn bằng thần nhãn giống hơn nhiều đối với nhận thức chân thực, hơn hẳn nhìn bằng mắt phàm vốn phải chịu những sự méo mó do phối cảnh.

Ngoài những nguồn sai lầm khả hữu nêu trên, vấn đề còn phức tạp hơn nữa do sự kiện thần nhãn trung giới nhận biết được những dạng vật chất trong khi vẫn thuần túy thuộc cõi hồng trần thì lại không nhìn thấy được trong tình huống thông thường. Chẳng hạn như đó là cái hạt cấu tạo thành bầu khí quyển, mọi sự phóng phát liên tục bắn ra do mọi vật có sự sống, cũng như là bốn cấp chất dĩ thái.

Hơn nữa, thần nhãn cõi trung giới tiết lộ cho ta thấy những màu sắc khác và những màu khác hẳn vượt ngoài tầm giới hạn quang phổ bình thường thấy được, các tia hồng ngoại và tử ngoại mà khoa học vật lý thấy được thì thần nhãn trung giới nhìn thấy rất rõ ràng.

Vậy là ta hãy xét một ví dụ cụ thể, một tảng đá nhìn bằng thần nhãn trung giới không chỉ là khối đá trơ trơ ra đó. Nhờ vào thần nhãn trung giới, ta thấy được, (1)- trọn cả vật chất thuộc cõi trần, thay vì chỉ một phần rất nhỏ vật chất thuộc cõi trần, (2)- những rung động của các hạt trên cõi trần cũng có thể nhận thức được, (3)- ta thấy được âm bản bao gồm đủ cấp vật chất trung giới, tất cả đều thường xuyên chuyển động, (4)- ta thấy sự sống đại đồng vũ trụ (prāna) chu lưu qua nó và từ nó xạ ra, (5)- ta ắt thấy được một vùng hào quang bao quanh nó, (6)- ta thấy được tinh hoa ngũ hành thích hợp với nó đan lồng vào nó hằng hoạt động và hằng dao động. Trong trường hợp các giới thực vật, động vật và nhân loại thì dĩ nhiên còn nhiều phức tạp hơn nữa.

Một ví dụ điển hình về loại nhầm lẫn rất có thể xảy ra trên cõi trung giới là việc thường xuyên đảo ngược bất cứ con số nào mà nhà thấu thị phải ghi lại sao cho y có thể đọc chẳng hạn như 139 thành 931 v.v. . . Trong trường hợp một học viên huyền bí học được một Chơn sư tài ba rèn luyện thì không thể mắc phải lỗi ấy, trừ phi y quá hấp tấp hoặc cầu thả, bởi vì học trò phải trải qua một khóa huấn luyện với nhiều chủ đề về cái thuật nhìn cho chính xác này. Một nhà thấu thị lão luyện sớm muộn gì cũng đạt được mức chắc chắn và đáng tin cậy khi xử trí các hiện tượng trên cõi trung giới vượt xa bất cứ thứ gì có thể đạt được trong sinh hoạt cõi trần.

Thật là một quan điểm hoàn toàn sai lầm khi nói tới cõi trung giới một cách khinh thường và nghĩ rằng nó chẳng đáng cho ta chú ý. Cố nhiên nó chắc chắn là tai hại cho bất cứ

học viên nào lơ là sự phát triển cao siêu hơn, và tự mãn với việc đạt được ý thức trên cõi trung giới. Trong một số trường hợp, ta quả thật có thể phát triển được trước tiên năng khiếu trí tuệ cao siêu hơn, có thể nói là nhất thời bỏ qua cõi trung giới. Nhưng đây không phải là phương pháp thông thường mà các Chơn sư Minh triết chọn dùng cho các đệ tử. Đối với hầu hết mọi người thì không thể thực hành việc tiến bộ bằng cách nhảy vọt, vì vậy cần phải chậm chậm tiến từ bước một.

Trong quyển *Tiếng Nói Vô Thinh* có đề cập tới ba phòng: phòng thứ nhất tức Phòng Vô minh trên cõi hồng trần, phòng thứ nhì tức Phòng Học tập trên cõi trung giới, ta gọi nó như thế bởi vì việc khai mở các luân xa thể vía tiết lộ nhiều điều hơn hẳn so với những thứ nhìn thấy được trên cõi hồng trần, mà con người cảm thấy y tiến gần hơn tới thực tại của sự vật, tuy nhiên nó vẫn còn là nơi chôn của việc học tập sự. Ta còn đạt được kiến thức chân thực và xác định hơn nữa trong Phòng Minh triết vốn là cõi trí tuệ.

Một bộ phận quan trọng của phong cảnh trên trung giới bao gồm cái mà ta thường gọi (mặc dù sai lầm) là các Ký ảnh của Tinh tú quang. Những ký ảnh này (vốn thực ra là một loại hiện hình của ký ức Thượng Đế - một biểu diễn sống động bằng phim ảnh của tất cả những gì đã từng xảy ra) quả thật được ghi khắc thường trụ trên một cảnh còn cao hơn nhiều, nó chỉ phản ánh một cách ít nhiều đứt quãng trên cõi trung giới; sao cho một người có tầm nhìn không vượt lên trên được cõi trung giới rất có thể chỉ thu được những hình ảnh năm thì mười họa và rời rạc về quá khứ thay vì là một bản tường trình mạch lạc. Tuy nhiên, những hình ảnh phản chiếu đủ thứ biến cố trong quá khứ đều thường xuyên được mô phỏng lại trên cõi trung giới, và tạo thành một bộ phận quan trọng của môi trường xung quanh người nghiên cứu trên đó.

Sự giao tiếp trên cõi trung giới bị giới hạn do kiến thức của thực thể giao tiếp cũng giống như trên cõi hồng trần. Một người có thể sử dụng thể trí truyền tư tưởng cho những thực thể nhân loại nơi đó dễ dàng và nhanh hơn trên trần thế, nhờ vào những ấn tượng trên cõi trí tuệ; tuy nhiên cư dân thông thường trên cõi trung giới thường không thể vận dụng khả năng này, họ có vẻ bị hạn chế bởi những giới hạn giống như các giới hạn thịnh hành trên trần thế, mặc dù có lẽ ít cứng nhắc hơn. Do đó (như ta có nói trước kia) ta thấy họ tụ tập lại ở đây thành từng nhóm, kết bè kết đảng với nhau do có chung sự đồng cảm, niềm tin và ngôn ngữ.

## **CHƯƠNG XVII**

### **CÁC HIỆN TƯỢNG LINH TINH TRÊN CÔI TRUNG GIỚI**

Ta có lý do để giả định rằng chẳng bao lâu nữa, một số ứng dụng của một hoặc hai lực siêu hồng trần có thể được thế giới nói chung biết đến. Kinh nghiệm chung nơi các buổi lên đồng của thần linh học là việc sử dụng lực thực tế là vô địch, chẳng hạn như ngay tức khắc làm chuyển động những trọng lượng khổng lồ v.v... Có nhiều cách để ta có thể tạo ra những kết quả như thế. Ta có thể nói bóng gió về bốn loại lực này.

(1)– Có những dòng dĩ thái lớn trên mặt đất chạy từ cực này sang cực kia với lưu lượng khiến cho năng lực ấy là vô địch chẳng khác nào triều cường và có những phương pháp giúp ta có thể sử dụng lực ghê gớm ấy một cách an toàn mặc dù những toan tính vụng về nhằm kiểm soát nó đều đầy đầy nguy cơ lớn nhất.

(2)– Có một *áp lực dĩ thái* tương ứng ít nhiều với mặc dù vô cùng lớn hơn áp lực của bầu khí quyển. Huyền bí học thực hành dạy cho ta biết cách cô lập một vật thể cho sẵn bằng

chất dĩ thái ra khỏi khối dĩ thái còn lại sao cho lực ghê gớm là áp lực dĩ thái có thể bước vào tác động.

(3)– Có một kho chứa lớn *thế năng* vẫn còn ngủ yên nơi vật chất trong khi tiến hóa chiều đi xuống từ tinh vi trở thành thô trực; khi biến đổi trạng thái của vật chất ta có thể giải phóng và sử dụng được một phần thế năng này khá giống như ta có thể phóng thích năng lượng dưới dạng ẩn nhiệt bằng cách thay đổi trạng thái của vật chất hữu hình.

(4)– Ta có thể tạo ra nhiều kết quả bằng cái gọi là *rung động đồng cảm*. Khi ta trỗi lên nốt chủ âm của lớp vật chất mà ta muốn ảnh hưởng tới nó thì ta có thể khơi dậy vô số rung động đồng cảm. Khi ta thực hiện điều này trên cõi trần nghĩa là trỗi lên một nốt nhạc nơi một hạc cầm và làm cảm ứng các hạc cầm khác chĩnh hợp thành hòa âm đáp ứng đồng cảm thì ta vẫn không triển khai được thêm năng lượng nào cả. Nhưng trên cõi trung giới vật chất ít trợ trợ hơn nhiều cho nên khi được rung động đồng cảm khơi hoạt nó góp thêm lực sống động của riêng mình vào xung lực nguyên thủy, thế là nó có thể được nhân bội nhiều lần bằng cách lập lại nhịp nhàng hơn nữa xung lực nguyên thủy, ta có thể tăng cường các rung động đến mức kết quả đạt được vượt ngoài tỉ lệ biểu kiến so với nguyên nhân. Dường như không có bất kỳ giới hạn nào về những thành tựu của lực này mà ta quan niệm mỗi khi nó được vận dụng bởi một đại cao đồ hoàn toàn hiểu được khả năng của nó; đó là vì chính việc xây dựng vũ trụ chẳng qua chỉ là kết quả của những rung động do Ngôi Lời được thốt ra.

Lớp thần chú hoặc bùa tạo ra kết quả không phải bằng cách kiểm soát một tinh linh nào đó mà chỉ bằng cách lập lại một vài âm thanh, cũng có hiệu lực tùy thuộc vào tác động của rung động đồng cảm này.

Ta cũng có thể tạo ra hiện tượng *phân rã* do tác động của những rung động cực nhanh thắng lướt được lực cố kết của các phân tử thuộc vật thể mà ta tác động lên đó. Một rung động còn cao hơn nữa thuộc một loại hơi khác một chút ắt phân ly được các phân tử này thành ra những nguyên tử cấu tạo thành phân tử. Một vật thể bị rút gọn về trạng thái dĩ thái như vậy có thể được di chuyển từ nơi này sang nơi khác một cách rất nhanh chóng và khi lực tác động bị rút lại thì áp lực dĩ thái buộc nó phải trở lại trạng thái nguyên thủy.

Ta cần phải giải thích hình dáng của một vật được bảo toàn như thế nào khi nó bị phân rã rồi tái hiện hình. Chẳng hạn như nếu một chìa khóa bằng kim loại được nâng lên trạng thái thể hơi do nhiệt thì khi nhiệt bị rút lại thì kim loại sẽ đông cứng nhưng thay vì là một chìa khóa, nó sẽ chỉ còn là một khối kim loại, điều này có lý do là vì tinh hoa ngũ hành làm linh động chìa khóa ắt bị xua tan do sự biến đổi tình trạng của chìa khóa; chẳng phải tinh hoa ngũ hành chịu ảnh hưởng của nhiệt mà vì khi cơ thể tạm bợ của nó dưới dạng chất rắn bị tiêu diệt thì tinh hoa ngũ hành bị dốc ra trả lại kho chứa tinh hoa ngũ hành cũng giống như các nguyên khí cao của con người mặc dù hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của nóng hay lạnh, thế nhưng vẫn bị trục xuất ra khỏi thể xác khi thể xác bị tiêu diệt.

Vì vậy, khi kim loại trong chìa khóa nguội lại trở thành tình trạng chất rắn thì tinh hoa ngũ hành “đất” tuôn đổ trở lại vào nó không còn giống như tinh hoa ngũ hành mà nó chứa đựng trước kia; do đó chẳng có lý do gì để giữ lại hình dáng chiếc chìa khóa.

Nhưng một người phân rã chìa khóa để di chuyển nó từ nơi này sang nơi khác ắt phải cẩn thận giữ cho tinh hoa ngũ hành có hình dáng chính xác giống như vậy cho đến khi sự chuyển di đã hoàn tất; lúc bấy giờ khi y rút lại lực ý chí thì tinh hoa ngũ hành đóng vai trò một cái khuôn để cho các hạt đang đông rắn lại tuôn đổ vào đó hoặc nói cho đúng hơn để cho các hạt tái kết tập lại xung quanh cái khuôn. Như vậy nếu khả năng định trí của người thao tác không thất bại thì hình dáng sẽ được bảo toàn chính xác.

*Những sự di chuyển* hoặc mang các vật hầu như tức khắc từ khoảng cách rất xa tới nơi có buổi *lên đồng*, thần linh học đôi khi được tạo ra bằng cách này bởi vì hiển nhiên là khi tan rã chúng có thể hoàn toàn dễ dàng đi xuyên qua bất kỳ chất rắn nào chẳng hạn như tường nhà hoặc cạnh của một cái hộp khóa kín. Như vậy khi ta hiểu rồi thì việc vật chất đi xuyên qua vật chất cũng đơn giản như việc nước đi xuyên qua cái rây hoặc chất hơi đi xuyên qua chất lỏng.

*Sự hiện hình* tức sự biến đổi một vật từ thể dĩ thái sang thể đặc có thể được tạo ra bằng cách đảo ngược quá trình nêu trên. Trong trường hợp này, ta cũng cần có nỗ lực ý chí liên tục để ngăn cản vật chất hiện hình ra khỏi trở lại thể dĩ thái. Đủ loại hiện hình sẽ được miêu tả ở Chương 28 bàn về *Những người phò trợ vô hình*.

Những rối loạn điện thuộc bất kỳ loại nào cũng gây khó khăn cho cả sự hiện hình lẫn sự phân rã, giả sử cũng vì lý do là ánh sáng chói làm cho hầu như không thể thực hiện được, đó là tác dụng phá hoại của rung động mạnh.

*Sự tái nhân bản* được tạo ra bằng cách tạo ra một hình ảnh trí tuệ hoàn chỉnh về vật thể cần được sao chép rồi thu thập xung quanh cái khuôn ấy vật chất cần thiết thuộc cõi trung giới và cõi trần. Muốn hoàn thành hiện tượng này thì cần một lượng đáng kể về quyền năng định trí bởi vì mọi hạt bên trong cũng như bên ngoài vật thể cần được nhân đôi phải được duy trì chính xác trong tầm nhìn cùng một lúc. Một người không thể trích ra vật chất cần thiết trực tiếp từ chất dĩ thái xung quanh đôi khi có thể vay mượn nó từ vật liệu của đồ đặc nguyên thủy, lúc bấy giờ đồ đặc ấy sẽ bị giảm trọng lượng tương ứng.

*Sự phóng hiện* các bức thư v.v... có thể được tạo ra bằng nhiều cách. Một cao đồ có thể đặt một tờ giấy trước mặt mình, tạo ra một hình ảnh trong trí về bài viết mà ngài muốn xuất hiện trên đó rồi rút ra từ chất dĩ thái loại vật chất để làm hiện hình hình ảnh ấy. Hoặc ngài cũng có thể dễ dàng tạo ra kết quả giống như vậy trên một tờ giấy để trước mặt người liên lạc thư tín với mình bất chấp khoảng cách giữa đôi bên.

Một phương pháp thứ ba nhanh hơn và do đó thường được chọn dùng nhiều hơn là ghi khắc toàn bộ nội dung của bức thư vào tâm trí của một học trò nào đó rồi để cho y làm công việc máy móc là phóng hiện. Bấy giờ đệ tử tưởng tượng là mình nhìn thấy bức thư được viết trên giấy mà Sư phụ cầm trên tay rồi phóng hiện bản văn ấy như vừa được miêu tả. Nếu y thấy khó rút ra được vật liệu từ chất dĩ thái rồi đồng thời phóng hiện bản văn lên trên giấy thì y có thể đặt sẵn mực hoặc bột màu ngay trong tầm tay để có thể rút ra dễ dàng hơn.

Cũng dễ dàng bắt chước chữ viết tay của người này cũng như người khác cho nên bằng phương tiện thông thường ta không thể dò ra sự giả mạo được thực hiện theo kiểu này. Một đệ tử Chơn sư có cách trắc nghiệm không thể sai lầm mà y có thể ứng dụng, nhưng đối với những người khác thì bằng chứng về nguồn gốc phải hoàn toàn ở nơi nội dung của bức thư và cái thần thoát ra từ đó vì chữ viết tay cho dù được bắt chước khéo léo đến đâu đi nữa thì cũng là bằng chứng vô giá trị. Một đệ tử mới làm việc ấy có lẽ chỉ có thể hình dung được trọn cả một trang hoặc thậm chí toàn thể lá thư ngay một lúc. Bằng cách này những bức thư rất dài đôi khi được tạo ra chỉ trong vòng vài giây tại buổi *lên đồng* của thần linh học.

Những bức tranh cũng được phóng hiện bằng cách như thế ngoại trừ việc ở đây ta cần hình dung toàn thể phong cảnh ngay một lúc và nếu ta cần nhiều màu sắc thì chúng phải được chế tạo ra, giữ cho cách ly rồi áp sát vào bức tranh chính xác. Hiển nhiên ở đây năng khiếu nghệ sĩ cũng có nhiều phạm vi ứng dụng và những kẻ nào có kinh nghiệm làm họa sĩ ắt thành công hơn những kẻ chưa có kinh nghiệm ấy.



*Việc viết trên bảng* đôi khi được tạo ra bằng sự phóng hiện mặc dù thường thường những điểm nhỏ xíu các bàn tay của tinh linh được hiện hình ra vừa đủ để nắm lấy mẫu bút chì.

*Sự khinh thân* nghĩa là cơ thể con người trôi nổi trong không trung thường được thực hiện tại những buổi lên đồng nhờ vào những bàn tay tinh linh nâng đỡ cơ thể người đồng cốt. Nó cũng có thể được thành tựu nhờ vào sự trợ giúp của các tinh linh phong và thủy. Tuy nhiên, ở phương Đông luôn luôn có và ở đây đôi khi ta cũng có sử dụng một phương pháp khác. Khoa học huyền bí có biết tới một phương pháp hóa giải hoặc thậm chí đảo ngược lực hấp dẫn mà thực ra có bản chất từ tính, nhờ vậy ta có thể dễ dàng thực hiện sự khinh thân. Chắc chắn phương pháp này được dùng để nâng một số phi thuyền lên cao thời cổ Ấn độ và Châu Atlantis, có lẽ là một phương pháp tương tự đã được sử dụng để xây dựng ở Kim tự tháp và đá ở Stonehenge.

Sự khinh thân cũng xảy ra đối với một số đạo sĩ ẩn dật ở Ấn độ và một số vị Thánh vĩ đại nhất Kitô giáo trong khi tham thiền sâu đã được nâng lên khỏi mặt đất như vậy chẳng hạn như Thánh Teresa và Thánh Joseph ở Cupertino.

Vì ánh sáng bao gồm những rung động của chất ether cho nên rõ ràng là bất cứ ai hiểu được cách dựng nên những rung động này có thể tạo ra các *ánh sáng của vong linh* hoặc là loại phát lân quang vừa phải hoặc loại ánh sáng điện chói mắt hay những quả cầu ánh sáng nhảy múa mà một loại hỏa tinh linh nào đó dễ dàng biến mình thành chúng.

Thành tích xử trí được lửa mà không bị thương tổn có thể được thực hiện bằng cách bao phủ bàn tay bởi một lớp chất dĩ thái mỏng nhất đã được điều chế sao cho nhiệt không truyền qua được. Cũng có những cách khác có thể thực hiện được như vậy.

*Việc tạo ra lửa* cũng nằm trong phạm vi năng lực của cõi trung giới giống như việc hóa giải tác dụng của lửa. Dường như ít nhất có ba cách để làm như thế; (1) – phát khởi và duy trì nhịp độ rung động cần thiết khi sự cháy tiếp theo sau nó; (2) – dùng chiều đo thứ tư đưa một mảnh nhỏ vật chất đang cháy đỏ vào rồi thổi nó cho đến khi nó bùng cháy thành ngọn lửa; (3) – đưa các thành phần cấu tạo hóa chất vào để tạo nên sự cháy.

*Việc chuyển hóa kim loại* có thể được thực hiện bằng cách rút gọn một mẫu kim loại thành trạng thái nguyên tử rồi sắp xếp các nguyên tử theo một dạng khác.

*Sự phản kích* vốn sẽ được bàn tới ở Chương nói về *Những vị phò trợ vô hình*, cũng do nguyên tắc rung động đồng cảm mà ta đã miêu tả trên đây.

## **CHƯƠNG XVIII CHIỀU ĐO THỨ TƯ**

Có nhiều đặc trưng của cõi Trung giới phù hợp chính xác đáng kể với thể giới của chiều đo thứ tư mà hình học và toán học quan niệm ra. Thật vậy, sự phù hợp này mật thiết đến nỗi ta biết có những trường hợp chỉ nghiên cứu thuần túy về trí năng với môn hình học của chiều đo thứ tư cũng giúp cho học viên khai mở được thần nhãn trung giới.

Các tác phẩm kinh điển về đề tài này là các tác phẩm của C. H. Hinton, quyển I là *Những chuyện Ly kỳ về Khoa học*, còn quyển II là *Một kỷ nguyên mới của tư tưởng tức Chiều đo thứ tư*. Ông C. W. Leadbeater mạnh mẽ khuyên ta nên đọc những tác phẩm này, ông phát biểu rằng việc nghiên cứu chiều đo thứ tư là phương pháp tốt nhất mà ông biết được nhằm có một quan niệm về tình huống thịnh hành trên cõi Trung giới. Và việc C. H.

Hinton trình bày chiều đo thứ tư là cách duy nhất đưa ra bất kỳ loại giải thích nào dưới đây về những sự kiện thường xuyên quan sát được bằng thần nhãn trung giới.

Những quyển sách sau này là của Claude Bragdon, *Nhu cầu Mỹ lệ: Sách mở đầu về Không gian cao siêu hơn: Các Viễn ảnh của Chiều đo thứ Tư*, v.v. . . *Tertum Organum* (là một tác phẩm soi sáng nhiều nhất) của P. D. Ouspensky và chắc chắn còn nhiều tác phẩm khác.

Đối với những người chưa nghiên cứu đề tài này thì chúng tôi có thể trình bày ở đây phác họa sơ sài nhất về một số đặc điểm chính yếu làm cơ sở cho chiều đo thứ tư.

*Một điểm*, vốn “có vị trí nhưng không có độ lớn”, ắt không có chiều đo; *một đường* do sự di chuyển của điểm, có một chiều đo là chiều dài; *một bề mặt* do sự di chuyển của một đường vuông góc với chính đường ấy, có hai chiều đo là chiều dài và chiều rộng; *một khối* do sự di chuyển của một bề mặt vuông góc với chính bề mặt ấy, có ba chiều đo là chiều dài, chiều rộng và chiều dày.

*Một khối bốn chiều* là một vật thể theo giả thuyết được tạo ra do một khối ba chiều chuyển động theo một phương mới vuông góc với khối ba chiều ấy, nó có bốn chiều đo là chiều dài, chiều rộng, chiều dày và một chiều khác vuông góc với cả ba chiều đo nêu trên nhưng không thể biểu diễn được trong thế giới ba chiều đo của chúng ta.

Ta có thể suy ra nhiều tính chất của một khối bốn chiều đo theo bảng sau đây:

Tính chất của một khối bốn chiều đo	Điểm	Đường	Bề mặt	Khối ba chiều đo
Một điểm có	1			
Một đường có	2	1		
Một bề mặt bốn cạnh có	4	4	1	
Một khối vuông có	8	12	6	1
Một khối bốn chiều có	16	32	24	8

Khối bốn chiều đo mà C. H. Hinton miêu tả được ông C. W. Leadbeater xác nhận là thực tại, vì nó là một hình khối hoàn toàn quen thuộc trên cõi trung giới. Trong tác phẩm *Một số Kinh nghiệm Huyền bí* của J. Van Manen, người ta toan tính biểu diễn một khối cầu bốn chiều đo bằng hình vẽ.

Có một sự song hành mật thiết và gợi ý giữa những hiện tượng lạ có thể được tạo ra nhờ vào một vật thể ba chiều đo trong một thế giới theo giả thuyết chỉ có hai chiều đo mà cư dân của nó cũng chỉ có ý thức về hai chiều đo; những hiện tượng ấy song hành với nhiều hiện tượng lạ cõi trung giới xuất hiện với chúng ta còn đang sống trong cõi vật lý có ba chiều đo. Vậy là:

(1)- Những vật được nhắc lên qua chiều đo thứ ba có thể được tùy ý làm cho hiện ra hoặc biến mất đối với thế giới có hai chiều đo.

(2)- Một vật bị bao quanh hoàn toàn bởi một đường có thể được nhắc lên thoát ra khỏi không gian khép kín nhờ vào chiều đo thứ ba.

(3)- Bằng cách uốn cong một thể giới có hai chiều đo được biểu diễn bằng một tờ giấy, ta có thể kéo gần lại hai điểm ở cách xa hoặc thậm chí làm cho hai điểm ấy trùng nhau, vậy là xóa bỏ quan niệm về khoảng cách trong thể giới hai chiều đo.

(4)- Một vật định hướng theo bàn tay phải có thể được lặn qua theo chiều đo thứ ba lật trở lại rồi tái xuất hiện thành một vật định hướng theo bàn tay trái.

(5)- Khi từ chiều đo thứ ba nhìn xuống một vật có hai chiều đo thì ta có thể nhìn thấy mọi điểm có hai chiều đo ngay cùng một lúc và không bị méo mó do phối cảnh.

Đối với một sinh vật bị hạn chế vào quan niệm của thể giới hai chiều đo thì những điều nêu trên dường như là “phép lạ” và hoàn toàn không hiểu được.

Thật kỳ diệu khi chính những mảnh khốe giống hệt như vậy có thể và thường xuyên được vận dụng để chơi xỏ chúng ta mà các nhà thần linh học đều thừa biết: (1) các thực thể và các đồ vật hiện ra rồi biến mất; (2) các đồ vật ở khoảng cách xa được “mang lại tận nơi”; (3) các đồ vật được di chuyển ra khỏi hộp đóng kín; (4) không gian có vẻ thực tế là bị xóa bỏ; (5) một vật có thể bị đảo ngược định hướng trái phải nghĩa là bàn tay phải biến thành bàn tay trái; (6) mọi bộ phận của một vật thể chẳng hạn như một hình khối vuông được nhìn thấy cùng một lúc không bị méo mó do phối cảnh; cũng giống như vậy, toàn thể nội dung của một quyển sách khép kín có thể nhìn thấy cùng một lúc.

Việc giải thích sự trào dâng của thần lực nghĩa là trong các Luân xa xét theo biểu kiến chẳng biết ở đâu ra, dĩ nhiên là bắt nguồn từ chiều đo thứ tư.

Một chất lỏng được đổ lên một bề mặt có khuynh hướng lan tỏa ra theo hai chiều đo và trở nên rất mỏng theo chiều đo thứ ba. Tương tự như vậy, một chất hơi có khuynh hướng bành trướng ra trong ba chiều đo và có thể là khi làm như vậy nó trở nên nhỏ hơn trong chiều đo thứ tư; điều này nghĩa là ta có thể dùng mật độ của một chất hơi để đo lường bề dày tương đối của nó trong chiều đo thứ tư.

Rõ ràng là không cần phải dừng lại nơi bốn chiều đo vì ta đều biết rằng không gian có thể có vô số chiều đo. Dù sao đi nữa, dường như chắc chắn rằng cõi trung giới có bốn chiều đo, cõi trí tuệ có năm chiều đo và cõi bờ đề có sáu chiều đo.

Rõ ràng là nếu giả sử như cả thấy có bảy chiều đo thì bảy chiều đo đó luôn luôn có mặt ở khắp mọi nơi, nghĩa là không có một điều gì là một sự vật ba hoặc bốn chiều đo. Sự khác nhau biểu kiến là do tâm nhận thức hạn hẹp của thực thể hữu quan chứ không phải là sự thay đổi của những vật thể được nhận thức. Ý tưởng này được triển khai rất nhiều trong tác phẩm *Tertium Organum* của Ouspensky.

Tuy nhiên người ta có thể phát triển tâm thức trên cõi trung giới mà vẫn không thể nhận thức hoặc thậm chí định được chiều đo thứ tư. Thật vậy, chắc chắn là người bình thường tuyệt nhiên không nhận thức được chiều đo thứ tư khi y bước vào cõi trung giới. Y chỉ nhận thức là nó hơi mờ một chút và hầu hết mọi người trải qua sinh hoạt trên cõi trung giới vẫn không phát hiện ra được thực tại của chiều đo thứ tư nơi vật chất xung quanh mình.

Các thực thể như Tinh linh Thiên nhiên vốn thuộc về cõi trung giới, do bản chất có khả năng nhìn thấy khía cạnh chiều đo thứ tư của mọi vật, nhưng ngay cả các Tinh linh Thiên nhiên cũng không thấy được hoàn hảo vì chúng chỉ nhận thức được chất trung giới nơi các vật thể ấy chứ không nhận thức được chất hồng trần, cũng như chúng ta chỉ nhận thức được chất hồng trần chứ không nhận thức được chất trung giới.

Việc một vật đi xuyên qua một vật khác không đặt vấn đề chiều đo thứ tư mà có thể là do sự phân rã, tức một phương pháp thuần túy ba chiều đo. Thời gian thực ra không phải là chiều đo thứ tư; thế nhưng khi xét vấn đề theo quan điểm này thì thời gian cũng giúp cho ta lờ mờ hiểu được chiều đo thứ tư. Việc một hình nón đi xuyên qua một tờ giấy đối với một

thực thể sống trên tờ giấy ấy trông có vẻ như một vòng tròn đang biến đổi kích thước; thực thể ấy dĩ nhiên không thể nhận thức được tất cả mọi giai đoạn của vòng tròn đều tồn tại cùng nhau với vai trò là các bộ phận của một hình nón. Cũng giống như vậy, đối với chúng ta sự tăng trưởng của một vật thuộc hình khối ba chiều đo khi được quan sát từ cõi bề đề tương ứng với việc quan sát hình nón coi như một tổng thể; vậy là nó đã minh giải phần nào cho sự hão huyền của chính chúng ta về quá khứ, hiện tại và tương lai cũng như khả năng tiên tri.

Quan niệm siêu việt ấy về thời gian đã được thảo luận tỉ mỉ trong câu chuyện *Stella* của C. H. Hinton, nó cũng được bao gồm trong quyển II *Những Chuyện ly Kỳ trong Khoa học*. Trong quyển *Giáo Lý Bí Truyền* quyển I, trang 69 và quyển II, trang 466 cũng có hai điều tham chiếu thú vị về quan niệm này.

Thật là một nhận xét thú vị và đầy ý nghĩa khi cho rằng môn hình học theo như ta dạy hiện nay chẳng qua chỉ là một mẫu, một điều chuẩn bị ngoại môn đối với một thực tại nội môn. Vì đã thất truyền chân ý nghĩa của không gian cho nên bước đầu tiên hướng về tri thức ấy phải là việc nhận biết được chiều đo thứ tư.

Ta có thể quan niệm Chơn Thần lúc bắt đầu tiến hóa vốn có thể di chuyển và nhìn thấy vô số chiều đo, một trong những chiều đo này bị triệt tiêu vào mỗi bước xuống thang cho đến khi ý thức trong óc phàm chỉ còn lại ba chiều đo. Như vậy khi giáng hạ tiến hóa nhập vào vật chất, ta đã bị cắt bỏ tri thức về tổng thể và chỉ còn biết một phần nhỏ xíu về thế giới xung quanh, thậm chí chỉ nhìn thấy những gì còn lại không được hoàn chỉnh.

Khi nhìn bằng bốn chiều đo, ta có thể quan sát thấy những hành tinh rời rạc trong ba chiều đo lại nối liền với nhau trong bốn chiều đo; thật vậy, những bầu hành tinh ấy là những đầu mút của những cánh hoa vốn là bộ phận của một đóa hoa lớn duy nhất; vì thế cho nên Ấn Độ mới quan niệm Thái dương Thượng Đế là một Hoa Sen.

Nhờ vào một chiều đo cao hơn, ta cũng có thể có sự liên lạc trực tiếp giữa tâm mặt trời và tâm trái đất sao cho các nguyên tố xuất hiện trên trái đất không đi xuyên qua cái ta gọi là bề mặt trái đất.

Việc nghiên cứu về chiều đo thứ tư dường như đưa thẳng ta tới Thần Bí Học. Vậy là C. H. Hinton thường xuyên dùng cụm từ “vứt bỏ bản ngã”, nêu rõ rằng để thẩm định được một khối ba chiều theo bốn chiều đo ta cần phải quan sát nó không phải từ bất cứ điểm nào mà từ mọi điểm quan sát cùng một lúc; điều này nghĩa là “bản ngã” tức điểm quan sát cô lập, đặc thù phải được siêu việt và được thay thế bằng điểm quan sát tổng quát và bất vị kỷ.

Điều này cũng nhắc ta nhớ tới câu nói nổi tiếng của thánh Phao lô (Thư gửi tín hữu *Ephesians* iii, 17-18): “Mong sao các bạn đặt căn cứ và bắt rễ nơi tình thương, có thể cùng với chư thánh hiểu được thế nào là chiều rộng, chiều dài, chiều sâu và chiều cao”.

## **CHƯƠNG XIX** **CÁC THỰC THỂ TRÊN CỖI TRUNG GIỚI: NHÂN LOẠI**

Liệt kê và miêu tả mọi loại thực thể trên cõi trung giới ắt là một nhiệm vụ ghê gớm chẳng khác nào liệt kê và miêu tả mọi loại thực thể trên cõi hồng trần. Ở đây ta chỉ thử vẽ thành bảng biểu những lớp thực thể chính yếu và miêu tả rất ngắn gọn mỗi lớp ấy.



### CÁC THỰC THỂ TRÊN CÕI TRUNG GIỚI

Nhân loại		Phi nhân loại	Nhân tạo
Còn sống trong thể xác	Thể xác đã chết rồi		
Người thường	Người thường	Tinh hoa ngũ hành	Các tinh linh được tạo ra vô ý thức
Người thông linh	U hồn	Thể vía của loài thú	Các tinh linh được tạo ra hữu thức
Cao đồ hoặc đệ tử cao đồ	Ma hình	Tinh linh thiên nhiên	Tinh linh nhân tạo mang hình người
Pháp sư tà đạo hoặc đệ tử	Ma hình được cấp sinh lực	Chư thiên	
	Người tự tử hoặc bất đắc kỳ tử		
	Ma cà rồng và ma sói		
	Pháp sư tà đạo hoặc đệ tử		
	Đệ tử đang chờ được luân hồi		
	Bậc ứng thân Nirmānakaya		

Để cho việc phân loại được hoàn chỉnh, ta cần nêu rõ rằng ngoài những điều nêu trên ra đôi khi còn có xuất hiện những bậc Cao đồ rất cao từ các hành tinh khác trong Thái dương hệ và thậm chí các Đấng tham quan còn uy nghi hơn ở khoảng cách còn xa hơn nữa; nhưng mặc dù điều này là khả hữu ta hầu như không thể quan niệm được những Đấng cao cả như thế lại biểu lộ trên một cõi thấp như cõi trung giới. Nếu các ngài muốn làm như thế thì các ngài ắt tạo ra một thể tạm thời bằng chất trung giới của hành tinh này.

Hai là cũng có hai dòng tiến hóa lớn khác tiến hóa trên hành tinh này mặc dù dường như người ta không dự tính để cho các dòng tiến hóa ấy hoặc con người bình thường ý thức được lẫn nhau. Nếu ta bước vào tiếp xúc với các dòng tiến hóa ấy thì có lẽ chỉ trên cõi hồng trần thôi vì mối quan hệ của chúng với cõi trung giới của chúng ta rất mong manh. Khả năng duy nhất để cho chúng xuất hiện tùy thuộc vào một tai biến cực kỳ hãn hữu trong pháp thuật nghi lễ mà chỉ một ít pháp sư cao tay ấn nhất mới biết cách thực hành; tuy nhiên điều này đã thực sự xảy ra ít nhất là một lần.

**LỚP NHÂN LOẠI:** (a) – những người còn mang xác đang sống.

1 – *Người thường*. Lớp này bao gồm những người khi thể xác đang ngủ bèn vân du trên cõi trung giới ở đủ thứ mức độ ý thức như ta đã từng miêu tả đầy đủ ở chương 9 bàn về *Sinh hoạt trong lúc ngủ*.

2 – *Người thông linh*. Một người phát triển về mặt thông linh thường hoàn toàn có ý thức khi xuất ra khỏi thể xác nhưng vì không được rèn luyện đúng đắn cho nên y có thể bị lừa gạt về điều mà mình nhìn thấy. Y thường có thể lướt qua mọi cảnh trên cõi trung giới nhưng đôi khi y đặc biệt bị cuốn hút vào một cảnh nào đó và hiếm khi vân du vượt ra khỏi mức ảnh hưởng của nó. Việc y nhớ tới điều mà mình đã nhìn thấy dĩ nhiên có thể thay đổi từ sự hoàn toàn rõ ràng cho tới mức hoàn toàn bị xuyên tạc hoặc quên bèn đi mất. Vì người

ta giả sử rằng y không được Chon sư dẫn dắt cho nên y luôn luôn xuất hiện trong thể vía bởi vì y không biết cách hoạt động trong thể trí.

3 – *Bậc cao độ và các đệ tử*. Lớp này thường sử dụng không phải là thể vía mà là thể trí, nó bao gồm vật chất thuộc bốn cảnh thấp của cõi trí tuệ. Thể này có lợi ích là nó khiến cho ta đi ngay từ cõi trí tuệ xuống cõi trung giới và ngược lại; nó cũng giúp cho ta luôn luôn sử dụng được quyền năng lớn lao hơn và ý thức sắc sảo hơn của riêng cõi trí tuệ.

Thần nhân trung giới không nhìn thấy được thể trí, cho nên đệ tử hoạt động trong thể trí phải học cách tụ tập xung quanh mình một bức màn tạm thời bằng vật chất trung giới khi y muốn cho các thực thể trung giới nhận thức được mình. Mặc dù là một bản sao chính xác của con người xét về dáng vẻ bên ngoài, một hiện thể như thế không chứa đựng vật chất trong thể vía của chính y mà tương ứng với nó cũng giống hệt như một sự hiện hình tương ứng với thể xác.

Trong một giai đoạn phát triển trước kia, đệ tử có thể tỏ ra hoạt động trong thể vía giống như bất cứ ai khác; nhưng cho dù đang sử dụng hiện thể nào thì một đệ tử được sư phụ lâu thông dẫn dắt luôn luôn có ý thức trọn vẹn và có thể hoạt động dễ dàng trên mọi cảnh giới.

4 – *Pháp sư tà thuật và đệ tử*. Lớp này tương ứng ít nhiều với lớp cao độ và các đệ tử ngoại trừ việc phát triển dành cho điều ác thay vì điều thiện, các quyền năng thụ đắc được dùng cho những mục đích ích kỷ thay vì những mục đích vị tha. Trong hàng ngũ thấp có những người da đen thực hành nghi thức của các trường phái Obeah và Woodoo cùng với những ông thầy mo ở các bộ tộc dã man. Các pháp sư tà thuật Tây tạng có trí năng cao hơn và vì vậy đáng chê trách hơn.

LỚP NHÂN LOẠI: (b) – đã chết và bỏ xác.

1 – *Người thường sau khi chết*.

Lớp này hiển nhiên là rất rộng lớn bao gồm mọi cấp người ở đủ mọi trình độ ý thức khác nhau mà ta đã miêu tả rồi ở các chương từ 12 tới 15 bàn về *Sinh hoạt sau khi chết*.

2 – *U hồn*.

Ở chương 23, ta ắt thấy rằng khi sinh hoạt trên cõi trung giới của một người nào đó đã qua rồi thì y chết đi trên cõi trung giới và bỏ lại đằng sau cái thể vía đang tan rã, giống hệt khi y chết đi trên cõi hồng trần bỏ lại đằng sau một xác chết đang tan rã.

Trong hầu hết mọi trường hợp Chon ngã không thể triệt thoái ra khỏi các nguyên khí thấp, toàn bộ nguyên khí trí tuệ manas của mình; vì vậy một phần vật chất của hạ trí vẫn còn móc ngoặc với xác chết của thể vía. Như vậy một phần vật chất cõi trí tuệ còn lại bao gồm các thứ thô trực của mỗi cảnh mà thể vía đã thành công trong việc giành giật từ thể hạ trí.

Xác chết của thể vía này được gọi là U hồn; đây là một thực thể tuy nhiên không phải là cá thể chân thực theo bất kỳ nghĩa nào; song le nó có hình dáng bên ngoài giống hệt về mặt phàm ngã, có trí nhớ và đủ thứ những thói đặc dị lặt vặt. Vì vậy, người ta rất dễ dàng nhầm lẫn nó là phàm ngã và quả thật vào những buổi lên đồng thì người ta thường nhầm lẫn như vậy. Nó không hề có ý thức về bất kỳ hành vi nào mang tính cá thể bởi vì chừng nào trí năng nó còn tác động thì người ta tất yếu giả sử rằng nó là cá thể ấy chứ thật ra nó chỉ là một mớ vô hồn mọi phẩm tính thấp nhất của y.

Tuổi thọ của một u hồn biến thiên theo lượng vật chất hạ trí làm linh hoạt nó; nhưng bởi vì hạ trí càng ngày càng mờ nhạt đi, trí năng càng ngày càng suy giảm mặc dù nó có thể có nhiều loại qui quyết nào đó của một con thú và ngay cả lúc cuối đời sinh hoạt, nó vẫn còn có thể giao tiếp bằng cách vay mượn tạm thời trí thông minh của người đồng cốt. Do chính bản chất ấy, nó cực kỳ dễ chịu ảnh hưởng của đủ loại điều ác và bị tách rời khỏi Chon

ngã cho nên trong thành phần cấu tạo của nó chẳng có gì hưởng ứng được với những ảnh hưởng tốt đẹp. Vì vậy, nó dễ dàng tiếp tay cho đủ thứ mục đích nhỏ nòi của một số loại pháp sư tà thuật hèn hạ. Vật chất trí tuệ mà nó có được dần dần tan rã để trả lại cho kho vật chất trí tuệ nói chung của riêng cõi này.

### 3 – *Ma hình.*

Ma hình là xác chết thể vía của một người trong những giai đoạn sau này khi tan rã, lúc mọi hạt trí tuệ đã rời bỏ xác chết thể vía. Vì vậy, nó không có một loại ý thức hoặc trí thông minh nào và thụ động bèo giạt mây trôi theo các dòng thần lực của cõi trung giới. Ngay cả khi ấy nó vẫn có thể được cấp cho sinh lực nhất thời để nhại theo một kiếp sống ma quái nếu nó ngẫu nhiên xâm nhập vào hào quang của một người đồng cốt. Trong tình huống ấy, nó vẫn còn giống hệt như phạm ngã của người đã quá cố xét theo bề ngoài. Và thậm chí có thể mô phỏng được đến một chừng mực nào đó những cách diễn tả hoặc chữ viết tay quen thuộc của y. Nó cũng có tính chất là vẫn còn mù quáng hưởng ứng với những rung động như thế, thường thường thuộc loại thấp nhất mà người ta thường lập nên trong giai đoạn tồn tại cuối cùng với tư cách là một u hồn.

### 4 – *Ma hình được cấp sinh lực.*

Nói cho thật đúng ra thì thực thể này không thuộc loài người; tuy nhiên ta xếp loại nó vào đây bởi vì lớp vỏ bên ngoài của nó tức ma hình, thụ động, vô tri vô giác đã từng một lần thuộc quyền sở hữu của loài người. Một sinh linh như thế vốn có trí thông minh, ham muốn và ý chí là của tinh linh nhân tạo (xem trang 45) làm linh hoạt nó; bản thân tinh linh này do tư tưởng độc ác của con người sáng tạo ra.

Một ma hình được cấp sinh lực luôn luôn có ác ý; nó quả thật là con quỷ cám dỗ mà ảnh hưởng gian tà chỉ bị hạn chế bởi phạm vi quyền năng của nó mà thôi. Giống như u hồn, nó thường được dùng trong các dạng thức pháp thuật Voodoo và Obeah. Một số tác giả gọi nó là “âm ma”.

### 5 – *Người tự tử và nạn nhân bị bắt đắc kỳ tử.*

Ta đã miêu tả những người này rồi ở chương 15 bàn về *Sinh hoạt sau khi chết*. Ta có thể lưu ý thấy rằng lớp này cũng như các u hồn và ma hình được cấp sinh lực vốn có thể được gọi là các ma cà rồng thứ yếu bởi vì khi có cơ hội, chúng bèn kéo dài mạng sống của mình bằng cách rút rĩa sinh lực của những người mà chúng có thể gây ảnh hưởng được.

### 6 – *Ma cà rồng và ma sói.*

Hai lớp này ngày nay cực kỳ hiếm có; đôi khi người ta còn tìm được những ví dụ chủ yếu ở những xứ có dòng máu thuộc dòng dõi giống dân thứ tư chẳng hạn như nước Nga hoặc nước Hung gia lợi.

Rất có thể một người sống một cuộc đời tàn bạo ích kỷ và đòi trụ đến nỗi toàn thể hạ trí đắm ra đắm chìm vào các ham muốn rồi cuối cùng tách rời khỏi Chơn ngã. Điều này chỉ có thể xảy ra khi mọi tia le lối của lòng vị tha hoặc tính linh đã bị bóp nghẹt và khi tuyệt nhiên không có đặc điểm cứu chuộc nào.

Chẳng bao lâu sau khi chết, một thực thể sa đọa như vậy thấy mình không thể trụ lại được nơi cõi trung giới mà bị cuốn hút không thể cưỡng lại với đầy đủ ý thức nhập vào “nơi chốn của riêng mình”, là cõi thứ tám huyền bí, để rồi từ từ tan rã trong đó sau khi trải nghiệm những điều mà tốt hơn ta không nên miêu tả ra đây. Tuy nhiên, nếu y chết vì tự tử hoặc bắt đắc kỳ tử thì trong một vài trường hợp, nhất là khi y biết một chút gì đó về tà thuật, y có thể ghìm mình lại trốn tránh số phận này qua kiếp sống ma quái của một ma cà rồng.

Vì cõi thứ tám không thể tóm cổ được y chùng nào thể xác y chưa chết cho nên y bảo toàn mạng sống bằng một loại xuất thần cứng đờ thể xác qua việc truyền máu vào nó được rút ra từ những người khác nhờ vào thể vía đã được hiện hình một nửa; vậy là y trì hoãn được số phận cuối cùng của mình bằng cách phạm tội giết người hàng loạt. Trong trường hợp như thể phương thuốc chữa trị hữu hiệu nhất theo giả định rất đúng đắn của thói mê tín dị đoan của dân gian là hãy thiêu xác, khiến cho thực thể này bị *mất cứ điểm* của mình.

Khi người ta khai quật ngôi mộ thì thể xác thường có vẻ rất tươi tắn và khỏe mạnh, còn quan tài thường chứa đầy máu. Việc thiêu xác dĩ nhiên không thể có loại ma cà rồng này được.

Ma sói trước hết chỉ có thể biểu hiện trong kiếp sống con người trên cõi trần và nó luôn luôn hàm ý có hiểu biết chút ít về pháp thuật, dù sao đi nữa cũng đủ cho y xuất vía được.

Khi một người hoàn toàn độc ác và tàn bạo làm như thế thì trong một số tình huống, thể vía của y có thể bị những thực thể khác trên cõi trung giới nhập vào hiện hình không phải dưới dạng người mà dưới dạng một con thú hoang nào đó, thường là chó sói. Trong tình huống ấy nó sẽ đi rảo khắp vùng xung quanh giết chết những con thú khác và ngay cả giết người nữa để thỏa mãn chẳng những sự khát máu của chính mình mà còn là sự khát máu của đám ma quỷ thôi thúc nó.

Trong trường hợp này cũng như ta thường thấy đối với những sự hiện hình thông thường, một vết thương tác động lên thể vía ắt được mô phỏng lại trên thể xác con người qua hiện tượng kỳ diệu là phản kích (xem trang 242). Nhưng sau khi thể xác chết đi thì thể vía vốn có lẽ tiếp tục xuất hiện dưới dạng ấy ắt khó bị tổn thương hơn.

Tuy nhiên lúc bấy giờ nó cũng ít nguy hiểm hơn vì nếu nó không tìm được một người đồng cốt thích hợp thì nó ắt không thể hiện hình được hoàn toàn. Trong những sự hiện hình như thế, có lẽ có nhiều vật chất của thể phách và thậm chí cả một số thành phần cấu tạo thể lỏng và thể hơi của thể xác giống như trong trường hợp một số sự hiện hình. Trong cả hai trường hợp này thì cơ thể linh hoạt dường như có thể đi xa ra khỏi thể xác nhiều hơn mức có thể đạt được trong tình huống khác. Chùng nào mà ta biết được là hiện thể ấy còn chứa chất dĩ thái.

Những sự biểu lộ của cả ma cà rồng lẫn ma sói thường bị hạn chế ở vùng ngay kề cận thể xác.

#### 7 – *Pháp sư tà đạo và đệ tử.*

Lớp này tương ứng với *sự thay thế cần thiết* đối với đệ tử đang chờ được luân hồi, nhưng trong trường hợp này người ấy đang thách thức tiến trình tự nhiên của cơ tiến hóa bằng cách kìm mình lại trong sinh hoạt cõi trung giới nhờ vào pháp thuật, đôi khi có bản chất rùng rợn nhất.

Ta thấy không nên liệt kê hoặc miêu tả đủ thứ cách tế phân của lớp này bởi vì một học viên huyền bí học chỉ nên tránh chúng đi thôi. Tất cả những thực thể này muốn kéo dài mạng sống trên cõi trung giới vượt quá giới hạn tự nhiên đều làm như thế bằng cách gây phương hại cho người khác, hấp thụ sinh lực của người khác dưới một dạng nào đó.

#### 8 – *Đệ tử đang chờ được tái sinh luân hồi.*

Hiện nay đây cũng là một lớp hiếm có. Một đệ tử đã quyết tâm không *hưởng Tây phương Cực lạc* nghĩa là không tiến nhập cõi thiên đường mà muốn tiếp tục hoạt động trên cõi hồng trần thì đôi khi được phép làm như thế chỉ nhờ sự cho phép của một bậc có thẩm quyền rất cao, kiếp tái sinh luân hồi thích hợp này được Chơn sư dàn xếp cho y. Ngay cả khi được phép, nghe đâu đệ tử cũng phải ghìm mình hoàn toàn vào cõi trung giới trong khi việc



này đang được dàn xếp bởi vì y chỉ chạm vào cõi trí tuệ một lúc thôi thì y có thể bị một dòng thần lực không thể cưỡng lại cuốn hút vào dòng tiến hóa bình thường để rồi tiến nhập vào cõi thiên đường.

Đôi khi mặc dù rất hiếm hoi, đệ tử có thể được bố trí trực tiếp vào thể xác của một người lớn mà người chủ thuê mượn trước kia của nó không còn sử dụng nữa, nhưng hiếm khi có một thể xác có sẵn thích hợp.

Trong khi chờ đợi, dĩ nhiên đệ tử có ý thức trọn vẹn trên cõi trung giới và có thể tiếp tục công việc mà Chơn sư giao phó, thậm chí còn hữu hiệu hơn khi bị thể xác làm cho vướng víu.

#### 9 – *Đấng Ứng thân Nirmānakaya.*

Quả thật rất hiếm khi một đấng cao cả như Đấng Ứng thân lại biểu lộ trên cõi trung giới. Ứng thân là một đấng đã có quyền an dưỡng nơi cõi cực lạc khôn tả trong hàng vô lượng thời, thế nhưng lại tự nguyện ở lại tiếp xúc với trần thế, có thể nói lơ lửng giữa hạ giới và cõi Niết bàn để sản sinh ra các luồng thần lực tâm linh vốn có thể được dùng để trợ giúp cơ tiến hóa. Nếu Ngài muốn xuất hiện trên cõi trung giới có lẽ ngài ắt tạo ra cho chính mình một thể vía tạm thời làm bằng vật chất của cõi này. Điều này là có thể được bởi vì một Đấng Ứng thân có giữ lại thể nguyên nhân của mình cũng như các nguyên tử trường tồn mà ngài đã mang theo trải qua dòng tiến hóa sao cho vào bất cứ lúc nào mình muốn, ngài đều có thể làm cho các thể trí, thể vía và thể xác hiện ra xung quanh các nguyên tử trường tồn.

## CHƯƠNG XX CÁC THỰC THỂ TRÊN TRUNG GIỚI: PHI NHÂN LOẠI

#### 1 – *Tinh hoa ngũ hành.*

Nhiều tác giả khác nhau đã sử dụng thuật ngữ “tinh linh” để ngụ ý nhiều loại thực thể khác nhau. Ở đây ta dùng nó để biểu thị tinh hoa Chơn thần trong một vài giai đoạn tồn tại, đến lượt tinh hoa Chơn thần có thể được coi là tinh thần tuôn đổ ra thần lực nhập vào vật chất.

Thật là điều quan trọng cực kỳ khi học viên ngộ được rằng sự tiến hóa của tinh hoa ngũ hành này diễn ra trên vòng cung đi xuống (nó thường được gọi như vậy). Nghĩa là nó tiến về phía sự dính mắc hoàn toàn vào vật chất như ta thấy nơi giới khoáng vật thay vì tiến xa khỏi vật chất; vì vậy bảo rằng nó tiến bộ có nghĩa là *chìm sâu* vào vật chất thay vì là thăng lên hướng về các cõi cao.

Trước khi “luồng lưu xuất” đạt tới giai đoạn biệt lập ngã tính để cấp linh hồn cho con người, nó đã trải qua việc cấp linh hồn (phú linh) cho sáu giai đoạn tiến hóa trước kia nghĩa là giới tinh hoa ngũ hành thứ nhất (trên cõi thượng trí), giới tinh hoa ngũ hành thứ hai (trên cõi hạ trí), giới tinh hoa ngũ hành thứ ba (trên cõi trung giới), giới khoáng vật, giới thực vật và giới động vật. Đôi khi, người ta đã gọi nó là Chơn thần động vật, Chơn thần thực vật hoặc Chơn thần khoáng vật mặc dù rõ ràng gọi như vậy là gây hiểu lầm bởi vì rất lâu trước khi nó đạt tới bất kỳ giới nào trong nhóm này, nó đều đã trở thành *nhiều* Chơn thần chứ không phải *một* Chơn thần duy nhất.

Có nhiên ở đây ta chỉ bàn tới tinh hoa ngũ hành thể vía. Tinh hoa này bao gồm luồng lưu xuất của Thượng Đế vốn đã khoác lấy lớp màn vật chất tới cảnh nguyên tử của cõi trí tuệ rồi từ đó lặn trực tiếp xuống cõi trung giới, tụ tập xung quanh mình một cơ thể bằng vật chất nguyên tử của cõi trung giới.

Một tổ hợp như thế là tinh hoa ngũ hành của cõi trung giới vốn thuộc về giới tinh hoa ngũ hành thứ ba tức là giới ngay trước giới khoáng vật.

Trong quá trình có được 2401 biến dị trên cõi trung giới, nó thu hút về mình biết bao nhiêu tổ hợp vật chất của đủ thứ cảnh giới. Tuy nhiên những thứ này chỉ tạm bợ thôi và nó vẫn còn cốt yếu là một giới duy nhất.

Nói cho đúng ra thì không có thứ gì là *một* tinh linh liên quan tới nhóm mà ta đang xét. Điều ta tìm thấy là một kho chứa khổng lồ tinh hoa ngũ hành, cực kỳ bén nhạy với tư tưởng phù du nhất của con người; đáp ứng một cách vi tế không thể tưởng tượng được (trong một phần cực kỳ nhỏ của một giây) với rung động được lập nên do sự vận dụng hoàn toàn vô thức của ý chí hoặc ham muốn của con người.

Nhưng ngay lúc chịu ảnh hưởng của tư tưởng hoặc ý chí ấy, nó bèn bị uốn nắn thành một lực linh hoạt để trở thành một tinh linh thuộc vào lớp tinh linh “nhân tạo” mà ta sẽ xét tới ở chương kế tiếp. Ngay cả lúc bấy giờ thì sự tồn tại riêng rẽ của nó cũng thường là phù du bởi vì ngay khi xung lực của nó đã được triển khai hết thì nó chìm đắm trở lại vào khối tinh hoa ngũ hành chưa biến dị vốn là cội nguồn phát sinh ra nó.

Một khách đến tham quan cõi trung giới tất yếu sẽ chịu ấn tượng của những hình dáng thiên biến vạn hóa của đợt sóng triều không ngừng tinh hoa ngũ hành bao giờ cũng xoáy lượn xung quanh y, thường hay đe dọa, thế nhưng bao giờ cũng rút lui trước một nỗ lực quyết tâm đầy ý chí. Và y ắt lấy làm khâm phục trước đội quân hùng hậu những thực thể tạm thời được hiệu triệu từ đại dương này thành ra được tồn tại riêng rẽ nhờ vào những tư tưởng và xúc cảm của con người cho dù là tốt hay xấu.

Nói chung thì tinh hoa ngũ hành có thể được xếp loại theo loại vật chất mà nó cư trú trong đó, nghĩa là chất đặc, chất lỏng, chất hơi v.v... Đây là những “tinh linh” của các nhà luyện kim đan thời trung cổ. Họ chủ trương chính xác rằng một “tinh linh” (nghĩa là một phần tinh hoa ngũ hành sống động đã được đặc hữu) vốn có hữu nơi mỗi “hành” tức thành phần cấu tạo của mọi chất trên cõi hồng trần. Mỗi một trong bảy lớp chính yếu tinh hoa ngũ hành này lại có thể được chia nhỏ ra thành bảy tế phân tạo thành bốn mươi chín tế phân.

Hơn nữa và hoàn toàn độc lập với phép phân chia theo *chiều ngang* này, ta cũng có bảy loại tinh hoa ngũ hành hoàn toàn riêng rẽ; sự khác nhau của chúng chẳng đáng gờ tới mức độ thể hiện vật chất mà đúng hơn là đáng gờ tới tính tình và ái lực. Học viên ắt quen thuộc với cách phân loại này coi đó là phân loại “thẳng đứng” liên quan tới bảy “cung”.

Cũng có bảy tế phân của mỗi loại hình cung, tạo thành bốn mươi chín tế phân theo trục thẳng đứng. Như vậy, số loại tinh hoa ngũ hành là 49x49 tức 2401.

Phép phân chia theo trục thẳng đứng rõ ràng là thường trụ hơn và căn bản hơn phân chia theo trục nằm ngang. Bởi vì tinh hoa ngũ hành trong lộ trình tiến hóa chậm chạp đều lần lượt trải qua đủ thứ lớp phân loại nằm ngang nhưng suốt dọc đường vẫn còn thuộc về phép tế phân theo trục thẳng đứng.

Khi bất cứ bộ phận nào của tinh hoa ngũ hành trong một vài lúc nào đó vẫn còn hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của bất cứ ảnh hưởng ngoại lai nào – một tình huống khó lòng thực hiện được – thì nó không có hình dáng xác định của riêng mình; nhưng khi có sự xáo trộn chỉ một chút thôi thì nó lóe lên thành ra một mớ lộn xộn rối rắm, những hình dáng cứ biến đổi xoành xoạch; hình dáng này ủa ra rồi biến mất nhanh như những bọt nước trên bề mặt nước sôi.

Những hình dáng phù du này mặc dù thường của những tạo vật sống động thuộc một loại nào đó cho dù của loài người hay loài khác, cũng không hề biểu diễn sự tồn tại của

những thực thể riêng biệt xét theo bản thể cũng chẳng khác nào những đợt sóng cũng đa dạng và thường biến đổi như vậy do một cơn gió bất thường làm nổi lên trong một vài phút trên một mặt hồ trước kia là phẳng lặng. Chúng dường như chỉ là phản ánh của kho chứa ánh sáng tinh tú rộng lớn, thế nhưng chúng luôn luôn thích ứng với tính cách của luồng tư tưởng đưa chúng vào tồn tại, mặc dù hầu như luôn luôn bị bóp méo lố bịch nào đó với một khía cạnh gây khủng khiếp hoặc khó chịu.

Khi tinh hoa ngũ hành bị đẩy vào những hình thái thích hợp với luồng tư tưởng vô ý và bán ý thức mà đa số mọi người để cho nó tuôn tràn lộn xộn qua bộ óc mình thì trí thông minh tuyển lựa hình dáng thích hợp ấy rõ ràng không bắt nguồn từ tâm trí chủ thể suy tư, nó cũng chẳng thể bắt nguồn từ chính tinh hoa ngũ hành vì nó thuộc về một giới còn cách xa mức biệt lập ngã tính nhiều hơn cả giới khoáng vật vì hoàn toàn không có quyền năng trí tuệ đã được khơi hoạt.

Tuy nhiên, tinh hoa ngũ hành có một sự thích ứng tuyệt vời vốn thường có vẻ như rất gần với trí thông minh; chắc chắn là tính cách này đã khiến cho các tinh hoa được sách vở thời xưa gọi là ‘các tạo vật bán thông minh của ánh sáng tinh tú’.

Tự thân các giới tinh hoa ngũ hành không thừa nhận các khái niệm như tốt và xấu. Song le, có một loại thiên kiến hoặc khuynh hướng thâm nhuần hầu hết mọi tế phân của chúng vốn khiến cho chúng thù nghịch hơn là thân hữu đối với con người. Vì thế cho nên mới có kinh nghiệm thông thường về người đệ tử sơ cơ trên cõi trung giới khi hàng đoàn lớp lớp những con ma thiên biến vạn hóa tiến tới đe dọa y, nhưng luôn luôn triệt thoái hoặc tan biến không gây hại gì khi y dừng cảm giác mặt với chúng. Các tác giả thời trung cổ có nêu rõ ràng thiên kiến hoặc khuynh hướng này hoàn toàn do lỗi của chính con người và được gây ra do y lãnh đạm với và thiếu thiện cảm với các sinh linh khác. Trong thời đại “hoàng kim” quá khứ thì không hề như vậy cũng như trong thời đại tương lai do thái độ thay đổi của con người, cả giới tinh hoa ngũ hành cũng như giới động vật sẽ một lần nữa trở nên ngoan ngoãn và giúp ích cho con người thay vì làm ngược lại.

Như vậy rõ ràng là giới tinh hoa ngũ hành nói chung rất giống điều mà tư tưởng tập thể của loài người tạo ra.

Có nhiều công dụng để cho các lực vốn cố hữu nơi đủ thứ biến thể của tinh hoa ngũ hành có thể được vận dụng do một người lão luyện trong việc cai quản chúng. Đại đa số các nghi lễ pháp thuật đều phần lớn tùy thuộc vào việc vận dụng nó hoặc là trực tiếp do ý chí của pháp sư đã trực triệu vì mục đích ấy.

Cũng nhờ có nó người ta mới tạo ra hầu hết các hiện tượng vật lý trong *phòng lên đồng*, nó cũng là tác nhân trong hầu hết trường hợp ném đá hoặc rung chuông trong các căn nhà bị ma ám, những căn nhà này là kết quả của các nỗ lực sai lầm nhằm thu hút sự chú ý do một thực thể con người quyến luyến vòng tục lụy hoặc do những trò tinh nghịch chỉ mang tính đùa chơi của một số tinh linh thiên nhiên thứ yếu thuộc về lớp thứ ba (xem trang 181). Nhưng tinh linh không bao giờ nên được coi là nguyên động lực, nó chỉ là một tiềm lực cần có năng lượng ngoại lai để phát động.

## 2 – *Thế vía của loài thú.*

Đây là một lớp thật rộng lớn, thế nhưng nó không đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trên cõi trung giới vì các thành viên của nó chỉ ở đó một thời gian rất ngắn. Đại đa số con thú cho đến nay chưa biệt lập ngã tính thường xuyên và khi một trong các con thú chết đi thì tinh hoa chơn thần đã biểu hiện qua nó bèn chảy ngược trở lại vào hôn khóm vốn xuất phát ra nó, mang theo sự tiến bộ hoặc trải nghiệm vốn đã đạt được trong khi sinh hoạt trên cõi trần. Tuy nhiên, nó không thể làm như vậy ngay tức khắc; thế vía của con thú bố trí lại cũng

giống như trong trường hợp của con người, và con thú thật sự tồn tại trên cõi trung giới; thời gian tuy nhiên không bao giờ kéo dài lâu mà biến thiên tùy theo trí thông minh được con thú phát triển. Trong hầu hết trường hợp, nó thường có vẻ không khá gì hơn việc có ý thức mơ màng nhưng dường như hoàn toàn hạnh phúc.

Một số tương đối ít những con gia súc vốn đã đạt được mức biệt lập ngã tính rồi và vì vậy không còn tái sinh làm con thú trên thế giới nữa, ắt có một sinh hoạt dài hơn nhiều và sống động hơn trên cõi trung giới so với các đồng loại chậm tiến hơn.

Những con thú đã biệt lập ngã tính như thế thường vẫn ở gần cõi trần tục để tiếp xúc mật thiết với người bạn đặc biệt và người che chở cho mình. Thời kỳ này được nối tiếp bởi một thời kỳ còn hạnh phúc hơn nữa vốn được gọi là tâm thức ngủ gà ngủ gật kéo dài cho tới khi nó khoác lấy hình tướng con người nơi một thế giới tương lai nào đó. Trong thời kỳ ấy y ở vào tình trạng tương tự như tình trạng một con người trên cõi thiên đường mặc dù ở một mức hơi thấp hơn. Một lớp tế phân thú vị của lớp này bao gồm thể vía của những con khí nhân hình mà *Giáo Lý Bí Truyền* (quyển I trang 284) có đề cập tới, chúng đã biệt lập ngã tính rồi và sẽ sẵn sàng nhập thể nơi hình người trong cuộc tuần hoàn sắp tới hoặc có lẽ một số thậm chí còn sớm hơn nữa.

Trong những quốc gia văn minh thì thể vía của những con thú này góp phần nhiều hơn vài cảm giác nói chung mang tính thù địch trên cõi trung giới bởi vì việc giết thịt có tổ chức những con thú trong các lò sát sinh và do đi săn bắn đã đẩy hàng triệu sinh linh lên cõi trung giới đầy khiếp sợ, khủng khiếp và xa lánh con người. Trong những năm gần đây, những xúc cảm này lại được tăng cường nhiều hơn nữa do việc thực hành sự mổ sống.

### 3 – *Đủ thứ tinh linh thiên nhiên.*

Lớp này rộng lớn và biến thiên đến nỗi ở đây ta chỉ có thể trình bày một ý tưởng nào đó về những đặc trưng chung cho toàn thể loại này.

Tinh linh thiên nhiên thuộc về một dòng tiến hóa khác hẳn dòng tiến hóa của chính chúng ta, chúng chưa bao giờ mà cũng sẽ chẳng bao giờ là thành viên của giới nhân loại như chúng ta. Chúng chỉ liên quan tới chúng ta ở mỗi một chỗ là tạm thời chúng sống trên một hành tinh. Chúng dường như tương ứng với những con thú trong một dòng tiến hóa cao hơn. Chúng được chia thành bảy lớp lớn cư trú trong cũng bảy trạng thái vật chất được thẩm nhuần bởi đủ thứ biến thể tương ứng của tinh hoa ngũ hành. Do đó, ta có các tinh linh thiên nhiên của đất, nước, gió, lửa (hoặc hư không); có các thực thể xác định thông minh thuộc cõi trung giới cư ngụ và hoạt động trong mỗi một môi trường này.

Chỉ có thành viên của lớp gió thường cư trú nơi cõi trung giới nhưng số lượng của chúng quá đông đến nỗi chúng hiện diện khắp mọi nơi trên cõi trung giới.

Trong khi tài liệu thời trung cổ, tinh linh của đất thường được gọi là thổ địa, tinh linh của nước được gọi là thủy thần, tinh linh của gió được gọi là phong thần và tinh linh của lửa được gọi là hỏa thần. Trong ngôn ngữ dân gian, người ta thường gọi chúng bằng nhiều danh từ như tiên, thần lùn, quỷ lùn, tiên lùn, tiên nữ, djinns, trolls, thần dê, thần dân giả, kobols, tiểu yêu, yêu tinh, thiện thần v.v...

Chúng có hình dáng thay đổi rất nhiều nhưng thường nhất là mang hình người với kích thước hơi nhỏ một chút. Cũng giống như hầu hết các thực thể trung giới, chúng có thể tùy ý khoác lấy bất cứ hình dáng bên ngoài nào mặc dù chắc chắn chúng có những hình tướng được ưu ái mà chúng khoác lấy khi không có mục đích đặc biệt nào nhằm khoác lấy hình tướng khác. Chúng thường vô hình đối với mắt phàm, nhưng chúng có khả năng khiến cho mắt phàm thấy được mình bằng cách hiện hình khi chúng muốn người ta thấy mình. Đứng đầu mỗi một trong các lớp này là một đáng cao cả, đáng thông tuệ điều khiển và dẫn dắt



toàn thể bộ môn thiên nhiên được quản trị và cấp năng lượng bởi lớp thực thể dưới quyền kiểm soát của mình. Người Ấn độ gọi các đấng này là (1) – *Indras*, tinh quân Akāsha tức hư không; (2) – *Agni*, tinh quân lửa; (3) – *Pavana*, tinh quân gió; (4) – *Varuna*, tinh quân nước; (5) – *Kshiti*, tinh quân đất.

Giới tinh linh thiên nhiên rộng lớn như nêu trên chủ yếu là một giới thuộc cõi trung giới mặc dù phần lớn nó cũng thuộc về các cảnh dĩ thái của cõi hồng trần. Có vô số những tế phân hoặc giống nòi trong đám tinh linh thiên nhiên với những cá thể biến thiên về trí thông minh và bản tính cũng giống như con người vậy. Hầu hết chúng đều hoàn toàn né tránh con người, những thói quen và tia phóng phát của con người làm chúng ghê tởm; các dòng thần lực trung giới thường xuyên ủa ra do những ham muốn lẩn xẩn và không kềm chế được của con người, làm phiền và gây rối cho chúng. Tuy nhiên, thỉnh thoảng chúng cũng kết bạn với con người và thậm chí còn trợ giúp con người.

Thái độ trợ giúp thật hiếm hoi, còn trong hầu hết trường hợp chúng phơi bày hoặc là sự thờ ơ hoặc là không thích hoặc là rất thích thú tinh nghịch khi lừa gạt và gài bẫy được con người. Ta có thể thấy nhiều ví dụ của trường hợp này nơi những vùng sơn cước heo lánh và ở trong *phòng lên đồng*.

Những mảnh khoe lừa gạt của chúng được trợ giúp rất nhiều bằng khả năng kỳ diệu gây hão huyền mà chúng có được sao cho nạn nhân chỉ nhìn thấy và nghe thấy những gì đám tiên này gây ấn tượng lên mình, giống hệt như trường hợp những người bị thôi miên mesmer. Tuy nhiên, đám tinh linh thiên nhiên không thể khống chế được ý chí của con người ngoại trừ trường hợp những người rất yếu bóng vía hoặc những người để cho sự khiếp sợ làm tê liệt ý chí của mình. Chúng chỉ có thể lừa gạt được các giác quan thô và người ta đã từng biết chúng gây hão huyền cho một số lớn người trong cùng một lúc. Một số những thành tích giống như phép lạ nhiều nhất của các thuật sĩ Ấn độ thực hiện cách triệu thỉnh chúng giúp đỡ bằng cách gây ra ảo giác tập thể.

Chúng thường có vẻ có ít ý thức trách nhiệm và có ý chí thường kém cõi hơn người bình thường. Vì vậy, chúng dễ dàng bị thôi miên mesmer khống chế và được dùng để thi hành ý chí của pháp sư. Chúng có thể được sử dụng cho nhiều mục đích và sẽ thi hành nhiệm vụ trong phạm vi khả năng của mình một cách trung kiên và chắc chắn.

Ở những vùng sơn cước, chúng cũng chịu trách nhiệm về việc làm mà mắt một khách lữ hành lỡ bước sao cho y thấy chẳng hạn như những căn nhà và người ta ở nơi mà y biết thật ra chẳng có nhà cửa người ngợm gì hết. Những điều hão huyền này thường không chỉ mang tính tạm thời mà có thể được duy trì trong một thời gian đáng kể, con người hoàn toàn trải qua một loạt lâu dài những cuộc phiêu lưu tưởng tượng nhưng nổi bật để rồi bất chợt thấy rằng mọi phong cảnh xung quanh đang sáng lạn bỗng biến mất, và y bị bỏ mặc đứng trong một thung lũng hoang vắng hoặc trên một bình nguyên gió lộng.

Để làm quen kết bạn với chúng thì con người phải không phóng phát ra những tia mà chúng ghét, chẳng hạn như hơi hám thịt, rượu, thuốc lá và nói chung là dơ dáy cũng như không dâm dục, giận dữ, ganh tị, ghen tuông, hà tiện và chán nản, nghĩa là y phải trong sạch hết mức cả về mặt thể chất lẫn thất tình lục dục. Những xúc cảm cao siêu và thanh khiết bóc chấy đều đều không trời sụt hoang đại tạo ra một bầu hào quang mà các tinh linh thiên nhiên thích thú tắm mình trong đó. Hầu hết mọi tinh linh thiên nhiên cũng thích âm nhạc; thậm chí chúng có thể vào một căn nhà để thưởng thức âm nhạc, tắm mình trong những làn sóng âm thanh, mạch động và lắng lư hài hòa với những âm thanh đó. Các tinh linh thiên nhiên cũng bị gán cho một phần lớn cái gọi là hiện tượng lạ nơi các *buổi lên đồng* của thần linh học; thật vậy nhiều *buổi lên đồng* được thực hiện hoàn toàn do những tạo vật nghịch ngợm này.

Chúng có thể trả lời những câu hỏi, đưa ra những thông điệp giả tạo bằng cách gõ hoặc kéo, phô bày những ánh sáng tinh linh, mang tới những vật từ nơi xa xôi, đọc tư tưởng trong trí bất cứ ai có mặt, phóng hiện chữ viết hoặc hình vẽ và thậm chí hiện hình nữa. Dĩ nhiên, chúng có thể sử dụng khả năng làm mất của mình để bổ sung cho những trò lừa gạt khác.

Chúng có thể tuyệt nhiên không ngụ ý muốn làm hại hoặc lừa gạt mà chỉ gây thơ vui mừng khi thành công đóng vai trò của mình gây ra sự kính sợ, sùng tín và luyến ái mà thiên hạ ào ạt dâng lên cho chúng với vai trò các “tinh linh thân thương” và các “thiên thần trợ lực”.

Chúng chia sẻ niềm vui của người ngồi đồng và cảm thấy mình làm việc tốt lành qua việc an ủi kẻ đang khốn khó.

Đôi khi chúng cũng giả trang thành những hình tư tưởng mà con người tạo ra và nghĩ rằng đó là một trò đùa thú vị khi tha hồ mọc sùng, thời đôi chỗ ra làm đôi, thổi ra lừa khi chúng ùa vào. Đôi khi một đứa trẻ nhạy cảm bị khiếp sợ bởi những dáng vẻ như thế, nhưng nói cho công tâm đối với tinh linh thiên nhiên thì ta phải nhớ rằng bản thân nó không biết sợ do đó không hiểu được tầm mức quan trọng của kết quả, có lẽ nghĩ rằng đứa trẻ chỉ giả vờ khiếp sợ giống như đóng trò chơi.

Không có tinh linh thiên nhiên nào mang cá tính luân hồi thường trụ. Vì vậy, dường như trong cơ tiến hóa của chúng một phần lớn trí thông minh đã phát triển trước khi biệt lập ngã tính xảy ra.

Thọ mạng của đủ thứ lớp tinh linh biến thiên rất nhiều, một số chết yếu nhiều hơn, một số khác thọ nhiều hơn thọ mạng của con người. Nói chung thì kiếp sống của chúng thật đơn giản, vui vẻ, vô trách nhiệm cũng giống như một đám con nít hạnh phúc có thể tự tập chơi đùa trong những hoàn cảnh thuận lợi đặc biệt trên cõi trần.

Trong đám tinh linh thiên nhiên không có giới tính, không có bệnh tật, không có đấu tranh để sinh tồn. Chúng có tính luyến ái sâu sắc và có thể tạo lập những tình bạn thân thiết và bền vững. Chúng có thể ghen tuông và giận dữ nhưng những thứ ấy dường như nhanh chóng mờ nhạt đi trước sự hân hoan nô nức trong mọi thao tác của thiên nhiên vốn là đặc trưng nổi bật nhất của chúng.

Cơ thể của chúng không có cấu trúc nội tạng sao cho chúng không thể bị xé toạc ra hay bị thương; lạnh và nóng cũng không ảnh hưởng gì tới chúng. Chúng dường như hoàn toàn vô úy. Mặc dù nhiều mảnh khoe và thủ đoạn, chúng hiếm khi có ác ý nếu không bị cố tình khiêu khích. Nói chung thì chúng không tin vào con người và thường bực mình khi thấy một người mới xuất hiện trên cõi trung giới sao cho chúng thường xuất hiện dưới dáng vẻ khó chịu hoặc gây khủng bố để đối đầu với người ấy. Tuy nhiên, nếu y không chịu để chúng bắt nạt thì chẳng bao lâu chúng sẽ chấp nhận y là người khách đương nhiên, không chú ý tới y nữa, thậm chí một số còn có thể kết bạn với y.

Một trong những thú vui sắc sảo nhất của chúng là chơi giỡn đùa nghịch theo cả trăm cách khác nhau với đám con nít trên cõi trung giới mà ta gọi là “đã chết”.

Một số tinh linh ít ấu trĩ hơn và có tư cách hơn đôi khi được kính nể là thần rừng hoặc thành hoàng. Những vị thần này đánh giá cao sự xu nịnh mà người ta dâng cho họ và chắc chắn sẵn lòng phục vụ những chuyện lật vặt mà mình có thể làm được để báo đáp.

Chọn sự biết cách sử dụng các dịch vụ của đám tinh linh thiên nhiên và thường giao phó cho chúng nhiều công việc; nhưng một pháp sư thông thường chỉ có thể làm được như vậy bằng cách triệu thỉnh nghĩa là thu hút sự chú ý của chúng qua sự cầu khẩn và tiến hành một loại mặc cả với chúng hoặc bằng cách trực triệu nghĩa là bắt buộc chúng vâng lời mình.

Cả hai phương pháp này đều cực kỳ bất hảo, việc trục triệu cũng cực kỳ nguy hiểm bởi vì người thao tác có thể mua thù chuốc oán vốn có thể khiến y thiệt mạng. Không một đệ tử Chơn sư nào được phép toan tính làm bất cứ điều gì giống như vậy.

Loại tinh linh thiên nhiên cao cấp nhất gồm các phong thần tức tinh linh vốn có thể vía là thể thấp nhất. Chúng có trí thông minh ngang bằng với người thường. Phương pháp thông thường để cho chúng đạt mức biệt lập ngã tính là liên kết với và yêu thương những thành viên thuộc trình độ kế cận cao hơn chúng tức các thiên thần cõi trung giới.

Một tinh linh thiên nhiên trải nghiệm kiếp người có thể nhập xác một người đang sống trên cõi trần.

Cũng có khi một lớp tinh linh thiên nhiên nào đó đã hiện hình trên cõi trần rồi bước vào những quan hệ bất hảo với đàn ông và đàn bà. Có lẽ do sự kiện này mới có những câu chuyện nhằm nói tới một dòng tiến hóa hoàn toàn khác dưới nhân loại. Nhân tiện xin nói, ta nên lưu ý mặc dù giới tinh linh thiên nhiên khác hẳn giới nhân loại – không giới tính, không biết sợ, chẳng đấu tranh sinh tồn – thế nhưng kết quả cuối cùng trong sự phát triển của chúng xét về mọi mặt đều tương đương với mức loài người đạt được.

#### 4 – Các thiên thần

Những sinh linh mà dân Ấn độ gọi là chư thiên thì ở các nơi khác được gọi là thiên thần, con Thượng Đế v.v... Họ thuộc về một dòng tiến hóa khác hẳn dòng nhân loại, một dòng tiến hóa trong đó ta có thể coi họ là một giới kế cận cao hơn loài người.

Trong khi tài liệu Đông phương, từ ngữ Chư thiên thường được dùng mơ hồ ngụ ý bất cứ loại thực thể phi nhân nào. Ở đây, nó được dùng theo nghĩa giới hạn như nêu trên.

Họ chưa bao giờ là người bởi vì hầu hết đã vượt qua giai đoạn làm người rồi, nhưng có một số thiên thần trong quá khứ đã từng là người.

Cơ thể của thiên thần linh hoạt hơn cơ thể của con người, kết cấu hào quang của họ có thể nói là lỏng lẻo hơn, hào quang ấy có thể mở rộng ra và co rút lại rất nhiều, có một tính cách bốc lửa nào đó rõ ràng là phân biệt hẳn với thiên thần (vốn hầu như luôn luôn là hình người) ít xác định hơn nhiều so với hình người, thiên thần sống ở ngoại biên trên khắp vùng hào quang so với con người tập trung vào nơi giữa. Chư thiên thường hiện ra thành những con người có kích thước khổng lồ. Họ có ngôn ngữ màu sắc vốn có lẽ không xác định như ngôn ngữ của chúng ta, mặc dù xét về một số phương tiện nó có thể diễn tả được nhiều hơn.

Chư thiên thường kề cận trong tầm tay và sẵn lòng xiển dương cũng như làm gương cho những đệ tử theo đường lối của riêng mình nhằm cho bất cứ người nào đã tiến hóa đúng mức thẩm định được các đệ tử này.

Mặc dù có liên quan tới trái đất nhưng chư thiên tiến hóa theo một hệ thống rộng lớn gồm bảy dãy hành tinh, toàn thể bảy thế giới của ta chỉ là một thế giới duy nhất đối với họ. Rất ít người trong đám nhân loại chúng ta đạt tới mức có thể gia nhập dòng tiến hóa thiên thần. Hầu hết những binh lính được tuyển mộ trong giới thiên thần đều bắt nguồn từ những nhân loại khác trong thái dương hệ, một số thấp hơn và một số cao hơn nhân loại chúng ta.

Mục đích của dòng tiến hóa thiên thần là nâng cao mức tiên tiến nhất của mình lên mức cao hơn nhiều so với mức được dự tính cho nhân loại trong thời kỳ tương ứng. Ba bộ phận lớn thuộc loại thấp của thiên thần là (1) – Kāmadevas có cơ thể thấp nhất là thể vía, (2) – Rūpadevas có cơ thể thấp nhất là hạ trí, (3) – Arūpadevas có cơ thể thấp nhất là thượng trí tức thể nguyên nhân.

Muốn cho Rūpadevas và Arūpadevas biểu lộ trên cõi trung giới thì ít ra điều này cũng hiếm hoi như muốn cho một thực thể cõi trung giới hiện hình trên cõi hồng trần.

Bên trên ba lớp này là bốn phân bộ lớn khác và bên trên vượt quá tầm với nữa so với giới thiên thần là đội quân vĩ đại các Chơnlinh Hành tinh.

Ở đây, ta chỉ quan tâm chủ yếu tới các Kāmādevas. Nói chung thì người bình thường trong nhóm họ cũng cao siêu hơn nhiều so với người thường trong nhóm chúng ta, bởi vì tất cả những gì dốt khoát là gian ác đều đã bị họ loại trừ từ lâu rồi. Họ khác nhau rất nhiều về bản tính và một người thực sự có tính linh có thể tiến hóa cao hơn một số những vị ấy.

Họ chỉ chú ý tới một vài lời triệu thỉnh pháp thuật, nhưng ý chí duy nhất của nhân loại có thể khống chế được họ là ý chí của một lớp cao siêu nào đó, các bậc Cao đồ.

Theo thông lệ, họ dường như ít có ý thức về cõi hồng trần mặc dù đôi khi một trong những người ấy có thể trợ giúp nhiều như bất kỳ người nào trong chúng ta trợ giúp một con thú đang mắc nạn. Tuy nhiên, họ hiểu rằng ở giai đoạn hiện nay thì bất kỳ sự can thiệp nào vào những sự vật con người cũng rất có thể gây hại hơn là mang lại điều lợi ích. Ở đây, ta nên đề cập tới *Tứ đại thiên vương* mặc dù các ngài nói cho nghiêm xác không thuộc về bất cứ thứ nào trong các lớp của chúng ta.

Bốn đấng này đã trải qua một cơ tiến hóa chắc chắn là chẳng có gì tương ứng với nhân loại của chúng ta.

Người ta gọi các ngài là những đấng Cai quản Trái đất, Thiên thần tứ phương hoặc *Tứ đại thiên vương*. Chẳng những các ngài chỉ huy các thiên thần mà còn quản lý “tứ đại” là đất, nước, gió, lửa cùng với các tinh linh thiên nhiên và tinh hoa ngũ hành ở trong đó. Để cho tiện lợi, ta lập thành bảng biểu những mẫu thông tin khác liên quan tới các ngài như sau:

Tên gọi	Phương thích hợp trên la bàn	Đội quân tinh linh	Màu sắc biểu tượng
Dhritarāshira	Phương Đông	Gandharvas	Màu trắng
Virūdhaka	Phương Nam	Kunbhandas	Màu xanh lơ
Virūpaksha	Phương Tây	Long thần	Màu đỏ
Vaishrāvana	Phương Bắc	Dạ xoa	Màu hoàng kim

*Giáo Lý Bí Truyền* đề cập tới các ngài là “những bầu có cánh và những bánh xe rục lửa”, còn trong kinh thánh Kitô giáo Ezekiel ra sức miêu tả các ngài bằng những từ ngữ rất giống như vậy. Biểu tượng hệ của mọi tôn giáo đều có nhắc tới các ngài và người ta luôn luôn tôn kính các ngài nhất, coi đó là các đấng bảo vệ cho loài người.

Các ngài là tác nhân Nghiệp quả của con người trong khi họ còn sống trên trần thế, và như vậy, các ngài đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong vận mệnh con người. Các đấng thần linh coi về Nghiệp quả của càn khôn tức Lipaka cân nhắc các hành vi của mỗi phạm ngã khi có sự phân ly tối hậu của các nguyên khí diễn ra vào lúc kết thúc sinh hoạt trên cõi trung giới của nó và có thể nói nó là cái khuôn được cung cấp cho thể dĩ thái chính xác thích hợp với Nghiệp quả của con người trong kiếp tới. Nhưng chính các đấng *Tứ đại thiên vương* vì điều khiển tứ đại phải cấu thành thể phách, cho nên mới sắp xếp tỉ lệ của chúng sao cho hoàn thành chính xác được ý định của các đấng Lipika.

Suốt đời các ngài thường xuyên hòa giải những sự thay đổi du nhập vào thân phận con người do tự do ý chí của chính y và của những người xung quanh y sao cho Nghiệp quả có thể được thanh toán một cách chính xác và công bằng. Trong *Giáo Lý Bí Truyền* quyển I trang 122 – 126, ta thấy có một phần tiểu luận uyên bác về những đấng này. Các ngài có thể



tùy ý khoác lấy hình tướng vật chất của con người và người ta đã ghi lại những trường hợp các ngài làm như thế.

Mọi tinh linh thiên nhiên cao cấp hơn và đội quân tinh linh nhân tạo ấy đóng vai trò tác nhân của ngài trong công trình vĩ đại này, nhưng mọi manh mối đều nằm trong tay chính các ngài và các ngài chịu trách nhiệm hoàn toàn. Các ngài ít khi biểu lộ trên cõi trung giới, nhưng khi biểu lộ thì các ngài chắc chắn là những cư dân phi nhân loại đáng chú ý nhất.

Thực ra ắt phải có bảy Thiên vương chứ không phải tứ Thiên vương, nhưng ngoài vòng các giới Điem đạo thì người ta chẳng biết mấy và ta hầu như không thể nói gì liên quan tới ba đẳng cao hơn.

## **CHƯƠNG XXI**

### **CÁC THỰC THỂ TRUNG GIỚI: NHÂN TẠO**

Các thực thể nhân tạo hợp thành lớp lớn nhất và cũng hầu như quan trọng nhất đối với con người. Chúng bao gồm một khối khổng lồ sơ khai những thực thể bán thông tuệ. Trong đám họ khác nhau cũng giống như tư tưởng con người khác nhau cho nên thực tế ta không thể phân loại và bố trí chi tiết. Vì hoàn toàn do chính con người sáng tạo ra cho nên chúng có liên quan tới con người theo những mối nhân quả mật thiết nhất, tác động của chúng đối với con người là trực tiếp và không ngừng.

#### *1 – Những Tinh linh được tạo thành một cách Vô thức*

Cách thức mà các hình tư tưởng dục vọng này bước vào tồn tại đã được miêu tả ở Chương bảy. Ham muốn và tư tưởng của con người chộp lấy tinh hoa ngũ hành mềm dẻo rồi ngay tức khắc uốn nắn nó ra thành một sinh linh sống động có hình dáng thích hợp. Hình tư tưởng này tuyệt nhiên không chịu sự kiểm soát của người sáng tạo ra mình mà sống cuộc đời của riêng mình, thọ mạng của nó tỉ lệ với cường độ của tư tưởng sáng tạo ra nó và cơ thể vào khoảng từ vài phút tới nhiều ngày. Muốn có thêm những chi tiết đặc biệt xin học viên hãy tham chiếu trở lại Chương bảy.

#### *2 – Các Tinh linh được tạo thành một cách Hữu thức*

Rõ ràng là các tinh linh được tạo thành một cách hữu thức do những người đang cố tình tác động và biết chính xác điều mình đang làm; những tinh linh này có thể mạnh hơn vô cùng so với những tinh linh được tạo thành một cách vô thức. Các huyền bí gia của cả trường phái chánh đạo lẫn trường phái tà đạo đều thường dùng tinh linh nhân tạo trong công việc của mình và ít nhiệm vụ nào nằm ngoài tầm quyền năng của những tạo vật như thế khi nó được điều chế một cách khoa học và điều khiển một cách đầy hiểu biết và tài năng. Người nào biết cách làm như vậy có thể duy trì mối quan hệ với tinh linh của mình và điều khiển nó sao cho nó thực tế sẽ đóng vai trò đường như thể được phú cho trí thông minh trọn vẹn của chủ.

Ta không cần lập lại ở đây những lời mô tả về loại tinh linh này vì nó đã được trình bày rồi ở Chương bảy.

#### *3 – Những Con người Nhân tạo*

Đây là một lớp rất đặc thù chỉ bao hàm một vài cá thể nhưng có tầm quan trọng vượt ngoài tỉ lệ về số lượng, bởi vì nó có liên quan mật thiết tới phong trào thần linh học.

Để giải thích sự phát nguyên của nó, ta cần trở lại Châu Atlantis thời xưa. Trong số các chi bộ nghiên cứu Huyền bí học trước khi được Điem đạo do các Cao đồ Chánh pháp lập nên có một chi bộ vẫn còn tuân thủ cùng một nghi thức như thời cự thế giới và vẫn dạy cũng ngôn ngữ Atlante là một ngôn ngữ linh thiêng và ẩn tàng như thời Châu Atlantis.

Các huấn sư trong chi bộ này chưa đạt tới mức Cao đồ và chi bộ không trực tiếp là một phần của Huyền giai Huynh đệ Hi mã Lạp sơn, mặc dù có một số Cao đồ Hi mã Lạp sơn liên quan tới nó trong những kiếp trước. Vào khoảng giữa thế kỷ XIX, những người lãnh đạo chi bộ này vì thất vọng trước chủ nghĩa duy vật hoành hành ở Âu châu và Mỹ châu đã quyết định chiến đấu chống lại nó bằng những phương pháp mới và cung cấp cơ hội cho bất cứ người nào có lý trí có thể đạt được bằng chứng về cuộc sống bên kia cửa tử không cần có thể xác.

Phong trào được tạo dựng như vậy tăng trưởng thành ra mạng lưới rộng lớn thần linh học hiện đại với số tín đồ lên tới cả triệu người. Cho dù người ta có thể theo được những kết quả khác thì chắc chắn rằng nhờ vào thần linh học, một số lớn người ta đã đạt được niềm tin

dù sao đi nữa cũng có một loại kiếp sống tương lai nào đó. Đây là một thành công rực rỡ mặc dù một số người nghĩ rằng người ta đã đạt được điều ấy mà phải trả giá quá đắt.

Phương pháp được chọn dùng là chọn một người bình thường sau khi chết, làm y thức tỉnh hoàn toàn trên cõi trung giới, huấn luyện cho y đến một chừng mực nào đó có được quyền năng và khả năng thuộc về cõi trung giới rồi để cho y phụ trách một nhóm thần linh học. Đến lượt y lại “phát triển” những phạm ngã đã quá cố khác theo cùng đường lối ấy, tất cả đều tác động lên những kẻ *ngồi đông* để “phát triển” họ thành đồng cốt. Các lãnh tụ của phong trào này chắc chắn là đôi khi cũng biểu lộ qua hình tướng trên cõi trung giới ở các nhóm lên đồng, nhưng trong hầu hết mọi trường hợp, họ chỉ điều khiển và dẫn dắt theo mức họ thấy xét là cần thiết. Chắc chắn là phong trào đã gia tăng nhiều đến mức chẳng bao lâu nó vượt ngoài tầm kiểm soát của họ; vì vậy đối với nhiều sự phát triển sau này thì họ chỉ chịu trách nhiệm gián tiếp thôi.

Sự gia tăng sinh hoạt trên cõi trung giới của những “người kiểm soát” chịu trách nhiệm về các nhóm lên đồng rõ rệt là làm trì hoãn sự tiến bộ tự nhiên của họ và mặc dù người ta nghĩ rằng việc đền bù cho những mất mát ấy là do kết quả của nghiệp tốt qua việc dẫn dắt người khác tiến tới sự thật, nhưng chẳng bao lâu sau người ta thấy rằng không thể sử dụng một “vong linh hướng dẫn” trong bất cứ thời gian lâu dài nào mà không gây ra cho y sự thiệt hại thường xuyên nghiêm trọng.

Trong một số trường hợp, những “người hướng dẫn” ấy được rút lại và được thay thế bằng những người khác. Tuy nhiên, trong những trường hợp khác, người ta xét thấy không nên thay đổi như vậy, thế là một mảnh khóc đáng chú ý được chọn dùng làm nảy sinh ra cái lớp kỳ lạ tạo vật mà ta gọi là “người nhân tạo”.

Các nguyên khí cao của “người hướng dẫn” nguyên thủy được phép vượt qua dòng tiến hóa bị trì hoãn lâu dài tiến nhập vào cõi thiên đường, nhưng u hồn (xem trang 170) mà y bỏ lại bên bị chiếm hữu, nuôi dưỡng rồi tác động lên sao cho nó có thể xuất hiện nơi nhóm lên đồng thực tế cũng giống như trước kia.

Thoạt tiên thì các thành viên của chi bộ dường như đã thực hiện điều này, nhưng cuối cùng thì người ta quyết định rằng vong linh người quá cố được bổ nhiệm để nối tiếp “vong linh hướng dẫn” cũ nên làm như thế rồi chiếm hữu u hồn hoặc ma hồn của vong linh hướng dẫn cũ và quả thật chỉ khoác lấy dáng vẻ của y. Đây là điều được gọi là “thực thể người nhân tạo”.

Trong một số trường hợp, có khá nhiều thay đổi dường như đã được thực hiện mà không gây ra sự nghi ngờ, nhưng mặt khác một số người nghiên cứu thần linh học đã quan sát thấy rằng sau một thời gian đáng kể thì những sự khác nhau đột nhiên xuất hiện trong cách thức và phong thái của một “vong linh”.

Không một thành viên nào của Hội đoàn Huynh đệ Hi mã Lạp sơn đã từng đảm nhiệm việc tạo ra một thực thể nhân tạo loại này, mặc dù họ cũng không thể can thiệp khi có bất cứ ai nghĩ rằng nên tiến hành lộ trình ấy.

Ngoài việc gây ra sự thất vọng, việc dàn xếp như vậy còn có nhược điểm là những người khác ngoài vòng chi bộ nguyên thủy cũng có thể bắt chước nhái theo cách đó và chẳng có gì ngăn cản những nhà pháp thuật tà đạo cung cấp các vong linh tiếp dẫn mà quả thật họ đã từng được biết là chơi trò ấy.

## CHƯƠNG XXII THẦN LINH HỌC

Ngày nay “Thần linh học” được dùng để biểu thị sự giao tiếp thuộc nhiều loại khác nhau trong cõi trung giới thông qua một đồng cốt.

Nguồn gốc và lịch sử của phong trào Thần linh học đã được miêu tả ở Chương 21.

Cơ chế dĩ thái khiến ta có thể đạt được hiện tượng Thần linh học đã được miêu tả đầy đủ trong quyển Thở Phách và xin học viên hãy tham chiếu tác phẩm này.

Bây giờ ta chỉ còn xét tới giá trị (nếu có) của phương pháp giao tiếp này với cõi vô hình và bản chất của những nguồn thông tin giúp ta giao tiếp.

Vào thời kỳ đầu của Hội Thông Thiên Học, bà H. P. Blavatsky hăng hái viết rất nhiều về đề tài Thần linh học, nhấn mạnh tới tính không chắc chắn của toàn thể sự việc, và phàn nàn chiếm ưu thế so với những chuyện hiện hình có thực. Dường như chắc rằng quan điểm ấy phần lớn đã xác định một thái độ thiếu thiện cảm của hầu hết hội viên Thông Thiên Học đối với Thần linh học nói chung.

Mặt khác, ông C. W. Leadbeater quả quyết rằng kinh nghiệm cá nhân của chính ông lại tỏ ra thuận lợi hơn. Ông bỏ ra vài năm thực nghiệm về Thần linh học và tin rằng bản thân ông đã lập đi lập lại một cách thực tế mọi hiện tượng lạ mà ta có thể đọc biết trong kho tài liệu về đề tài này.

Theo kinh nghiệm của ông thì ông thấy rằng đa số sự hiện hình là chân thực. Các thông điệp mà chúng ban ra thường chẳng có gì thú vị và giáo lý của chúng được ông mô tả là thường giống như “Ki Tô giáo và nước”; tuy nhiên trong một chừng mực nào đó nó phóng khoáng hơn và tiên tiến hơn lập trường chính thống ngu tín.

Ông C. W. Leadbeater nêu rõ rằng các nhà Thần linh học và Thông Thiên Học có chung với nhau nhiều lãnh vực quan trọng: (1) sinh hoạt sau khi chết chắc chắn là tồn tại thực sự sống động; (2) cũng chắc chắn là có sự tiến bộ vĩnh hằng và hạnh phúc tối hậu cho mọi người, dù tốt hay xấu. Hai đề tài này có tầm quan trọng lớn lao và nghiêm xác đến nỗi nó cấu thành một lập trường tiên tiến hơn nhiều so với lập trường chính thống bình thường; cho nên dường như thật đáng tiếc khi các nhà Thần linh học và Thông Thiên Học không thể tiếp tay nhau về những đề tài rộng lớn, và hiện nay chỉ khác nhau có những điều nhỏ nhỏ cho đến khi ít nhất là thế giới đã được cải đạo để biết nhiều sự thật. Trong công trình này còn có nhiều chỗ cho hai đoàn thể những người mưu cầu sự thật.

Những người muốn chứng kiến các hiện tượng lạ, những người không thể tin được bất cứ điều gì mà không tự mắt mình nhìn thấy, tự nhiên là bị thu hút về Thần linh học. Mặt khác, những người muốn có triết lý hơn mức mà Thần linh học thường cung cấp, tự nhiên là quay sang Thông Thiên Học. Như vậy cả hai phong trào đều cung phụng cho kẻ phóng khoáng với đầu óc cởi mở nhưng thuộc hai loại người khác hẳn nhau. Trong khi đó xét theo những cứu cánh to lớn có thể bị phương hại thì sự hài hòa và đồng ý giữa hai phong trào này dường như đáng mong muốn hơn.

Phải nói rằng Thần linh học có uy tín ở chỗ nó đạt được mục đích nhằm cải đạo một số lớn người từ việc chẳng tin cái gì đặc biệt sang việc tin chắc dù sao đi nữa cũng là một loại kiếp sống tương lai nào đó. Như chúng tôi có nói ở chương vừa qua, điều này chắc chắn là một kết quả rực rỡ mặc dù có những người nghĩ rằng phải trả giá quá đắt để đạt được điều ấy.

Chắc chắn là Thần linh học nguy hiểm đối với những người có bản chất đa cảm, dễ bị kích thích thần kinh và dễ chịu ảnh hưởng ngoại lai, họ không nên tiến hành nghiên cứu quá



xa vì những lý do mà bây giờ đã rành rành ra đời với học viên. Nhưng không có cách nào dễ dàng hơn để xua tan việc không tin vào bất cứ thứ gì nằm ngoài tầm cõi hồng trần bằng cách thử một vài thí nghiệm và có lẽ cũng bỏ công để chịu rủi ro trong việc tiến hành điều ấy.

Ông C. W. Leadbeater không sợ mà khẳng định rằng bất chấp sự lừa gạt và gian dối chắc chắn đã xảy ra trong một số trường hợp, có những chân lý lớn lao đằng sau khoa Thần linh học có thể phát hiện được bởi bất cứ ai sẵn lòng bỏ ra thời gian cần thiết để kiên nhẫn nghiên cứu. Dĩ nhiên có một kho tài liệu to lớn và càng ngày càng gia tăng về đề tài này.

Hơn nữa, nhiều việc tốt như việc được thực hiện bởi *những vị phò trợ vô hình* (xem chương 28) đôi khi cũng được thực hiện qua tác nhân của một đồng cốt hoặc của một người nào đó hiện diện trong buổi lên đồng. Như vậy, Thần linh học thường cảm chân các vong hồn – nếu không bị như vậy thì họ đã được giải thoát nhanh hơn – thế nhưng nó cũng cung cấp những phương tiện để giải thoát cho những người khác và vậy là mở ra đường tiến cho những người ấy. Đã có những ví dụ trong đó người chết có thể xuất hiện mà không có sự trợ giúp của một người đồng cốt, hiện ra với thân bằng quyến thuộc để giải thích mình mong muốn điều gì. Nhưng những trường hợp như thế thật hiếm hoi và trong hầu hết trường hợp, các vong hồn quyến luyến có thể thoát khỏi những nỗi lo âu của mình chỉ nhờ vào dịch vụ của một đồng cốt hoặc một “người cứu trợ vô hình” hữu thức.

Như vậy thật sai lầm khi chỉ nhìn vào khía cạnh tối tăm của Thần linh học; không được quên rằng nó đã đóng góp một lượng lớn điều tốt trong loại công tác này bằng cách giúp cho người đã quá cố có cơ hội dần xếp công việc của mình sau khi đột nhiên lìa trần bất ngờ.

Người nghiên cứu những trang sách này không nên ngạc nhiên khi thấy trong số các nhà Thần linh học có một số kẻ ngu tín và hẹp hòi chẳng hạn như chẳng biết gì về sự luân hồi: thật vậy, có lẽ đa số nhà Thần linh học Anh Mỹ chưa hề biết tới sự kiện ấy mặc dù có những trường phái Thần linh học giảng dạy nó. Ta đã thấy rằng khi một người chết đi thì y thường đánh bạn với những kẻ mà mình đã quen biết trên trần thế: y loanh quanh chính xác quanh quẩn cũng loại người ấy giống như trong buổi sinh thời. Vì thế cho nên người ấy cũng chẳng có mấy khả năng biết được hoặc nhận ra được sự thật về luân hồi sau khi đã chết cũng chẳng khác gì trước khi chết. Nhiều người bung tai bịt mắt trước mọi ý tưởng mới do ảnh hưởng của vô số thành kiến; họ mang theo những thành kiến này vào trong cõi trung giới mà những thành kiến ấy cũng đâu có tuân theo lý trí và óc phân biệt phải trái bình thường ở cõi trung giới chẳng khác nào trên cõi hồng trần.

Dĩ nhiên một người thật sự có đầu óc cởi mở có thể học được nhiều điều trên cõi trung giới; y có thể nhanh chóng làm quen với toàn bộ giáo huấn Thông Thiên Học và có những người chết đã làm như thế. Vì vậy, thường xảy ra việc trong những thông tin của giới vong linh có một bộ phận của giáo huấn Thông Thiên Học.

Ta cũng nên nhớ rằng có một khoa Thần linh học cao cấp mà công chúng chẳng biết gì, nó chưa bao giờ công bố bất cứ tường trình nào về kết quả của mình. Nhóm Thần linh học ưu tú nhất hoàn toàn có tính cách riêng tư, chỉ hạn chế vào một số nhỏ những người lên đồng. Trong nhóm ấy, cũng số lượng người ấy cứ gặp nhau mãi và không có người ngoài nào gia nhập để tạo ra bất cứ sự biến đổi về từ điển. Như vậy, hoàn cảnh đã được tạo dựng một cách hoàn hảo phi thường và kết quả thu được hay mang tính gây sững sờ nhiều nhất. Thường thường cái gọi là người chết cũng chỉ là bộ phận trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình giống như là người sống. Khía cạnh ẩn tàng của *những buổi lên đồng* ấy thật là huy hoàng: những hình tư tưởng bao quanh chúng đều tốt đẹp và được dự tính để nâng cao trình độ tâm trí và tâm linh của cộng đồng.

Ở những buổi lên đồng công cộng thì có một lớp người chết hoàn toàn thấp kém xuất hiện bởi vì từ khi đã bị pha trộn hồ lớn.

Một trong những lời phản đối nghiêm túc nhất về việc thực hành Thần linh học nói chung đó là việc người thường sau khi chết thì tâm thức đều đều dâng lên từ phần thấp hèn của bản chất hướng tới phần cao thượng; như ta có nói đi nói lại, Chơn ngã đang đều đều triệt thoái ra khỏi các hạ giới, vì vậy rõ ràng là sự tiến hóa của nó không được trợ giúp khi phần thấp hèn lại được tái khởi hoạt từ trạng thái vô thức tự nhiên đáng mong muốn mà nó đang trải qua để rồi bị lôi kéo trở lại tiếp xúc với trần thế ngổ hầu giao tiếp qua một người đồng cốt.

Như vậy, thật là một sự tử tế độc ác khi chèo kéo xuống cõi trần tục một người mà hạ trí vẫn còn khao khát thỏa mãn lòng tham dục bởi vì nó trì hoãn sự tiến hóa đi lên của y và cắt ngang điều nên tiến bộ theo thứ tự. Vậy là thời kỳ ở cõi trung âm (Kāmaloka) được kéo dài ra, thể vía được nuôi dưỡng và sự khống chế của nó đối với Chơn ngã vẫn được duy trì; thế là sự tự do của linh hồn bị trì hoãn, “con chim yến bắt tử vẫn còn bị lớp keo bẫy chim trần thế cột chặt lại”.

Nhất là trong trường hợp tử tử và bất đắc kỳ tử thì rất không nên khơi hoạt lại trishnā tức là lòng ham muốn tồn tại trong cõi hữu tình.

Nguy cơ đặc biệt của điều này sẽ nảy sinh ra khi ta nhớ lại rằng, bởi vì Chơn ngã đang triệt thoái về bản thân cho nên nó càng ngày càng ít có thể gây ảnh hưởng hoặc dẫn dắt được bộ phận thấp hèn trong tâm thức mình; tuy nhiên nếu sự phân ly chưa hoàn tất thì bộ phận thấp hèn này vẫn có khả năng gây ra nghiệp trong những tình huống dễ xảy ra điều ác hơn là điều thiện để thêm vào biên bản đã có trong lúc sinh thời.

Hơn nữa, người nào đã sống một cuộc đời ác độc và đầy lòng khao khát cuộc sống trần thế mà mình vừa rời bỏ và không còn trực tiếp nếm trải được những thú vui xác thịt, thì họ có khuynh hướng tụ tập xung quanh những người đồng cốt và những nhà ngoại cảm, cố gắng sử dụng họ để cho chính mình được thỏa mãn. Đây là một trong những lực lượng nguy hiểm nhất mà những kẻ vô ý vô tứ và tò mò tọc mạch đã háo hức đương đầu với trong lúc còn vô minh.

Một thực thể trung giới đang tuyệt vọng có thể tóm lấy một nhà ngoại cảm đang lên đồng, nhập xác y hoặc thậm chí có thể đi theo y về tận nhà để nhập xác vợ hoặc con gái y.

Đã có nhiều trường hợp như thế và thường thường thì hầu như ta không thể rũ bỏ được một thực thể đang nhập xác người như vậy.

Ta đã thấy lòng đam mê phiền não và ham muốn của những người bạn trên trần thế cũng có khuynh hướng thu hút những thực thể đã quá cố xuống trở lại cõi trần thế, như vậy là thường gây ra sự đau khổ sâu sắc cho người đã quá cố cũng như can thiệp vào lộ trình bình thường của cơ tiến hóa.

Bây giờ ta hãy quay sang các loại thực thể vốn có thể giao tiếp thông qua một người đồng cốt và ta có thể xếp loại chúng như sau đây:

- những người đã chết trên cõi Trung giới,
- những người đã chết trên cõi Devachan,
- các u hồn,
- các ma hình,
- các ma hình được cấp thêm sinh lực,
- các Tinh linh Thiên nhiên,
- Chơn ngã của người đồng cốt,
- Các Cao đồ,

- Các Đấng Ứng Hóa Thân (Nirmānakāya).

Vì hầu hết các thực thể này đã được miêu tả ở Chương 14 bàn về *Các Thực thể trên Trung giới* cho nên ở đây ta chẳng cần nói thêm bao nhiêu điều nữa về thực thể ấy.

Xét về lý thuyết thì bất cứ người đã chết nào trên cõi trung giới cũng có thể giao tiếp thông qua một người đồng cốt, mặc dù điều này dễ dàng hơn nhiều xét theo các cảnh giới thấp và càng ngày càng khó khăn khi thực thể vươn lên tới các cảnh cao hơn. Vì thế cho nên trong mọi tình huống tương đương với nhau, tự nhiên là ta nghĩ rằng đa số những sự giao tiếp mà ta nhận được trong những buổi lên đồng ắt xuất phát từ các cảnh thấp và do đó là từ những thực thể tương đối chậm tiến.

Học viên ắt nhớ lại rằng (Xem trang 138) những người tự tử và những nạn nhân bất đắc kỳ tử, kể cả những tội phạm bị hành quyết, đều bị hồn lìa khỏi xác trong khi đang tràn đầy nhựa sống; họ đặc biệt rất có thể bị cuốn hút về một người đồng cốt với hi vọng thỏa mãn được trishnā, tức lòng khao khát sống.

Vì thế cho nên người đồng cốt là nguyên nhân giúp họ phát triển một loạt *Uẩn* (Skandhas) mới (xem trang 209), một cơ thể mới có khuynh hướng và đam mê còn tồi tệ hơn cả cơ thể mà họ vừa mất. Điều này ắt gây ra vô vàn điều gian tà cho Chơn ngã và khiến cho nó phải tái sinh theo một kiếp hiện tồn tồi tệ hơn nhiều so với trước kia.

Sự giao tiếp với một thực thể ở Devachan nghĩa là trên cõi trời cần được giải thích thêm một chút nữa. Khi nhà ngoại cảm hoặc người đồng cốt có bản chất thanh khiết hoặc cao cả thì Chơn ngã đã giải thoát của y có thể vươn lên tới cõi Devachan và tiếp xúc với thực thể nhập Devachan ở đó. Người ta thường có cảm tưởng là thực thể từ cõi Devachan đã giáng nhập xuống người đồng cốt, nhưng sự thật ngược hẳn lại. Chính Chơn ngã của người đồng cốt đã vươn lên tới mức của thực thể ở Devachan. Do tình huống đặc thù của tâm thức các thực thể nhập Devachan (mà chúng ta không thể xét tới trong quyển sách này) cho nên những thông điệp thu được từ đó không thể hoàn toàn đáng tin cậy: cùng lắm thì người đồng cốt hoặc nhà ngoại cảm cũng chỉ có thể biết, nhìn thấy và cảm thấy những điều mà thực thể đặc thù nhập Devachan biết, nhìn thấy và cảm thấy. Vì thế cho nên nếu ta sa đà vào việc tổng quát hóa thì có nhiều khả năng sai lầm bởi vì mỗi thực thể nhập Devachan đều sống trong bộ môn đặc thù của riêng mình thuộc cõi trời. Ngoài cái nguồn sai lầm này ra, khi tư tưởng, kiến thức và tình cảm của thực thể nhập Devachan tạo nên thực chất của vấn đề thì rất có thể là phạm ngã của chính người đồng cốt cùng với những tiên kiến của y sẽ chi phối cái dạng giao tiếp.

*Một u hồn (shade)* (xem trang 107) có thể thường xuất hiện và giao tiếp trong những buổi lên đồng; vì có dáng vẻ chính xác của thực thể đã quá cố, có trí nhớ, những thói đặc thù v.v. . . của thực thể ấy cho nên nó thường bị nhầm lẫn là chính thực thể ấy mặc dù bản thân nó không hề có tình nhập vai. Nó quả thật là một “mớ vô hồn những phẩm chất tồi tệ nhất” của thực thể ấy.

*Một ma hình (shell)* (xem trang 171) cũng giống chính xác như thực thể đã quá cố mặc dù nó chẳng qua là cái xác chết trên cõi trung giới của thực thể ấy sau khi mọi hạt tâm trí đã rời bỏ xác chết. Khi nhập vào trong phạm vi hào quang của người đồng cốt nó có thể nhất thời được linh hoạt lên thành ra một thứ nhái lại của thực thể chân thực.

Những “âm ma” (spooks) như vậy thường vô lương tâm, không có những sự thôi thúc tốt đẹp, có khuynh hướng tan rã và vì vậy chỉ phục vụ cho điều gian tà, dù ta coi chúng là kéo dài sinh lực của mình bằng cách hút sinh lực giống như ma cà rồng trong những buổi lên đồng hoặc làm ô uế người đồng cốt và người lên đồng (the medium and sitters) bằng những mối liên hệ trung giới thuộc loại hoàn toàn bất hảo.

Một ma hình được cấp thêm sinh lực (*a vitalised shell*) (xem trang 172) cũng có thể giao tiếp thông qua một người đồng cốt. Như ta đã thấy, nó bao gồm một xác chết trên cõi trung giới được một tinh linh nhân tạo làm linh hoạt và nó luôn luôn có ác ý. Rõ rệt là nó tạo thành một nguồn nguy cơ rất lớn trong những buổi lên đồng của Thần linh học.

Những người tự tử, các u hồn và ma hình được cấp thêm sinh lực đều là những ma cà rồng thứ yếu, chúng rút rĩa sinh lực của những người mà chúng gây ảnh hưởng được. Vì thế cho nên cả người đồng cốt lẫn người lên đồng đều thường ốm yếu và kiệt sức sau một buổi lên đồng. Học viên huyền bí học được dạy cho cách tự bảo vệ mình tránh khỏi những toan tính bất hảo ấy vì nếu không có kiến thức ấy thì kẻ nào dấn thân vào con đường này đều khó lòng tránh khỏi việc ít nhiều phải cống nạp cho chúng.

Chính việc sử dụng u hồn và ma hình trong những buổi lên đồng khiến cho biết bao nhiêu lời giao tiếp trong Thần linh học khét tiếng là vô bổ về mặt trí thức. Cái bề ngoài trí thức của chúng té ra chỉ là sao chép lại; nét nổi bật là chẳng có gì mới mẻ, chẳng có dấu hiệu gì về một tư tưởng mới lạ và độc lập.

*Các Tinh linh Thiên nhiên (Nature-Esprits)*. Ở trang 182 và sau đó, ta đã miêu tả vai trò của những tạo vật này rất thường biểu diễn trong những buổi lên đồng.

Nhiều hiện tượng lạ trong phòng lên đồng rõ ràng là có thể giải thích hợp lý hơn khi coi đó là những mảnh khóc thuộc đủ loại lực dưới nhân loại hơn là hành vi của các “vong linh” mà trong khi còn nhập xác cũng chắc chắn là không thể điên rồ ngớ ngẩn như vậy.

*Chơn ngã của người đồng cốt*. Nếu người đồng cốt thanh khiết và phấn đấu hướng theo ánh sáng thì sự phấn đấu hướng thượng như vậy ắt được đáp ứng do bản chất cao thượng chiếu cố: ánh sáng từ trên cao tràn xuống soi sáng cho tâm thức hạ đẳng. Lúc bấy giờ hạ trí nhất thời hợp nhất với cha của mình là thượng trí và truyền đạt được tối đa tri thức của thượng trí mà mình có thể ghi khắc được. Như vậy một số giao tiếp thông qua người đồng cốt có thể bắt nguồn từ Chơn ngã của chính người lên đồng.

Lớp thực thể bị thu hút tới phòng lên đồng dĩ nhiên tùy thuộc rất nhiều vào loại đồng cốt. Những người đồng cốt cấp thấp tất nhiên là thu hút toàn những khách tham quan không đáng mong muốn mà sinh lực đang tàn tạ của chúng được củng cố trong phòng lên đồng. Đâu phải thế là đã hết: nếu trong những buổi lên đồng còn có những người nam hoặc nữ có trình độ phát triển tương đối thấp thì âm ma sẽ bị thu hút về người ấy và có thể bám theo người nam nữ ấy, vậy là lập nên một đường giao tiếp giữa thể vía của kẻ còn sống và thể vía đang hấp hối của người đã chết; thế là gây ra những kết quả thuộc loại thật đáng phàn nàn.

*Một Cao đồ hoặc một Chơn sư* thường giao tiếp với các đệ tử mà không dùng tới những phương pháp giao tiếp bình thường. Nếu người đồng cốt là đệ tử của Chơn sư thì thông điệp của Chơn sư có thể “đến với y” mà bị hiểu lầm là thông điệp của một “vong linh” phạm tục.

*Một Đấng Ứng Hóa Thân (Nirmānakāya)* là một người đã toàn bích, ngài đã bỏ lại xác phàm nhưng vẫn còn giữ các nguyên khí thấp khác xác phàm, ngài vẫn còn tiếp xúc với trần thế để trợ giúp cho cơ tiến hóa của loài người. Trong những dịp hiếm hoi, các Đấng Cao Cả này có thể và ắt giao tiếp được thông qua một đồng cốt, nhưng có điều là người ấy phải rất thanh khiết và có bản chất cao thượng (xem thêm trang 175).

Nếu một người có rất nhiều kinh nghiệm về thuật đồng cốt thì y ắt thấy khó mà tin được có biết bao nhiêu những người rất tâm thường trên cõi trung giới lại chấy bóng ham muốn đóng vai các bậc đại Đạo sư trên thế giới. Họ thường có ý định ngay thật, và quả thực nghĩ rằng giáo huấn mà mình đưa ra sẽ cứu nhân độ thế được. Vì đã nhận thức được sự vô giá trị của những sự vật thuần túy trần tục cho nên dĩ nhiên họ cảm thấy rằng nếu mình gây



ấn tượng được lên nhân loại bằng những ý tưởng của chính mình thì trọn thế giới ắt ngay tức khắc trở thành một nơi chốn khác hẳn.

Sau khi đã o bế người đồng cốt khiến y tin rằng mình là tác nhân duy nhất truyền thụ giáo huấn siêu việt độc quyền này và sau khi đã khiêm tốn chối bỏ bất kỳ sự cao cả đặc biệt nào của chính mình, một trong những thực thể giao tiếp ấy thường được người đồng cốt tưởng tượng ít ra cũng là một vị tổng thiên thần hoặc thậm chí là một sự biểu lộ còn trực tiếp hơn nữa của Đấng thiêng liêng. Tuy nhiên tiếc thay, một thực thể như vậy thường quên bèn đi mất rằng khi mình còn sống trên cõi trần cũng có những người khác đã giao tiếp tương tự như vậy qua đủ thứ đồng cốt mà mình có buồn lưu ý tới đâu. Y không ngộ ra được rằng những người khác cũng đang đắm chìm vào những sự việc trần tục cho nên đâu có chú ý gì tới y và ắt từ chối không để cho lời giao tiếp của y thúc đẩy mình.

Có khi những thực thể ấy lại tá danh là những nhân vật nổi bật chẳng hạn như George Washington, Julius Caesar hoặc Tổng thiên thần Michael với một động cơ thúc đẩy chẳng biết có đáng tha thứ hay chẳng là giáo huấn mà mình đưa ra rất có thể sẽ được chấp nhận nhiều hơn nếu chúng xuất phát từ một kẻ vô danh tiểu tốt nào đó như John Smith hoặc Thomas Brown.

Cũng có khi những thực thể ấy thấy thiên hạ đầy lòng sùng kính các Chơn sư bèn đóng vai chính các Chơn sư này để cho những ý tưởng mà mình muốn phổ biến dễ được chấp nhận hơn.

Cũng có những kẻ toan tính gây hại cho công việc của Chơn sư bằng cách khoác lấy hình tướng của ngài rồi gây ảnh hưởng lên đệ tử của ngài. Mặc dù họ có thể tạo ra một dáng vẻ thể chất hoàn toàn giống như thật nhưng họ hoàn toàn không thể bắt chước được Thể Nguyên Nhân của Chơn sư, vì thế cho nên người nào có thần nhãn của thể nguyên nhân không thể bị lừa gạt bởi những kẻ mạo nhận như vậy.

Trong một vài trường hợp thì các thành viên của chi bộ các huyền bí gia đã phát khởi nên phong trào Thần linh học (xem trang 191) đã tự mình đưa ra các giáo huấn có giá trị bàn về những đề tài rất thú vị thông qua một người đồng cốt. Nhưng điều này bao giờ cũng hạn chế trong những buổi lên đồng riêng tư của gia đình chứ không bao giờ trong những buổi trình diễn công cộng mà thiên hạ phải trả tiền.

Quyển *Tiếng Nói Vô Thình* đã huấn thị một cách minh triết như sau: “Con đừng tìm Sư phụ trong những chốn hẻo huyên như thế”. Ta không nên mù quáng chấp nhận bất kỳ giáo huấn nào của một huân sư tự xưng tự mọc trên cõi trung giới; mọi sự giao tiếp và khuyên dụ xuất phát từ cõi này nên được tiếp nhận giống hệt như ta tiếp nhận lời khuyên dụ tương tự trên cõi hồng trần. Ta nên xem xét giáo huấn theo giá trị của nó sau khi đã dùng lương tri và lý trí khảo sát.

Một người cũng đâu có gì không thể sai lầm, bởi vì y ngẫu nhiên đã bỏ xác so với khi y còn sống trên cõi trần. Một người có thể sinh hoạt nhiều năm trên cõi trung giới thể mà cũng chẳng biết gì nhiều hơn so với khi y lìa trần.

Vì vậy ta không nên quan trọng hóa những điều giao tiếp từ cõi trung giới hoặc từ một cõi nào cao hơn nữa so với khi ta tiếp nhận một điều gợi ý trên cõi hồng trần.

Một “vong linh” đang biểu lộ thường chính xác là cái mà nó rao giảng, nhưng nó cũng thường không phải thuộc loại ấy. Đối với kẻ phàm phu lên đồng thì không có phương tiện nào để phân biệt được chân và giả, bởi vì những nguồn tài liệu của cõi trung giới có thể sử dụng để lừa gạt người trên cõi trần tới mức thậm chí ta không thể tin nổi những điều dường như là bằng chứng thuyết phục nhất. Ta không hề lúc nào cũng chối bỏ rằng có những thực thể chân chính đã đưa ra những giao tiếp quan trọng trong các buổi lên đồng mà ta chỉ

khẳng định rằng kẻ phàm phu ngời đồng hầu như không thể chắc chắn được việc mình có bị lừa gạt hay chẳng bằng nhiều cách khác nhau.

Từ những điều nêu trên, ta ắt thấy các nguồn thông tin giao tiếp với cõi trung giới có thể được tiếp nhận một cách đa dạng biết bao. H. P. Blavatsky có dạy: “Các nguyên nhân của những hiện tượng lạ là đa dạng và ta cần phải là một bậc Cao đồ để thực sự khảo sát, nghiên cứu những gì xảy ra ngõ hầu có thể giải thích được điều gì thật sự là nền tảng trong mỗi trường hợp”.

Để bổ túc cho phát biểu nêu trên, ta có thể nói rằng điều mà kẻ phàm phu có thể làm được trên cõi trung giới sau khi chết thì y cũng có thể làm được trong khi còn sống trên cõi trần: Ta có thể dễ dàng thu được sự giao tiếp qua tài liệu viết lách, trong lúc xuất thần hoặc bằng cách sử dụng những quyền năng đã được rèn luyện và phát triển của thể vía nơi cả những người đang nhập thể lẫn những người đã thoát xác. Vì vậy dường như ta nên thận trọng hơn bằng cách phát triển quyền năng linh hồn của chính mình thay vì vô minh dần thân vào những cuộc thí nghiệm nguy hiểm. Bằng cách này ta có thể thu thập được kiến thức một cách an toàn và gia tốc cho cơ tiến hóa. Con người phải học biết được rằng sự chết không hề thật sự không chế được mình, y đã nắm chắc trong tay chìa khóa nhà tù của thể xác và y có thể học được cách sử dụng nó tùy ý.

Xét theo sự cân nhắc kỹ lưỡng, mọi bằng chứng khả hữu bên vực lẫn chống lại Thần linh học, ta ắt thấy dường như là nêu Thần linh học được sử dụng một cách cẩn thận và kín miệng thì nó có thể được biện minh hoàn toàn nhằm mục đích phá tan thuyết duy vật. Một khi đã đạt được mục đích này thì việc sử dụng nó dường như quá đầy sự nguy hiểm đối với cả người sống lẫn người chết; cho nên nói chung, ta không nên khuyến thiên hạ sử dụng nó, mặc dù trong những trường hợp ngoại lệ người ta có thể thực hành Thần linh học một cách an toàn và đầy lợi ích.

### **CHƯƠNG XXIII SỰ CHẾT CỦA THỂ VÍA**

Bây giờ ta đã đạt tới mức kết thúc đời sinh hoạt của thể vía và chẳng còn bao nhiêu điều nữa để nói về sự chết và sự tan rã tối hậu của thể vía.

Như ta đã thấy việc Chơn ngã đều đều triệt thoái trong một thời gian biến thiên với biên độ rất rộng đã khiến cho các hạt của thể vía dần dần ngưng hoạt động. Trong hầu hết mọi trường hợp, quá trình này xảy ra ở những lớp được sắp xếp theo mức độ trọng trược, lớp thô nhất ở ngoài cùng.

Thế là thể vía từ từ mòn mỏi đi rồi tan rã khi tâm thức dần dần triệt thoái ra khỏi thể vía qua nỗ lực bán vô thức của Chơn ngã, vậy là Chơn nhơn từng bước thoát ra khỏi bất cứ thứ gì ghì kéo mình lại không cho tiến nhập cõi trời.

Trong khi tạm trú trên cõi trung ám nơi cõi trung giới, tâm trí vốn đeo mang những đam mê, xúc động và ham muốn, phải tẩy trược chúng đi để đồng hóa bộ phận tinh khiết của chúng rồi hấp thụ vào mình tất cả những gì thích hợp với Chơn ngã sao cho bộ phận còn lại của Kāma chỉ là một tàn dư mà Chơn ngã (thường được gọi là Tam nguyên bất tử tức Atma-Buddhi-Manas) có thể dễ dàng thoát ra được. Tam nguyên thượng tức Chơn ngã từ từ thu hút về mình ký ức kiếp sống trên cõi trần vừa mới kết thúc bao gồm những sự thương mến, nỗi niềm hi vọng, hoài bão v.v... để chuẩn bị thoát ra khỏi cõi trung ám tiến nhập vào trạng thái cực lạc Devachan là “cánh cửa chư thiên”, “cõi trời”.

Ở đây ta không thể bàn sâu về chuyện con người đã tiến nhập cõi trời vì nó nằm ngoài phạm vi của bộ khảo luận này; thế nhưng ta hi vọng sẽ bàn tới nó trong quyển ba của loạt sách này.

Tuy nhiên, tạm thời ta có thể nói ngắn gọn rằng thời kỳ trải qua trên cõi Devachan là thời gian đồng hóa kinh nghiệm sống, lấy lại quân bình trước khi đảm đương việc giảng xuống nhập thể mới mẻ. Như vậy, đó là ngày nối tiếp điểm của kiếp sống trên cõi trần, là thời kỳ biểu lộ trung tâm cảnh đối đãi với thời kỳ biểu lộ nơi vật cảnh.

Khi con người thoát ra khỏi cõi trung âm để tiến nhập vào cõi Devachan, y không thể mang lên đó những hình tư tưởng có bản chất gian tà: vật chất trung giới không thể tồn tại ở mức Devachan và vật chất Devachan không thể hưởng ứng với những rung động thô trực của các đam mê ham muốn gian tà. Vì thế cho nên khi rút cuộc rũ bỏ khỏi những tàn dư của thể vía, Chơn Nhơn chỉ có thể mang theo những mầm mống hoặc khuynh hướng tiềm tàng mà khi tìm được nguồn dinh dưỡng hoặc lối thoát thì chúng sẽ biểu hiện thành những ham muốn và đam mê gian tà trên cõi trung giới. Nhưng y vẫn mang theo những thứ ấy và chúng nằm tiềm tàng trong nguyên tử trường tồn thể vía trong suốt thời kỳ trung âm, sinh võng kim quang tuyến (xem tác phẩm nghiên cứu về tâm thức trang 91-93) triệt thoái ra khỏi thể vía, bỏ mặc cho nó bị tan rã rồi bọc lấy nguyên tử trường tồn thể vía sau đó triệt thoái vào trong thể nguyên nhân.

Cuộc chiến đấu cuối cùng với tinh linh dục vọng (xem các trang 6 và 108) diễn ra vào lúc kết thúc sinh hoạt trên cõi trung giới, vì bấy giờ Chơn Ngã đang cố gắng triệt thoái vào trong mình tất cả những gì đã bung ra nhập thể vào lúc bắt đầu kiếp sống vừa mới kết thúc. Khi Chơn Nhơn toan tính làm như vậy thì nó gặp phải sự chống đối quyết liệt của tinh linh dục vọng vốn do chính mình đã sáng tạo ra và cấp dưỡng.

Trong trường hợp mọi người phạm phu thì một số vật chất trí tuệ đã trở nên móc ngoặc với vật chất trung giới đến nỗi không thể hoàn toàn tháo gỡ ra được. Vì vậy, kết quả của sự đấu tranh này là một bộ phận nào đó của chất hạ trí – thậm chí của chất thượng trí – cũng bị bắt giữ lại trong thể vía sau khi Chơn Ngã đã hoàn toàn ly khai với thể vía. Mặt khác, nếu trong buổi sinh thời, người ta đã hoàn toàn chinh phục được những ham muốn thấp hèn và thành công trong việc hoàn toàn giải thoát hạ trí khỏi dục vọng, thì hầu như không có sự đấu tranh nào; thế là Chơn Ngã có thể thu hồi chẳng những mọi thứ mình “đầu tư” cho kiếp nhập thể đặc thù ấy mà còn “có lời”, nghĩa là những kinh nghiệm, năng khiếu, v.v... đã thụ đắc được. Cũng có những trường hợp cực đoan khi Chơn Ngã mất trắng cả “vốn” đầu tư lẫn “tiền lời”, ta gọi trường hợp này là “mất phần hồn” hoặc âm ma (xem trang 145).

Rõ ràng ta phải dành việc khảo luận trọn vẹn về phương pháp mà Chơn Ngã đầu tư một bộ phận của chính mình nhập thể để rồi cố gắng thu hồi nó trở lại trong quyển ba và quyển bốn của loạt sách này, chúng sẽ bàn tới thể hạ trí và thể nguyên nhân.

Như vậy, việc rút ra khỏi thể vía và cõi trung giới là sự chết lần thứ nhì, Chơn Nhơn bỏ lại đằng sau một xác chết trên cõi trung giới; đến lượt nó bị tan rã, vật liệu của nó được trả lại cho cõi trung giới cũng giống như vật liệu của thể xác được trả lại cho cõi hồng trần.

Xác chết của thể vía cùng với đủ thứ khả năng có thể xảy ra với xác chết này đã được bàn tới ở chương 19 nói về các thực thể trên cõi trung giới với các tựa đề U hồn (trang 170), Ma hình (trang 171). Ma hình được cấp thêm Sinh lực (trang 172) v.v...

## CHƯƠNG XXIV

## TÁI SINH

Sau khi những nguyên nhân đưa Chon ngã tiến nhập vào Devachan đã bị cạn kiệt, những trải nghiệm thu thập được đã hoàn toàn được đồng hóa, thì Chon ngã bắt đầu lại cảm thấy khao khát có sự sống hữu tình và vật chất mà chỉ trên cõi hồng trần mới có thể thỏa mãn được. Người Ấn độ gọi lòng khao khát này là *trishnā*.

Trước hết, ta có thể coi nó là lòng ham muốn tự biểu hiện, kế đó ta coi nó là lòng ham muốn tiếp nhận những ấn tượng từ bên ngoài mà chỉ việc này mới khiến cho y cảm thấy mình đang sống động. Bởi vì đây chính là luật tiến hóa.

Trishnā dường như tác động thông qua Kāma; đối với cá nhân cũng như đối với Vũ trụ thì đây là nguyên nhân căn bản của sự luân hồi.

Trong thời kỳ an dưỡng nơi Devachan, Chon ngã đã thoát khỏi mọi sự đau khổ và phiền não, nhưng điều gian tà mà y thực hiện trong kiếp vừa qua không hề tiêu vong đi mà chỉ ở trong trạng thái bị treo lơ lửng không được kích hoạt. Những chủng tử của các khuynh hướng gian tà trong quá khứ bắt đầu lại nảy mầm ngay khi phàm ngã mới khởi sự được tạo ra cho kiếp nhập thể mới. Chon ngã phải lĩnh đủ gánh nặng của quá khứ, những mầm mống hoặc chủng tử được chuyển giao thành vụ gặt hái của kiếp quá khứ được các Phật tử gọi là *Uân*.

Kāma cùng với đạo quân ngũ uân bèn chầu chực ở ngưỡng cửa Devachan nơi mà Chon ngã tái xuất lộ để đảm đương một kiếp nhập thể mới. Ngũ uân bao gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Quá trình này được tạo ra khi Chon ngã chuyển hướng chú tâm, trước hết là tới đơn vị trường tồn hạ trí, nó ngay tức khắc tái hoạt động; rồi Chon ngã lại chú tâm tới nguyên tử trường tồn thể vía mà nó đặt để ý chí vào đấy.

Những khuynh hướng mà ta thấy ở tình trạng treo lơ lửng không kích hoạt bèn được Chon ngã phóng ra ngoài khi nó trở lại tái sinh; chúng thu hút vào xung quanh mình trước hết là vật chất của cõi hạ trí cũng như là tinh hoa ngũ hành của giới tinh hoa thứ nhì; những thứ này biểu diễn chính xác sự phát triển trí tuệ mà con người đã thu lượm được vào cuối sinh hoạt trên cõi trời trong kiếp vừa qua. Như vậy, về phương diện này y khởi sự chính xác nơi mình đã lìa bỏ.

Kế đó, y thu hút vào xung quanh mình vật chất của cõi trung giới và tinh hoa ngũ hành của giới tinh hoa thứ ba, vậy là thu được vật liệu để từ đó xây dựng nên thể vía mới của mình, khiến cho tái xuất hiện những sự háo hức, xúc động và đam mê mà y đã thừa hưởng từ các kiếp trong quá khứ.

Khi Chon ngã giáng xuống để tái sinh, vật chất cõi trung giới được tụ tập lại dĩ nhiên không phải một cách có ý thức mà một cách tự động. Hơn nữa, vật liệu này là bản sao chính xác của vật chất trong thể vía người ấy vào cuối kiếp sinh hoạt của kiếp trước. Như vậy, con người bắt đầu sinh hoạt của mình trở lại trên thế gian đúng ở chỗ mà mình rời bỏ vào kỳ trước.

Trong phần nêu trên, học viên ắt nhận thấy phần nào tác động của luật nhân quả mà chúng ta không cần đi sâu vào trong quyển sách này. Mỗi kiếp nhập thể tất nhiên và tự động được liên kết chính xác với những kiếp trước sao cho toàn thể chuỗi kiếp nhập thể này tạo thành một dây xích liên tục không gián đoạn.

Vật chất cõi trung giới được thu hút vào xung quanh con người như trên chưa tạo thành một thể vía xác định. Thoạt tiên, nó khoác lấy hình dạng giống như quả trứng vốn là cách diễn tả gần nhất mà chúng ta có thể nhận thức được về hình dáng chân thực của thể



nguyên nhân. Ngay khi thể xác của đấng trẻ được tạo thành thì vật chất cõi trần tác động một sức hấp dẫn mãnh liệt đối với vật chất cõi trung giới. Trước đó, vật chất cõi trung giới được phân bố rất đều trên khắp hình trứng; thế là vật chất này được tụ tập lại phần lớn bên trong chu vi của thể xác.

Khi thể xác lớn lên thì vật chất cõi trung giới cũng bám theo sát sự biến đổi ấy; 99% vật chất trung giới được tụ tập lại bên trong chu vi của thể xác và chỉ có chừng 1% lấp đầy phần còn lại của hình trứng và cấu thành hào quang mà ta đã thấy ở chương trước kia (xem trang 7).

Quá trình thu thập vật chất vào xung quanh hạt nhân của thể vía đôi khi diễn ra nhanh chóng và đôi khi cũng gây ra sự chậm trễ lâu dài; khi nó đã hoàn tất thì Chơn ngã ở bên trong cái lớp vỏ nghiệp báo mà mình đã chế biến cho chính mình, sẵn sàng tiếp nhận từ các tác nhân của Nghiệp quả Tinh quân cái thể phách mà thể xác mới sẽ được xây dựng bên trong đó giống như bên trong một cái khuôn. (xem Thể phách trang 67)

Như vậy, những phẩm chất của con người thoát tiên chưa tác động, chúng chỉ là những mầm mống phẩm chất vốn đã tìm được cho mình một môi trường biểu lộ khả hữu trong vật chất của các hiện thể mới. Liệu trong kiếp này, chúng có phát triển thành những khuynh hướng giống hệt như trong kiếp vừa qua hay chẳng còn tùy thuộc phần lớn vào sự khuyến khích hoặc sự gò ép mà môi trường xung quanh đấng trẻ dành cho nó trong tuổi ấu thơ. Bất cứ phẩm chất nào dù tốt hay xấu, đều cũng có thể dễ dàng được kích thích hoạt động do sự khích lệ, hoặc mặt khác có thể bị thui chột vì không được khuyến khích. Nếu được kích thích thì lần này nó trở thành một yếu tố mạnh mẽ hơn trong cuộc đời con người so với kiếp trước; nếu bị thui chột thì nó vẫn chỉ là một mầm mống chưa đơm hoa kết trái giờ đây teo tóp đi và triệt tiêu, để rồi tuyệt nhiên không xuất hiện nữa trong kiếp tiếp theo.

Như vậy, ta không thể nói rằng cho đến nay đấng trẻ đã có một thể trí xác định hoặc một thể vía xác định, mà nó chỉ có xung quanh và trong tâm bản thân mình cái loại vật chất dùng để xây dựng nên các thể ấy.

Vậy là chẳng hạn như giả sử một người đã nghiện rượu trong kiếp vừa qua, nơi cõi trung âm (kāmaloḱa) y đã diệt được lòng ham muốn uống rượu, nhất định là đã giải thoát được điều ấy. Nhưng mặc dù lòng ham muốn ấy đã bị tiêu diệt, nhưng vẫn còn cái thói xấu vốn là nhược điểm mà y có thể còn phải gánh chịu. Trong kiếp kế tiếp thể vía của y vẫn còn chứa đựng loại vật chất có thể biểu diễn được cũng lòng ham muốn ấy, nhưng y tuyệt nhiên không bắt buộc phải sử dụng loại vật chất ấy giống hệt như trước kia. Thật vậy, khi được giao phó cho các bậc cha mẹ có năng lực và tận tâm, được cha mẹ rèn cặp để coi những ham muốn ấy là gian tà thì y sẽ kiểm soát được những ham muốn ấy, ức chế chúng khi chúng lộ đầu ra, thế là loại vật chất trung giới ấy không được kích hoạt đành phải chịu sự teo tóp đi do không được sử dụng. Ta nên nhớ lại rằng vật chất của thể vía cũng từ từ và thường xuyên bị hao mòn đi rồi được thay thế cũng y hệt như vật chất của thể xác, và khi vật chất bị teo tóp đi biến mất thì nó được thế bằng loại vật chất tinh vi hơn. Thế là những thói xấu rớt cuộc đã được chế ngự khiến cho trong tương lai hầu như nó không thể xuất hiện được nữa và đức tính tự chủ ngược lại với nó đã được xác lập.

Trong vài năm đầu tiên của đời người, Chơn ngã chỉ kiểm soát không đáng kể đối với những hạ thể, vì vậy nó trông mong vào các bậc cha mẹ giúp đỡ nó kiểm soát được chặt chẽ hơn bằng cách cung ứng cho nó hoàn cảnh thích hợp.

Ta không thể nói quá lời về tính mềm dẻo của những hiện thể chưa được đào tạo này. Nếu đối với thể xác trong buổi thiếu thời mà ta có thể thực hiện nhiều điều như trong trường hợp những đấng trẻ được rèn luyện để làm xiếc chẳng hạn thì ta còn có thể làm được nhiều

điều hơn nữa đối với thể vía và thể trí. Chúng xông xáo đáp ứng với mọi rung động mà chúng gặp phải, chúng háo hức tiếp nhận mọi ảnh hưởng dù tốt hay xấu xuất phát từ những thể vía và trí khác xung quanh chúng. Hơn nữa, mặc dù trong tuổi thiếu thời chúng rất dễ thụ cảm và dễ được uốn nắn, song chẳng bao lâu sau chúng sẽ trở nên cứng ngắc, chỉ có thể thay đổi được một cách hết sức khó khăn. Như vậy, tương lai của đứa trẻ tùy thuộc vào sự kiểm soát ở mức độ lớn lao hơn nhiều của các bậc phụ mẫu mà ngay cả những người yêu con nhất cũng không lường được.

Chỉ có nhà thần nhãn mới biết được tính tình của đứa trẻ sẽ được cải thiện lớn lao và nhanh chóng biết đường nào miễn là tính tình của người lớn cũng được cải thiện.

Người ta còn ghi chép được một ví dụ rất nổi bật khi sự thô bạo của một người giám hộ đã gây phương hại không thể sửa chữa nữa đối với hạ thể của một đứa trẻ đến nỗi mà trong kiếp này đứa trẻ ấy không đạt được sự tiến bộ đầy đủ đã từng được mong đợi.

Môi trường xung quanh tuổi ấu thơ của một đứa trẻ có tầm quan trọng sống còn đến nỗi kiếp sống mà người ta đạt được quả vị Chơn sư cũng phải có môi trường xung quanh thật là toàn bích trong tuổi ấu thơ.

Trong trường hợp các Chơn thần thuộc giới hạ lưu có những thể vía náo động một cách bất thường, chúng thường tái sinh sau một thời khoảng rất ngắn thì đôi khi có xảy ra việc u hồn (shade) hoặc ma hình (shell) bị bỏ lại trong kiếp vừa qua trên cõi trung giới vẫn còn trường tồn, và trong trường hợp ấy nó rất có thể bị thu hút về phía phàm ngã mới. Khi điều ấy xảy ra thì nó mang theo mình những thói quen cũ vẫn còn mãnh liệt cùng với những phương thức tư duy cũ, thậm chí đôi khi còn thật sự nhớ được cả kiếp trước nữa.

Trong trường hợp một người đã sống một kiếp gian tà đến nỗi thể vía và thể trí bị ly khai khỏi Chơn ngã ngay sau khi chết, thì Chơn ngã vì không có hiện thể để sinh tồn trong cõi trung giới và cõi hạ trí, phải nhanh chóng tạo ra những hiện thể mới. Khi những hiện thể mới trên cõi trung giới và cõi hạ trí đã được tạo nên thì ái lực giữa những hiện thể mới và hiện thể cũ còn chưa tan rã bèn được xác lập; thế là những thể vía và thể trí cũ trở thành cái dạng khung khiếp nhất của điều mà ta gọi là “kẻ chặn cửa điểm đạo”, tức nghiệp chướng.

Trong trường hợp cực đoan, một người khi trở lại tái sinh mà do một sự háo hức của thói xấu này hay thói xấu kia đã tạo nên một mối liên kết rất mạnh mẽ của bất kỳ loại thú vật nào thì y có thể liên kết bằng ái lực từ điển với thể vía của con thú có những phẩm chất mà y còn háo hức và bị trói buộc vào thể xác của con thú ấy giống như bị cầm tù trong đó. Khi bị trói buộc như vậy y không thể tiếp tục tiến hành tái sinh: y có ý thức trong cõi trung giới, có những năng khiếu của con người, nhưng không kiểm soát được cái xác của con thú mà y đang liên kết vào đó, cũng chẳng biểu hiện được qua cái xác đó trên cõi hồng trần. Như vậy, cơ thể của con thú ấy là một nhà tù chứ không phải một hiện thể. Hồn con thú ấy chưa bị trục xuất ra mà vẫn còn là kẻ thuê mướn chính thức kiểm soát được thể xác của mình.

Việc bị cầm tù như vậy không phải là tái sinh luân hồi, mặc dù ta dễ dàng thấy được những trường hợp có bản chất nêu trên phần nào ít ra cũng giải thích được niềm tin mà ở các xứ phương Đông thường thịnh hành cho rằng trong một số hoàn cảnh nhất định con người có thể tái sinh vào xác một con thú.

Trong trường hợp mà Chơn ngã chưa tồn tại đến mức bị cầm tù hoàn toàn và thể vía còn được cấp sinh lực mạnh mẽ thì nó có thể tiếp tục bình thường tái sinh làm người, nhưng những đặc trưng của con thú sẽ được mô phỏng lại phần lớn qua thể xác - bằng chứng là có những “quái thai” mà đáng vẻ bên ngoài đôi khi giống con thú một cách dễ sợ: mặt heo, mặt chó v.v... Sự đau khổ gây ra cho thực thể con người có ý thức đã bị tạm thời dứt bỏ khỏi sự

tiên bộ và sự biểu hiện bản ngã thật là rất lớn lao, mặc dù dĩ nhiên nó cũng có tác dụng cải tạo. Nó cũng hơi giống như trường hợp mà những Chon ngã khác phải chịu khi liên kết với những xác người có bộ óc không lành mạnh, nghĩa là những kẻ ngớ ngẩn, điên khùng v.v... mặc dù, sự ngớ ngẩn và điên khùng là kết quả của những thói xấu khác.

Điên rồ thường là quả báo của sự độc ác, nhất là khi sự độc ác ấy có tính cách tinh vi và cố ý.

## CHƯƠNG XXV VIỆC LÀM CHỦ ĐƯỢC XÚC ĐỘNG

Việc biên tập quyển sách này ắt chỉ hoàn công nếu học viên không có cảm tưởng cần thiết (1)- phải kiểm soát được thể vía, (2) – phải dần dần rèn luyện được nó thành ra một hiện thể của tâm thức hoàn toàn tuân phục ý chí của Chơn Nhơn, Chơn Ngã và (3) – là sớm muộn gì thì nó cũng tinh tấn phát triển và hoàn thiện được đủ thứ quyền năng của mình.

Kẻ phàm phu thế tục chẳng biết bao nhiêu và cũng chẳng màng tới những vấn đề ấy, nhưng đối với học viên huyền bí học thì rõ ràng là vấn đề có tầm quan trọng căn bản khi y cần đạt được việc làm chủ hoàn toàn mọi hiện thể: thể xác, thể vía và thể trí. Mặc dù vì mục đích phân tách và học hỏi ta cần tách rời ba thể này ra nghiên cứu chúng riêng từng thể một; thể nhưng trong sinh hoạt thực tiễn thì ta ắt thấy rằng phần lớn là việc rèn luyện cả ba thể có thể được tiến hành cùng một hướng, trong một chừng mực nào đó bất cứ quyền năng nào mà hiện thể này thu lượm được đều giúp cho việc rèn luyện hai thể kia. Ở trang 64, chúng ta đã thấy rằng nên tẩy trừ thể xác qua đồ ăn, thức uống, phép vệ sinh v.v... để khiến cho việc kiểm soát thể vía đỡ khó khăn hơn. Cũng nguyên tắc ấy được áp dụng một cách mạnh mẽ hơn cho thể trí bởi vì xét cho cùng thì người ta chỉ có thể không chế hoàn toàn được những ham muốn, xúc động và đam mê của thể vía nhờ vào việc sử dụng thể trí và ý chí.

Đối với nhiều loại tính khí thì ít ra việc nghiên cứu kỹ lưỡng khoa tâm lý học về xúc động cũng trợ giúp rất nhiều, vì rõ ràng là ta dễ dàng kiểm soát được một lực khi ta đã hiểu rõ ráo được căn nguyên và bản chất của nó. Bởi mục đích ấy người biên soạn quyển sách này rất tha thiết khuyên bạn đọc hãy nghiên cứu rõ ráo những nguyên tắc được nêu ra trong bộ khảo luận bậc thầy: *Khoa học về Xúc động* của Bhavagan Das. [Cô K. Browing, Thạc sĩ khoa học xã hội và nhân văn, đã viết một quyển tóm lược rất đáng hâm mộ về tác phẩm này với tựa đề là *Toát yếu về Khoa học Xúc động*. Ta có thể trình bày rất ngắn gọn luận đề chính như sau:

Ta có thể phân tích mọi sự biểu lộ tồn tại ra thành Ngã, Phi Ngã và Mọi quan hệ giữa hai yếu tố ấy.

Mọi quan hệ ấy có thể phân chia thành (1) – sự Nhận biết (Gnyānan), 2 – lòng Ham muốn (Ichchā), (3) – Tác động (Kriyā) ... Hiểu biết, ham muốn và tinh tấn hoặc tác động, đây là ba yếu tố hợp thành toàn thể sự sống hữu thức.

Có hai loại cảm xúc hoặc xúc động: khoái lạc hay đau khổ. Khoái lạc cơ bản là cảm thấy có nhiều hơn, nó tạo ra sức hấp dẫn tình yêu (ragā); đau khổ cơ bản là cảm thấy có ít hơn, nó tạo ra sự xua đuổi, lòng thù ghét (dvesha).

Từ sức hấp dẫn mới nảy sinh ra mọi xúc động liên quan tới yêu thương, do sự xua đuổi, xô đẩy mới sinh ra mọi xúc động liên quan tới thù ghét. Mọi xúc động đều bắt nguồn từ yêu hay ghét hoặc cả hai với những cường độ biến thiên khác nhau.

Bản chất chính xác của một xúc động đặc thù cũng được xác định qua mối quan hệ giữa người trải nghiệm xúc động ấy và đối tượng gây ra xúc động. Người trải nghiệm xúc động tùy theo *hoàn cảnh liên quan tới xúc động đặc thù hữu quan*, có thể (1) – Cao cả hơn, (2) – Ngang hàng, (3) – Kém cỏi hơn đối tượng gây xúc động.

Khi tiếp tục theo đuổi sự phân tích này ta đạt tới sáu loại hình khả hữu của những yếu tố xúc động được trình bày trong cột thứ ba của bản đính kèm sau đây. Cột thứ tư trình bày những tế phân của các yếu tố sơ cấp ở nhiều cường độ biến thiên khác nhau, cường độ mạnh nhất đứng đầu và cường độ yếu nhất đứng cuối mỗi nhóm.



Mọi xúc động của con người đều bao gồm một trong sáu yếu tố xúc động này hoặc thường thường ít nhất là hai yếu tố phối hợp lại. Bây giờ học viên phải tham chiếu bộ khảo luận nêu trên để triển khai chi tiết những nguyên tắc căn bản đã được phát biểu. Công trình lao động vất vả của y ắt được tưởng thưởng xứng đáng.

### CĂN NGUYÊN CỦA CÁC XÚC ĐỘNG

Mối quan hệ đối với đối tượng

1 – Chất lượng	2 – Số lượng	3 – Yếu tố xúc động sơ cấp	4 – Mức độ xúc động
Yêu thương	Đối với thượng cấp	Kính nể	Tôn thờ Sùng bái Kính nể Nể phục Tôn kính Ngưỡng mộ
	Đối với người ngang hàng	Luyến ái	Tình luyến ái Tình đồng chí Tình bạn Phép lịch sự
	Đối với hạ cấp	Lòng tốt	Lòng từ bi Sự âu yếm Sự tế nhị Lòng thương hại
Thù ghét	Đối với thượng cấp	Sợ hãi	Khủng khiếp Khiếp sợ Sợ hãi Lo sợ
	Đối với người ngang hàng	Giận dữ	Thù địch Thô bạo Né tránh Lạnh lùng Dửng dưng
	Đối với hạ cấp	Kiêu ngạo hoặc tàn bạo (a)	Khinh bỉ Khinh thường Khinh thị Hống hách

(a). Tiếng Anh dường như không có từ ngữ nào miêu tả chính xác được yếu tố xúc động này.

Đối với học viên nào nhấm vào việc tự biết mình để đạt được tự chủ thì có một đường lối nghiên cứu khác có giá trị là tâm thức tập thể hoặc ý thức đám đông. Cho đến nay thì tác phẩm hay nhất mà người biên soạn quyển sách này đã từng quen biết, tác phẩm nói về đề tài thú vị này là *Đám đông trong Thời bình và Thời chiến* của ngài Martin Conway. Ngài Martin đã chứng tỏ một cách sáng sủa kỳ diệu và minh họa phong phú cho ta thấy những sự kiện căn bản sau đây:

(1) – Đại đa số mọi người đều được nuôi dưỡng và suốt cuộc đời thuộc về một vài “đám đông” tâm lý học, nghĩa là những nhóm người suy nghĩ và nhất là cảm xúc giống nhau. Những đám đông ấy có ở nơi gia đình, bạn bè và đồng sự, trường học và đại học, nghề nghiệp, giáo phái, đảng phái chính trị, trường phái tư tưởng, quốc gia và chủng tộc v.v... Ngay cả những người đọc cùng một tờ báo hoặc thuộc về cùng một câu lạc bộ cũng tạo thành một đám đông tâm lý.

(2) – Những đám đông ấy chủ yếu được tạo lập, nuôi dưỡng và khống chế do xúc cảm hoặc xúc động *chứ không phải do tư tưởng*. Một đám đông có đủ thứ xúc động nhưng không có lý trí: nó có thể cảm xúc nhưng không thể suy nghĩ. Ý kiến của đám đông ít khi hoặc chẳng bao giờ do lý trí mà ra, song chỉ là những cơn đam mê truyền nhiễm càn quét qua trọn cả đoàn thể giống như một dòng điện thường xuất phát từ một bộ óc duy nhất. Một khi lọt vào đám đông thì cá nhân nhanh chóng mất khả năng suy nghĩ và xúc cảm cá thể để trở nên hiệp nhất với đám đông, chia sẻ sinh hoạt, ý kiến, thái độ, thành kiến v.v... của nó.

(3) – Rất ít người đã từng có can đảm hoặc có hùng tâm tráng trí để ly khai với đủ thứ đám đông mà mình thuộc về; đại đa số suốt đời vẫn chịu ảnh hưởng của đám đông mà mình lọt tằm vào trong đó.

Thế rồi tác giả tiến hành liệt kê và miêu tả đủ thứ đức tính của đám đông, chứng tỏ rằng chúng khác với đức tính của cá thể, nói chung thuộc một mức thấp hơn nhiều và sơ khai hơn nhiều.

Mọi đám đông vì tự mình không thể lãnh đạo cho nên cần thiết và xục xạo tìm kiếm một lãnh tụ. Có ba loại hình chính yếu về các lãnh tụ như thế.

(a) *Kẻ xúi bầy Đám đông*. Đây là kẻ khống chế và dẫn dắt đám đông bằng cách áp chế lên nó những ý kiến của riêng mình chỉ bằng vào sức mạnh của chính phàm ngã mình. Những ví dụ về loại hình này là Napoleon, Disraeli, Caesar, Charlemagne.

(b) *Kẻ Nêu gương cho Đám đông*. Loại hình này khác hẳn với kẻ xúi bầy đám đông, là người nhờ sự nhạy cảm tự nhiên mà cảm nhận được điều mà đám đông cảm thấy hoặc đang cảm thấy và diễn tả xúc động của đám đông bằng ngôn ngữ trong sáng và thường là thơ mộng trong khi đám đông tự thân mình không biết diễn tả ra sao. Những người này ít khi nghĩ ra được những vấn đề cho chính mình để rồi tuyên cáo phúc âm của mình. Nói cho đúng hơn thì họ chờ cho xúc động của đám đông thành hình: thế rồi họ chìm đắm trong cuộc hỗn chiến để nói lên một cách hùng hồn, đầy uy lực và đầy nhiệt tình về những gì mà thiên hạ chỉ đang lờ mờ cảm thấy. Những ví dụ về loại hình này rất thường có nhất là trong địa hạt chính trị.

(c) *Kẻ Đại biểu cho Đám đông*. Những lãnh tụ sùng sỏ thuộc loại hình này là những nhân vật tượng hình hơn là những lực lượng cá thể. Ví dụ điển hình là một vị quốc vương theo hiến pháp, một lãnh sự, một đại sứ, một thẩm phán (dù sao đi nữa cũng là ở nước Anh). Những người này chỉ là những kẻ nhân cách hóa cho “công luận”: họ nói theo tiếng nói của nhân dân, hành động vì nhân dân và đại diện cho nhân dân trước cặp mắt chăm chú của thế giới. Họ phải đề nén hoặc che giấu ý kiến cá nhân của riêng mình và dường như cảm thấy giống như công chúng cảm nhận, hành động phù hợp với lòng mong ước và tình cảm của công chúng.

Trên đây ta chỉ phác họa những nguyên tắc chủ đạo được phát biểu trong quyển sách cực kỳ hay ho nêu trên và xin học viên nên tự mình nghiên cứu cẩn thận tác phẩm ấy. Nó sẽ giúp cho học viên chẳng những thẩm định chính xác hơn được những lực lượng khi chi phối “công luận” mà còn đánh giá được đúng mức nhiều niềm tin của chính mình, ý kiến và thái độ của mình đối với nhiều vấn đề đương thời.

Có một điều rõ ràng quan trọng nhất là xét về mọi xúc cảm và tư tưởng thì học viên huyền bí học nên hành động một cách cố ý và hữu thức. Người Hi Lạp bảo rằng *Hãy tự biết mình*, đây là một lời khuyên rất hay vì tự tri hoàn toàn cần thiết cho bất cứ ai mong muốn tiến bộ. Học viên không nên để cho mình bị hòng chân vì đắm chìm vào một xúc động tập thể hoặc hình tư tưởng tạo ra một bầu hào quang mà người ta nhìn mọi vật xuyên qua đó như một lớp kính màu, như vậy y mới rõ ràng chế ngự được và khống chế được nhiều đám

đông mà y trà trộn trong đó. Không dễ gì mà chống lại một thiên kiến rất thịnh hành trong dân gian do các hình tư tưởng và dòng tư tưởng tràn đầy bầu hào quang không ngừng tác động lên chúng ta; thế mà học viên huyền bí học phải học cách làm như thế.

Hơn nữa, y phải có thể nhận ra được đủ loại lãnh tụ sùng sỏ và không chịu để cho mình bị khống chế, thuyết phục hoặc dụ dỗ. Chấp nhận những ý tưởng hoặc đi theo những đường lối hành động nếu mình chưa hoàn toàn dứt khoát chấp nhận với mọi năng lực của mình đang được cảnh giác cao độ.

Ảnh hưởng của đám đông tâm lý và những lãnh tụ sùng sỏ trong thế giới ngày nay cũng có lẽ cả trong mọi thời đại đều quả thật là rất lớn lao; các lực lượng mà họ vận dụng thật là tinh vi và có ảnh hưởng sâu rộng đến nỗi học viên nào nhắm vào việc tự chủ và muốn có một sinh hoạt trí thức và xúc động tự lập, đều phải thường xuyên cảnh giác đối với những ảnh hưởng thâm hiểm ấy.

Người biên soạn tác phẩm này có ý kiến là việc nghiên cứu quyển *Khoa học về Xúc động và Đám đông trong Thời bình cũng như Thời chiến* ắt là việc sơ khởi vô giá chuẩn bị cho nhiệm vụ rèn luyện và phát triển thể vía đến khi nó trở thành người phục vụ ngoan ngoãn và hữu ích cho ý chí tối thượng của Chơn ngã.

Người ta cũng mạnh dạn khuyến khích học viên đi theo một đường lối nghiên cứu khác, đó là tiềm thức mà ngày nay thường gọi là “vô thức”. Người ta khuyên nên đọc quyển *Định luật về các Hiện tượng Thông linh* của T. J. Hudson để dẫn nhập cho đề tài này nhằm đạt được mục đích ấy. Khi nghiên cứu tác phẩm này học viên nên nhớ rằng nó được viết ra năm 1892. Theo sự minh giải của kiến thức ngày nay thì ta không cần hoàn toàn tuân theo sự phân tích, phân loại hoặc thuật ngữ của Hudson. Hơn nữa, theo ý kiến của người biên soạn quyển sách này, Hudson xây dựng quá nhiều điều dựa trên các tiên đề lôi kéo lý thuyết của mình vượt xa mức có thể bị đứt gãy. Tuy nhiên quyển sách này vẫn có giá trị rất nhiều, một là để khích lệ sự hoài nghi lành mạnh mang tính khoa học đối với việc chấp nhận quá dễ dàng những lời giải thích trôi chảy có vẻ đúng về nhiều hiện tượng thông linh, hai là nó khai triển mạnh mẽ những tiềm năng to lớn ẩn tàng trong phần tiềm thức thuộc bản chất con người mà học viên kỹ lưỡng và kín miệng có thể sử dụng với hiệu quả lớn lao nhằm kiểm soát bản chất thể vía của chính mình, nói chung tẩy trừ và xây dựng được tính tình mình. Dĩ nhiên là có rất nhiều quyển sách khác hiện đại hơn cũng có thể giúp ta đạt được mục tiêu ấy. Nói một cách ngắn gọn thì Hudson cho rằng:

(1) – Tâm địa con người rõ ràng có thể chia thành hai phần, mỗi phần có những quyền năng và chức năng riêng. Ông gọi hai phần này là *cái trí khách quan* và *cái trí chủ quan*.

(2) – Cái trí khách quan là cái nhận biết được ngoại giới, dùng các giác quan của thể xác làm phương tiện khảo sát và có chức năng cao nhất là lý trí.

(3) – Cái trí chủ quan nhận biết được môi trường xung quanh nhờ vào những phương tiện độc lập với giác quan của thể xác. Nó là trú sở của xúc động và kho chứa ký ức. Nó tiến hành những chức năng cao siêu nhất khi những giác quan của cái trí thôi miên hoặc mộng du. Nhiều quan năng khác mà Hudson gán cho cái trí chủ quan rõ ràng là quan năng của thể vía chẳng hạn như khả năng du hành tới những nơi xa xôi, đọc được tư tưởng v.v...

Hơn nữa, trong khi cái trí khách quan không thể bị “phép ám thị” kiểm soát chống lại lý trí, kiến thức chắc chắn hoặc bằng chứng của các giác quan thì cái trí chủ quan lại thường xuyên tuân theo quyền năng của phép ám thị, cho dù đó là phép ám thị của người khác hay của *chính cái trí khách quan thuộc chủ nhân ông*.

Nhờ có sự hiểu biết thời nay liên quan tới thể vía và thể trí cũng như bản chất và công dụng của các hình tư tưởng xúc động, học viên ắt nhận ra ở đây có nhiều lời xác nhận thú vị

và độc lập về những gì mà mình đã học được theo những vị có thẩm quyền trong Thông Thiên Học. Và như ta đã nói trước kia, học viên ít có thể nhận thức được tốt hơn rằng hầu như có những quyền năng vô hạn tiềm tàng trong thành phần cấu tạo tâm lý của chính mình mà mình có thể tiến hành sử dụng theo những đường lối do các nhà huyền bí học trứ danh nêu ra chẳng hạn như việc tham thiền. Có lẽ y cũng ngộ ra được một cách khá sinh động hơn trước việc Kāma tức dục vọng mà Manas tức cái trí móc ngoặc ra sao và làm thế nào gỡ chúng ra khỏi nhau để cho cả đôi bên có được lợi ích lớn mà vẫn củng cố cho nhau.

Ta phải luôn luôn nhớ rằng nhờ có tư tưởng thì ta mới thay đổi được ham muốn và cuối cùng làm chủ được nó. Khi tâm trí học cách khẳng định quyền kiểm soát thì dục vọng được chuyển hóa thành ý chí, lúc bấy giờ sức chi phối là không phải do các ngoại vật hút hoặc đẩy mà do chính tinh thần của Chơn Nhơn, tức Chơn ngã, chủ nhân ông.

Bây giờ, ta sẽ quay lại với những người có thẩm quyền chuyên biệt hơn về Thông Thiên Học và tiến hành cứu xét một vài yếu tố khác để phát triển và rèn thể vía.

Rõ ràng là học viên nên nhắm vào việc làm chủ và loại trừ một vài khuyết điểm nhỏ nhỏ chẳng hạn như những nhược điểm và thói xấu về xúc động. Trong nhiệm vụ này, y nên nhớ rằng một thói xấu như tính dễ bị kích động chẳng hạn đã trở thành một thói quen do mình cứ sa đà đi sa đà lại; thói xấu ấy không được tích trữ nơi Chơn ngã thành một đức tính cố hữu mà bị huân tập vào nguyên tử trường tồn thể vía (xem trang 207). Cho dù lực được tích tụ ở trong đó lớn đến đâu đi nữa thì vẫn có một sự chắc chắn mang tính khoa học là sớm muộn gì sự kiên trì cũng đưa ta tới chiến thắng. Về phe với Chơn ngã ít có lực lượng ý chí của chính mình và đằng sau đó là lực lượng vô hạn của chính Thượng Đế bởi vì tiến bộ nhờ vào tiến hóa chính là ý chí của ngài. Việc lĩnh hội được ý tưởng này về sự thống nhất như vậy cung cấp cho người ta được một động cơ thúc đẩy thỏa đáng để tiến hành công trình tu tâm sửa tánh vốn chắc chắn là khó nhọc và đôi khi còn dễ gây chán ngán nữa. Cho dù sự phấn đấu ấy lớn lao đến đâu đi nữa thì lực lượng vô hạn vẫn theo phe y. Y nhất định cuối cùng sẽ chiến thắng được những lực lượng hữu hạn ẩn đằng sau điều ác mà y đã huân tập trong những kiếp quá khứ.

Một người tìm cách diệt dục để cân bằng nghiệp quả hoàn toàn và do đó đạt được giải thoát cho cá nhân, vẫn có thể thành tựu được mục tiêu này. Tuy nhiên, y không thể thoát khỏi định luật tiến hóa và sớm muộn gì y cũng sẽ lại bị dòng tiến hóa lôi cuốn đi lên bằng một áp lực không thể chống cự nổi. Thế là y lại phải bị bắt buộc tái sinh. Diệt dục không phải là con đường của huyền bí gia chân chính.

Ta không được tiêu diệt tình yêu cá nhân mà phải mở rộng nó ra cho đến khi trở thành lòng bác ái đại đồng: yêu thương chỉ có thể được nâng cấp chứ không bao giờ xuống cấp. Vì không ngộ ra được điều ấy và vì nhiệm vụ này vô cùng khó khăn một khi đã ngộ ra được, cho nên trong một số trường hợp nó đã gây ra sự bóp nghẹt lòng yêu thương thay vì để cho lòng yêu thương thăng tiến. Nhưng chỉ có lòng bác ái tràn trề mới cứu độ được thế gian chứ không luyện ái chẳng cứu được cái gì. Bậc Mahātmā là một Đại dương Từ bi chứ không phải một băng hà. Tìm cách tiêu diệt lòng yêu thương là đi theo con đường bàng môn tả đạo.

Song le, ta cần phải tiêu diệt hoàn toàn những ham muốn thấp hèn và thô tục; những ham muốn khác thì cần phải được tẩy trừ và chuyển hóa thành ra hoài bão đạo tâm và quyết tâm. Việc ham muốn hoặc mong ước chỉ phí sức, thay vào đó huyền bí gia quyết tâm. Ý chí là khía cạnh cao siêu của dục vọng.

Ta cũng đã từng bảo rằng, mình nên tiêu diệt nguyệt thể nghĩa là thể vía. Điều này không ngụ ý là cần phải tiêu diệt mọi xúc cảm và xúc động, mà nói cho đúng hơn là ta nên



hoàn toàn kiểm soát được thể vía thì mới có thể tùy ý diệt được nguyệt thể. Khi con người phát triển thì ý khiến cho ý chí của mình hiệp nhất với ý chí của Thượng Đế, thể mà Thượng Đế chỉ muốn tiến hóa. Khởi cần phải nói, chính vì thể mà một sự hiệp nhất ấy sẽ loại trừ mọi sự ham muốn như tham vọng, sự bon chen hãnh tiến v.v...

Quyển *Tiếng Nói Vô Thình* cảnh báo ta rằng, bên dưới mỗi đóa hoa trong cõi trung giới (cho dù nó đẹp đến đâu đi nữa) cũng có con rắn ham muốn cuộn mình trong ấy. Trong trường hợp tình duyên ái chẳng hạn, ta phải hoàn toàn siêu việt mọi điều có bản chất đeo bám, nhưng ta không bao giờ siêu việt được tình duyên ái cao siêu, thuần khiết và bất vị kỷ bởi vì đó là đặc tính của chính Thượng Đế và đó là một phẩm chất cần thiết để tiến bộ trên thánh đạo đưa ta tới mức điểm đạo và các Chơn Sư.

## **CHƯƠNG XXVI**

### **PHÁT TRIỂN NHỮNG QUYỀN NĂNG CỦA THỂ VÍA**

Việc có được thần thông không nhất thiết có tính tình cao thượng về đạo đức cũng như việc có được sức mạnh thể chất; thần thông tự thân nó không phải là dấu hiệu phát triển cao theo bất kỳ chiều hướng nào khác chẳng hạn như về trí năng.

Vì vậy trong khi một nhà thông linh vĩ đại không nhất thiết là một người có tính linh thì mặt khác một người có tính linh cao cả tất yếu là một nhà thông linh.

Bất cứ ai mất công đều có thể phát triển được thần thông và người ta có thể học được thần nhãn hoặc thôi miên mesmer cũng giống như y có thể học cách chơi dương cầm nếu y sẵn lòng trải qua việc thực hành vất vả cần thiết.

Các giác quan của thể vía tồn tại nơi mọi người nhưng chỉ tiềm tàng trong hầu hết mọi người, và nói chung cần phải được cưỡng chế nhân tạo nếu muốn sử dụng chúng trong giai đoạn tiến hóa hiện nay. Nơi một vài người, chúng hoạt động mà không có sự thôi thúc nhân tạo nào; nơi rất nhiều người chúng có thể được khơi hoạt và phát triển nhân tạo. Trong mọi tình huống thì điều kiện để cho các giác quan thể vía hoạt động là thể xác thụ động và thể xác càng thụ động hoàn toàn bao nhiêu thì khả năng hoạt động giác quan thể vía càng lớn bấy nhiêu.

Những dân tộc sơ khai hoặc những cá nhân dốt nát và thất học thường có được thần nhãn hơn là các giống dân tiên tiến. Đôi khi ta gọi năng lực này là thần thông hạ đẳng, nó tuyệt nhiên không giống như năng lực mà một người có được nhờ rèn luyện đúng đắn và tiên tiến hơn và nó cũng chẳng xảy ra theo cùng cách thức ấy.

Việc thần thông cấp thấp đôi khi xuất hiện nơi một người chậm tiến là một loại cảm giác tổng thể mơ hồ thuộc về toàn thể cái hiện thể ấy chứ không phải là một nhận thức chính xác và xác định xuất phát từ những cơ quan đã được chuyên biệt hóa. Điều này đặc biệt là đặc tính của Căn chủng Atlantic (thứ tư). Nó hoạt động không phải thông qua các Luân xa thể vía mà thông qua các trung tâm lực trong thể vía có liên quan tới các giác quan của thể xác. Những trung tâm lực này không hoàn toàn thuộc thể vía mặc dù chúng là những tụ điểm vật chất trung giới trong thể vía. Chúng có bản chất là cầu nối giữa cõi trung giới và cõi hồng trần chứ không phải là các giác quan đã phát triển của thể vía theo đúng nghĩa của thuật ngữ giác quan. Sự “thấu thị” thuộc về loại nhạy cảm này, nó thường mang tính biểu tượng, kẻ nhận thức truyền đạt kiến thức của mình theo đường lối biểu tượng kỳ lạ ấy. Thật là hoàn toàn sai lầm khi kích thích những trung tâm lực cầu nối thay vì phát triển các Luân xa vốn là các giác quan của thể vía. Thần thông hạ đẳng cũng liên kết với hệ thần kinh não

tủy. Việc phục hồi kiểm soát hệ thần kinh giao cảm là một bước thoái hóa chứ không phải tiến hóa.

Theo thời gian thì thần thông hạ đẳng biến mất để rồi xuất hiện trở lại vào giai đoạn sau này khi ý chí đã kiểm soát nó.

Những người cuồng thần kinh và rất dễ bị kích động thần kinh đôi khi cũng trở nên có thần nhãn, sự kiện này là triệu chứng họ bị bệnh do thể xác yếu đuối đến nỗi không còn có trở ngại nào đối với thần nhãn của thể phách hoặc thể vía. Chứng mê sảng do nghiện rượu là ví dụ cực đoan của loại bệnh tâm thần này. Nạn nhân của bệnh này thường tạm thời nhận thức được một vài tinh linh và thực thể dĩ thái ghê tởm.

Đối với những người chưa phát triển được thần nhãn của thể vía thì ta nên thẩm định bằng trí năng về thực tại của cõi trung giới để ngộ ra được rằng các hiện tượng của nó cũng có thể được quan sát với đầy sự tinh thông cũng giống như những hiện tượng của cõi trần.

Có tồn tại những phương pháp Yoga nhất định để phát triển được các giác quan thể vía một cách lành mạnh và thuần lý. Nhưng việc toan tính thực hành những điều này chẳng những vô ích mà còn có thể nguy hiểm nếu trước hết ta chưa trải qua giai đoạn dự bị là tẩy trừ. Trước hết, ta phải tẩy trừ cả thể xác lẫn thể vía bằng cách dẹp tan những thói xấu về ăn uống, chiều theo những xúc động thuộc đủ thứ thù ghét v.v...

Nói chung thì ta không nên cưỡng chế sự phát triển thể vía bằng những phương tiện nhân tạo, bởi vì nếu ta chưa có sức mạnh tâm linh thì việc những phong cảnh, âm thanh và hiện tượng khác của cõi trung giới ùa vào ý thức của ta chỉ gây rối loạn và thậm chí đáng báo động nữa.

Tùy theo nghiệp quả trong quá khứ sớm muộn gì thì kẻ đi theo con đường “thánh vương ngàn đời” tức Raja Yoga cũng sẽ thấy dần dần mình có được sự hiểu biết về những hiện tượng cõi trung giới: y sẽ khơi hoạt được sự thấu thị và những cảnh tượng mới lạ của một vũ trụ rộng lớn hơn sẽ được khai mở cho y về mọi mặt. Đây là minh họa cho ngạn ngữ: “Trước hết con hãy mưu cầu Thiên quốc rồi thì mọi thứ ấy sẽ có thêm cho con”.

Việc coi thành đạt thần thông là cứu cánh tự thân tất yếu sẽ dẫn tới cái mà phương Đông gọi là phương pháp phát triển *laukika*: thần thông đạt được chỉ dành cho phạm ngã trong kiếp này và nếu không có gì kèm chế thì học viên rất có thể sẽ lạm dụng nó. Trong loại này có những phép thực hành Hatha Yoga, khí công tức phép điều tức (*prāṇayama*), triệu thỉnh các tinh linh ngũ hành và nhiều hệ thống đòi hỏi làm cho các giác quan của thể xác bị đờ đẫn đi theo một cách nào đó: *chủ động* dùng thuốc (chẳng hạn như ma túy, cần sa v.v...) bằng cách tự thôi miên hoặc trong đám nữ đồng bóng bằng cách quay cuồng với những vũ điệu man dại đầy nhiệt tình tôn giáo cho đến lúc chóng mặt mất hết cảm giác, hoặc là *thụ động* bằng cách chấp nhận bị thôi miên mesmer sao cho các giác quan của thể vía có thể trôi lên. Những phương pháp khác bao gồm việc nhìn chăm chú vào quả cầu pha lê (điều này chẳng đi tới đâu ngoại trừ loại thần nhãn bậc thấp nhất), việc niệm chú hoặc dùng bùa hay nghi thức.

Người nào làm cho mình xuất thần bằng cách niệm đi niệm lại những câu chú có lẽ kiếp tới sẽ trở thành đồng cốt hoặc dù sao đi nữa cũng yếu bóng vía. Ta không nên coi thuật đồng cốt là thần thông bởi vì người đồng cốt không hề vận dùng thần thông mà ngược lại nhường quyền kiểm soát cơ thể mình cho một thực thể khác. Như vậy, thuật đồng cốt không phải là thần thông mà là điều kiện để đạt được thần thông.

Có nhiều chuyện kể rằng một chất dầu thoa hoặc thuốc bí nhiệm nào đó khi xoa lên mắt khiến cho người ta thấy được thần tiên v.v... Thoa lên mắt có thể kích thích thần nhãn dĩ thái nhưng không thể khai mở thần nhãn thể vía mặc dù một vài loại thuốc thoa lên trọn

cơ thể ắt giúp cho thể vía dễ dàng xuất ra khỏi xác trong tình trạng ý thức trọn vẹn – thật vậy, kiến thức này dường như đã sống sót tới tận thời trung cổ mà ta thấy qua bằng chứng được trình bày trong một số phiên xét xử thuật phù thủy.

Phương pháp *lokottara* cốt ở sự tiến bộ tâm linh theo Rāja Yoga và đây chắc chắn là phương pháp tốt nhất. Mặc dù mất nhiều thời gian hơn nhưng thần thông mà nó đạt được thuộc về Chơn ngã thường trụ chẳng bao giờ bị mất trong khi Chơn sư dẫn dắt bảo đảm được an toàn tuyệt đối chừng nào mà học viên còn nghiêm túc tuân lời Ngài.

Việc được một Chơn sư rèn luyện còn có lợi ích lớn lao nữa là học viên dù đạt được bất cứ năng lực nào thì y cũng dứt khoát kiểm soát và sử dụng được nó trọn vẹn và thường xuyên bất cứ khi nào cần tới; trong khi đó trong trường hợp kẻ không được Chơn sư rèn luyện thì có thần thông cũng thường chỉ là biểu hiện rất cục bộ và năm thì mười họa, lúc có lúc không, có thể nói là tùy hứng.

Phương pháp tạm bợ giống như học cưỡi một con ngựa đang bị đê mê, phương pháp trường cửu giống như học cưỡi ngựa chính qui sao cho ta có thể cưỡi được bất cứ con ngựa nào. Phương pháp trường cửu ngụ ý là tiến hóa thực sự, còn phương pháp tạm bợ không nhất thiết mang lại một điều gì giống như vậy vì thần thông đạt được có thể mất đi khi thể xác chết.

Mở rộng tầm nhìn ra cõi trung giới đâu phải là một phước lành trọn vẹn vì nó tiết lộ những điều phiến não khôn khổ gian tà và tham lam của thế gian. Điều này nhắc ta nhớ tới những lời của Schiller: “Tại sao ngài lại dẫn con vào thành thị của kẻ mù bẩm sinh để tuyên cáo lời sấm giảng của ngài với mắt mở trao tráo? Xin ngài hãy rút lại cái sự thâu thị đáng buồn này; hãy rút lại cái ánh sáng độc ác này xuất hiện trước mắt con! Xin ngài hãy trả lại cho con sự mù lòa – mắt con chẳng thấy gì vậy mà lại hạnh phúc, xin ngài hãy rút lại cái tặng vật dễ sợ ấy!”

Nếu được vận dụng một cách đúng đắn và nhạy bén thì quyền năng thần nhãn có thể mang lại phúc lợi và nhiều sự trợ giúp; nếu bị lạm dụng thì nó có thể là trở ngại và giáng họa cho con người. Những nguy cơ chính yếu đi kèm theo nó bắt nguồn từ lòng kiêu ngạo, sự vô minh và không trong sạch. Rõ ràng là người có thần nhãn thật điên rồ khi tưởng tượng rằng mình là người duy nhất được phú cho năng khiếu ấy và là người duy nhất được đặc biệt tuyển lựa để thiên thần hướng dẫn lập nên một giáo hệ mới v.v... Hơn nữa, bao giờ cũng có nhiều thực thể trung giới ưa đùa giỡn và tinh nghịch sẵn sàng hăm dọa cổ võ những điều mê sảng ấy và đóng bất kỳ *vai trò* nào được gán cho mình.

Người có thần nhãn nên biết một điều gì đó về lịch sử của đề tài này và hiểu một điều nào đó về tình hình các cõi cao cũng như có được một kiến thức nào đó về các đề tài khoa học (nếu có thể được).

Và lại, một người có sinh hoạt không trong sạch hoặc động cơ thúc đẩy hắc ám tất nhiên sẽ thu hút về mình những yếu tố tồi tệ nhất trong cõi vô hình. Mặt khác, một người có tư tưởng và sinh hoạt trong sạch thì chính nhờ sự kiện ấy mà sẽ thoát khỏi ảnh hưởng của những thực thể bất hảo thuộc các cõi khác.

Trong nhiều trường hợp thì đôi khi người ta có thể thấy chớp lóe lên tâm thức cõi trung giới mà tuyệt nhiên không khơi hoạt được thần nhãn dĩ thái, sự phát triển không đều đặn này là một trong những nguyên nhân chính yếu khiến cho gây ra sai lầm nghiêm trọng trong những vấn đề thần nhãn dù sao đi nữa cũng ở những giai đoạn sơ khởi.

Theo lộ trình bình thường của sự việc thì người ta thức tỉnh với những thực tại của cõi trung giới rất chậm chạp cũng giống như một đứa trẻ thức tỉnh với những thực tại của cõi

hồng trần. Những người nào cố tình và có thể nói là nhập vào Thánh đạo quá sớm thì đều phát triển kiến thức ấy một cách bất bình thường, vì vậy rất dễ bị sai lầm lúc ban đầu.

Rất dễ xảy ra nguy cơ và sự tai hại nếu mọi học viên đang được huấn luyện đúng đắn không được trợ giúp và dẫn dắt bởi những huấn sư tinh thông đã quen thuộc với cõi trung giới. Chính vì thế mà người ta đã cho kẻ sơ cơ thấy đủ loại phong cảnh khủng khiếp v.v... để trải nghiệm xem liệu y có thể hiểu được chúng và làm quen với chúng hay chăng. Nếu y không thực hiện được điều này thì y có thể nhận được một cú sốc chẳng những khiến y không thể làm được điều gì hữu ích mà còn có thể gây nguy hiểm nhất định cho thể xác của y.

Việc lần đầu tiên được du nhập vào cõi trung giới có thể xảy ra theo nhiều cách khác nhau. Có một số người chỉ mỗi một lần trong suốt cuộc đời là trở nên đủ bén nhạy để trải nghiệm sự hiện hữu của một thực thể trên trung giới hoặc một hiện tượng nào đó trên cõi trung giới. Những người khác thấy mình càng ngày càng nhìn thấy và nghe thấy được những điều mà thiên hạ không nhìn thấy và nghe thấy; có những người khác lại bắt đầu nhớ được kinh nghiệm trong lúc ngủ của mình.

Khi một người bắt đầu bén nhạy với các ảnh hưởng của cõi trung giới thì y ắt thấy mình đột nhiên thỉnh thoảng bị một sự hãi sợ không thể diễn tả được đè bẹp. Điều này bắt nguồn một phần từ việc thế giới tinh linh ngũ hành tự nhiên là thù nghịch với con người vì có nhiều tác nhân phá hoại của con người trên cõi hồng trần đã tác động lại trên cõi trung giới và phần nào là do nhiều tinh linh nhân tạo không thân thiện do trí con người sinh ra. Ta đã đặc biệt lưu ý thấy điều này ngay tại và ở gần những đô thị như Chicago.

Một số người bắt đầu bằng cách nằm thì mười họa có ý thức được về những màu sắc rực rỡ trong hào quang con người: những người khác có thể nhìn thấy những khuôn mặt, những cảnh tượng hoặc những đám mây màu trôi nổi trước mắt họ trong bóng tối trước khi họ chìm vào sự yên nghỉ. Có lẽ sự trải nghiệm thông dụng nhất là bắt đầu nhớ lại được càng ngày càng rõ rệt những trải nghiệm trong các cõi khác mà ta thu lượm được trong lúc ngủ.

Đôi khi, một người nào đó trong trọn cả cuộc đời ắt nhận thức được chẳng hạn như một người bạn hiện hình ra vào lúc từ trần. Điều này có thể do hai nguyên nhân, trong mỗi nguyên nhân thì lòng ao ước mãnh liệt của người đang hấp hối đều chính là động cơ thúc đẩy. Động cơ ấy có thể khiến cho người hấp hối hiện hình ra được một lúc và trong trường hợp này dĩ nhiên không cần có thần nhãn; có lẽ nó cũng có thể tác động bằng thuật thôi miên mesmer lên người tiếp nhận, tạm thời làm cho y không bén nhạy với cõi trần và kích thích sự bén nhạy của y với các cõi cao.

Một người đã phát triển được thần nhãn trung giới dĩ nhiên không còn bị hạn chế bởi vật chất của cõi trần: y thấu suốt được mọi thể xác đến nỗi những chất trong mờ trên cõi trần đối với y cũng trong suốt như thủy tinh. Trong buổi hòa nhạc y nhìn thấy những sự hòa tấu màu sắc vinh diệu; trong buổi diễn thuyết y nhìn thấy tư tưởng của diễn giả cả về màu sắc lẫn hình tượng, và vì vậy ở vào địa vị hiểu được mình đầy đủ hơn một người không có thần nhãn.

Việc khảo sát chút ít sẽ tiết lộ được rằng nhiều người tiếp thu qua diễn giả nhiều hơn mức mà chỉ lời lẽ không thôi truyền thụ. Nhiều người ắt thấy nhớ được nhiều hơn mức diễn giả thốt nên lời, những trải nghiệm như thế biểu thị rằng thể vía đang phát triển và trở nên nhạy bén hơn, đáp ứng nhiều hơn với những hình tư tưởng do diễn giả tạo ra.

Một số nơi khiến cho công tác huyền bí học dễ dàng hơn nhiều so với những nơi khác: vậy là California có một khí hậu rất khô, trong không khí có nhiều điện thuận lợi cho việc phát triển thần nhãn.



Một số nhà thông linh cần có nhiệt độ 80°F để làm việc được tốt nhất; những người khác không làm việc được thuận lợi ngoại trừ khi nhiệt độ thấp hơn.

Một nhà thần nhãn lão luyện có thể nhìn thấy được thể vía của con người, suy ra rằng trên cõi trung giới không ai có thể che giấu hoặc nguy trang được: y thật sự là gì thì bất cứ người quan sát nào không có thành kiến đều nhìn thấy rõ mồn một. Ta cần phải nhấn mạnh là không có thành kiến, bởi vì một người nhìn thấy người khác qua những hiện thể của chính mình, điều này khá giống như nhìn một phong cảnh qua kính màu. Nếu y không học được cách bỏ qua ảnh hưởng này thì người ta rất có thể nhìn thấy nơi người khác những đặc tính mà chính mình dễ dàng đáp ứng nhất. Việc thực hành là cần thiết để cho người ta thoát khỏi cái sự xuyên tạc ấy được tạo ra do bản tính cá nhân của mình thì mới có thể quan sát một cách rõ ràng và chính xác được.

Hầu hết những nhà thông linh thỉnh thoảng thấy được cõi trung giới cũng như hầu hết các thực thể giao tiếp trong những buổi lên đông của thần linh học đều không thể tường trình nhiều điều phức tạp thuộc cõi trung giới mà người ta đã miêu tả trong quyển sách này. Lý do là vì rất ít người thấy được sự việc đúng như thực chất của nó trên cõi trung giới nếu không trải qua một kinh nghiệm rất lâu dài. Ngay cả những người nhìn thấy hết cũng thường bị lóa mắt và bối rối đến nỗi không hiểu được hoặc nhớ được và chẳng mấy ai có thể chuyển dịch được hồi ức ấy thành ra ngôn ngữ trên cõi trần. Nhiều nhà thông linh không lão luyện chẳng bao giờ khảo sát linh ảnh của mình một cách khoa học: họ chỉ có một ấn tượng, nó có thể hoàn toàn chính xác nhưng cũng có thể sai đi một nửa hoặc thậm chí sai hết.

Cũng vậy, ta thường thấy những cư dân ưa đùa giỡn của cõi trung giới thường dùng nhiều mách khéo lừa gạt những kẻ thiếu lão luyện vốn thường không phòng ngự được.

Trong trường hợp một thực thể cõi trung giới thường xuyên làm việc thông qua một đồng cốt thì những giác quan tinh vi của thể vía thậm chí có thể bị thô trực đi đến nỗi trở nên không bén nhạy với các cấp vật chất trung giới thượng đẳng.

Chỉ kẻ nào đã lão luyện thì từ cõi hồng trần qua tham quan cõi trung giới mới hoàn toàn có ý thức trên cả hai cõi; y thật là đáng tin cậy khi nhìn thấy được cả cõi trung giới lẫn cõi hồng trần rõ ràng cùng một lúc.

Thần nhãn chân thực, lão luyện và hoàn toàn đáng tin cậy đòi hỏi ta phải có năng lực thuộc về một cõi cao hơn cõi trung giới. Khả năng tiên tri chính xác cũng thuộc về cõi cao siêu này; thế nhưng những tia chớp lóe hoặc những tia phản chiếu của nó thường bộc lộ ra cho kẻ thuần túy có thần nhãn trung giới, nhất là trong đám người chất phác sống trong những tình huống thích hợp – cái gọi là sự thấu thị của những người sơn cước Tô cách lan là một ví dụ ai cũng biết.

Trên cõi trung giới cũng có những người mù giống như người mù trên cõi trần sao cho thị giác thông thường trên cõi trung giới không thấy được nhiều hiện tượng của cõi này. Thật vậy, thoát đầu khi sử dụng thị giác trên cõi trung giới người ta có thể phạm nhiều sai lầm cũng giống như một đứa trẻ nhầm lẫn khi nó lần đầu tiên bắt đầu sử dụng thị giác trên cõi trần, mặc dù sau một thời gian thì có thể nhìn thấy và nghe thấy trên cõi trung giới cũng chính xác như trên cõi hồng trần.

Có một phương pháp khác nhằm phát triển thần nhãn mà mọi tôn giáo đều khuyên nên theo và nếu ta chọn theo nó cẩn thận và kính cẩn thì ắt không làm hại cho bất cứ người nào, đó là phép tham thiền giúp cho ta đôi khi có thể phát triển được một loại thần nhãn rất thuần khiết. Một bài tường trình ngắn gọn về những quá trình liên quan tới phép tham thiền được trình bày trong tác phẩm *Bên kia Cửa tử* của C.W. Leadbeater trang 469 tới 476, cũng như dĩ nhiên là trong nhiều tác phẩm khác.

Nhờ việc tham thiền ta có thể phát triển được sự cực kỳ bén nhạy, đồng thời là sự thăng bằng lành mạnh và sự khỏe mạnh hoàn toàn.

Học viên ắt dễ dàng nhận thấy rằng việc quyết tâm thực hành tham thiền ắt kiến tạo các loại vật chất cao cấp vào trong các hiện thể. Ta có thể cảm thấy những xúc động mạnh mẽ và cao thượng xuất phát từ cõi Bồ đề, nghĩa là từ cõi cao hơn ngay bên trên cõi Thượng trí rồi được phản ánh xuống thể vía. Tuy nhiên, ta cũng cần phát triển thể Hạ trí và thể Thượng trí để có được sự thăng bằng. Người ta không thể nhảy vọt từ tâm thức trên cõi trung giới lên tâm thức Bồ đề mà không phát triển các hiện thể trung gian. Chỉ có xúc cảm không thôi thì ta chẳng bao giờ đạt được sự thăng bằng hoặc kiên định hoàn toàn: những xúc động mạnh đã từng lôi cuốn ta đi theo hướng đúng đắn cũng rất dễ dàng bị xuyên tạc một chút để rồi lôi cuốn ta đi theo những đường lối bất hảo hơn. Xúc động cung cấp động cơ thúc đẩy những khả năng chỉ đạo phải xuất phát từ minh triết và sự kiên định.

Có một sự liên kết khăng khít giữa cõi trung giới và cõi bồ đề, xét về nhiều mặt thì thể vía là phản ánh của thể Bồ đề.

Một ví dụ về mối quan hệ khăng khít giữa cõi trung giới và cõi bồ đề vốn ở nơi lễ Misa của Kitô giáo. Vào lúc dâng thánh lễ thì có một lực xạ ra vốn là lực mạnh nhất trên cõi Bồ đề mặc dù nó cũng mạnh mẽ trên cõi Thượng trí; hơn nữa hoạt động của nó nổi bật trên các cảnh một, hai và ba của cõi trung giới mặc dù đây có thể là một sự phản ánh rung động của cõi trí hoặc do tác dụng rung động đồng cảm. Thậm chí những người ở cách xa nhà thờ cũng có thể nhận thấy tác dụng này, một làn sóng rộng lớn sức mạnh an bình tâm linh lan tỏa khắp vùng quê mặc dù nhiều người ắt chẳng bao giờ liên kết nó với lễ Misa đang được cử hành.

Ngoài ra, còn có một tác dụng khác được tạo ra do kết quả tỉ lệ với cường độ xúc cảm sùng tín hữu thức của mỗi cá nhân trong khi hành lễ, một tia giống như lửa phóng ra từ bánh thánh đang được dâng lên khiến cho phần cao của thể vía chói lợi rực rỡ. Thông qua thể vía vì nó có liên hệ mật thiết cho nên thể bồ đề cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ. Vậy là cả thể bồ đề lẫn thể vía đều tác động và phản tác động lẫn nhau.

Một tác dụng tương tự xảy ra khi người ta Ban phước lành trong phép Bí tích.

## **CHƯƠNG XXVII**

### **THẦN NHÂN TRONG KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN**

Có bốn phương pháp giúp ta có thể quan sát được những diễn biến xảy ra nơi chôn xa xôi.

*1 - Nhờ vào một dòng trên cõi trung giới.*

Phương pháp này hơi tương tự như phép từ hóa một thanh thép và bao gồm điều có thể được gọi là sự phân cực do nỗ lực của ý chí gồm một số những đường song song các nguyên tử của cõi trung giới đi từ người quan sát tới phong cảnh mà y muốn quan sát. Mọi nguyên tử đều được giữ cho trục của mình tuyệt đối song song với nhau, tạo thành một loại ống dòm tạm thời mà nhà thần nhân có thể nhìn dọc theo đó. Đường này có thể bị rối loạn hoặc thậm chí bị hủy diệt bởi bất kỳ một dòng thần lực trung giới nào đủ mạnh ngẫu nhiên băng ngang qua lộ trình của nó. Tuy nhiên, điều này ít khi xảy ra.

Đường ấy được tạo ra hoặc bằng cách truyền năng lượng từ hạt này sang hạt khác hoặc bằng cách sử dụng thần lực từ một cõi cao vốn tác động lên trọn cả đường ấy cùng một lúc: phương pháp vừa nêu hàm ý phải phát triển cao hơn nhiều, cần hiểu biết và có khả năng sử

dụng các thần lực thuộc mức cao hơn hẳn. Một người nào có thể tạo ra một đường bằng cách ấy thì nếu chỉ một mình sử dụng thôi ắt không cần đường ấy chút nào bởi vì y có thể nhìn thấy dễ dàng và hoàn chỉnh hơn nhiều bằng một năng lực cao hơn.

Dòng hoặc ống ấy có thể được tạo lập thậm chí hoàn toàn vô ý thức và không cố ý, đó thường là kết quả của một tư tưởng hoặc xúc động mạnh mẽ phóng ra từ đầu này hoặc đầu kia – hoặc là từ nhà thấu thị hoặc là từ một người đang được quan sát. Nếu có hai người liên kết với nhau bằng tình duyên ái mạnh mẽ thì rất có thể là một luồng tư tưởng hỗ trợ rất đều đặn thường xuyên chạy đi chạy lại giữa đôi bên và một nhu cầu đột ngột nào đó hay một sự cực đoan nào đó ở một trong hai người tham gia có thể tạm thời gây ra khả năng phân cực cần thiết để tạo thành cái kính viễn vọng trên cõi trung giới.

Nhìn bằng phương tiện này cũng giống như nhìn qua kính viễn vọng. Hình người chẳng hạn thường hiện ra rất nhỏ nhưng hoàn toàn rõ rệt; đôi khi (nhưng không thường xuyên) ta có thể nghe thấy cũng như nhìn thấy bằng phương pháp này.

Phương pháp có những hạn chế rõ rệt vì nhờ có nó kính viễn vọng trung giới chỉ tiết lộ được phong cảnh theo một hướng thôi, do đó thị trường đặc biệt của nó bị hạn chế. Thật vậy, thị giác trên cõi trung giới hướng theo một đường ống cũng bị hạn chế giống hệt như thị giác trong cõi trần trong tình huống tương tự. Loại thần nhãn có thể trở nên dễ dàng hơn nhiều bằng cách sử dụng một vật trên cõi trần làm khởi điểm – một tiêu điểm cho quyền năng ý chí. Một quả cầu bằng pha lê là tiêu điểm thông thường và hữu hiệu nhất vì nó có tinh hoa ngũ hành được bố trí một cách đặc thù, cho nên tự thân nó cũng có những phẩm tính kích thích năng khiếu thông linh. Người ta cũng dùng những đồ vật khác cho mục đích ấy, chẳng hạn như một cái tách, một tấm gương, một bình mực, (ở Ai cập và ở Ấn độ), một giọt máu trong đám dân Maories (ở Tân tây lan), một tô nước (người mọi da đỏ), một cái ao (người La mã và người Phi châu), một bát nước bằng thủy tinh (ở Fez) hoặc hầu như bất kỳ bề mặt nhẵn bóng nào, hoặc mặt khác là một bề mặt đen thui được tạo ra bằng dấm than bột rắc vào một cái đĩa.

Có một số người xác định được tùy ý điều mà mình nhìn thấy nghĩa là họ có thể chia kính viễn vọng của mình tới bất cứ nơi đâu mình muốn, nhưng đại đa số lại tạo ra một ống viễn vọng ngẫu nhiên và nhìn thấy bất cứ điều gì xảy ra xuất hiện ở đầu mút bên kia.

Một số nhà thông linh chỉ có thể sử dụng phương pháp ống dòm khi chịu ảnh hưởng của thuật thôi miên mesmer. Có hai loại nhà thông linh khác nhau: (1)- những người nào có thể tự mình tạo ra ống dòm, (2)- những người nhìn qua ống dòm do người thôi miên mesmer tạo ra.

Thỉnh thoảng, mặc dù hiếm khi người ta cũng có thể phóng đại bằng ống dòm mặc dù trong những trường hợp này thì có lẽ một quyền năng hoàn toàn mới mẻ đang bắt đầu lộ dạng.

## *2 – Nhờ vào một sự phóng chiếu một hình tư tưởng.*

Phương pháp này cốt ở việc phóng chiếu một hình tư tưởng của chính mình mà vật chất cõi trung giới cũng được thu hút về xung quanh nó, sự liên hệ với hình tư tưởng ấy được duy trì sao cho nó có thể thu nhận được những ấn tượng: hình tư tưởng như vậy đóng vai trò một loại tiền đồn tâm thức của nhà thấu thị. Những ấn tượng như thế ắt truyền tới cho người cần tư duy bằng rung động đồng cảm. Trong trường hợp hoàn hảo thì nhà thấu thị có thể nhìn thấy hầu như cũng rõ ràng nếu bản thân y đang đứng ở ngay chỗ của hình tư tưởng. Trong phương pháp này, nếu muốn thì người ta cũng có thể đi dờ điếm quan sát. Thần nhĩ có lẽ ít liên kết với loại thần nhãn này hơn là liên kết với loại đầu tiên. Khi sự chú tâm vào tư tưởng không còn nữa thì toàn thể linh ảnh lại biến mất và ta cần phải kiến tạo

một hình tư tưởng mới mẻ trước khi có thể nhìn thấy trở lại. Loại thần nhãn này hiếm hơn loại thần nhãn đầu tiên vì cần có sự kiểm soát tâm trí và sử dụng những thần lực có bản chất tinh vi hơn. Loại này thật tế nhị ngoại trừ khi dùng ở khoảng cách rất gần.

3 – *Bằng cách xuất vía* hoặc là trong lúc ngủ hoặc là khi xuất thần.

Quá trình này đã được miêu tả ở những chương trước kia.

4 – *Bằng cách vân du trong thể hạ trí.*

Trong trường hợp này, người ta bỏ lại thể vía cùng với thể xác và nếu muốn hiện hình trên cõi trung giới thì người ta tạo ra một thể vía tạm bợ, tức ảo thân (māyāvīrūpa) như được miêu tả ở trang 255.

Ta cũng có thể thu được thông tin liên quan tới những diễn biến ở xa bằng cách trực triệu hoặc triệu thính một thực thể trung giới chẳng hạn như một tinh linh thiên nhiên rồi dẫn dụ hoặc bắt buộc nó phải đảm nhiệm việc nghiên cứu. Dĩ nhiên đây không phải là thần nhãn mà là pháp thuật.

Để tìm ra một người trên cõi trung giới, ta cần khiến cho mình *liên lạc* với người ấy, chỉ cần một manh mối rất mong manh thường cũng đủ rồi, chẳng hạn như một bức ảnh, một bức thư do y viết ra, một đồ vật thuộc về y v.v... Thế rồi nhà thao tác trở lên nốt chủ âm của người ấy, và nếu người được tìm kiếm đang ở trên cõi trung giới thì sẽ có sự đáp ứng ngay tức khắc.

Nốt chủ âm của người trên cõi trung giới là một loại cung bậc trung bình xuất lộ từ mọi rung động khác nhau vốn quen thuộc với thể vía của y. Thể trí và những thể khác của mỗi người cũng có một cung bậc trung bình giống như vậy, mọi nốt chủ âm cùng nhau hợp thành hợp âm của con người và thường được gọi là hợp âm thần bí.

Nhà thấu thị lão luyện nhất thời để cho các hạ thể của mình chỉnh hợp chính xác với nốt chủ âm của người tìm kiếm, thế rồi dùng nỗ lực của ý chí để phóng âm thanh đó đi. Cho dù người cần được tìm kiếm ở bất cứ nơi đâu trong ba cõi thì điều nêu trên sẽ khơi dậy nơi y một sự hưởng ứng tức khắc; sự hưởng ứng này ngay lập tức được nhà thấu thị nhìn thấy sao cho y có thể tạo được một đường liên lạc từ khí với người cần tìm.

Một dạng thần nhãn khác khiến cho nhà thấu thị nhận thức được những diễn biến đã xảy ra trong quá khứ. Có nhiều cấp độ của quyền năng này từ mức người lão luyện có thể tùy ý tự mình tham khảo Tiên thiên Ký ảnh xuống mãi tới kẻ chỉ năm thì mười họa mới thoáng thấy chút đỉnh thôi. Nhà trắc tâm bình thường cần có một đồ vật liên hệ trên cõi trần với phong cảnh trong quá khứ mà y muốn nhìn thấy hoặc dĩ nhiên y có thể sử dụng một quả cầu pha lê hoặc đồ vật khác làm tiêu điểm.

Tiên thiên Ký ảnh biểu diễn trí nhớ của Thượng Đế, nó đã được đề cập ngắn gọn ở trang 155. Những ký ảnh mà ta thấy được trên cõi trung giới chỉ là phản ánh của một phản chiếu từ một cõi cao hơn hẳn cho nên nó cực kỳ bất toàn, vô cùng rời rạc và thường bị xuyên tạc ghê gớm. Người ta thường so sánh chúng với những ảnh phản chiếu trên bề mặt nước bị gió thổi lao xao. Trên cõi trí tuệ, các ký ảnh thật đầy đủ và chính xác, nhưng dĩ nhiên việc này cần phải có những năng lực thuộc về cõi trí tuệ.

## **CHƯƠNG XXVIII** **CÁC VỊ PHÒ TRỢ VÔ HÌNH**

Người nào đã nghiên cứu những trang trước kia giờ đây ắt đã nhận thức được rằng thỉnh thoảng có những ví dụ do các tác nhân vô hình “can thiệp” vào những sự việc của con



người; cố nhiên theo quan điểm duy vật thì hoàn toàn không thể giải thích được, nhưng người nào hiểu được một điều gì đó về cõi trung giới và những khả năng của nó ắt có thể dễ dàng giải thích được một cách hợp lý và đơn giản.

Ở Đông phương người ta đã luôn luôn thừa nhận sự tồn tại của những “người phò trợ vô hình”, ngay cả ở Tây phương, ta cũng có những câu chuyện thời xưa của Hi Lạp nói về Chư thần linh can thiệp vào công việc của con người, vài huyền thoại La Mã cho rằng Castor và Pollux dẫn dắt đội quân cứu nước Cộng hòa non trẻ trong Trận chiến của Hồ Regillus. Thời trung cổ có nhiều câu chuyện về chư thánh đã xuất hiện vào những lúc tới hạn và chuyển bại thành thắng giúp cho đạo quân Kitô – chẳng hạn như thánh James, đã cầm đầu đạo quân Tây ban nha và các thiên thần hộ mệnh đôi khi cứu được một khách lữ hành khỏi bị nguy cơ nghiêm trọng hoặc thậm chí mất mạng nữa.

Nhiều lớp cư dân nơi trung giới có thể trợ giúp cho con người. Sự trợ giúp có thể xuất phát từ các tinh linh thiên nhiên, chư thiên, những người đã chết trên cõi hồng trần hoặc những người mặc dù vẫn còn sống trên cõi hồng trần nhưng lại có thể hoạt động thoải mái trên cõi trung giới.

Những trường hợp mà tinh linh thiên nhiên trợ giúp cho con người chỉ có vài trường hợp thôi. Các tinh linh thiên nhiên (xem chương 20) hầu hết đều tránh những người vẫn lảng vảng quanh y vì không thích những tia phóng phát của y, sự lẩn xẩn và náo nhiệt của y ngoại trừ một số những cấp cao, còn các tinh linh thiên nhiên nói chung cũng vô tâm vô tình và tiền hậu bất nhất, giống như lũ trẻ lo chưa tới chỉ mãi chơi đùa hơn là những thực thể nghiêm trang và có trách nhiệm. Theo sự hợp tác kiên định trong loại công tác này mặc dù thỉnh thoảng một tinh linh thiên nhiên cũng gắn bó với một người và giúp y được nhiều điều.

Bậc Cao đồ hoặc Chơn sư chủ yếu là làm việc trên các cảnh vô sắc của cõi trí tuệ, nơi ngài có thể gây ảnh hưởng lên Chơn ngã của con người chứ không chỉ là phàm ngã, đây là mọi điều ta có thể đạt được nơi cõi trung giới hoặc cõi hồng trần. Vì vậy, ít khi Ngài thấy cần hoặc nên làm việc trên một cõi thấp như cõi trung giới.

Ta cũng xét tới điều tương tự dành cho chư thiên, những vị thuộc lớp thực thể này đôi khi đáp ứng với những khao khát hoặc mơ ước cao siêu của con người, đều làm việc trên cõi trí tuệ hơn là trên cõi trung giới hoặc cõi hồng trần và rất thường trong những thời kỳ giữa các kiếp nhập thể hơn là trong lúc sinh hoạt trên cõi trần.

Những người vừa mới chết trên cõi trần và vẫn còn tiếp xúc mật thiết với những sự việc trên cõi trần đôi khi cũng có giúp đỡ. Tuy nhiên, học viên ắt dễ dàng nhận thấy rằng số lượng của sự giúp đỡ như thế ắt có bản chất là những chuyện cực kỳ hạn hẹp bởi vì một người càng ưa giúp đỡ và vị tha bao nhiêu thì sau khi chết người ấy càng ít có khả năng lần nữa bấy nhiêu với ý thức đầy đủ trên các cảnh thấp của cõi trung giới mà từ đó có thể dễ dàng tiếp xúc với cõi trần.

Và lại, muốn cho một người chết có thể gây ảnh hưởng lên một người vẫn còn sống trên cõi trần thì người còn sống này ắt phải có nghiệp cảm thuộc loại bất bình thường hoặc kẻ muốn giúp đỡ phải có một trình độ hiểu biết và tài khéo nào đó. Những điều kiện này dĩ nhiên rất hiếm khi đạt được.

Vậy thì suy ra rằng hiện nay công tác trợ giúp trên cõi trung giới và cõi hạ trí chủ yếu nằm trong tay đệ tử của các Chơn sư và bất cứ người nào khác đã tiến hóa đủ để hoạt động được một cách hữu thức trên hai cõi này.

Cho dù loại công tác trên cõi trung giới có biến thiên đến đâu đi nữa thì nó dĩ nhiên đều hướng tới một cứu cánh cuối cùng là giúp ta tiến hóa thêm nữa. Đôi khi, nó có liên quan

tới sự phát triển các giới thấp, giới tinh hoa ngũ hành cũng như giới thực vật và động vật mà người ta có thể làm gia tốc trong một số tình huống nào đó. Thật vậy, trong một số trường hợp, chỉ nhờ vào việc liên kết với loài người hoặc được con người sử dụng thì sự tiến bộ của các giới thấp hơn mới xảy ra. Như thế chẳng hạn một con thú chỉ có thể biệt lập ngã tính qua một vài lớp thú mà con người đã nuôi để thuần hóa.

Cho đến nay, bộ phận công tác lớn lao nhất và quan trọng nhất liên quan tới loài người theo một cách nào đó, chủ yếu là xét về sự phát triển tâm linh của y mặc dù rất hiếm khi người ta có thể trợ giúp thậm chí thuần túy về mặt hồng trần.

Trong tác phẩm cổ điển về đề tài này “*Các vị Phò trợ Vô hình*” của C. W. Leadbeater người ta có trình bày một số ví dụ tiêu biểu về việc can thiệp trên cõi trần. Đôi khi, một nhà phò trợ vô hình có tầm nhìn rộng lớn hơn có thể nhận thức được một nguy cơ đang đe dọa một người nào đó và gây ấn tượng ý tưởng này lên người bị đe dọa hoặc lên một người bạn sắp đi tới giúp đỡ người này. Bằng cách đó đôi khi người ta tránh được việc đắm tàu. Vào những dịp khác, người cứu trợ có thể hiện hình ra hoặc được một nhà phò trợ lão luyện hơn giúp hiện hình ra đủ để dẫn dắt một người nào đó thoát hiểm, chẳng hạn như dẫn một đứa trẻ thoát ra khỏi một căn nhà đang cháy hoặc cứu một người nào đó rớt từ bờ vực xuống hoặc đưa những đứa trẻ lạc đường về nhà v.v... Có một ví dụ mà người phò trợ thấy một đứa trẻ rớt ra khỏi vách đá bị đứt động mạch đã hiện hình để có thể thắt chặt cuộn băng cứu thương khiến cho máu ngừng chảy bằng không thì mất máu nhiều quá ắt tử vong, trong khi đó một người phò trợ khác gây ấn tượng về nguy cơ ấy cho mẹ của đứa trẻ biết rồi dẫn dắt bà ta tới hiện trường.

Ta có thể thắc mắc làm sao một thực thể trên cõi trung giới lại biết được một tiếng kêu trên cõi hồng trần hoặc một tai nạn trên cõi này. Xin trả lời rằng bất cứ tiếng kêu thất thanh nào cũng bao hàm một xúc cảm hoặc xúc động mãnh liệt vốn tạo ra tác dụng trên cõi trung giới và ắt truyền được chính xác ý tưởng ở trên đó chẳng khác nào trên cõi trần. Trong trường hợp có một tai nạn thì cơn bùng nổ xúc động do đau đớn hoặc sợ hãi gây ra ắt bốc lên thành một ánh sáng chói lọi và không thể không thu hút sự chú ý của một thực thể trên cõi trung giới nếu y đang ở gần nơi ấy.

Muốn cho thể vía hiện hình được như cần thiết để dùng làm phương tiện thực thi những hành vi thuần túy trên cõi trần thì rõ ràng là ta cần hiểu biết phương pháp làm như thế.

Có ba loại hiện hình rõ rệt: (1)- loại hiện hình thành điều gì sờ thấy được nhưng không nhìn thấy được bằng mắt phàm; trong những *buổi lên đồng*, đây là loại thông thường nhất được dùng để di chuyển những đồ vật nhỏ và “nói trực tiếp”. Cái loại vật chất được sử dụng không phản chiếu ánh sáng, cũng không cản quang nhưng trong một số tình huống nhất định ta có thể dùng nó để tạo ra âm thanh. Biến thể của loại này là loại có thể gây ảnh hưởng lên một số tia tử ngoại, nhờ vậy giúp ta “chụp hình được các vong linh”. (2)- loại nhìn thấy được nhưng không sờ thấy được. (3)- loại hiện hình hoàn toàn vừa nhìn thấy được vừa sờ thấy được. Nhiều nhà thần linh học vốn quen thuộc với cả ba loại này.

Những sự hiện hình mà ta đang xét ở đây đều do nỗ lực ý chí gây ra. Nỗ lực này hướng về việc biến vật chất từ trạng thái tự nhiên sang một trạng thái khác, có thể nói là tạm thời chống lại ý chí vũ trụ. Suốt thời gian đó ta phải duy trì nỗ lực bởi vì nếu tâm trí xảy ra chỉ xao lãng trong nửa giây thì vật chất sẽ trở lại tình trạng nguyên thủy nhanh như tia chớp.

Trong những *buổi lên đồng* của thần linh học, người ta thường tạo ra sự hiện hình trọn vẹn bằng cách sử dụng vật chất thuộc thể phách và thể xác của người đồng cốt cũng như vật chất của người lên đồng. Trong những trường hợp như thế rõ rệt là ta đã lập nên môi liên hệ

khăng khít nhất giữa người đồng cốt và cơ thể được hiện hình ra. Lát nữa ta sẽ xét tới ý nghĩa của điều này.

Trong trường hợp một nhà phò trợ lão luyện vốn thấy cần phải tạm thời hiện hình thì người ta dùng phương pháp khác hẳn. Không một đệ tử Chơn sư nào đã từng được phép gây căng thẳng lên cơ thể bất cứ người nào khác, điều này xảy ra khi người ta dùng vật chất của cơ thể ấy để hiện hình; thật ra mưu tính như vậy cũng không cần thiết. Có một phương pháp ít nguy hiểm hơn nhiều là làm ngưng tụ từ chất ether ở xung quanh hoặc từ chất không khí trên cõi trần tạo ra một lượng vật chất cần thiết. Thành tích này mặc dù chắc chắn là vượt ngoài khả năng của thực thể bình thường biểu lộ trong *buổi lên đồng*, không gây khó khăn gì cho học viên hóa học huyền bí.

Trong trường hợp thuộc loại này, khi ta có bản sao chính xác của thể xác thì nó được tạo ra bằng nỗ lực của trí tuệ rút vật chất ra thuộc loại hoàn toàn xa lạ với thể xác. Vì vậy, hiện tượng mà ta gọi là phản kích không thể xảy ra được bằng vật chất rút ra từ cơ thể người đồng cốt.

Sự phản kích xảy ra khi một vết thương gây ra cho hình tướng hiện hình được mô phỏng lại hoàn toàn chính xác nơi bộ phận tương ứng trong cơ thể người đồng cốt. Hoặc có một điều rất thường xảy ra trong các *buổi lên đồng* của thần linh học khi ta nghiền nát phấn bằng bàn tay hiện hình ra; sau khi bàn tay hiện hình đã biến mất thì ta thấy phấn dính trên tay người đồng cốt.

Nếu người trợ giúp làm hiện hình một hình tướng từ chất dĩ thái hoặc không khí xung quanh thì một vết thương gây cho nó không thể phản kích ảnh hưởng lên thể xác của người phò trợ. Chẳng khác nào ta không thể làm tổn thương một con người khi gây thương tổn cho pho tượng của chính y làm bằng cẩm thạch.

Nhưng nếu trên cõi trung giới ta không đủ khôn ngoan để nghĩ rằng một nguy hiểm thuộc về cõi trần (nghĩa là một đồ vật rớt xuống) có thể làm tổn thương thể xác, thì một vết thương đối với thể xác lại có thể gây ra bằng cách phản kích.

Đề tài phản kích thật khó hiểu và bí hiểm, cho đến nay ta chưa hoàn toàn hiểu hết được. Để hiểu nó hoàn toàn có lẽ ta cần hiểu được các định luật rung động đồng cảm trên nhiều cõi hơn là một cõi duy nhất.

Chắc chắn là cho dù ý chí có quyền năng ghê gớm đối với vật chất trên mọi cõi sao cho nếu quyền năng ý chí ấy đủ mạnh thì hầu như ta có thể nhờ tác động trực tiếp của nó mà tạo ra được *bất kỳ kết quả nào*, còn người vận dụng ý chí thậm chí cũng chẳng biết hoặc chẳng hiểu được *làm thế nào* mà việc đó xảy ra được.

Không có giới hạn cho mức độ mà ta phát triển ý chí.

Quyền năng này cũng có hiệu lực trong trường hợp hiện hình mặc dù thông thường thì đó là một thuật mà ta phải học hỏi cũng giống như bất kỳ thuật nào khác. Một người bình thường trên cõi trung giới không thể tự mình hiện hình nếu trước đó không học cách hiện hình, cũng giống như một người bình thường trên cõi trần không thể chơi vĩ cầm nếu trước đó chưa từng học. Tuy nhiên, có những trường hợp ngoại lệ khi sự đồng cảm sâu sắc và quyết tâm kiên định giúp cho người ta tạm thời hiện hình được mặc dù y không biết cách hiện hình trong ý thức.

Có những trường hợp hiếm hoi đáng chú ý khi một người phò trợ trên cõi trung giới can thiệp vào cõi trần là do có tồn tại một mối liên hệ nhân quả giữa người phò trợ và người được trợ giúp. Bằng cách này, người ta công nhận những sự phục vụ thời xưa và lòng tử tế thực hiện trong kiếp này sẽ được đền đáp lại trong kiếp vị lai, thậm chí bằng những phương pháp không thông dụng như ta vừa mô tả.

Hoặc là trong những thảm họa lớn khi nhiều người bị mất mạng thì đôi khi một hai người được cứu mạng một “cách nhiệm màu” bởi vì xét ra nghiệp quả họ không đáng chết như vậy, nghĩa là họ không thiếu nợ Thiên luật món nợ nào có thể phải trả bằng cách đặc thù ấy.

Rất hiếm khi, thậm chí một Chơn sư giúp đỡ trên cõi trần cho con người.

C. W. Leadbeater miêu tả một trường hợp xảy ra cho chính mình. Khi đi bộ dọc theo một con đường, ông đột nhiên nghe thấy bên tai giọng nói của huấn sư người Ấn độ của mình, lúc bấy giờ ngài ở cách xa hiện trường tới 7.000 dặm. Giọng nói kêu lên: “Nhảy ngược lại”. Ông vội vàng nhảy ngược lại thì ngay lúc đó một ông khối nặng nề bằng kim loại rớt bịch xuống vệ đường ngay trước mặt ông chưa đầy một thước Anh.

Người ta còn ghi chép được một trường hợp đáng chú ý khác khi một mệnh phụ thấy mình gặp nguy hiểm nghiêm trọng cho xác phàm ở giữa một đám hỗn loạn ngay trên đường phố; đột nhiên bà được cuốn lốc đi ra khỏi đám đông rồi đặt xuống vệ đường vắng người ở nơi gần đó mà không bị tổn thương gì hết. Thê xác của bà ắt đã được bốc lên vượt qua những căn nhà trung gian rồi được đặt xuống ở đường phố kế cận. Có lẽ một bức màn che bằng chất dĩ thái được quán xung quanh bà trong thời gian chuyển tiếp để cho người ta không thấy được bà khi bà băng ngang qua không khí.

Nếu nghiên cứu kỹ các chương trong quyển *Sinh hoạt sau khi Chết*, ta ắt thấy hiển nhiên là phạm vi công tác của các người phò trợ vô hình thật rộng lớn xiết bao trong đám người đã quá cố. Hầu hết người chết đều mù tịt về sinh hoạt sau khi chết và nhiều người ít ra ở các xứ phương Tây đều bị khủng bố về viễn ảnh “địa ngục” và “đày đọa đời đời”; ta phải thực hiện nhiều điều để soi sáng cho thiên hạ về tình trạng thực sự của họ và bản chất của cõi trung giới mà họ đang ở trên đó.

Công việc chính của những người phò trợ vô hình là trấn an và an ủi người mới chết, nếu có thể được thì khiến cho họ không phải sợ sệt vô lối vốn rất thường làm họ bị tê liệt, nó chẳng những khiến họ đau khổ rất nhiều mà còn làm trì hoãn sự tiến bộ của họ lên các cõi cao; điều này có thể giúp họ hiểu được tương lai đang mở ra trước mắt mình.

Người ta bảo rằng thời xưa công tác này là độc quyền của một lớp cao cấp các thực thể phi nhân loại, nhưng trong một thời gian vừa mới trải qua gần đây những người nào có thể hoạt động hữu thức trên cõi trung giới cũng được đặc quyền tiếp tay vào công trình bác ái này.

Trong trường hợp thể vía đã được sắp xếp lại theo ý của tinh linh dục vọng thì một người phò trợ trên cõi trung giới có thể phá tan sự sắp xếp ấy để cho thể vía trở lại tình trạng trước kia, sao cho người chết có thể nhận thức được trọn cả cõi trung giới thay vì chỉ là một cảnh trên đó thôi.

Những người khác đã ở lâu hơn trên cõi trung giới cũng có thể được trợ giúp qua những lời giải thích và lời khuyên răn qua lộ trình của mình trải qua những giai đoạn khác nhau. Vậy là người ta có thể khuyến cáo họ về mối nguy cơ bị chậm trễ do toan tính giao tiếp với người còn sống thông qua một người đồng cốt, đôi khi mặc dù hiếm hoi, một thực thể đã bị lôi cuốn vào giới thần linh học cũng có thể được hướng dẫn sinh hoạt cao siêu hơn và lành mạnh hơn. Ký ức về giáo huấn ấy dĩ nhiên không thể được trực tiếp truyền lại cho kiếp sau nhưng bao giờ cũng còn lại sự hiểu biết thật sự trong nội giới và vì thế y có nhiều khả năng chấp nhận nó ngay tức khắc khi nghe nói trở lại trong kiếp sống mới.

Một số người mới chết thấy mình ở trên cõi trung giới cũng y nguyên như cũ và vì vậy đầy lòng hối hận. Ở đây, người phò trợ có thể giải thích rằng quá khứ đã qua rồi, việc hối hận chỉ có ích lợi khi ta quyết tâm làm điều tốt hơn trong tương lai, mỗi người phải chấp



nhận mức hiện tại của mình, đều đều làm việc để tự cải thiện thì trong tương lai mới có được một cuộc sống chân thực hơn.

Lại nữa, có những người khác bận tâm vì mong muốn cải sửa lại những gì mình đã gây thiệt hại trong lúc trên trần thế để xoa dịu lương tâm, họ tiết lộ một điều bí mật không đáng tiết lộ mà họ đã bo bo giữ kỹ, chẳng hạn như tiết lộ nơi chôn cất một số tiền lớn v.v... Có một số trường hợp người phò trợ có thể can thiệp bằng cách nào đó lên cõi trần để thỏa mãn ý muốn của người chết; nhưng trong hầu hết trường hợp cùng lắm y chỉ có thể giải thích rằng bây giờ đã quá trễ để sửa đổi và vì vậy chỉ hoài công mà phiền não về chuyện lồi thối, thuyết phục người ta đừng nghĩ tới chuyện trên tục nữa vốn chỉ ghì kéo y lại tiếp xúc mật thiết với sinh hoạt trên cõi trần; tốt nhất là hãy tận dụng sinh hoạt mới mẻ.

Người ta cũng phục vụ rất nhiều cho người còn sống bằng cách dồn tư tưởng lành vào tâm trí những người sẵn sàng tiếp nhận.

Thật hoàn toàn dễ dàng – dễ đến mức những kẻ hầu như không hiểu đề tài này hoàn toàn không thể tin được – người phò trợ chế ngự được tâm trí của một kẻ phạm phu khiến y nghĩ giống như người phò trợ muốn mà không gây ra bất cứ sự nghi ngờ nào của đối tượng này là mình chịu ảnh hưởng bên ngoài. Tuy nhiên, cách làm như vậy hoàn toàn không thể chấp nhận được. Y chỉ có thể đưa tư tưởng tốt vào tâm trí người ấy, trà trộn trong cả ngàn tư tưởng thường xuyên lướt qua thể trí của người ấy, hi vọng rằng người ấy sẽ tiếp thu tư tưởng, biến nó thành tư tưởng của mình rồi hành động theo đó.

Ta có thể trợ giúp theo rất nhiều cách khác nhau bằng phương pháp này. Người ta thường dành sự an ủi cho những kẻ đang phiền não hoặc đau ốm, thử hòa giải những người đã xa cách nhau do xung đột ý kiến hoặc quyền lợi, hướng dẫn những người tha thiết mưu cầu sự thật hướng về chân lý; người ta thường có thể đưa giải pháp của một vấn đề siêu hình hoặc tâm linh nào đó vào trong tâm trí của người đang băn khoăn suy tư về nó. Người ta có thể trợ giúp các diễn giả bằng sự ám thị hay những điều minh họa hiện hình ra bằng vật liệu tinh vi trước mắt diễn giả hoặc gây ấn tượng lên bộ óc của y.

Một người phò trợ vô hình chính qui chẳng bao lâu sau đã có được một số “bệnh nhân” mà mỗi đêm y thường đi thăm bệnh cũng giống như một bác sĩ trên trần thế đi thăm bệnh chính qui đối với các bệnh nhân của mình. Vậy là mỗi hoạt động viên thường trở thành trung tâm điểm của một nhóm nhỏ, thủ lĩnh của một đoàn người phò trợ mà y luôn luôn có thể tìm được công việc thường xuyên. Trong cõi trung giới ta có thể tìm ra công việc cho bất kỳ số hoạt động viên nào và bất cứ ai muôn - nam phụ lão ấu đều có thể hoạt động được.

Đệ tử thường có thể được dùng làm một tác nhân nơi việc hầu như đạt tới mức đáp ứng với lời cầu nguyện. Mặc dù, quả thật là bất kỳ lòng mong muốn tha thiết nào về tinh thần, chẳng hạn như ta có thể diễn tả qua lời cầu nguyện đều là một lực tự động mang lại một vài kết quả; song sự thật cũng là một nỗ lực tâm linh như thể thường hiển ra một cơ hội ảnh hưởng tới Quyền năng Hành thiện. Như vậy, một người phò trợ thiện nguyện có thể biến thành một kênh dẫn để cho năng lượng ấy tuôn ra. Điều này còn đúng hơn nữa đối với việc tham thiền.

Trong một số trường hợp, người ta coi nhà phò trợ ấy là vị thánh v.v... để cho người thỉnh cầu bám víu lấy cầu nguyện và có nhiều câu chuyện minh họa được điều này. Đệ tử nào thích hợp với công việc ấy cũng được sử dụng để ám thị những tư tưởng chân thật và tốt đẹp cho các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ và các nhạc sĩ.

Đôi khi mặc dù hiểm hơn, người ta có thể cảnh báo thiên hạ về nguy cơ phát triển đạo đức theo một lộ trình nào đó đang được theo đuổi, quét sạch ảnh hưởng gian tà ra khỏi nơi lân cận của một người nào đó hoặc hóa giải âm mưu của những pháp sư tà thuật.

Nhà phò trợ vô hình trên cõi trung giới có nhiều việc phải làm đến nỗi rõ ràng bổn phận của học viên là phải dùng mọi phương tiện phù hợp với năng lực của mình để trợ giúp vào việc thực hiện điều ấy. Công trình phò trợ vô hình không thể được thực hiện nếu trên diễn trường không có những đệ tử làm được những chuyện tốt nhất. Ngay khi đệ tử vượt khỏi mức ấy và có thể làm được chuyện cao siêu hơn thì y chắc chắn sẽ được giao phó cho công việc cao siêu hơn.

Nên nhớ rằng khi người ta ban cho kẻ phò trợ quyền năng và sự rèn luyện thì đều có kèm theo những điều hạn chế qui định. Y không bao giờ được sử dụng chúng một cách ích kỷ, không bao giờ được phô trương để thỏa mãn óc tò mò, không bao giờ được dùng chúng để soi mói vào chuyện người khác, không bao giờ được trình diễn trong những buổi lên đồng của thần linh học dưới dạng trác nghiệm, nghĩa là y không bao giờ được làm điều gì mà trên cõi trần có thể coi là hiện tượng lạ. Y có thể mang thông điệp tới cho người chết, nhưng nếu không được Chơn sư trực tiếp huấn thị thì y không được phép mang lời đáp của kẻ đã chết trở lại cho người còn sống. Như vậy, đoàn thể những kẻ phò trợ vô hình không phải là một văn phòng thám tử, cũng không phải là một văn phòng thông tin về cõi trung giới mà chỉ âm thầm làm việc với một mục đích đơn giản theo đúng qui định hoặc theo đường lối chính qui.

Khi một học viên huyền bí học đã tiến bộ thì thay vì chỉ trợ giúp cho cá nhân thôi, y học cách xử trí về những lớp người, các quốc gia và các chủng tộc. Khi y có được quyền năng và kiến thức cần thiết thì y bắt đầu vận dụng được những thần lực lớn lao hơn của Tiên thiên khí và Tinh tú quang, y học được cách sử dụng đến mức thuận lợi tối đa mỗi ảnh hưởng theo chu kỳ tuần hoàn. Y được phép quan hệ với các Đấng Ứng thân cao cả để trở thành một trong những người ban phát thần lực giúp các ngài. Học cách phân phối thần lực vốn là thành quả xả thân cao cả của các ngài.

Không có gì là bí mật về những điều kiện mà một người cần có khi y mong ước trở thành một người phò trợ: trong một chừng mực nào đó nhân tiện các điều kiện này đã được miêu tả rồi, nhưng cũng có thể là hữu ích nếu ta liệt kê chúng ra một cách đầy đủ và dứt khoát.

(1) - *Tính nhất tâm*, đôi khi được gọi là nhất tâm bất loạn.

Kẻ muốn làm người phò trợ phải coi việc giúp đỡ người khác là bổn phận trước tiên và cao cả nhất của mình; công trình mà Chơn sư muốn y thực hiện phải được y quan tâm rất nhiều trong cuộc sống.

Hơn nữa, chẳng những y phải có óc phân biệt một cách thông minh giữa công việc hữu ích và công việc vô ích, mà y còn phải phân biệt giữa các loại công tác hữu ích khác nhau. Định luật căn bản của huyền bí học là phải tiết kiệm nỗ lực và mọi học viên nên dành hết cho mình công tác rất cao siêu mà mình có thể làm được. Trên cõi hồng trần, học viên cũng cần làm hết sức mình để hỗ trợ cho những mục tiêu lớn giống như vậy là trợ giúp đồng loại.

(2) - *Tự chủ*.

Điều này bao gồm việc hoàn toàn làm chủ được tính khí sao cho không một điều gì mà y nhìn thấy hoặc nghe thấy có thể thực sự gây ra sự kích động, vì trên cõi trung giới hậu quả của sự kích động ấy ắt nghiêm trọng hơn nhiều so với trên cõi trần. Nếu một người có năng lực hoàn toàn được khơi hoạt trên cõi trung giới mà cảm thấy nổi giận đối với một người trên cõi ấy thì có lẽ người ấy sẽ bị tổn thương nghiêm trọng đến mức chết người. Bất cứ sự biểu lộ bứt rứt, kích động hoặc sót ruột trên cõi trung giới ắt ngay tức khắc khiến cho người

phò trợ trở thành một đối tượng dễ sợ sao cho những người mà y muốn trợ giúp ắt phải hoảng sợ chạy trốn y.

Người ta có ghi lại một trường hợp, khi một nhà phò trợ vô hình bị đẩy vào trạng thái kích động đến nỗi thể vía của bà tăng kích thước rất nhiều, rung động mãnh liệt và tủa ra những màu sắc chói như lửa. Kẻ mới chết mà bà hi vọng sẽ giúp đỡ khiếp đảm khi nhìn thấy một khối cầu không lồ lóe sáng lên bốc lửa lao vào mình; y coi đó đích thực là ma quỷ theo thần học và hãi sợ bỏ chạy, nỗi hãi hùng của y lại càng gia tăng khi kẻ muốn trợ giúp cứ khăng khăng đuổi theo đằng sau.

Hơn nữa, cần phải kiểm soát được dòng thần kinh để cho không một cảnh khủng khiếp hoặc hoang đường nào mà học viên có thể gặp phải lại làm nao núng lòng can đảm không lay chuyển được của học viên. Trước kia, ta có nói rằng ta phải bảo đảm kiểm soát được dây thần kinh khiến cho y thích hợp với công việc cần phải làm và các ứng viên hiện nay cũng như thời xưa đều luôn luôn phải trải qua cái gọi là những cuộc trắc nghiệm về đất, nước, gió, lửa. Học viên phải ngộ ra được rằng khi y ở trong thể vía thì tảng đá nặng nề nhất cũng không ngăn cản y tự do đi xuyên qua, y có thể nhảy từ các vách cao nhất xuống mà không bị tổn hại, y có thể lao vào tâm một núi lửa đang bốc lửa hoặc xuống vực sâu nhất của đại dương khôn dò một cách hoàn toàn tin tưởng. Học viên phải ngộ ra được điều này đầy đủ thì mới tác động lên chúng một cách tự tin theo bản năng.

Hơn nữa, cần phải kiểm soát tâm trí và lòng ham muốn: kiểm soát tâm trí vì nếu không có khả năng định trí thì y không thể làm được điều gì tốt đẹp trong mọi dòng thần lực làm xao lãng trên cõi trung giới; cần phải kiểm soát lòng ham muốn vì nơi cõi trung giới ham muốn rất thường khi là sở hữu, và nếu không kiểm soát tốt được lòng ham muốn thì học viên có thể thấy mình giáp mặt với những điều do chính mình sáng tạo ra mà y thật lòng cảm thấy xấu hổ.

### (3) – *Bình tĩnh.*

Điều này có nghĩa là không lo âu và chán nản. Có nhiều việc cần phải an ủi những kẻ đang rối trí và khuyến khích những kẻ đang lo âu; rõ ràng là người phò trợ không thể làm được việc ấy nếu hào quang của chính y liên tục rung động lẫn xấn và lo lắng hoặc xám ngoác vì sự u ám đầy chán nản. Chẳng có điều gì gây chết người cho sự tiến bộ huyền bí hoặc sự hữu ích hơn là việc lo âu về những điều vớ vẩn. Sự lạc quan về mọi chuyện bao giờ cũng gần với quan điểm của Thượng Đế và do đó gần với sự thật bởi vì chỉ điều thiện và điều mỹ lệ mới có thường trụ, trong khi do chính bản chất của mình, điều ác chỉ là tạm bợ; sự bình tĩnh không rối loạn đưa tới một sự thanh thản hân hoan khiến ta không thể chán nản được.

Như ta có nói trước kia, lòng chán nản rất dễ lây nhiễm và phải bị loại bỏ hoàn toàn bởi kẻ nào nhắm mục đích trở thành một nhà phò trợ vô hình. Một người như thế ắt có đặc trưng là hoàn toàn thanh thản trong mọi hoàn cảnh khó khăn khả hữu và y luôn luôn sáng ngời lòng hoan hỉ muốn trợ giúp người khác.

### (4) – *Hiểu biết.*

Một người càng có nhiều hiểu biết theo bất kỳ hướng nào và mọi hướng thì y càng hữu dụng. Y nên rèn luyện mình bằng cách nghiên cứu cẩn thận mọi thứ đã được viết ra về cõi trung giới và công việc trên cõi trung giới có trong kho tài liệu huyền bí bởi vì y không thể trông mong những người khác (thời giờ của họ đã bị bận rộn hết rồi) tốn một số thời gian để giải thích cho mình điều mà tự mình có thể học được trên cõi trần bằng cách chịu khó đọc sách.

Có lẽ chẳng có loại trí thức nào mà người ta không thể tìm được cách sử dụng trong công việc của huyền bí gia.

(5) – *Tình thương.*

Điều kiện cuối cùng và lớn lao nhất này cũng là điều dễ bị hiểu lầm nhất. Nói chung, đó không phải là sự đa cảm ủy mị, tràn trề những tình cảm chung chung mơ hồ, lai láng, nó rất sợ không dám bênh vực lẽ phải kéo sẽ bị kẻ vô minh chụp mũ là “không thân hữu”. Người ta cần phải có tình thương mạnh mẽ đến mức hành động mà chẳng cần mở miệng nói yêu thương; lòng ham muốn mãnh liệt để phụng sự bao giờ cũng chờ dịp để phục vụ cho dầu nó thích làm như vậy một cách âm thầm lặng lẽ; xúc cảm xuất phát từ tâm hồn của kẻ đã ngộ ra được công trình lớn lao của Thượng Đế và một khi đã chứng kiến điều ấy thì y có thể tự mình biết được rằng trong ba cõi không thể có lộ trình nào khác ngoại trừ việc đồng nhất hóa mình với nó tới mức giới hạn tối đa về quyền lực của mình; cho dù khiêm tốn đến đâu đi nữa và cách xa đến đâu đi nữa thì y cũng trở thành một kênh dẫn nhỏ xíu của cái tình thương màu nhiệm của Thượng Đế vốn vượt quá tầm hiểu biết của con người cũng giống như sự an bình của Thượng Đế.

Ta cần nhớ lại rằng để cho hai người ở trên cõi trung giới giao tiếp với nhau qua cõi này thì cần là họ phải có một ngôn ngữ chung; vì vậy, người phò trợ càng biết nhiều ngôn ngữ chừng nào trên cõi trung giới thì y càng hữu dụng chừng nấy. Tiêu chuẩn qui định cho một nhà phò trợ vô hình chẳng phải là không thực hiện được; ngược lại, bất cứ ai cũng có thể đạt được mức ấy. Mọi người đều biết một trường hợp phiền não hoặc lo âu nào đó cho dù giữa những người sống hoặc trong đám người chết cũng chẳng có gì là quan trọng. Trong khi tiến hành việc ngủ thì một giải pháp có thể được thực hiện để đến lúc đi ngủ và bước sang sinh hoạt trong thể vía, giải pháp ấy sẽ trợ giúp cho người đó. Cho dù việc nhớ lại có xâm nhập vào ý thức lúc tỉnh dậy hay không đi chẳng nữa thì điều đó cũng chẳng quan trọng, ta có thể coi đó là chuyện chắc chắn đã thành tựu được một điều gì đấy và sớm muộn gì thì một ngày kia cũng sẽ có bằng chứng là ta đã thành công.

Đối với một người hoàn toàn tỉnh táo trên cõi trung giới thì tư tưởng cuối cùng trước khi ngủ thiếp đi cũng không còn quan trọng nhiều bởi vì y ắt có khả năng dễ dàng chuyển từ tư tưởng này sang tư tưởng khác khi ở trên cõi trung giới. Trong trường hợp này thì khuynh hướng chung tư tưởng của y ắt là yếu tố quan trọng bởi vì cũng trong vòng ngày và đêm thì tâm trí của y ắt có thể vận động theo phương pháp quen thuộc.

## **CHƯƠNG XXIX GIAI ĐOẠN LÀM ĐỆ TỬ**

Người ta đã đề cập tới khả năng nhận được sự giáo huấn của một Chơn sư Minh triết nhất là đối với thể vía. Ta có thể thêm một chút thông tin nữa về đề tài này, đó là một giây phút rất trọng đại đối với học viên huyền bí học.

Những điều kiện cần thiết về tính tình đã được mô tả tỉ mỉ ở chương trước kia. Khi một người gần tới trình độ thích hợp để y được Chơn sư chấp nhận làm đệ tử thì Chơn sư có thể đề cho y tập sự, nghĩa là trong một thời gian nào đó y vẫn còn bị quan sát rất kỹ lưỡng. Chơn sư tạo ra cái gọi là “hình ảnh sống động” của đệ tử dự bị nghĩa là một bản sao chính xác các thể nguyên nhân, hạ trí, thể vía và thể phách của y. Ngài cất giữ hình ảnh này ở một nơi mà ngài có thể dễ dàng tiếp cận và ngài để cho nó có quan hệ từ điện với chính người ấy sao cho mọi biến đổi về tư tưởng hoặc xúc cảm nơi các hiện thể của người ấy đều được



miêu tả trung thực qua hình ảnh được Ngài tạo ra. Chơn sư khảo sát những hình ảnh này mỗi ngày, bằng cách đó Ngài chẳng cần mắt công bao nhiêu cũng có được sự tường trình hoàn toàn chính xác về tư tưởng và xúc cảm của người học trò dự bị; cho y có một quan hệ mật thiết hơn nhiều trong giai đoạn kế tiếp nghĩa là đệ tử nhập môn.

Khi đệ tử đã được “nhập môn” thì hình ảnh sống động bị bỏ đi. Đệ tử được hội nhập vào tâm thức của Chơn sư ở mức độ lớn lao đến nỗi bất cứ điều gì mà đệ tử cảm thấy và suy nghĩ đều dội lại bên trong thể vía và thể hạ trí của Chơn sư. Nếu chẳng may có một tư tưởng lọt vào tâm trí của người đệ tử mà không thích hợp để được Chơn sư áp ủ thì ngài ắt tức khắc dựng nên một hàng rào che kín Ngài khỏi rung động ấy. Tác dụng do sự liên kết mật thiết mẫu nhiệm này gây ra chính là việc làm hài hòa và chỉnh hợp các hiện thể của học trò. Như vậy, đệ tử trở thành một loại tiền đồn tâm thức của Chơn sư sao cho sức mạnh của các đấng Cao cả có thể được tuân đổ thông qua y và thế gian đứt khoát có thể được tốt hơn vì có đệ tử hiện diện trong đó. Khi đệ tử phóng ra một tư tưởng sùng tín tới cho Chơn sư thì dường như thể có một cái van được mở ra: Chơn sư tuân xuống một luồng mạnh mẽ tình thương và quyền năng; quyền năng của Chơn sư bao giờ cũng tuân ra ngoài theo mọi hướng giống như ánh sáng mặt trời. Đệ tử tiếp xúc mật thiết với tư tưởng của Chơn sư đến nỗi bất cứ lúc nào y cũng có thể thấy tư tưởng đó tác động lên bất cứ đề tài cho sẵn nào và bằng cách đó y thường tránh khỏi mọi sai lầm. Hơn nữa, vào bất cứ lúc nào Chơn sư cũng có thể phóng ra một tư tưởng thông qua một đệ tử hoặc là dưới dạng một sự gợi ý hoặc là dưới dạng một thông điệp.

Một đệ tử nhập môn có quyền và có bổn phận ban phước lành nhân danh Chơn sư.

Ta không được lẫn lộn việc Chơn sư sử dụng xác của đệ tử với việc giống như vậy trong thuật đồng cốt bình thường của thần linh học vì tình huống khác hẳn. Hình thức cao nhất của việc kiểm soát xác người khác trong thần linh học có thể ít nhiều gần giống như mối quan hệ giữa Chơn sư và đệ tử, nhưng có lẽ điều này rất hiếm khi đạt được và khó lòng đạt được hoàn toàn. Sự khác nhau giữa hai hiện tượng này là căn bản, hai tình huống ấy cách xa với nhau một trời một vực. Trong thuật đồng cốt, người ta thụ động khiến cho mình tiếp nhận ảnh hưởng của bất cứ thực thể trung giới nào ngẫu nhiên ở gần đó, khi chịu ảnh hưởng của nó y thường vô ý thức và chẳng nhớ được gì khi y thức tỉnh thoát ra khỏi tình trạng xuất thân. Tình trạng của y quả thật là tạm thời bị nhập xác. Ngay cả vong linh hướng dẫn thường có mặt đôi khi cũng không thể bảo vệ cho người đồng cốt tránh khỏi những ảnh hưởng bất hảo hoặc thậm chí tai họa.

Mặt khác, khi một Chơn sư chọn cách nói chuyện qua một trong các đệ tử thì đệ tử hoàn toàn có ý thức về điều đang xảy ra, y biết rõ rằng lúc này mình đang cho ai mượn bộ máy phát âm. Y đứng sang một bên so với hiện thể của mình nhưng vẫn hoàn toàn tỉnh táo và cảnh giác. Y nghe rõ lời được thốt nên qua y và nhớ rõ mọi chuyện. Giữa hai trường hợp này chẳng có điều gì chung, ngoại trừ trường hợp trong cả hai cơ thể của họ đều tạm thời bị người khác sử dụng.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn hiệp nhất còn mật thiết hơn nữa khi đệ tử trở thành “Con” của Chơn sư, Chơn ngã của đệ tử ở trong thể nguyên nhân được bao trùm bên trong Chơn ngã của Chơn sư. Sự hiệp nhất này mật thiết và linh thiêng đến nỗi ngay cả quyền năng của Chơn sư cũng không thể đảo ngược lại điều đã được thực hiện tới mức tách rời hai tâm thức ra ngay cả chỉ trong một lúc. Dĩ nhiên là trước khi đạt tới giai đoạn này thì Chơn sư ắt phải hoàn toàn chắc chắn rằng không một điều gì có thể diễn ra trong thể trí hoặc thể vía của đệ tử mà lại cần phải bị che chắn. Dĩ nhiên, những mối quan hệ này - Dự bị, Nhập môn và Con của Chơn sư – không liên quan gì tới những cuộc Điềm đạo hoặc các bước tiến

trên Thánh đạo. Các cuộc điếm đạo là dấu hiệu mối quan hệ của người ấy không phải với Chơn sư mà là với Quân Tiên Hội và vị thủ lĩnh uy nghi của Quân Tiên Hội. Mọi vấn đề này đã được bàn luận đầy đủ hơn nhiều so với mức ở đây, có thể hoặc nên bàn, trong tác phẩm *Chơn sư và Thánh đạo* của C. W. Leadbeater là một quyển sách có giá trị vô song đối với học viên nghiêm túc về huyền bí học chánh đạo.

Tuy nhiên, trước khi rời bỏ đề tài này, ta có thể nói rằng vào lúc Điếm đạo, Chơn thần đồng nhất hóa mình với Chơn ngã, hành vi này có một tác dụng thú vị đối với thể vía, nó được ban cho một sự thúc đẩy nhịp nhàng mà không làm xáo trộn tính ổn định thăng bằng của nó sao cho từ đó trở đi nó có thể cảm nhận sâu sắc hơn nhiều so với trước kia mà vẫn không bị lung lay đối với nền tảng hoặc thoát khỏi tầm kiểm soát của chủ nhân ông.

Chơn sư ắt sử dụng đệ tử theo nhiều cách khác nhau. Một số đệ tử được chọn dùng theo đường lối công tác được biểu thị ở chương trước kia bàn về *Những người Phò trợ Vô hình*; những đệ tử khác được đặc biệt dùng để trợ giúp cá nhân Chơn sư trong một công việc nào đó mà các Ngài có thể đã đảm nhiệm. Một số người được giao nhiệm vụ trên cõi trung giới thuyết trình cho những thực thể kém tiến hóa hơn, trợ giúp và dạy dỗ cho những người khác tạm thời được thăng dung trong lúc thể xác đang ngủ hay là những người đang trải qua sinh hoạt sau khi chết.

Khi một đệ tử ngủ thiếp đi thì y thường tự mình báo cáo cho Chơn sư. Nếu có gì đặc biệt cần phải làm thì y ắt theo đuổi công việc thông thường của mình vào ban đêm cho dù việc ấy có thể là gì đi chăng nữa. Bao giờ cũng có nhiều công việc cần làm trên cõi trung giới: chẳng hạn như những tai biến đột ngột có thể tống một số lớn người lên cõi trung giới trong tình trạng khiếp sợ và cần được giúp đỡ. Hầu hết việc rèn luyện công tác trên cõi trung giới do một trong các đệ tử trưởng thành của Chơn sư phụ trách.

Học viên không được lẫn lộn thể vía bình thường với *māyāvīrūpa*, tức “ảo thân”. Một đệ tử Chơn sư thường bỏ lại thể vía ở chung với thể xác khi y đi ngủ và vân du trong thể hạ trí. Khi y cần có một thể vía tạm bợ để làm việc trên cõi trung giới thì y làm hiện hình nó ra từ vật chất xung quanh. Một thể như vậy có thể hoặc không thể giống như thể xác, hình hài mà nó khoắc lẩy được thích ứng với mục đích hiện hành. Người ta cũng có thể tùy ý khiến cho nó thấy được hoặc không thấy được đối với mắt phàm: người ta có thể khiến cho nó không thể phân biệt được với xác phàm, sờ vào thấy rắn chắc và âm áp, nhìn thấy được và có thể nói chuyện được giống như người thường. Chỉ các Chơn sư và đệ tử mới có khả năng tạo ra ảo thân theo đúng nghĩa vì khả năng này chỉ đạt được vào lúc Điếm đạo lần thứ hai hoặc gần được điếm đạo ở mức ấy. Một lợi ích của việc dùng ảo thân là nó không bị lừa gạt và ảo giác trên cõi trung giới như trường hợp thể vía bình thường.

Khi một người hoạt động trong thể trí và bỏ lại thể vía ở tình trạng bị tạm ngưng hoạt động cùng với thể xác thì nếu cần y có thể dễ dàng dùng một lớp vỏ bao quanh thể vía bấy giờ đang chờ dẫn hoặc y có thể dựng nên các rung động khiến cho không một ảnh hưởng gian tà nào xâm nhập vào thể vía được.

Trong các bí pháp thứ yếu của Hi Lạp thời xưa được cử hành ở Agrar, giáo huấn chính yếu có liên quan tới cõi trung giới và sinh hoạt sau khi chết trên cõi trung giới. Bộ lễ phục chính thức của Điếm đạo đồ là da con nai, đáng vẻ có chấm lốm đốm của bộ da ấy được cho là biểu hiện màu sắc của thể vía thông thường. Thoạt kỳ thủy thì bậc huấn sư tạo ra trên cõi trung giới những hình ảnh làm bằng chất trung giới và chất dĩ thái biểu diễn điều là kết quả của một vài phương thức sinh hoạt trên cõi trần. Sau này giáo huấn được biểu diễn theo kiểu khác, bằng một loại vở tuồng hoặc vở kịch mà các vai được thủ diễn bởi các vị lễ sư hoặc thậm chí bởi những hình rối được máy móc điều khiển.

Các Điểm đạo đồ có một số ngôn ngữ hoặc châm ngôn đặc thù cho riêng mình, một số rất đặc trưng như sau: một là “Chết là sống và Sống là chết”, hai là “Bất cứ ai theo đuổi thực tại trong khi còn sống sẽ theo đuổi chúng sau khi chết, bất cứ ai theo đuổi những điều không có thực trong buổi sinh thời ắt cũng sẽ theo đuổi chúng sau khi chết”.

Các Bí pháp lớn lao được cử hành ở Euleis bàn tới thể trí và cõi trí tuệ, lọn bông hoàng kim của Jason là biểu tượng của thể trí. Còn một biểu tượng nữa được các bí pháp sử dụng là Dục xà trượng, một cây gậy có quả thông hình nón trên chóp, người ta thường bảo nó chứa đầy lửa. Ở Ấn độ, người ta dùng cây tre có bảy đốt. Dục xà trượng được vị lễ sư từ hóa rồi áp vào cột sống của ứng viên, thể là cung cấp cho y một số từ khí của lễ sư và giúp cho ứng viên chuyển sang cõi trung giới với ý thức trọn vẹn. Lửa là biểu tượng của Kundalini.

Các Phật tử Nam tông liệt kê ra năm loại thần thông mà con người có thể đạt được khi tiến bộ trên Thánh đạo. (1)- Khả năng đi xuyên qua không khí, xuyên qua các vật rắn chắc, lên viếng thăm cõi trời trong khi vẫn còn sống trong xác phàm (thần túc thông). Điều này có lẽ chẳng ngụ ý gì hơn khả năng vân du thoải mái trong thể vía và cõi trời được đề cập tới ở đây có lẽ chỉ là cõi trời dục giới, tức các cảnh cao của cõi trung giới. (2)- Khả năng nghe thấy rõ ràng và thiêng liêng, đây rõ ràng là năng khiếu thần nhĩ của thể vía (thiên nhĩ thông). (3)- Khả năng hiểu được và thông cảm được với tất cả những gì có trong tâm trí người khác, đây dường như là việc đọc tư tưởng hoặc thần giao cách cảm (tha tâm thông). (4)- Khả năng nhớ được các kiếp trước, đây rõ ràng là năng khiếu của thể thượng trí, tức thể nguyên nhân (túc mạng thông). (5)- Việc nhìn thấy rõ ràng thiêng liêng nghĩa là thần nhãn (thiên nhãn thông). Trong một số danh sách, người ta còn thêm vào việc giải thoát nhờ minh triết, nghĩa là giải thoát vòng nhân quả luân hồi. Đây rõ ràng là một thành tựu rất cao và dường như hiếm khi thuộc về cùng một loại với những thần thông nêu trên.

### **CHƯƠNG XXX KẾT LUẬN**

Mặc dù hiện nay tương đối ít những người có kiến thức cá nhân trực tiếp về cõi trung giới cùng với sinh hoạt và những hiện tượng của nó, thế nhưng có nhiều lý do để tin tưởng rằng nhóm nhỏ người này – gồm những người biết sự việc theo kinh nghiệm riêng – đang nhanh chóng tăng trưởng và rất có thể sẽ gia tăng rất nhiều trong tương lai gần.

Năng khiếu tâm linh nhất là trong đám trẻ con đang trở nên càng ngày càng thông dụng; khi người ta dần dần chấp nhận nó và không còn coi nó là thiếu lành mạnh hoặc là “điều cấm kỵ” thì rất có thể nó sẽ gia tăng cả về mặt mức độ lẫn cường độ. Vậy là chẳng hạn như mới đây đã có xuất bản những quyển sách được thiên hạ đọc rất nhiều bàn về các Tinh linh thiên nhiên mà người ta biết rất rõ là thần tiên; thậm chí chúng có trình bày các hình chụp những tạo vật động đánh này và công trình của chúng trong cơ cấu tổ chức của thiên nhiên. Trong khi đó, bất kỳ người điều tra có đầu óc cởi mở nào cũng chẳng khó khăn gì khi tìm thấy những người già lẫn trẻ thường nhìn thấy thần tiên đang làm việc và chơi giỡn cũng như các thực thể khác, cũng như các hiện tượng khác của cõi trung giới.

Lại nữa, việc người ta rất ham chuộng thần linh học đã khiến cho cõi trung giới và nhiều hiện tượng của nó trở nên có thực nơi ngoại giới và hoàn toàn quen thuộc với nhiều triệu người ở khắp nơi trên địa cầu.

Khoa học vật lý với các ion và electron đang đứng trước ngưỡng cửa cõi trung giới trong khi những khảo cứu của Einstein và những người khác đang nhanh chóng khiến cho người ta chấp nhận được quan niệm về chiều đo thứ tư cho đến nay vốn đã quen thuộc với những người nghiên cứu về cõi trung giới.

Trong lãnh vực tâm lý học, những phương pháp phân tích hiện đại hứa hẹn có thể tiết lộ được bản chất thật sự dù sao đi nữa cùng là bộ phận thấp trong cơ chế tâm linh của con người, nhân tiện nó cũng xác nhận một số những phát biểu và giáo huấn được nêu ra trong những sách vở cổ truyền Đông phương cũng như do các nhà Thông Thiên Học và huyền bí học thời nay. Vậy là, chẳng hạn như một tác giả nổi tiếng viết những quyển sách về tâm lý học và phân tâm học mới đây đã cho soạn giả biết rằng theo quan điểm của ông thì “phức cảm” vốn đồng nhất với lại “ngũ uẩn” trong hệ thống Phật giáo; còn một nhà tâm lý học khác lừng danh trên thế giới nói với một người bạn của soạn giả rằng những nghiên cứu tâm lý học – *không phải* là tâm linh – đã dứt khoát đưa ông tới sự kiện luân hồi.

Có một số chỉ dẫn cho thấy những phương pháp của khoa học Tây phương chính thống đang đưa tới những kết quả giống hệt như những gì trong hàng bao nhiêu thời đại đã từng là kiến thức chung ở một số nơi tại Đông phương và trong khoảng nửa thế kỷ vừa qua đã được khám phá trở lại bởi một nhóm nhỏ những cá nhân nhờ được các giáo huấn Đông phương hướng dẫn đã phát triển nơi bản thân mình những năng khiếu cần thiết để trực tiếp quan sát được và khảo cứu cõi trung giới cũng như các cõi cao hơn.

Thật là chuyện hiển nhiên khi nhận xét rằng việc thế giới nói chung chấp nhận sự tồn tại của cõi trung giới cùng với các hiện tượng của nó – vốn không thể trì hoãn lâu hơn được nữa – tất yếu sẽ mở rộng vô cùng đáng kể và đào sâu quan niệm của con người về bản thân cũng như số phận của mình, đồng thời cách mạng hóa thái độ của y đối với ngoại giới bao gồm cả các giới khác trong thiên nhiên hữu hình và vô hình so với cõi trần. Một khi con người đã xác lập thành công đến mức thỏa mãn được chính mình về thực tại của cõi trung giới thì y bắt buộc phải tái định hướng bản thân và tạo ra cho mình và xác định hoạt động của mình.

Nhưng tất yếu là sớm muộn gì thì quan niệm rộng rãi cho rằng những sự vật trên cõi trần chỉ đóng một vai trò rất nhỏ trong sinh hoạt của linh hồn và tinh thần con người; con người có bản thể là một thực thể tâm linh phát triển những quyền năng tiềm tàng của mình nhờ vào đủ thứ hiện thể (thể xác, thể vía và những thể khác do y thỉnh thoảng khoác lấy) quan niệm ấy sẽ vượt trội hơn mọi quan niệm khác và đưa con người tới việc hoàn toàn điều chỉnh lại cuộc sống của mình.

Việc ngộ ra được chân tướng của chính mình với sự kiện trải qua kiếp này tới kiếp khác trên trần thế với những quãng thời gian trung gian ở các thế giới khác tinh vi hơn, y đang đều đều tiến hóa và trở nên càng ngày càng có tính linh xét về mặt lý luận tất yếu khiến con người hiểu ra được rằng nếu và bất cứ khi nào y muốn thì y đều có thể ngưng dòng tiến hóa quá phong phú mà thay vào đó có thể nắm giữ tay lái điều khiển cuộc du hành trên cuộc đời của chính mình. Từ mức này trong sự tăng trưởng về “sự tri thức” vạn vật và biết được những khả năng cố hữu của chính mình, y sẽ chuyển sang giai đoạn kế tiếp khi y tiếp cận Thánh đạo ngàn đời vẫn mông như lưỡi dao cạo, trên đó y sẽ tìm thấy những Đấng đã vượt xa đồng loại của mình, đã thành tựu đến mức tối đa khả hữu trong sự phát triển thuần túy *con người*. Đây là những Đấng tuy nôn nóng nhưng vẫn kiên nhẫn vô hạn chờ đợi những người em trẻ dại hơn tốt nghiệp từ cái vườn trẻ sinh hoạt thể tục thông thường để bước vào sinh hoạt cao siêu hơn nơi mà nhờ có sự dẫn dắt và trợ giúp - qua lòng từ bi và quyền năng của các Ngài, con người có thể vươn lên tới những đỉnh cao vợi vợi của tính



linh mà các Ngài đã từng đạt được; đến lượt con người sẽ trở thành một đấng cứu thế trợ giúp cho nhân loại, vậy là thúc đẩy thiên cơ tiến hóa hoành tráng tiến nhanh đến mục đích của mình.

-----